



# THÁNH PHAOLÔ TÔNG ĐỒ

## TẬP I & II

LINH MỤC GIUSE LINH TIẾN KHẢI  
ROMA – 2008

# MỤC LỤC

Lời Tựa

## CHƯƠNG I TIỂU SỬ CUỘC ĐỜI THÁNH PHAOLÔ

1. Phaolô thành Tarso, một gương mặt nổi bật của Giáo Hội Kitô tiên khởi.
2. Cuộc gặp gỡ đời đời của thánh Phaolô với Chúa Kitô phục sinh.
3. Thánh Phaolô, nhà truyền giáo thời danh của Giáo Hội Kitô tiên khởi.
4. Chiến thuật truyền giáo của thánh Phaolô.
5. Thánh Phaolô, con người của Tin Mừng.

## CHƯƠNG II DUNG MẠO CÁC CỘNG ĐOÀN KITÔ TIÊN KHỞI TRONG TƯƠNG QUAN VỚI THÁNH PHAOLÔ

6. Gương mặt xã hội của các cộng đoàn Kitô tiên khởi.
7. Tương quan giữa thánh Phaolô và tín hữu thuộc các cộng đoàn Kitô tiên khởi.
8. Thương con cho roi cho vọt: phương pháp sư phạm của thánh Phaolô.
9. Phaolô, vị tông đồ gặp nhiều chống đối.
10. Con đường thập giá của thánh Phaolô.

## CHƯƠNG III THƯ TÍN: MỘT HÌNH THỨC TÔNG ĐỒ MỤC VỤ

11. Nhà văn Phaolô.
12. Các hình thái văn chương đặc biệt trong thư của thánh Phaolô.
13. Một số hình thái văn chương đặc thù trong các thư của thánh Phaolô.
14. Thể văn cánh chung khải huyền và khuyến dụ trong các thư của thánh Phaolô.
15. Các kiểu hành văn chính trong các thư của thánh Phaolô.
16. Tính chất xác thực và thống nhất trong các thư của thánh Phaolô.
17. Việc thu thập các thư của thánh Phaolô

## CHƯƠNG IV MỘT VÀI ĐẶC THÁI TRONG TƯ TƯỞNG THẦN HỌC CỦA THÁNH PHAOLÔ

18. Thần học gia Phaolô.
19. Thánh Phaolô có phải là một nhà thần học hệ thống không?
20. Các chặng trong tiến trình giáo huấn thần học của thánh Phaolô.
21. Kitô học như đường nét thống nhất căn bản trong nền thần học của thánh Phaolô.
22. Nét độc đáo trong tư tưởng của thánh Phaolô bắt nguồn từ đâu?

23. Thánh Phaolô là môn đệ của Chúa Giêsu hay là vị sáng lập thứ hai của Kitô giáo?
24. Tính chất xa lạ và thời sự trong các thư của thánh Phaolô.

## CHƯƠNG V THƯ GỬI TÍN HỮU THEXALÔNICA I & II

25. Thư thứ nhất gửi giáo đoàn Thêxalônica
26. Gương mặt của giáo đoàn Thêxalônica
27. Kết cấu và nội dung thư I gửi Thêxalônica
28. Nội dung phần 2 thư thứ I gửi Thêxalônica
29. Hình thức cũ, Tin Thần và Nội Dung mới
30. Tâm tình cảm tạ (Tx 1,2 – 10)
31. Sự tuyển chọn nhưng không
32. Cuộc sống thánh thiện và yêu thương huynh đệ
33. Niềm hy vọng Kitô
34. Tinh tảo chờ đợi Chúa đến
35. Sức lớn mạnh của Cộng đoàn Kitô Thêxalônica
36. Những vấn nạn trong thư thứ II gửi Thêxalônica
37. Ai là tác giả thư thứ II gửi tín hữu Thêxalônica
38. Kết Cấu và Nội Dung
39. Tính sở đòi trong ngày sau hết
40. Ngày Chúa đến quy tụ và hiệp nhất tín hữu
41. Các dấu chỉ báo trước ngày thể mặt
42. Lao động như một phần của ơn gọi làm người

Lời Cảm Tạ

## LỜI TỰA

Loạt sách về thánh Phaolô gồm các bài viết cho mục “Tìm Hiểu Kinh Thánh” của Chương Trình Việt Ngữ Đài Chân Lý Á Châu (Radio Veritas Manila). Chúng đã được sắp xếp lại thành chương mục, nhưng vẫn giữ nguyên tính chất “phổ thông” và thứ ngôn ngữ quảng bá Kinh Thánh cho đại chúng. Đặc biệt sách giữ nguyên hình dạng các đề tài ngắn gọn, có thể đọc trong mười phút.

Cũng giống như nhiều tác phẩm khác trong Kinh Thánh, các tài liệu liên quan tới thánh Phaolô mênh mông bất tận. Để đơn giản, loạt bài này đã được viết theo bộ sách ba cuốn tựa đề “Le lettere di Paolo”, “Các thư của thánh Phaolô”, do hai chuyên viên Kinh thánh Tân Ước tên tuổi của Italia là Giuseppe Barbaglio (I-II) (744 tr. và 650 tr.), và Rinaldo Fabris (III) (869 tr.) biên soạn, và do nhà xuất bản Borla ấn hành năm 1980. Đây là một trong các bộ chú giải mới, hay và có uy tín nhất về thánh Phaolô, dĩ nhiên luôn luôn với các ưu và khuyết điểm của nó.

Tuy nhiên cách trình bày có một vài điểm khác biệt:

1. Ở đây các bài viết chỉ dùng phần giới thiệu và dẫn nhập tổng quát của từng thư. Sau đó là phần quảng

diễn một số văn bản quan trọng của mỗi thư, chứ không có bản dịch và chú giải chi tiết đầy đủ.

2. Để cho bạn đọc đỡ phải mất giờ tra cứu các văn bản Kinh Thánh được các tác giả trung dẫn trong ngoặc, khi cần các bài viết thường được trích nguyên văn hay tóm tắt nội dung các văn bản đó.

3. Nhiều ý niệm và từ ngữ xa lạ đối với bạn đọc thường được giải thích hay quảng diễn một cách ngắn gọn.

4. Các bài được đánh số thứ tự để dễ tra cứu, khi cần.

5. Phần đầu của một số bài lập lại phần cuối của bài trước, để cho nội dung bài viết thêm mạch lạc, không đứt quãng.

6. Các tên riêng thông dụng được viết theo kiểu Việt Nam, đa số còn lại thường theo sát tiếng Ý chừng nào có thể, để dễ tìm nguyên, chứ không theo cách phiên âm của văn bản tiếng Việt.

Tuy trong tiếng Việt chưa có hệ thống viết tắt một cách đồng nhất tên các sách trong Kinh Thánh, nhưng để từ từ đi tới chỗ đồng nhất, các bài viết theo cách viết tắt của bản dịch và chú giải “Kinh Thánh Tân Ước”, do Nhóm Phụng Vụ Giờ Kinh phát hành năm 1994 tại Việt Nam.

Các tài liệu, sách báo, nguyệt san nghiên cứu ngoại quốc đều được để y nguyên theo các hệ thống viết tắt quốc tế.

Ngoài ra, để quý bạn đọc giả biết ngoại ngữ có thể khảo cứu thêm, xin lấy lại số tài liệu đã được các nhà chú giải kê khai trong phần dẫn nhập của bộ sách này.

Sau cùng, cũng xin dừng lại bản “Mục lục phân tích” ở cuối quyển III của bộ chú giải, vì nó rất ích lợi cho việc tra cứu các đề tài thần học đã được thánh Phaolô trình bày trong các thư.

Cầu mong loạt sách về các thư của thánh Phaolô giúp chúng ta hiểu biết các vấn đề của Giáo Hội thời khai sinh và nếm hưởng được sứ điệp thần học sâu sắc của thần học gia có một không hai trong lịch sử Kitô giáo, đặc biệt trong Năm Thánh Phaolô 2008-2009 đã được Đức Thánh Cha Biển Đức XVI công bố!

Roma 7-10-2007, Lễ Đức Mẹ Mân Côi  
LM Giuse Linh Tiến Khải

# CHƯƠNG I TIỂU SỬ CUỘC ĐỜI THÁNH PHAOLÔ

## ĐỀ TÀI 1

### PHAOLÔ THÀNH TARSE GƯƠNG MẶT NỔI BẬT CỦA GIÁO HỘI KITÔ TIÊN KHỞI

Trong số các nhân vật của Kinh Thánh Tân Ước, kể cả Đức Giêsu thành Nagiarét, có lẽ Phaolô là gương mặt hiển nhiên và dễ tìm hiểu nhất. Các thư thánh nhân để lại là các tài liệu quý giá giúp chúng ta hiểu biết tư tưởng, hoạt động truyền giáo và một cách gián tiếp cả con người của vị tông đồ dân ngoại này nữa. Thánh Phaolô cũng là nhân vật chính của phần hai sách Tông Đồ Công Vụ, trình thuật công cuộc rao truyền Tin Mừng của Giáo Hội Kitô tiên khởi. Dĩ nhiên, khi giới thiệu thánh Phaolô như là nhà truyền giáo gương mẫu, thánh sử Luca đã chỉ cho chúng ta thấy một gương mặt phiến diện của Phaolô, với ít nhiều "son phần" đề cao các khía cạnh tích cực, và giảm thiểu các nét tiêu cực gây vấp vạ hay tạo ra các khó khăn trong cuộc đời của ngài. Dầu thế nào đi nữa, nếu muốn tìm hiểu cuộc đời và con người của thánh Phaolô chúng ta không thể bỏ qua các nét phong phú của sách Công Vụ. Tuy các tài liệu liên quan tới thánh Phaolô tương đối nhiều so với các nhân vật khác trong Tân Ước, nhưng rất khó mà viết lại một tiểu sử đầy đủ, vì chúng ta thiếu rất nhiều dữ kiện liên quan tới cuộc đời của thánh nhân. Chẳng hạn không ai biết gì chính xác về cái chết của thánh Phaolô. Nhưng liên quan tới vai trò và thể đứng của thánh nhân trong bối cảnh của Kitô giáo thời khai sinh, chúng ta có nhiều yếu tố khá đầy đủ và chính xác.

Dựa trên các điều thánh Phaolô tiết lộ trong các thư gửi tín hữu đó đây, và sách Công Vụ 9,11; 22,3, chúng ta biết được Phaolô đã sinh trưởng tại thành Tarse, là thủ phủ vùng Cilicia, đông nam Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay. Sách Công vụ khi thì gọi thánh nhân là Saulô, khi thì gọi là Phaolô (7,58; 8,1.3; 9,1.8.11.22.24; 11,25.30; 12,25; 13,1.2.7.9). Vị thế của thành Tarse khiến nó trở thành nơi gặp gỡ giao thoa giữa hai thế giới đông tây dưới thời đế quốc Roma. Thành Tarse cũng nổi tiếng vì là một trung tâm văn hóa, có cả một trường phái triết lý từng đào tạo ra các triết gia tên tuổi như Crisippo, Atenodoro và Nestore.

Không ai biết thánh Phaolô sinh năm nào. Trong thư gửi Philêmôn (c.9) viết vào khoảng giữa năm 50, thánh nhân nói mình là ông cụ gia. Như vậy chúng ta có thể đoán là thánh nhân chào đời vào các năm đầu kỷ nguyên Kitô, và có lẽ thánh Phaolô trẻ hơn Chúa Giêsu mười tuổi. Chương 7 sách Công Vụ trình thuật lại biến cố tử đạo của thầy sáu Stêphanô cho biết là các người do thái làm chứng gian tố cáo Stêphanô đã cời áo choàng để dưới chân một thanh niên tên là Saulô, rồi cùng dân chúng ném đá Stêphanô (Cv 7,58). Sự kiện thánh Phaolô cho mình là gia cũng dễ hiểu. Sau bao nhiêu năm bôn ba truyền giáo, sức mỏi chân chồn, giờ đây lại bị tù tội nữa, thánh nhân cảm thấy đời mình đã thật sự xế chiều. Và đối với thế hệ môn đệ trẻ như Philêmôn, thánh nhân quả là một ông cụ gia trong mọi nghĩa tâm sinh vật thể lý, đặc biệt là gia dặn kinh nghiệm và từng trải trong đời tông đồ.

Liên quan tới gia thế của thánh Phaolô chúng ta có nhiều yếu tố hơn. Trong chương 11,1 thư gửi tín hữu Roma và trong chương 3,5 thư gửi Philêmôn thánh nhân cho biết ngài "gốc Do thái, con của người

Do thái, thuộc chi tộc Bengiamin” (Rm 11,1). Thánh nhân hãnh diện về nguồn gốc của mình. Đối với những tông đồ giả len lỏi vào cộng đoàn Côrintô để lũng đoạn hàng ngũ tín hữu, thánh Phaolô đã không ngần ngại đối chất để vạch mặt nạ của họ, như chúng ta có thể đọc trong thư thứ 2 gửi giáo đoàn Côrintô chương 11,22: “Họ là người Do thái ư? Tôi cũng là người Do thái. Họ là người Israel ư? Tôi cũng là người Israel. Họ là con cháu Abraham ư? Tôi cũng là con cháu Abraham”. Nhưng còn hơn thế nữa, Phaolô đã là thành phần của nhóm nhỏ biệt phái triệt để trung thành với Luật lệ Môshê và các truyền thống của Do thái giáo (Pl 3,5). Mặc dầu sinh trưởng trong thành Tarse, là một thành phố hy lạp, nằm ngoài biên giới đất Palestine, thánh Phaolô thuộc gia đình do thái duy trì tinh tuyền máu huyết và truyền thống nhân chủng, văn hóa và tôn giáo do thái. Phaolô đã lớn lên trong bầu khí gia đình do thái, nói tiếng do thái, và được đào tạo trong hội đường do thái nên hiểu biết truyền thống kinh thánh và văn hóa do thái. Tuy nhiên, khung cảnh gia đình và nền giáo dục đó đã không khiến cho Phaolô có tâm thức đóng kín và xa lạ với nền văn hóa hy lạp. Phaolô đã viết các thư của mình bằng tiếng Hy lạp và dùng các nhân tố văn hóa của thế giới hy lạp để trình bày giáo lý Kitô. Ngài đã là người đầu tiên đem Tin Mừng hội nhập văn hóa của các tín hữu thời đó. Tuy nhiên, khác với người đồng hương là triết gia Philon thành Alexandria bên Ai Cập, tư tưởng của thánh Phaolô không mang đậm màu sắc của nền văn hóa hy lạp. Cách sắp xếp tư tưởng và lý luận thần học của thánh nhân đều theo tâm thức kinh thánh và do thái.

Chương 22 sách Công Vụ trình thuật buổi thuyết giáo của Phaolô trong thành Giêrusalem. Theo đó chính thánh nhân cho biết là đã sinh tại thành Tarse bên vùng Cilicia, nhưng đã lớn lên tại Giêrusalem và theo học trường của rabbi Gamaliel tôn trọng các luật lệ nghiêm ngặt của cha ông và đầy nhiệt huyết với Thiên Chúa (22,3). Dựa trên chi tiết này học giả J. Jeremias cho rằng Phaolô cũng đã là một rabbi xuất thân từ trường nói trên. Nhưng thật ra không có bằng chứng nào minh xác cho điều đó. Ngay cả sự kiện Phaolô lớn lên tại Giêrusalem cũng không chắc đã đúng; bởi vì trong thư gửi giáo đoàn Galát chương 1,21 khi kể cho tín hữu Galát nghe biến cố đời của mình, thánh Phaolô nói rằng kitô hữu trong giáo đoàn tại Giêrusalem đã không hề biết ngài là ai. Điều chắc chắn duy nhất chúng ta biết được đó là Phaolô đã là một người biệt phái rất hăng say tuân giữ luật lệ và các truyền thống luân lý đạo đức của Do thái giáo. Chỉ nội sự kiện Phaolô là thành viên của nhóm biệt phái đủ chứng minh cho thấy Phaolô thuộc lớp người tuân giữ luật lệ nghiêm ngặt. Còn hơn thế nữa, Phaolô đã là người sống lý tưởng biệt phái với tất cả tâm hồn mình. Chính thánh nhân đã thú nhận điều này với tín hữu Galát và với Philêmôn: “Về việc trung thành với Do thái giáo tôi vượt xa nhiều người đồng hương. Và tôi tuân giữ các truyền thống cha ông hăng say hơn họ” (Gl 1,14). Phaolô là người “không chê trách vào đâu được liên quan tới sự công chính có được qua việc tuân giữ luật lệ” (Pl 3,6).

Ở đây tưởng cũng nên minh xác một điều liên quan tới nhóm biệt phái. Kiểu cách sống giả hình tội lỗi của các người biệt phái bị Chúa Giêsu quở trách nặng nề, như ghi trong phúc âm thánh Mátthêu, không được khiến cho chúng ta phủ nhận công lao của bè phái này. Thật ra nhóm biệt phái là một trong nhiều giáo phái của Do thái giáo thời đó. Nó quy tụ một nhóm giáo dân tinh nhuệ, sống lý tưởng đạo đức luân lý rất cao. Chính họ đã mạnh mẽ bảo vệ và duy trì lòng tin độc thần của Do thái giáo, và truyền bá sâu rộng niềm tin này giữa các dân ngoại. Rất nhiều truyền thống do thái còn tồn tại mà không bị mai một với thời gian là nhờ công lao của họ. Sau khi tin nhận Chúa Giêsu Kitô phục sinh, Phaolô cũng đã không thể chối bỏ độ cao tôn giáo và luân lý đạo đức trong quá khứ biệt phái của mình. Thật vậy, trước khi biết Chúa Kitô, Phaolô đã là một tín hữu do thái công chính, ngay thật và nhiệt thành trước mặt Thiên Chúa (Pl 3,6-9). Chỉ có điều là kiểu sống đạo ấy tập trung sự chú ý nơi chính mình mà thôi. Lý tưởng của mỗi một người biệt phái là hiện thực cuộc sống tôn giáo và đạo đức luân lý của mình bằng cách chu toàn các việc lành phúc đức.

Tuy nhiên, cũng chính thái độ nhiệt thành ấy đã đẩy đưa Phaolô tới chỗ cuồng tín. Nhân danh Do thái giáo Phaolô đã thẳng tay bách hại các kitô hữu. Chính thánh nhân tự thú với tín hữu Galát ngay trong

chương 1 khi viết: "Chắc anh chị em đã nghe nói về cách ăn ở của tôi lúc tôi còn theo đạo Do thái: Tôi đã bách hại Giáo Hội Chúa quá độ" (Gl 1,13). Cũng chính vì thế nên trong chương 15 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô, Phaolô đã khẳng định rằng Chúa Kitô phục sinh đã hiện ra với ngài, là người sinh sau đẻ muộn, mặc dầu thánh nhân không xứng đáng được gọi là tông đồ, vì đã từng bách hại Giáo Hội Chúa (1 Cr 15,8-9). Trong chương 3 thư gửi tín hữu Philiphê thánh nhân cho biết ngài đã bách hại Kitô hữu vì lòng nhiệt thành với Do thái giáo (Pl 3,6). Đối với Phaolô, Kitô giáo là một bè phái lạc đạo nguy hiểm. Sự kiện Đấng Cứu Thế bị đóng đinh trên thập giá là một lạc thuyết không thể chấp nhận được; bởi vì ai bị treo trên thập tự là người bị Thiên Chúa chúc dữ (Đnl 21, 23).

Gương mặt gian ác, khát máu và đen tối của Phaolô, như trình thuật trong chương 9 sách Tông Đồ Công Vụ, chỉ là kết quả của một câu chuyện bình dân nhiều màu mè, chứ không phản ánh sự thật. Việc Phaolô xin thư ủy nhiệm của Công Nghị Do thái phải được hiểu như là lệnh áp dụng luật lệ trong nội bộ cộng đoàn, trong các hội đường Do thái thôi, chứ trên bình diện pháp luật, Công Nghị Do thái Giêrusalem không có quyền hành gì ngoài Palestine. Sau này Phaolô cũng sẽ trở thành nạn nhân của các biện pháp trừng phạt nội bộ này (2 Cr 11, 24-25).

Liên quan tới cuộc sống dân sự của Phaolô, chúng ta cũng không biết gì nhiều. Chương 18,3 sách Công Vụ cho biết thánh Phaolô làm nghề đan lều hay làm chăn. Trong các năm rao giảng Tin Mừng thánh nhân cũng đã lao động để tự mưu sinh, chứ không nhờ vả các tín hữu (1 Ts 2,9; 1 Cr 9,1tt.; Cv 18,1-5). Cũng không ai biết chắc thánh Phaolô có vợ hay sống độc thân. Trong chương 7,7 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô thánh nhân nói ngài muốn tháo gỡ họ khỏi mối dây ràng buộc của hôn nhân, để được tự do như ngài. Nhưng trong chương 9,4-6 Phaolô khẳng định rằng ngài có quyền đem vợ theo như các tông đồ khác và đặc biệt như Phêrô, nhưng đã từ khước quyền đó để không gây chướng ngại cho việc chấp nhận Tin Mừng (9,12). Dựa trên đó có học giả như Perrot cho rằng thánh Phaolô đã bỏ vợ để tận hiến cuộc đời cho công việc truyền giáo. Người khác như J. Jeremias thì cho rằng Phaolô góa vợ. Nhưng thật ra không ai biết gì chính xác.

## ĐỀ TÀI 2

### CUỘC GẶP GỠ ĐỔI ĐỜI CỦA THÁNH PHAOLÔ VỚI CHÚA KITÔ PHỤC SINH

Một trong các đề tài được thánh Phaolô đề cập tới nhiều lần trong các thư, đó là kinh nghiệm cuộc gặp gỡ đổi đời với Chúa Kitô phục sinh. Tuy nó quan trọng, nhưng thánh Phaolô không trình thuật tỉ mỉ các phản ứng tâm lý và các chi tiết diễn biến bề ngoài. Phaolô chỉ nêu bật lòng thương xót của Chúa Kitô đối với ngài (1 Cr 7,25), là người không xứng đáng được Chúa thương như vậy, vì đã bắt bớ các Kitô hữu. Nhưng Chúa Kitô đã xót thương và "sau cùng cũng hiện ra với ngài là kẻ sinh sau đẻ muộn", như thánh nhân viết trong chương 15,8 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô. Khi tranh luận với các tông đồ giả len lỏi trong cộng đoàn để đánh phá công cuộc truyền giáo bằng cách phao đồn thánh nhân không phải là tông đồ thật, Phaolô đã phân trần: "Có phải tôi là người đã không được trông thấy Chúa Giêsu hay sao?" (9,1). Trong phần tự biện minh cho ơn gọi tông đồ và sứ mệnh của mình, chương 1 thư gửi tín hữu Galát, Phaolô minh xác rằng Tin Mừng mà ngài rao giảng cho họ đã được chính Chúa Giêsu Kitô mạc khải cho ngài, chứ thánh nhân không học hỏi từ con người (Gl 1,12). Chính Thiên Chúa Cha đã có sáng kiến mạc khải Đức Giêsu Con Ngài cho thánh nhân, để thánh nhân rao truyền cho các anh chị em ngoài Do thái giáo (Gl 1,15-16). Kinh nghiệm được mạc khải, được soi sáng này thánh Phaolô diễn tả bằng



một hình ảnh tuyệt đẹp khi viết trong thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô chương 4,6: ” Và Thiên Chúa là Đấng đã phán ”ánh sáng hãy bùng lên trong bóng tối”, đã khiến cho ánh sáng chiếu soi trong tâm lòng chúng ta, để chúng ta cũng khiến cho sự hiểu biết vinh quang Thiên Chúa phản ánh nơi gương mặt của Chúa Kitô, rạng ngời lên” (2 Cr 4,6). Sau cùng trong thư gửi tín hữu Philiphê Phaolô tuyên xưng Đức Giêsu Kitô là Chúa của ngài (Pl 3,8), Đấng đã dùng sức mạnh mà gior tay túm lấy thánh nhân (Pl 3,12). Nói cách khác, thánh Phaolô muốn khẳng định rằng kinh nghiệm gặp gỡ Chúa Kitô phục sinh trên đường tới thành Damasco khiến cho thánh nhân xác tín mình là người được, hay bị Chúa Kitô chiếm hữu.

Qua đó chúng ta thấy trình thuật cuộc gặp gỡ đòi đời của Phaolô rất khác xa với lược đồ cổ điển của biến cố hoán cải được hiểu trong nghĩa cá nhân và luân lý. Vì Phaolô không phải là một người bê tha tội lỗi tìm lại đường ngay nẻo chính, sau khi đã đi theo con đường sự dữ. Phaolô lại càng không phải là một người đã dùng sự hiểu biết và lý trí của mình để đi tới chỗ tin nhận Thiên Chúa hay đạt được thị kiến tôn giáo giúp hiểu biết thực tại siêu việt. Nếu chúng ta muốn nói tới sự hoán cải của Phaolô, thì đó là sự hoán cải, nghĩa là đổi hướng đang đi, quay ngược trở lại 180 độ để đi đến với Chúa Kitô, Chúa Kitô phục sinh mà thánh nhân khám phá ra với đôi mắt lòng tin. Phaolô tin vào sự siêu việt của Đức Kitô phục sinh, Con Thiên Chúa và là Đấng trung gian duy nhất, đại đồng, trao ban ơn cứu độ cho con người.

Khi dùng từ khám phá là chúng ta đứng trên bình diện nhân chủng. Thật ra, thánh Phaolô đã không bao giờ dùng từ khám phá để nói về cuộc gặp gỡ đòi đời của ngài với Chúa Kitô phục sinh. Phaolô đã luôn luôn nói tới biến cố Đức Kitô phục sinh đã tới gặp ngài trong vinh quang rạng ngời của Thiên Chúa Cha là Đấng đã soi sáng và mạc khải cho thánh nhân hiểu biết căn cước của Chúa Kitô. Nói cách khác, thánh Phaolô đã không miêu tả kinh nghiệm gặp gỡ của ngài trong nhãn quan tiêu sử hay trên bình diện tâm lý, mà giải thích kinh nghiệm gặp gỡ Chúa Kitô phục sinh với các ý niệm thần học thuần túy. Đặc biệt Phaolô đã lồng khung kinh nghiệm đó vào trong bối cảnh của lịch sử cứu độ, và đặt để nó vào trung tâm thời điểm ghi dấu khúc rẽ quyết liệt và định đoạt, mà Chúa Giêsu Kitô phục sinh đã đem lại cho lịch sử cứu độ. Cuộc gặp gỡ đòi đời của thánh Phaolô với Chúa Kitô phục sinh đã là một biến cố ơn thánh (x.1 Cr 15,10). Đó là một thí dụ điển hình minh chứng cho thấy kiểu cách hành xử của Thiên Chúa trong nỗ lực công hiến ơn cứu độ của Ngài cho tất cả mọi người, kể cả những người thù ghét Thiên Chúa và bách hại các tín hữu (Pl 3,7-11).

Chúng ta có thể định nghĩa biến cố gặp gỡ đòi đời ấy của thánh Phaolô như là một cuộc tạo dựng mới. Bởi vì ánh sáng chói chang bùng nổ đã chiếu soi thế giới tối tăm của cuộc đời Phaolô, cũng là ánh sáng Thiên Chúa đã tạo dựng vào thời khai nguyên vũ trụ, để kéo lôi vũ trụ ra khỏi bóng tối của cảnh hỗn mang nguyên thủy (Cf. 2 Cr 4,6). Cũng chính ánh sáng thiên linh ấy đã ghi dấu biến cố phục sinh của Đức Giêsu Kitô, khai hoàn ra khỏi thế giới tối tăm của kẻ chết, và sau đó hiện ra với Phêrô và đoàn Tông đồ (Cf. 1 Cr 15,5-8). Nó nằm trong toàn bộ việc mạc khải sau hết liên quan tới chương trình cứu độ của Thiên Chúa, tập trung và thành toàn nơi con người của Đức Kitô (Cf. Gl 1,16). Sau cùng, biến cố ơn thánh và gặp gỡ đòi đời ấy của Phaolô thành toàn lịch sử ơn gọi của các ngôn sứ trong cựu ước. Vì cũng giống như ngôn sứ Giêremia (Gr 1,5), và Người tôi tớ của Đức Giavê (Is 49,1), thánh Phaolô cũng đã được Thiên Chúa tuyển chọn trước khi sinh ra (Gl 1,15).

Tóm lại, cuộc gặp gỡ đòi đời của Phaolô không phải là một sự thay đổi cuộc sống có tính cách đạo đức luân lý và tôn giáo, cũng không phải là một dữ kiện cá nhân, riêng tư, mà là một biến cố có chiều kích công khai và công cộng. Thật thế, bởi vì khi hoán cải, khi quay về với Chúa Kitô và tin theo Ngài, Phaolô cũng nhận lãnh lấy sứ mệnh của toàn cộng đoàn Kitô, đó là rao giảng Tin Mừng cứu độ của Chúa Giêsu Kitô trên toàn thế giới. Biến cố gặp gỡ Chúa Kitô phục sinh trên đường đến thành Damasco đã không chỉ cho tín hữu Phaolô chào đời, mà cũng còn làm nảy sinh ra thừa sai Phaolô nữa. Thiên Chúa



đã mạc khải cho Phaolô biết Chúa Kitô Con Ngài, để ông loan báo Chúa Kitô cho dân ngoại (Gl 1,16).

Kinh nghiệm cuộc gặp gỡ đổi đời của Phaolô cũng được trình thuật trong chương 9,1-18 sách Tông Đồ Công Vụ, nhưng mang sắc thái thâm và có mục đích khuyến dụ. Chúa Kitô phục sinh vinh hiển đã chặn đường Saulô, kẻ bách hại các Kitô hữu, quật ông té xuống đất, đánh cho ông mù mắt bằng ánh sáng thiên linh của Ngài, và mạc khải cho ông biết Ngài là Đức Kitô mà ông đang truy lùng bắt bớ. Câu chuyện được đặt trên miệng của Phaolô với một vài thay đổi trong các chương 22,3-16 ; 26,9-23. Biến cố được miêu tả trong giọng văn và lược đồ của các lần Thiên Chúa tự tỏ hiện ra cho con người như ghi trong các văn bản Kinh Thánh Cựu Ước. Do đó nó không phải là một trang lịch sử trình thuật những gì đã xảy ra một cách chính xác và trung thực. Các nhân tố mang sắc thái phép lạ là một kiểu cách hành văn có mục đích nêu bật cường độ của cuộc gặp gỡ đổi đời của Phaolô với Chúa Kitô phục sinh, và nhất là để nhấn mạnh đến chiều sâu của biến cố ơn thánh đó trong cuộc đời của một người biệt phái cuồng nhiệt như Phaolô. Hình thái của lối văn kể chuyện cũng cho thấy tiến trình giải thích biến cố. Các chứng từ trực tiếp cũng như gián tiếp trong Kinh Thánh Tân Ước không cung cấp cho chúng ta các yếu tố giúp đọc hiểu được con đường tâm lý mà thánh Phaolô đã theo trong cuộc gặp gỡ đổi đời đó. Đã có các nhân tố lịch sử nào ảnh hưởng trên sự đổi đời này? Đây là một cú sét tình yêu siêu việt, hay Phaolô đã phải lần mò theo một tiến trình trưởng thành từng bước, đòi hỏi nhiều thời gian với các đêm dài thao thức âu lo? Không ai có thể trả lời được các câu hỏi này. Theo những suy tư thánh Phaolô kể lại cho các tín hữu 20 năm sau đó, chúng ta có thể nhận ra một tiến trình rõ ràng trong ý thức là tông đồ của Phaolô. Ý thức đó đã được các kinh nghiệm về Giáo Hội và sinh hoạt truyền giáo củng cố thêm dần với thời gian.

Cũng không ai có thể xác định một cách chính xác biến cố này đã xảy ra khi nào. Nếu giữa các năm 51-52, thánh Phaolô đang truyền giáo tại Côrintô, thì biến cố gặp gỡ đổi đời đã xảy ra vào khoảng năm 30. Tuy nhiên chúng ta có thể lượng định sự thay đổi trong cuộc sống của Phaolô một cách chắc chắn. Từ chỗ là một người biệt phái nhiệt thành tuân giữ luật lệ Môsê và các truyền thống Do thái giáo một cách tỉ mỉ, đến như tôn thờ cái tôi của chính mình và chắc chắn nắm vững ơn cứu độ trong tay qua việc tuân giữ luật lệ, Phaolô hiểu ra cái vô lý và vô ích của thái độ sống đạo này. Ông đã kiếm tìm cho mình một con đường khác. Và sau cùng Thiên Chúa đã thưởng cho các kiếm tìm chân thành và kiên trì của Phaolô. Sau cuộc gặp gỡ đổi đời với Chúa Kitô phục sinh, Phaolô say mê Chúa Kitô chịu đóng đinh tới độ ông không còn trông thấy gì khác ngoài Chúa Kitô. Phaolô coi tất cả mọi sự trên trần gian này là một mất mát và nhận chịu mất mát mọi sự kể cả mạng sống mình, miễn là có thể đem mọi người về với Chúa Kitô (Pl 3,8-9). Nghĩa là Phaolô đổi hướng đời mình 180 độ: từ chỗ tự mãn tưởng mình toàn năng có thể tự cứu rỗi qua những gì mình làm, tới chỗ nhận rằng mình tùy thuộc và tín thác hoàn toàn nơi Chúa Kitô; từ thái độ tuân giữ luật lệ như nô lệ tới thái độ vâng phục của lòng tin. Khi đọc các thư của Phaolô chúng ta thấy rõ tâm lý điển hình của một tâm hồn hoán cải: hoàn toàn gắn bó với lý tưởng sống mới, tố cáo thái độ sống lầm lạc trước đây của mình, xác tín mạnh mẽ rằng con đường mình đã chọn là đúng, can đảm và kiên trì trong mọi gian lao thử thách phải chịu vì lý tưởng sống mới ấy. Như hoa trái của một cuộc kiếm tìm, lòng tin của Phaolô tươi mát và nồng cháy. Nhưng đồng thời một đôi khi lòng tin đó cũng khiến cho vị tông đồ dân ngoại có thái độ thiếu bao dung và bất công đối với các địch thủ của ngài trong lòng tin. Phaolô không bao giờ chấp nhận các giàn xếp lắt léo để được yên thân hay khỏi phải gặp khó khăn, đau khổ.

## ĐỀ TÀI 3

# THÁNH PHAOLÔ NHÀ TRUYỀN GIÁO THỜI DANH CỦA GIÁO HỘI KITÔ TIÊN KHỞI

Kho tàng tư tưởng thần học sâu sắc trong các thư của thánh Phaolô có thể khiến cho nhiều người tưởng lầm thánh nhân là một nhà trí thức chuyên nghiệp hay một tư tưởng gia cổ điển. Thực ra không phải như vậy. Trước tiên Phaolô đã là một người hoạt động. Dĩ nhiên, thánh nhân đã viết nhiều và soạn thảo ra cả một thiên chú giải sâu sắc về lòng tin Kitô. Nhưng sinh hoạt thư tín của ngài đi liền với cuộc đời truyền bá Tin Mừng cho các cộng đoàn tại Tiểu Á và châu Âu, bốn ba nay đây mai đó. Nói cách khác Phaolô là một nhà truyền giáo đã dùng thư từ của mình như phương tiện thông truyền, phổ biến và củng cố lòng tin. Ngoài ra cũng nên ghi nhận sự kiện thánh nhân không phải là nhà truyền giáo duy nhất của Giáo Hội thời khai sinh. Vì còn có nhiều vị khác nữa như Phêrô và Barnabê. Tuy nhiên, chúng ta có thể coi Phaolô như là tông đồ đã sáng suốt bảo vệ lập trường rộng mở Giáo Hội cho thế giới ngoài Do thái giáo.

Có thể chia sinh hoạt truyền giáo của Phaolô thành ba giai đoạn chính. Giai đoạn thứ nhất khá tối tăm, bắt đầu từ lúc hoán cải cho tới lúc gia nhập cộng đoàn Antiokia bên Siri. Giai đoạn thứ hai bao gồm các hoạt động rao giảng Tin Mừng tại Antiokia, cứ điểm truyền giáo đầu tiên, nơi Phaolô đã trở thành nhân vật nổi bật, và sau đó được cộng đoàn đề cử đem Tin Mừng tới cho các anh chị em ngoài Do thái giáo. Giai đoạn thứ ba là giai đoạn truyền giáo độc lập. Phaolô bốn ba ngang dọc giảng đạo trong vùng Tiểu Á và bên Hy Lạp, thành lập nhiều cộng đoàn Kitô địa phương. Đặc biệt trong giai đoạn này Phaolô trở thành một nhân vật rất có uy tín trong các giáo đoàn nói tiếng Hy Lạp, và hoàn toàn độc lập đối với truyền thống văn hóa và tôn giáo Do Thái.

Chúng ta có ít tin tức liên quan tới giai đoạn truyền giáo thứ nhất. Chương 9 sách Tông Đồ Công Vụ cho biết sau cuộc gặp gỡ đối đời với Chúa Kitô phục sinh trên đường tới Damasco, Phaolô bị mù mắt và được các người đồng hành dẫn vào thành. Chúa Kitô sai Anania một Kitô hữu của cộng đoàn Kitô Damasco tới gặp Phaolô để đặt tay cho ông sáng mắt. Phaolô được tràn đầy Chúa Thánh Thần và lãnh nhận phép Rửa tội, rồi lưu lại với các Kitô hữu Damasco vài ngày. Sau đó Phaolô bắt đầu công khai rao giảng Chúa Kitô phục sinh trong các hội đường do thái tại Damasco và vùng đông nam Damasco (Gal 1,17). Phaolô trưng dẫn các lý chứng vững vàng cho thấy Đức Giêsu là Đấng Cứu Thế, khiến cho người Do thái tức giận lập mưu hạ sát ông. Họ cho người canh giữ cửa thành nghiêm ngặt. Nhưng đang đêm các Kitô hữu có nhà xây trên tường thành giúp Phaolô trốn thoát, bằng cách bỏ Phaolô vào thúng và thòng xuống bên ngoài tường thành. Sau này thánh nhân cũng nhắc lại các chống đối gặp phải và lần chết hụt thứ nhất này trong chương 11,32-33 thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô.

Từ Damasco Phaolô về Giêrusalem và lưu lại đây một thời gian ngắn để làm quen với Kêpha, tức Phêrô, rồi sau đó sang Siri và Cilicia, miền nam Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, như thánh nhân viết trong thư gửi tín hữu Galát chương 1,21. Vài nét chấm phá ấy tóm gọn các sinh hoạt của 15 năm trời kể từ biến cố ngã ngựa trên đường đi Damasco. Sách Tông đồ Công Vụ cũng không thêm chi tiết nào mới mẻ. Tuy nhiên, cả hai tài liệu đều cho biết Phaolô đã gặp khó khăn trong cố gắng làm quen và sát nhập vào cộng đoàn. Kitô hữu Giêrusalem chẳng những không quen biết Phaolô mà còn tỏ ra nghi ngờ đối với ông (Gl 1,22; Cv 9,26-30). Qua đó chúng ta có thể kết luận rằng Phaolô đã không gạt hái nhiều thành công trong

thời gian hoạt động này.

Giai đoạn truyền giáo thứ hai có nhiều tin tức hơn. Chương 11 sách Công Vụ cho biết Barnabê, là nhân vật nổi bật của Kitô giáo thời khai sinh, đã giới thiệu Phaolô với giáo đoàn Antiokia bên Siri (Cv 11,25). Antiokia là thủ phủ của vùng này và là thành phố lớn vào hàng thứ ba của đế quốc Roma thời đó; nghĩa là chỉ sau Roma và Alexandria bên Ai Cập. Trong lịch sử Giáo Hội và lịch sử truyền giáo, Antiokia có địa vị quan trọng và ý nghĩa, vì là cứ điểm truyền giáo rộng lớn đầu tiên, nơi các môn đệ chọn làm bản doanh cho công tác rao truyền Tin Mừng cho dân ngoại (Cv 11,19 tt.) và cũng là nơi lần đầu tiên các môn đệ Chúa Giêsu được gọi là kitô hữu (Cv 11,26). Giáo đoàn Antiokia là giáo đoàn hỗn hợp gồm các kitô hữu gốc do thái và không do thái. Phaolô đã hoạt động tại đây trong vòng một năm (Cv 11,26), và được giáo đoàn sai phái cùng với Barnabê đi truyền giáo tại đảo Chypre và các vùng đông nam của Tiểu Á, như trình thuật trong hai chương 13-14 sách Công Vụ. Qua chương 2 thư gửi tín hữu Galát chúng ta biết được rằng Phaolô cộng tác với Barnabê, là thành phần của cộng đoàn Kitô Antiokia và gặt hái thành quả tốt trong công tác rao truyền Tin Mừng cho các anh chị em ngoài Do thái giáo.

Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, nảy sinh ra một vấn nạn trầm trọng liên quan tới việc gia nhập đạo của các người ngoài Do thái giáo. Để trở thành Kitô hữu họ phải theo các điều kiện nào: chấp nhận tin vào Chúa Giêsu và Tin Mừng của Ngài là đủ, hay phải tuân giữ luật cắt bì của Do thái giáo nữa? Phaolô không phải là người đầu tiên khai mào công tác truyền giáo trong thế giới không do thái. Trước ông đã có một nhóm các kitô hữu gốc do thái nói tiếng Hy Lạp rao giảng Tin Mừng và thành lập cộng đoàn Antiokia. Nhưng khi từ một thói quen mục vụ truyền giáo bước sang việc thảo luận trên bình diện thần học, tức liên quan tới nguyên tắc do nhóm bảo thủ gồm các kitô hữu gốc do thái, đặt ra, Phaolô đã tỏ ra là người có hành động sáng suốt và trung thực nhất theo tinh thần Tin Mừng giải phóng của Chúa Kitô. Phaolô bênh vực sự tự do của các anh chị em ngoài do thái đối với luật lệ của Do thái giáo, mà các Kitô hữu gốc do thái vẫn tuân giữ. Cuộc tranh luận đã sôi nổi tới độ giới lãnh đạo Giáo Hội đã phải triệu tập hội nghị tại Giêrusalem để thảo luận và nghiên cứu vấn đề, như trình thuật trong chương 15 sách Công Vụ, và trong chương 2 thư gửi tín hữu Galát. Hội nghị Giêrusalem đã là Công Đồng Chung đầu tiên trong lịch sử Kitô giáo. Barnabê và Phaolô cùng với hai nhân vật khác của giáo đoàn Antiokia đại diện cho phe cởi mở của cộng đoàn này tham dự Công Đồng. Sau khi nghe Barnabê và Phaolô trình bày và thảo luận phải trái trong Công Đồng, giới lãnh đạo Giáo Hội Kitô tiên khởi đã chấp nhận nguyên tắc tự do của các Kitô hữu ngoài do thái giáo. Hàng lãnh đạo cộng đoàn kitô Giêrusalem thỏa thuận với phái đoàn đại diện giáo đoàn Antiokia, và phân chia công tác truyền giáo. Trong chương 2,9 thư gửi tín hữu Galát, thánh Phaolô viết: "...sau khi thừa nhận đặc sủng mà Thiên Chúa đã trao phó cho tôi, Giacôbê, Kêpha và Gioan đã gờ tay phải bắt tay tôi tỏ tình liên đới để chúng tôi đi truyền giáo cho dân ngoại, còn họ đi truyền giáo cho các anh chị em được cắt bì", tức tín hữu Do thái. Trong thư thánh Phaolô nêu bật rằng Công Đồng đã không áp đặt trên thánh nhân một điều lệ hạn chế nào. Trong khi trình thuật sách Công Vụ lại gắn liền với Công Đồng Giêrusalem việc ban bố một sắc lệnh liên quan tới việc hạn chế sự tự do của tín hữu không phải gốc do thái, như kiêng thịt đã cúng tế cho các thần linh, kiêng máu, kiêng thịt của các súc vật bị chết ngạt và xa lánh tà dâm (Cv 15, 29).

Tuy nhiên, sắc lệnh hay bức thư do một phái đoàn được giới lãnh đạo Giáo Hội Giêrusalem cử đem sang cho tín hữu Antiokia nói trên, là một dữ kiện gây tranh luận trong giới học giả Kinh Thánh. Sắc lệnh đã là một giàn xếp đạt được trong Công Đồng Chung Giêrusalem giữa hai phe tự do và bảo thủ, hay là một tài liệu có nguồn gốc khác, không liên quan gì tới quyết định của Công Đồng? Nếu là quyết nghị của Công Đồng, tại sao thánh Phaolô đã lại không bao giờ nói tới trong các thư khi trình thuật biến cố quan trọng này của Giáo Hội Kitô tiên khởi? Thánh nhân đã không biết tới tài liệu này, hay đã phản đối không chấp nhận nó? Rất tiếc là chúng ta không có các dữ kiện giúp đưa ra câu trả lời chắc chắn cho khúc mắc này. Dầu thế nào đi nữa, Công Đồng Chung triệu tập tại Giêrusalem giữa các năm 48-49 đã

đánh dấu một khúc rẽ quan trọng trong lịch sử Kitô giáo. Một đằng, nó phản ánh vấn đề mục vụ truyền giáo liên quan tới việc hội nhập văn hóa, mà Giáo hội phải can đảm thảo luận và giải quyết; đằng khác, nó đánh dấu biến cố Kitô giáo hoàn toàn được giải thoát khỏi tình trạng bị ràng buộc và điều kiện hóa bởi gia tài văn hóa và tôn giáo do thái. Nhưng câu chuyện đã không kết thúc một cách đơn sơ như vậy. Thật thế, phe bảo thủ quá khích trong Giáo Hội Kitô tiên khởi đã không chấp nhận quyết nghị của Công đồng. Ngoài ra, còn có một vài khía cạnh vẫn chưa được giải quyết như: làm thế nào để duy trì sự sống chung hòa bình giữa các Kitô hữu gốc Do Thái và các Kitô hữu không phải gốc Do Thái trong cùng một cộng đoàn, như cộng đoàn Antiokia?. Và quả vậy, chẳng bao lâu sau lại xảy ra tranh luận và căng thẳng trong cộng đoàn Antiokia. Lần này Phaolô công khai xung đột với Phêrô, như thánh nhân kể lại trong chương 2 thư gửi tín hữu Galát. Trong lần tới thăm cộng đoàn Antiokia cùng với một vài Kitô hữu bảo thủ Giêrusalem do Giacôbê phái đi, Phêrô đã sống phản chứng. Ban đầu ông lui tới thăm viếng và ăn uống rất tự nhiên với các Kitô hữu không phải gốc Do thái trong cộng đoàn. Nhưng sau bị nhóm bảo thủ Giêrusalem nói trên gây áp lực, Phêrô tránh không gặp và ăn uống với các Kitô hữu không Do Thái nữa. Barnabê và các Kitô hữu gốc do thái khác cũng lây thái độ phản chứng này của Phêrô. Và Phaolô đã không ngần ngại công khai nặng lời quở trách Phêrô giữa toàn cộng đoàn. Phaolô tố cáo Phêrô là đã phản lại quyết nghị của Công Đồng và đặt lại vấn đề nguyên tắc tự do của các anh chị em không do thái theo Kitô giáo. Thư gửi tín hữu Galát không cho chúng ta biết câu chuyện đã kết thúc ra sao. Nhưng khi so sánh với giọng kể chiến thắng của trình thuật Công Đồng Giêrusalem, chúng ta có thể đoán được rằng lần này tại Antiokia, Phaolô đã không thắng thế trong cuộc tranh luận. Có điều chắc hẳn là sau vụ xung đột công khai ấy, Phaolô tách rời, không đi truyền giáo với Barnabê nữa, mà hoạt động một cách độc lập với giáo đoàn Antiokia. Phaolô trở thành tông đồ của Chúa Kitô và không phải tương trình với ai về công tác truyền giáo của mình, như thánh nhân viết trong chương 4,4 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô.

## ĐỀ TÀI 4

### CHIẾN LƯỢC TRUYỀN GIÁO CỦA THÁNH PHAOLÔ

Khi đọc các thư của thánh Phaolô và sách Tông Đồ Công Vụ chúng ta có thể thu thập một số dữ kiện cho phép phác họa ra chiến thuật truyền giáo của thánh Phaolô.

Trước hết công tác rao truyền Tin Mừng đã chỉ được thực hiện trong các thành phố. Thật ra, các vị truyền giáo cũng không thể làm khác, vì thời đó hệ thống đường lộ của đế quốc Roma chỉ nối liền các thành phố của đế quốc với nhau. Từ thủ đô Roma của đế quốc, phát xuất các con lộ chính ngang dọc nước Italia chạy sang cho tới Gallia tức nước Pháp, Germania tức nước Đức, rồi Macedonia bên Hy Lạp, vòng sang vùng Tiểu Á, Siri, Libăng rồi xuống Palestine, và Ai Cập. Ngoài hệ thống đường bộ là hệ thống đường biển. Các tàu chiến và tàu buôn của đế quốc đi lại quanh năm ngang dọc Địa Trung Hải, chỉ ngoại trừ mấy tháng mùa đông là không thể dùng đường biển, vì có mưa bão. Ngoài ra các vị truyền giáo chỉ có thể rao giảng bằng tiếng Hy Lạp là ngôn ngữ thông dụng trong các thành phố của đế quốc hồi đó. Vì thế chúng ta thấy thánh Phaolô rao truyền Tin Mừng tại Damasco, Tarse, Antiokia bên Siri và các thành phố đông nam vùng Tiểu Á, tức Thổ Nhĩ Kỳ ngày nay, cũng như tại các thành phố trung bắc vùng Galazia. Bên châu Âu thánh Phaolô rao truyền Tin Mừng tại các thành phố Hy Lạp như Philipê, Thêxalônica, Bêrêa, Athènes, Côrintô và sau cùng là tại Êphêxô thuộc tỉnh hạt Á châu của đế quốc. Thánh Phaolô chọn một thành phố lớn làm cứ điểm chính, rồi từ đó rao truyền Tin Mừng cho các vùng chung quanh. Điển hình là trường hợp Côrintô, nơi thánh nhân đã lưu lại truyền giáo từ năm 49 tới 52, và đặc biệt là Êphêxô trong chuyến truyền giáo thứ hai giữa các năm 53 tới 57.

Việc len lỏi và hội nhập vào cuộc sống tại các thành phố này đã được dễ dàng chính là nhờ có các cộng đoàn do thái sinh sống tại đây. Nghĩa là thánh Phaolô đã sống giữa các người đồng hương trong cộng đoàn do thái hải ngoại, và rao giảng Tin Mừng cho họ trước tiên. Trong các hội đường do thái thánh Phaolô đã gặp rất nhiều người ngoại giáo có thiện cảm hay tận tín đồ Do thái và họ đã là những người đầu tiên theo Kitô giáo. Trái lại, các người đồng hương tức các tín hữu do thái càng ngày càng thù nghịch thánh Phaolô. Họ tố cáo Phaolô là người phản bội Do thái giáo, rao giảng ngày cáo chung của Do thái giáo và của các truyền thống do thái. Thái độ thù nghịch của các người đồng hương khiến cho sứ mệnh truyền giáo của thánh Phaolô ngày càng mang đường nét rõ ràng: rời bỏ hội đường do thái để dẫn thân rao giảng Tin Mừng cứu độ cho các anh chị em không do thái. Trong sách Công Vụ chương 19,8-10 thánh sử Luca cho chúng ta biết tại Êphêxô sau khi giảng dạy trong hội đường do thái ba tháng, thánh Phaolô đã chọn trường học của ông Tirannos làm nơi giảng dạy. Trong hai năm liên tiếp thánh nhân đã dùng phòng ốc trường học này để rao truyền Tin Mừng cho các anh chị em ngoại giáo, từ giờ thứ 5 tới giờ thứ 10, tức từ 11 giờ sáng cho tới 16 giờ chiều, là giờ trường ốc rảnh rỗi, vì dân chúng ăn trưa và nghỉ trưa. Trong sách Công Vụ thánh Luca lập đi lập lại là Phaolô rao giảng cho dân do thái trước, nhưng sau khi gặp sự khước từ và chống đối của họ, thánh nhân quay ra rao giảng cho người ngoài do thái giáo. Tuy đây là một lược đồ thần học nhằm chứng minh cho thấy nếu người do thái đã không tin nhận Tin Mừng là do lỗi của họ, chứ không phải do lỗi của thánh Phaolô, khẳng định này phản ánh sự thật lịch sử.

Nét đặc thù thứ ba trong chiến thuật truyền giáo của thánh Phaolô là thường chọn các nơi chưa có ai tới rao truyền Tin Mừng trước đó. Thánh Phaolô và các cộng sự viên theo nguyên tắc không tới rao giảng tại những nơi đã có người rao truyền Chúa Giêsu rồi, để không quá hãnh diện vì kết quả đã do người khác nhọc công gieo vãi. Chính Phaolô cho chúng ta biết trong chương 15,20 thư gửi tín hữu Roma và trong thư thứ hai gửi giáo đoàn Côrintô chương 10,12-18. Thật thế, thánh nhân cảm thấy mình được Chúa gọi loan báo Tin Mừng cho những người chưa bao giờ biết Chúa, thành lập các cộng đoàn Kitô mới và mở rộng biên giới Kitô giáo tới tận cùng bờ cõi trái đất. Mọi dân tộc không do thái phải được nghe loan báo Tin Mừng của Chúa Kitô. Đó là chương trình Thiên Chúa muốn và thánh Phaolô xác tín rằng Thiên Chúa đã chọn ngài như dụng cụ cho công tác này, như thánh nhân khẳng định với tín hữu Roma trong các chương 1,14-15 và 15,15-19.24-28.

Tuy nhu cầu loan báo Tin Mừng Nước Trời khắp nơi cấp bách, thánh Phaolô đã không vội vã bỏ nơi này sang nơi khác. Trái lại, ngài dừng lại lâu trong thành phố này hay thành phố nọ, để củng cố cộng đoàn Kitô đã thành lập được và giúp cộng đoàn trưởng thành và tự lập chừng nào có thể. Và đây là nét đặc thù thứ bốn trong chiến thuật truyền giáo của thánh nhân. Nòng cốt Tin Mừng liên quan tới cái chết và sự sống lại của Chúa Giêsu Kitô (1 Cr 15,3-5), liên quan tới biến cố Ngài sẽ quang lâm phán xét vũ trụ và loài người trong thời cánh chung và khai mào Vương quốc của Thiên Chúa (1 Ts 1.9-10; 4,13-5,11) là vốn liếng giáo lý quan trọng của lòng tin, nhưng vẫn chưa đủ. Còn cần phải giảng giải cho tín hữu hiểu biết sâu rộng giáo lý và luân lý Kitô nữa. Đây là lý do giải thích tại sao thánh Phaolô dừng lại một thời gian lâu trong các cộng đoàn để giảng dạy, và sau khi từ giã cộng đoàn ngài vẫn tiếp tục giảng dạy khuyến nhủ qua thư tín.

Công tác rao truyền Tin Mừng chắc chắn đã tốn kém không ít, vì thánh Phaolô phải thanh toán chi phí di chuyển, thuê phòng ốc để giảng dạy và tụ tập các tín hữu, cũng như cung cấp phương tiện sống cho chính mình và các cộng sự viên. Ai là người tài trợ các chi phí đó? Ở đây thánh Phaolô theo nguyên tắc "tay làm hàm nhai". Đây là nét đặc thù thứ năm trong chiến lược truyền giáo. Mặc dù đã có thể kêu gọi hay đòi buộc tín hữu đóng góp trợ giúp cho các phí tổn như thói quen thời đó, thánh Phaolô và các cộng sự viên của ngài đã thích làm một nghề riêng để có phương tiện sinh sống, để không trở thành gánh nặng cho cộng đoàn, như thánh nhân viết trong thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica chương 2,9, hay trong

thứ nhất gửi tín hữu Côrintô chương 9,18. Ngoài những giờ giảng dạy và công tác tông đồ mục vụ, các vị đã phải làm việc ngày đêm để có phương tiện chi dùng cho cuộc sống thường ngày. Tin Mừng các vị rao giảng là món quà nhưng không thánh Phaolô và các cộng sự viên trao tặng cho tín hữu. Không ai có thể mua bán Lời Chúa và ơn thánh được.

Tuy nhiên thánh nhân cũng công nhận là tín hữu các giáo đoàn vùng Maxêđônia đã trợ giúp phương tiện tài chánh để ngài dành trọn thời giờ cho việc loan báo Tin Mừng tại Côrintô. Và trong suốt các năm lưu lại Côrintô, thánh nhân đã luôn luôn chú ý để không trở thành gánh nặng cho bất cứ tín hữu nào trong cộng đoàn, như ngài nhắc cho họ biết trong chương 11,9-10 thư thứ hai. Trong chương 4,10-20 thư gửi tín hữu Philipê, thánh nhân cũng sung sướng tỏ lòng biết ơn họ vì đã gửi tiền giúp ngài trong thời gian truyền giáo tại Maxêđônia. Một đôi lần thánh nhân có xin các tín hữu trợ giúp để ngài có phương tiện di chuyển trong hành trình truyền giáo (1 Cr 16,6) hay để sang Tây Ban Nha như ngài xin với tín hữu Roma trong chương 15,24 thư gửi cho họ. Ngoài ra thánh nhân cũng không quên các tín hữu đã quảng đại tiếp đón ngài và các cộng sự viên tới ở trong nhà họ như ông Gaius (Rm 16,23), ông Philêmôn (Plm 22), hay các thợ làm lều da (Cv 18,3).

Nét đặc thù thứ sáu trong chiến lược truyền giáo của thánh Phaolô đó là có các cộng sự viên và làm việc theo nhóm. Trong số các cộng sự viên đặc lực và thân tín nhất phải kể tới Sila hay Silvanô, Timôtêô và Titô. Dĩ nhiên thánh Phaolô luôn là người lãnh đạo và phối trí công tác truyền giảng Tin Mừng, nhưng thánh nhân rất trân trọng và quý mến các cộng sự viên của mình. Đó là lý do giải thích tại sao khi kể lại cho tín hữu nghe công tác truyền giáo thánh Phaolô dùng từ “chúng tôi” số nhiều (1 Ts; 2 Cr 1,19). Trong các liên hệ khó khăn giữa thánh nhân và tín hữu cộng đoàn Côrintô Timôtêô (1 Cr 4,17; 16,10-11) và nhất là Titô (Cr 2,13; 7,6 tt.; 16,10-11) đã đóng vai trung gian quý báu và hữu hiệu. Thánh Phaolô gọi Timôtêô là “người con rất yêu dấu và trung tín trong Chúa” (1 Cr 4,17), là “người anh em và cộng sự viên của Thiên Chúa trong công tác rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô” (1 Ts 3,2). Timôtêô đã như là “người con sát cánh bên cha mình, trong việc phục vụ Tin Mừng” (Pl 2,22). Còn Titô thì được thánh Phaolô gọi là “người bạn đồng hành và cộng sự viên” của ngài vì các tín hữu (2 Cr 8,23).

Điểm sau cùng cần ghi nhận trong chiến lược truyền giáo của thánh Phaolô, đó là tinh thần liêm chính và sự thẳng thắn đối với các tín hữu. Hiện tượng các trường phái triết học và các tôn giáo gửi đồ đệ đi thuyết giảng và chiêu mộ tín đồ là một sự kiện rất thịnh hành thời đó. Các người này cũng thường dùng triết thuyết và tôn giáo làm bậc tiến thân. Nhưng đó không phải là thái độ của Phaolô và của các cộng sự viên của thánh nhân. Trái lại, Phaolô và các cộng sự viên của ngài thường lột trần mặt nạ lừa đảo, giả dối mị dân của các thừa sai giả này, như viết trong thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica chương 2,3.5-6. Còn hơn thế nữa trong chương 2 và chương 4 thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô Phaolô đã mạnh mẽ chỉ trích thái độ giả hình, lắt léo và thiếu liêm chính của các thừa sai kitô gốc do thái có khuynh hướng quá khích. Họ chủ trương bắt các anh chị em không do thái phải tuân giữ luật lệ do thái, và nói xấu nói hành thánh Phaolô trước tín hữu Côrintô, nhưng đã bị thánh Phaolô sửa mắng thẳng mặt.

## ĐỀ TÀI 5

### THÁNH PHAOLÔ, CON NGƯỜI CỦA TIN MỪNG

Đọc các thư của thánh Phaolô chúng ta nhận thấy thánh nhân là người có ý thức cao độ về vai trò riêng là người loan báo tin vui: Thiên Chúa công hiến ơn cứu độ cho mọi người qua Đức Giêsu Kitô. Thánh Phaolô là sứ giả Tin Mừng trong nghĩa đen của từ “euangellion”. Ý thức đó mạnh mẽ tới độ

Phaolô viết trong chương 1,17 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô: “Thật ra Chúa Kitô không gửi tôi đi rửa tội, nhưng là để loan báo Tin Mừng”.

Tuy nhiên, ở đây Phaolô không hiểu việc loan báo Tin Mừng như là thông báo tin vui cứu độ bằng lời nói. Tin Mừng mà thánh nhân rao giảng không chỉ là lời rao giảng đề cập tới sáng kiến cứu độ của Thiên Chúa, cái chết và sự sống lại của Chúa Kitô, mà là lời của chính Thiên Chúa và là lời của Chúa Kitô. Chính Thiên Chúa và Chúa Kitô nói với mọi người qua Tin Mừng, mà thánh nhân loan truyền. Do đó không phải thánh Phaolô mà chính Thiên Chúa Cha và Chúa Giêsu phục sinh loan báo Tin Mừng cứu độ. Xác tín này khiến cho Phaolô khẳng định với tín hữu Côrintô trong chương 5,18-20 thư thứ hai gửi cho họ rằng: “Tất cả mọi sự đến từ Thiên Chúa là Đấng đã hòa giải trần gian với Ngài qua Đức Kitô và đã trao phó cho chúng tôi bổn phận phục vụ sự hòa giải đó. Phải, chính Thiên Chúa hòa giải trần gian với Ngài qua Đức Kitô, bằng cách không chấp tội lỗi loài người nữa, và đặt trên môi miệng chúng tôi sứ điệp hòa giải. Vì thế chúng tôi là đại sứ của Chúa Kitô, và chính Thiên Chúa khuyến khích qua miệng của chúng tôi”. Như thế thánh Phaolô muốn nói rằng lời thánh nhân rao giảng có cùng sự hữu hiệu như lời tạo dựng của Thiên Chúa. Do đó ngài viết trong chương 2,13 thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalonica: “... khi tiếp nhận lời Thiên Chúa do chúng tôi rao giảng, anh chị em không tiếp nhận như lời của con người trần gian, mà như lời của Thiên Chúa”. Và thánh nhân khẳng định ngay trong chương 1 thư gửi tín hữu Roma rằng: Tin Mừng ngài rao giảng chính” là quyền năng của Thiên Chúa nhằm đem lại ơn cứu độ cho tất cả những ai tin” (Rm 1,16).

Lòng tin như một dần thân cá nhân có ý thức tuân giữ các giáo huấn của Chúa Giêsu, đó là điều kiện khiến cho tín hữu được ơn cứu độ, như thánh Phaolô khẳng định trong chương 15 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô: “Tôi xin nhắc cho anh chị em nhớ Phúc Âm tôi đã rao giảng và anh chị em đã tin nhận cùng tuân giữ vững vàng. Nếu anh chị em tuân giữ như tôi đã rao giảng thì anh chị em sẽ được cứu rỗi. Nếu không anh chị em có tin cũng vô ích” (1 Cr 15,1-2). Ý thức cao độ về nhiệm vụ loan báo Tin Mừng cứu độ đó còn đẩy thánh Phaolô đi xa hơn nữa. Một đảng, Phaolô khẳng định rằng Tin Mừng cứu độ mà ngài rao giảng chính ngài cũng đã nhận được từ truyền thống tông đồ, như viết trong cùng chương 15 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô: “Trước hết tôi truyền lại cho anh chị em điều tôi đã nhận được: đó là Chúa Kitô đã chết vì tội lỗi chúng ta, đúng như lời Kinh Thánh. Ngài đã được an táng trong mồ và đã sống lại ngày thứ ba, đúng như lời Kinh Thánh. Ngài đã hiện ra với Kêpha và hiện ra với Mười Hai Tông Đồ” (1 Cr 15,3-5). Đảng khác, thánh nhân cũng khẳng định rằng nó là Tin Mừng của mình, hay đúng hơn “Tin Mừng của chúng tôi” (Rm 2,16; 2 Cr 4,3), trong nghĩa là Tin Mừng thánh nhân và các cộng sự viên rao giảng cho các anh chị em không do thái.

Khẳng định này quan trọng, bởi vì nó cho chúng ta thấy tiến trình giải thoát Tin Mừng của Chúa Kitô khỏi mọi ràng buộc của một nền văn hóa nhất định, bởi đó là nền văn hóa và các đòi buộc của luật lệ do thái, để khiến cho Tin Mừng trở thành Tin Mừng đại đồng, có thể hội nhập vào mọi nền văn hóa khác trên thế giới. Những gì thánh Phaolô nói với tín hữu Galát trong các chương 2 và 3 chứng minh cho bước tiến quan trọng này. Để giải quyết xung khắc do một nhóm kitô hữu gốc do thái từ Giêrusalem tới Antiokia gây ra, Phaolô và Barnabê đã về Giêrusalem trình bày vấn đề. Hai vị cho hàng lãnh đạo Giáo hội Giêrusalem lúc đó là Giacôbê, Phêrô và Gioan thấy rằng yêu sách bắt các Kitô hữu không do thái phải tuân giữ luật lệ do thái, trong đó có luật cắt bì, là điều vô lý. Nội vụ đã được giải quyết khi giới lãnh đạo Giáo Hội Giêrusalem đồng ý với Phaolô và Barnabê phân chia công tác rao truyền Tin Mừng. Phêrô và các vị khác truyền giáo cho các anh chị em gốc do thái, còn Phaolô và Barnabê rao giảng Tin Mừng cho các anh chị em không do thái. Tính chất đại đồng của Tin Mừng cứu độ và sự hiệp nhất trong khác biệt ấy được thánh Phaolô nêu bật trong chương 3 thư gửi tín hữu Galát: “Khi đức tin xuất hiện rồi thì chúng ta không còn phải nằm dưới ách của luật lệ nữa. Bởi vì do lòng tin vào Chúa Kitô anh chị em hết thấy là con cái Thiên Chúa. Phải, tất cả anh chị em đã chịu phép Rửa tội trong Chúa Kitô thì đều được



mặc lấy Chúa Kitô. Không còn phân biệt người Hy Lạp hay người Do thái, nô lệ hay tự do, nam giới hay nữ giới nữa. Vì hết thảy anh chị em chỉ là một với Chúa Giêsu Kitô” (Gl 3,25-28). Đây không phải là một yếu tố phụ thuộc mà là sự thật của Tin Mừng (Gl 2, 5.15).

Sở dĩ thánh Phaolô đã phải đưa ra các khẳng định rõ ràng và quyết liệt như trên, vì hồi đó có một nhóm kitô hữu gốc do thái tìm lung lạc tinh thần của kitô hữu Galát bằng cách rao giảng lập trường bắt buộc anh chị em không do thái theo Kitô giáo phải tuân giữ luật lệ Do thái giáo. Vì thế ngay trong chương đầu thư gửi cho họ thánh Phaolô đã xác quyết rằng: “Không có một Tin Mừng khác đâu. Chẳng qua chỉ có mấy người gieo hoang mang giữa anh chị em và muốn xuyên tạc Tin Mừng của Chúa Kitô thôi. Nhưng cho dù chính chúng tôi hay một thiên thần từ trời xuống loan báo một Tin Mừng khác với Tin Mừng chúng tôi đã loan báo cho anh chị em, thì kẻ đó đáng bị loại ra khỏi cộng đoàn dân Chúa!” (Gl 1,7-8).

Nhiệt tâm đối với việc rao giảng Tin Mừng cứu độ khiến cho thánh Phaolô tận hiến trọn tâm hồn và thân xác, mọi sức lực và tài năng của ngài cho công tác truyền giáo. Phaolô không ngần ngại đương đầu với nhóm kitô hữu gốc do thái quá khích len lỏi vào trong cộng đoàn Côrintô để gieo hoang mang và đánh phá cộng đoàn do thánh nhân nhọc công xây dựng. Thánh Phaolô đã đau đớn ghi nhận sự suy thoái và rạn nứt giữa cộng đoàn. Trong chương 11 thư thứ hai gửi cho họ Phaolô nói ngài phải bắt đấm dĩ tự khoe khoang và so sánh khả năng và công lao của ngài với bọn tông đồ giả hiệu, để cho tín hữu Côrintô thấy mặt nạ gian dối thâm độc của họ. Bởi vì không những họ vu khống và triệt hạ uy tín thánh nhân trước mặt tín hữu, mà còn muốn lôi kéo các tín hữu theo các lập trường sai lạc phản tinh thần Tin Mừng của Chúa Kitô. Phaolô phải lột mặt nạ của họ, vì ngài ”sợ rằng như con Rắn xưa đã dùng mưu chước quỷ quyết lừa dối Eva và thế nào, thì lòng trí tín hữu Côrintô cũng sẽ dần dần ra hư hỏng và mất sự ngay thẳng trước mặt Chúa Kitô như thế”. Vì vậy thánh nhân phân bua với tín hữu Côrintô: “Họ khoe họ là các thừa tác của Đức Kitô ư? Tôi sắp nói như người điên dại, tôi còn hơn họ vì tôi đã vất vả nhiều, vì tôi đã bị tù đầy tra tấn cực khổ, vì tôi đã bao phen chết hụt. Tôi bị người do thái đánh tôi bằng gậy năm lần, mỗi lần ba mươi chín gậy. Tôi bị đánh bằng roi da ba lần, bị ném đá một lần, bị đắm tàu ba lần, tôi đã bị xiêu bạt một ngày một đêm trên biển cả” (2 Cr 11,23-25).

Chương 9,19-23 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô là một trang tiểu sử khác cho chúng ta thấy quả thật Tin Mừng cứu độ là đích điểm duy nhất trong cuộc đời thánh Phaolô. Thánh nhân hy sinh tất cả, chịu đựng tất cả, liều mất tất cả, miễn là mọi người được lắng nghe Tin Mừng. Ngài viết: ”Phải, là người tự do đối với mọi người, nhưng tôi đã tự nguyện làm đầy tớ mọi người, để chinh phục được nhiều linh hồn hơn. Đối với người Do thái, tôi trở nên người Do thái, hy vọng chinh phục được họ. Tuy tôi không phải giữ Lễ Luật, nhưng đối với các kẻ phải giữ Lễ Luật tôi trở nên kẻ giữ Lễ Luật, để chinh phục những kẻ phải giữ Lễ Luật. Đối với những kẻ không có Lễ Luật, tôi trở nên như người sống ngoài vòng pháp luật để chinh phục những người không có lễ luật, mặc dầu tôi không phải là người vô pháp luật trước mặt Chúa, bởi vì Chúa Kitô là luật lệ của tôi. Với những người yếu đuối, tôi trở nên yếu đuối để cứu vớt các kẻ yếu đuối. Tôi đã trở nên tất cả trong mọi người, hy vọng bằng mọi giá cứu vớt được ai đó. Và tôi làm mọi điều ấy vì loan báo Tin Mừng, để cùng được kẻ khác chia sẻ Tin Mừng ấy”

Nhưng chúng ta sẽ lầm to, nếu chúng ta cho thánh Phaolô là một nhân vật đặc biệt, một con người có các lý tưởng siêu vời hay một người hùng, trong nghĩa tôn thờ thần tượng, như rất thường xảy ra trong giới truyền giáo lưu động thời đó. Không, Phaolô tự cho mình là một người bị bắt buộc phải rao giảng Tin Mừng, như viết trong chương 9,16 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô: ”Thật ra, đối với tôi rao giảng Tin Mừng không phải là lý do để khoe khoang kiêu hãnh. Nhưng, nó là một bổn phận: khôn cho tôi nếu tôi không rao giảng Tin Mừng”. Còn hơn thế nữa trong chương 1 thư gửi tín hữu Roma, thánh nhân gọi mình là ”nô lệ của Đức Giêsu... được chọn lựa để rao giảng Tin Mừng của Chúa” (Rm 1,1), và mắc nợ

mọi người ”người Hy Lạp, cũng như các dân rợ, người khôn ngoan cũng như người vô học” (Rm 14). Trong chương 15 thư gửi giáo đoàn Roma thánh nhân cũng tự định nghĩa là “thầy tế lễ của Tin Mừng” và là “người biến các anh chị em không do thái trở thành một lễ vật đẹp lòng Thiên Chúa và được Thánh Thần thánh hóa” (Rm 15,16).

## **CHƯƠNG II**

# **DUNG MẠO CÁC CỘNG ĐOÀN KITÔ TIÊN KHỞI TRONG TƯƠNG QUAN VỚI THÁNH PHAOLÔ**

### **ĐỀ TÀI 6**

## **GƯƠNG MẶT XÃ HỘI CỦA CÁC CỘNG ĐOÀN KITÔ TIÊN KHỞI**

Qua các thư của thánh Phaolô chúng ta biết được nhiều dữ kiện trong chiến thuật truyền giáo của thánh nhân. Chẳng hạn như chọn các thành phố làm căn cứ rao giảng Tin Mừng, thành lập các cộng đoàn và trung tâm hoạt động, để từ đó đi truyền giáo cho các vùng chung quanh. Nhưng liên quan tới gương mặt của các cộng đoàn này như: số tín hữu được bao nhiêu, họ thuộc các thành phần xã hội nào, cộng đoàn có các cơ cấu ra sao, tín hữu đã tham dự vào cuộc sống và sinh hoạt của thành phố như thế nào, chúng ta chỉ có được một ít tin tức vụn vặt và gián tiếp. Thật ra, các thư của thánh Phaolô chỉ chú ý tới các vấn đề lòng tin và cuộc sống kitô, chứ không nhằm miêu tả cơ cấu xã hội của cộng đoàn. Sách Tông Đồ Công Vụ lại càng cung cấp cho chúng ta ít tin tức hơn về khía cạnh này, nếu không nói là không có gì.

Tuy nhiên, qua một vài nét chấm phá thu lượm được trong các thư của thánh Phaolô, người đọc cũng có thể hình dung ra phần nào gương mặt của cộng đoàn Kitô tiên khởi. Trước hết, nó là loại cộng đoàn “tại gia”. Bởi vì thánh Phaolô cho biết các tín hữu tụ tập nhau trong nhà của một người để cử hành nghi thức bẻ bánh tức bí tích Thánh Thể, cầu nguyện chung với nhau và nghe giảng dạy. Trong chương 16 thư gửi tín hữu Roma, thánh nhân gửi gắm nữ Phó tế Phêbê cho cộng đoàn và xin họ giúp bà trong mọi việc, vì bà đã là ân nhân của nhiều tín hữu và của chính thánh nhân. Phaolô cũng gửi lời chào thăm mọi cộng sự viên của ngài, đặc biệt là Prisca và Aquila, và giáo hội tụ họp trong nhà của hai người. Trong chương 16,19 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô thánh Phaolô cũng chuyển lời chào của các giáo hội Tiểu Á và giáo hội Roma tụ họp tại nhà Prisca và Aquila tới họ. Trong thư viết cho Philêmon từ trong ngục, Phaolô cũng gửi lời chào giáo hội tụ họp tại nhà ông (Plm 2). Sở dĩ các Kitô hữu tiên khởi đã phải tụ tập nhau tại nhà một người, vì sau khi xảy ra biến cố đoạn tuyệt giữa Do thái giáo và Kitô giáo, các Kitô hữu bị khai trừ khỏi hội đường do thái và không có chỗ hội họp và cầu nguyện nữa. Nếu nhà của một tín hữu đã đủ chỗ để đón tiếp các tín hữu, thì chúng ta có thể kết luận rằng các cộng đoàn Kitô tiên khởi đã chỉ là các nhóm nhỏ, nghĩa là một thứ “giáo hội tại gia” thực sự.

Liên quan tới các thành phần cấu tạo Giáo Hội, bài viết về cộng đoàn Côrintô của học giả G. Theissen giúp chúng ta có một khái niệm đại cương. (Soziale Schichtung in der korinthischen Gemeinde. Ein Beitrag zur Soziologie des hellenistischen Urchristentum, ZNW 65 (1974) 232-272). Cộng đoàn Côrintô gồm hai thành phần tín hữu: một số ít các anh chị em giàu, khá giả, và đa số còn lại là người nghèo. Chính thánh Phaolô cho chúng ta biết điều này khi viết trong chương 1,26 thư thứ nhất gửi giáo đoàn

Côrintô: “Anh chị em hãy suy tư về ơn gọi của anh chị em. Trong anh chị em không có nhiều người thông thái, và trên bình diện nhân loại, không có nhiều người quyền thế, cũng không có nhiều người thuộc hàng quý tộc”. Trong cùng thư, ở chương 7, thánh nhân cho biết trong số các tín hữu có nhiều người là nô lệ. Và ngài khuyên mọi người cố gắng sống xứng đáng theo địa vị của mình. Điều quan trọng duy nhất là mỗi người hãy tuân giữ giới răn của Chúa, còn chuyện là tín hữu do thái đã chịu cắt bì hay là người không do thái không cắt bì, điều đó không quan trọng. Ai ở địa vị nào lúc được Chúa kêu gọi, thì cứ ở nguyên địa vị ấy. Bạn được Chúa gọi vào đạo khi còn là nô lệ ư? Đừng lo! Trái lại, ngay cả khi bạn có thể trở thành người tự do đi nữa, hãy tận dụng điều kiện là nô lệ của mình. Bởi kẻ đang làm nô lệ mà được Chúa gọi tức là được Chúa giải phóng. Còn kẻ đang ở địa vị tự do mà được Chúa gọi vào đạo, thì phải coi mình là nô lệ của Chúa Kitô. Chúa Kitô đã chuộc anh chị em bằng giá rất cao, vì thế đừng làm nô lệ người đời (1 Cr 7,17-24). Danh sách kitô hữu, như viết trong chương 16 thư gửi giáo đoàn Roma, cũng cho thấy nhiều Kitô hữu hồi đó là các anh chị em nô lệ. Nói chung, đa số Kitô hữu của Giáo Hội tiên khởi thuộc lớp người bình dân trong xã hội. Điều này cũng dễ hiểu, vì Tin Mừng của Chúa Giêsu là Tin Mừng yêu thương và công bằng. Trước mặt Chúa mọi người đều là con cái, có cùng phẩm giá là hình ảnh của Chúa, do đó đều được trân trọng và quý mến như nhau. Và đó quả thật là Tin Mừng giải phóng đối với các anh chị em thuộc các giai tầng thấp kém bị khinh miệt và gánh chịu nhiều thiệt thòi hơn trong xã hội loài người.

Một số tin tức khác cho chúng ta biết cơ cấu nội bộ của các cộng đoàn Kitô tiên khởi. Trong chương 5 thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica thánh Phaolô cho thấy trong cộng đoàn có một số vị lãnh đạo. Thánh nhân khuyên tín hữu trọng kính và hết sức quý mến các người đã từng khó nhọc vì họ, hướng dẫn và dậy bảo họ trong con đường theo Chúa, cũng như lo lắng làm mọi việc vì họ. Tiếp đến thánh nhân khuyên mọi người hãy biết răn bảo kẻ lười biếng, an ủi người nhát sợ, nâng đỡ người yếu đuối và nhìn nhục mọi người, cũng như biết cẩn thận, không lấy ác báo ác, không trả thù kẻ khác, nhưng luôn luôn xây dựng và làm điều thiện cho nhau, luôn luôn vui vẻ, liên li cầu nguyện, và cảm tạ Thiên Chúa trong mọi lúc. Và đặc biệt thánh nhân khuyên mọi người đừng đập tắt Chúa Thánh Thần, đừng khinh chê lời các ngôn sứ, nhưng hãy biết xem xét mọi sự, giữ lấy điều tốt và xa lánh điều xấu (1 Ts 5,12-22).

Trong chương 12,28 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô thánh Phaolô kê khai danh sách các đặc sủng Chúa ban cho tín hữu, trong đó có đặc sủng cai quản ”kybernêsis”. Các tông đồ đứng đầu, rồi tới các ngôn sứ, tiếp theo là các tiến sĩ, rồi các người làm được phép lạ, các người chữa được bệnh tật, sau đó là các người trợ giúp, các người quản lý, các kẻ nói được nhiều thứ tiếng và giải nghĩa các thứ tiếng ấy. Và mỗi người phải dùng đặc sủng Chúa ban riêng cho mình để phục vụ toàn cộng đoàn. Trong cộng đoàn Philiphê thì có các giám mục và các phó tế phục vụ. Trong chương 1,1 thư gửi tín hữu cộng đoàn này thánh Phaolô gửi lời chào tín hữu trước rồi mới tới các giám mục và các phó tế của Đức Kitô. Chương 16 thư gửi tín hữu Roma còn cho biết có một nữ phó tế là bà Phêbê, thuộc giáo đoàn Cencre, là hải cảng miền đông thành Côrintô (Rm 16, 1).

Ngoài ra trong các thư thánh Phaolô cũng nhắc tên các cộng sự viên nam nữ đã cùng ngài “đồng lao đồng khổ” trong công tác rao truyền Tin Mừng của Chúa. Chẳng hạn như bà Stêphania và gia đình của bà (1 Cr 16,15-16), ông Philiphê Êpaphrodite (Pl 2,25), các cặp vợ chồng Prisca và Aquila (Rm 16,3-4) Andronico và Giunia (Rm 16,7), các phụ nữ khác như Maria, Trifena và Trifosa (Rm 16,6.12). Cứ theo đó chúng ta có thể nhận thấy công việc tổ chức các giáo đoàn do thánh Phaolô thành lập có tính cách rất tự do và dân chủ. Nghĩa là có sự tham gia tích cực của mọi Kitô hữu, không phân biệt tuổi tác và phái tính. Ai được Chúa Thánh Thần ban cho đặc sủng gì thì dùng chính đặc sủng ấy để phục vụ và vun trồng cộng đoàn. Cũng chính vì thế nên sau khi bàn về các ơn Chúa ban, thánh Phaolô viết trong chương 14, 26 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô: “Như vậy thì phải làm gì thưa anh chị em? Khi anh chị em hội họp, thì mỗi người có thể hát một bài thánh ca, mang tới một giáo huấn hay một mạc khải, nói các thứ tiếng

hay giải thích: nhưng hãy làm mọi sự trong mục đích xây dựng cộng đoàn”. Tuy nhiên có điều chắc chắn là chính thánh Phaolô hướng dẫn các sinh hoạt của cộng đoàn.

Các phụ nữ cũng không bị loại trừ khỏi các sinh hoạt của cộng đoàn. Bởi vì thánh Phaolô công nhận quyền của mọi tín hữu được phát biểu trong các buổi hội họp. Nếu thánh nhân có khuyên chị em phụ nữ là đội khăn che đầu khi tham dự các buổi hội họp, như viết trong chương 11 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô, thì đó là tập tục của các dân tộc địa phương chứ không phải do thánh nhân hay Giáo Hội áp đặt. Trong cùng chương khi khuyên các người làm vợ tùng phục chồng như Giáo hội tùng phục Chúa Giêsu là đầu, thánh Phaolô không có ý hạ giá phụ nữ, mà chỉ nhắc cho họ biết ơn gọi đặc thù của họ là được Thiên Chúa dựng nên để trở thành bản vị tương xứng với người nam. Văn bản chương 14,33-35 trong cùng thư ghi lại lập trường cấm phụ nữ phát biểu trong các buổi họp, và dặn họ có muốn biết gì thì hỏi chồng ở nhà chứ không nên nói giữa công chúng, bị nhiều học giả cho là do người khác thêm vào sau này, chứ không phản ánh lập trường của thánh Phaolô (H.Conzelmann, Der erste Brief an die Korinther, Goettingen 1972, 289-290; G. Dautzenberg, Urchristliche Prophetie. Ihre Erforschung, ihre Voraussetzungen im Judentum und ihre Struktur im ersten Korintherbrief, Stuttgart 1975, 257-273). Dù sao đi nữa, nó cũng mang nặng ảnh hưởng tâm thức “trọng nam khinh nữ” của xã hội Do thái. Và dĩ nhiên là thánh Phaolô cũng vẫn còn bị ít nhiều ảnh hưởng đó. Mặc dù trong chương 3,28 thư gửi giáo đoàn Galát, thánh nhân nhấn mạnh rằng sự khác biệt phái tính không quan trọng. Trên bình diện lịch sử - cứu độ là nam hay là nữ cũng như nhau trong “Chúa Giêsu Kitô”.

Trên bình diện dân sự các Kitô hữu vẫn có các quyền và bổn phận công dân mà họ phải tuân giữ không phải vì sợ bị phạt, nhưng với ý thức cao độ là góp phần vào việc củng cố trật tự xã hội và công ích. Trong chương 13 thư gửi tín hữu Roma thánh Phaolô khuyên tín hữu tuân phục các giới chức chính quyền, sống liêm chính, ngay thẳng và đóng thuế cho theo luật lệ quốc gia. Dĩ nhiên là họ không được tham dự các lễ nghi cúng tế công cộng, vì như thế là phạm tội tôn thờ các thần linh, như thánh Phaolô khuyên nhủ trong chương 10,14-22 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô.

## ĐỀ TÀI 7

### TƯƠNG QUAN GIỮA THÁNH PHAOLÔ VÀ TÍN HỮU THUỘC CÁC CỘNG ĐOÀN KITÔ TIÊN KHỞI

Khi đề cập tới gương mặt và cuộc đời thánh Phaolô, chúng ta không thể bỏ qua liên hệ giữa thánh nhân và tín hữu thuộc các cộng đoàn Kitô tiên khởi, do chính ngài thành lập và nhọc công vun trồng. Nhiều văn bản trong các thư chứng minh cho thấy thánh nhân là một vị chủ chăn rất nhạy cảm và đầy nhiệt huyết. Chẳng hạn khi chứng minh cho tín hữu Côrintô thấy tích chất trung thực trong sứ mệnh thừa tác của ngài để chống lại các người vu khống chống đối ngài, thánh Phaolô đã bắt buộc dĩ phải nói về những lao công khổ nhọc, những âu lo khắc khoải và cả những điều đứng của mình nữa. Thánh nhân viết trong chương 11 thư thứ hai gửi cho họ: “Ngoài những cơ cực bề ngoài ấy, tôi còn phải ngày đêm lo lắng cho các giáo đoàn. Có ai yếu đuối mà tôi không cảm thấy yếu đuối? Có ai sa ngã mà tôi không cảm thấy như thiêu như đốt? Nếu cần phải khoe khoang, thì tôi chỉ khoe khoang về sự yếu hèn của tôi thôi” (2 Cr 11,28-30). Nghĩa là ngoài các hệ thống tư tưởng thần học sâu sắc, các thư cũng còn cho chúng ta thấy Phaolô là một chủ chăn đặc biệt có khả năng chia sẻ cuộc sống của các tín hữu, giàu nhân bản, biết duy trì các tương quan liên bản vị sâu sắc vững vàng, nhạy cảm đối với lòng thương mến và tình bạn một đôi

khi rất đam mê và gây hấn nữa.

Trong chương 2 thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica, Phaolô đã dùng hình ảnh cha mẹ để diễn tả các liên hệ của ngài và các cộng sự viên với tín hữu. Ngài gọi lại thời gian sống và hoạt động giữa họ với những lời lẽ cảm động như sau: “Trong tư cách là tông đồ của Chúa, lẽ ra chúng tôi được quyền đòi hỏi anh chị em phải trọng đãi. Nhưng chúng tôi đã ăn ở khiêm tốn giữa anh chị em, như người mẹ săn sóc con mình. Chúng tôi tha thiết yêu mến anh chị em. Chúng tôi không chỉ ước ao cống hiến cho anh chị em Tin Mừng của Chúa, mà còn muốn hiến dâng cả mạng sống chúng tôi cho anh chị em nữa. Chúng tôi đã vất vả khó nhọc thế nào chắc anh chị em còn nhớ. Đang lúc chúng tôi rao giảng Tin Mừng cho anh chị em, chúng tôi cũng đã phải làm việc ngày đêm, để không phải phiền lụy ai trong anh chị em. Có anh chị em và Thiên Chúa làm chứng đó. Chúng tôi đã ăn ở trước mặt anh chị em và các tín hữu một cách thánh thiện, công chính, không có gì đáng chê trách. Anh chị em cũng đã biết chúng tôi cư xử với mỗi người với tình cha con. Chúng tôi đã khuyên bảo, an ủi và đã nài xin anh chị em sống xứng đáng với Thiên Chúa, Đấng đã gọi anh chị em vào hưởng vinh quang trong Nước của Ngài” (1 Ts 2,8-12).

Liên hệ của thánh nhân với tín hữu cộng đoàn Côrintô đã thiết tha và khổ đau nhất. Nhưng lòng thương mến sẽ luôn luôn là động lực thúc đẩy ngài, ngay cả khi có phải nghiêm nghị cảnh cáo họ đi nữa. Chẳng hạn ngài viết trong chương 2 thư thứ hai gửi họ: “Thật ra tôi đã viết những dòng này cho anh chị em trong khổ đau, với tâm lòng đầy âu lo và tràn trề nước mắt. Không phải để làm cho anh chị em buồn sầu, nhưng là để cho anh chị em biết tình yêu thương vô bờ của tôi đối với anh chị em” (2 Cr 2,4). Trong chương 11 cùng thư Phaolô so sánh mình với một người làm mai mối, đã hứa hôn tín hữu Côrintô với Chúa Giêsu, nên ghen tương khi thấy họ phản bội Chúa Kitô là hôn phu của họ: “Thật thế, đối với anh chị em tôi cảm thấy ghen tương như Thiên Chúa ghen tương. Vì tôi đã đính hôn anh chị em với một vị hôn phu duy nhất để giới thiệu anh chị em với Chúa Kitô như giới thiệu một trinh nữ thanh khiết” (2 Cr 11,2). Mọi hình ảnh ấy chứng minh cho thấy Phaolô yêu thương tín hữu thật tình và vô vị lợi. Do đó thánh nhân viết trong chương 12 cùng thư: “Phần tôi, tôi sẵn lòng tiêu dùng mọi thứ tôi có, và hoàn toàn tiêu hao chính mình vì anh chị em. Cho dù tôi có yêu mến anh chị em nhiều như thế mà anh chị em ít thương mến tôi, thì thôi cũng không hệ gì đâu” (2 Cr 12,15).

Tuy nhiên, nói thì nói thế, chứ thật tình Phaolô muốn rằng tình yêu thương ấy phải là tình yêu thương hai chiều. Vì vậy trong chương 6 thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô thánh nhân mới nhấn nhủ họ như sau: “Anh chị em Côrintô, chúng tôi đã thẳng thắn nói chuyện với anh chị em và con tim chúng tôi rộng mở, chứ không đóng kín hạn hẹp. Trái lại chính tâm lòng của anh chị em hẹp hòi. Hãy đáp trả lại sự rộng rãi của chúng tôi. Tôi nói với anh chị em như nói với con cái, hãy rộng mở con tim cho chúng tôi” (2 Cr 6,11-13). Riêng đối với tín hữu Galát, thánh Phaolô đã cảm động nhắc lại sự tiếp đón quảng đại chân tình mà họ đã dành cho ngài trước đây. Lần đầu tiên khi tới rao giảng Tin Mừng cho họ, dù thánh nhân ốm yếu bệnh hoạn, họ cũng không khinh chê hay từ chối, trái lại đã tiếp nhận ngài như thiên sứ Chúa gửi tới để loan báo sự thật cứu độ cho họ. Họ đã thương mến Phaolô tới độ giá có phải móc mắt mà cho ngài, họ cũng chẳng lưỡng lự. Thế mà giờ đây chỉ vì thánh nhân cảnh cáo họ đừng mắc bẫy các người thù hằn và chống đối thánh nhân, muốn chiếm cảm tình của họ bằng cách chia rẽ các liên hệ tốt đẹp giữa họ và thánh nhân, mà họ thay lòng đổi dạ, coi người đã loan báo Tin Vui cứu độ cho họ như thù địch. Thật chẳng còn gì đau đớn hơn như Phaolô viết trong chương 4,13-17.

Tình thương mến đối với tín hữu cũng khiến cho Phaolô sung sướng khi biết rằng họ sống lòng tin kiên vững và vẫn thương nhớ ngài. Trong chương 3 thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica thánh nhân viết: “Giờ đây Timôtêô đã từ già anh chị em mà trở về với chúng tôi, và đem tin vui liên quan tới lòng tin và lòng mến của anh chị em, cũng như cho chúng tôi biết rằng anh chị em nhớ và ước mong gặp lại chúng tôi cũng như chúng tôi mong ước gặp lại anh chị em”. Với tín hữu Côrintô Phaolô khen ngợi họ

đã nhớ tới ngài trong mọi trường hợp và duy trì các truyền thống lòng tin như ngài đã thông truyền cho họ (1 Cr 11,2).

Sau cùng lòng thương mến hiệp thông ấy được tỏ hiện ra trong các lời nguyện mà thánh Phaolô hằng dâng lên Thiên Chúa để khẩn cầu cho các cộng đoàn tín hữu do ngài thành lập. Chính Phaolô cho tín hữu biết điều đó trong các thư gửi cho họ. Điển hình như trong chương 3 thư thứ nhất gửi giáo đoàn Thêxalônica, chương 1 thư gửi giáo đoàn Roma và chương 1 thư gửi tín hữu Philipê (1 Ts 3,12-13; Rm 1,9-10; Pl 1,4). Thánh nhân cũng thường xin họ nhớ tới ngài trong lời cầu (1 Ts 5,25; 2 Cr 1,11; Rm 15,30-32). Chẳng hạn vào cuối chương 15 thư gửi giáo đoàn Roma Phaolô viết: “Nhân danh Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta và nhân danh Chúa Thánh Thần là nguồn yêu thương, tôi nài xin anh chị em cùng chiến đấu với tôi qua lời cầu, mà anh chị em dâng lên Thiên Chúa để khẩn cầu cho tôi, để tôi thoát khỏi tay các kẻ bất tín vùng Giuđê và để cho tín hữu Giêrusalem vui lòng chấp nhận đồ cứu trợ tôi đem tới cho họ” (Rm 15,30-31).

Có thể nói Phaolô chẳng yên tâm khi phải rời xa các tín hữu của Ngài. Vì thế nên thánh nhân luôn luôn muốn nhận được tin tức của họ, để biết rằng mọi chuyện trong cộng đoàn xuôi chảy và đồng thời cũng là để được an ủi vì tình liên đới của họ. Do đó Phaolô gửi các cộng sự viên thay ngài thăm viếng các tín hữu. Trong lúc lưu lại Côrintô, thánh nhân lo lắng cho số phận của tín hữu Thêxalônica, mà ngài đã phải vội vàng rời bỏ vì người do thái tại đây tìm mọi cách gây khó dễ và truy nã ngài. Do đó Phaolô vẫn canh cánh bên lòng không yên. Đã mấy lần thánh nhân muốn tới thăm họ, nhưng Satan cứ gây cản trở. Sau cùng không tri hoãn được nữa Phaolô mới cử Timôtêô đến thăm họ và củng cố lòng tin của họ trong hoàn cảnh khó khăn này (1 Ts 2,13-3,1). Khi Timôtêô trở về và đem tin vui, thánh nhân nói ngài vui sướng vì thấy tín hữu Thêxalônica đứng vững trong Chúa, và cảm tạ Chúa vô vàn (1 Ts 3,8). Đó cũng đã là tâm tình của Phaolô đối với cộng đoàn Côrintô, khi thánh nhân được gặp Titô ở Maxêđônia và được ông cho biết tín hữu Côrintô mong nhớ thương mến và trọng kính ngài (2 Cr 2,12-23; 7,5-16). Và thánh nhân sung sướng kết luận lá thư thứ hai viết cho họ với niềm vui sướng có thể tin cậy nơi họ, như ta có thể đọc trong chương 7,16 thư thứ hai gửi giáo đoàn Côrintô.

Trong các liên hệ cụ thể với tín hữu các cộng đoàn, thánh Phaolô theo một nguyên tắc bất di bất dịch, khiến không ai có thể trách cứ thánh nhân. Đó là không phải cộng đoàn tín hữu phải phụng sự thánh nhân, mà chính thánh nhân phụng sự cộng đoàn. Tinh thần phụng sự này sẽ là tiêu chuẩn thánh nhân dùng để lột mặt nạ các người xấu bụng trong cuộc tranh luận với các tông đồ giả, và giúp các tín hữu mở mắt nhận ra đâu là sự thật và ai là những người yêu thương họ thực sự. Cũng nhân danh tinh thần đó thánh Phaolô chủ trương nguyên tắc “tay làm hàm nhai”, làm việc như mọi người để sống, dù có vất vả và phải cố gắng nhiều, chứ thánh nhân không đòi buộc các tín hữu phải bỏ công bỏ của ra trợ giúp, mặc dù ngài có quyền làm điều đó và cho dù thói quen của các cộng đoàn thời ấy là có bốn phận đảm bảo cho các nhu cầu vật chất của các nhà truyền giáo. Nhưng tinh thần phục vụ hoàn toàn vô vị lợi ấy khiến cho thánh Phaolô là người hoàn toàn tự do trong việc loan báo Tin Mừng cứu độ, không bị ai và không bị điều gì hạn chế và điều kiện hóa.

## ĐỀ TÀI 8

### “THƯƠNG CON CHO ROI CHO VỌT” PHƯƠNG PHÁP SỰ PHẠM CỦA THÁNH PHAOLÔ

Duyệt xét các tương quan của thánh Phaolô với tín hữu các cộng đoàn kitô tiên khởi do thánh nhân thành lập, chúng ta nhận thấy thánh nhân là một chủ chăn rất nhạy cảm và đầy nhiệt huyết. Thật vậy, Phaolô là một chủ chăn rất giàu nhân bản, có khả năng chia sẻ cuộc sống của các tín hữu và biết duy trì các tương quan liên bản vị sâu sắc vững vàng. Thánh nhân cũng là người hết mực yêu thương các tín hữu, yêu thương một cách vô vị lợi. Nhưng ngài cũng ước mong tín hữu đáp trả lại tình yêu thương ấy, bằng cách mở rộng tâm lòng cho lời rao giảng của ngài và cho các cộng sự viên. Dù có đi bất cứ đâu, Phaolô cũng nhớ đến họ và tìm cách liên lạc để có tin tức của họ. Nếu không đến thăm họ được, Phaolô gửi các cộng sự viên của ngài tới thăm họ. Trong tương quan với các tín hữu thánh Phaolô và các cộng sự viên của ngài theo nguyên tắc tự làm việc để mưu sinh, chứ không trở thành gánh nặng cho bất cứ ai. Do đó thánh nhân rất tự do và không bị một ai hoặc bất cứ gì điều kiện hóa trong công việc rao truyền Lời Chúa. Bằng chứng là khi cần thánh Phaolô đã theo nguyên tắc sự phạm ngàn đời “thương con cho roi cho vọt”. Ngài không ngần ngại cảnh cáo, sửa dạy các tín hữu với lời lẽ rất cứng rắn.

Trước tình trạng tín hữu Côrintô mắc bẫy một số người âm mưu chia rẽ cộng đoàn, hợp bè kéo cánh, người theo Phaolô, kẻ ủng hộ Apôllô người khác nữa phò Kêpha, thánh nhân nhắc nhở cho họ biết rằng chỉ có Chúa Kitô là nền móng duy nhất của căn nhà đức tin, mà mỗi tín hữu phải cố công xây cất cho mình. Trên cùng một nền móng duy nhất người ta có thể xây nhà bằng vàng, bằng bạc, bằng đá quý, bằng rơm rạ. Và mỗi một tín hữu đều là đèn thờ của Chúa Thánh Thần. Đồng thời thánh Phaolô cũng nhắc cho mọi người biết rằng chỉ có Chúa Giêsu Kitô là nền tảng duy nhất của toàn Giáo Hội. Và thánh nhân kết luận chương 3 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô như sau: “Vì vậy, đừng ai khoe mình trước mặt người đời. Mọi sự đều thuộc về anh chị em. Phaolô, Apôllô, Kêpha, thế gian, sự sống, sự chết, hiện tại, tương lai, tất cả là của anh chị em. Nhưng chính anh chị em thì thuộc về Đức Kitô và Đức Kitô thì thuộc về Thiên Chúa”.

Nói cách khác thánh Phaolô nghiêm khắc cảnh cáo các tín hữu đừng mắc mưu những người muốn đánh phá Giáo Hội bằng cách gây chia rẽ và tạo ra tâm thức mặc cảm, so sánh, tị hiềm, cạnh tranh, nghi ngờ, kéo bè kết đảng giữa các thành phần Giáo Hội, giữa các chủ chăn với nhau, giữa các tín hữu và các chủ chăn, giữa cộng đoàn này với cộng đoàn khác. Và mưu chước đánh phá Giáo Hội cổ điển bằng cách chia rẽ, phân tán mỏng, tạo xung khắc và tị hiềm, tạo tâm thức cục bộ, tự ti hay tự tôn mặc cảm, tạo tâm thức tranh giành quyền bính và ảnh hưởng, vẫn luôn luôn là chước độc mưu thâm của mọi lực lượng muốn triệt hạ Giáo Hội thuộc mọi thời đại, xưa cũng như nay. Muốn khỏi rơi vào cạm bẫy ấy mọi tín hữu và đặc biệt là các chủ chăn phải hiểu và xác tín rằng Giáo Hội là của tất cả, chứ không phải chỉ là của miền này miền nọ trong một nước, và mọi thành phần Giáo Hội con dân của cùng một nước, dù có sống ở đâu trong nước hay ngoài nước thì cũng là con cái của cùng một Giáo Hội mẹ, cần được kết nạp, huy động để tận dụng tối đa mọi khả năng tinh thần cũng như vật chất hầu xây dựng và vun trồng Giáo Hội ngày càng phong phú, vững mạnh và trưởng thành hơn, chứ không phải chỉ vị lãnh đạo này hay lớp người nọ, ở trong hoặc người ở ngoài mới là lực lượng chính hay lực lượng phụ xây dựng Giáo Hội. Nghĩ như thế là rơi vào bẫy sập chia rẽ của những người chủ trương đánh phá Giáo Hội.

Riêng đối với tín hữu Côrintô, thánh Phaolô cho họ hiểu rằng nếu thánh nhân và các cộng sự viên của ngài có làm mọi sự để lôi kéo họ, thì không phải là để khống chế hay chiếm đoạt họ, mà là để đưa họ tới với Chúa Giêsu Kitô và Tin Mừng của Chúa, cộng tác với ơn thánh Chúa để niềm vui phát xuất từ đức



tin của họ được trọn vẹn, như thánh nhân khẳng định trong chương 1,24 thư thứ hai gửi cho họ. Trong chương 4,5 cùng thư Phaolô minh xác với tín hữu Côrintô như sau: “Thật vậy, chúng tôi không rao giảng về chúng tôi, nhưng rao giảng Chúa Giêsu Kitô là Chúa, và chúng tôi chỉ là đầy tớ của anh chị em vì lòng mến Chúa Kitô”. Cũng vì ý thức được mình chỉ là đầy tớ của các tín hữu vì lòng mến Chúa Kitô, nên thánh Phaolô từ chối phô trương các khả năng đặc sủng ngài có, mà chọn các phương cách tầm thường hơn, nhưng cũng hữu hiệu hơn để giúp tín hữu tăng trưởng trong lòng tin. Trong chương 14 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô, Phaolô thành thật nói lên điều đó: “Tạ ơn Chúa, tôi nói được nhiều thứ tiếng hơn anh chị em. Nhưng khi cộng đoàn tụ họp nhau, tôi thích nói năm ba lời dễ hiểu để dạy dỗ cả các anh chị em khác, hơn là nói một vạn lời như là người thông thạo các thứ tiếng” (1 Cr 14,18-19). Nghĩa là thánh nhân không nhằm gây kinh ngạc và thán phục nơi người nghe, mà chỉ muốn thuyết phục họ tin vào Tin Mừng (2 Cr 5,11). Mà để được như thế thì cần phải hiểu biết trình độ trí tuệ, tâm thức và nhu cầu của người nghe. Đối với các anh chị em bình dân, thuộc lớp lao động hay nông dân chân lấm tay bùn, thì cần phải dùng thứ ngôn ngữ hình ảnh và tư tưởng rõ ràng đơn sơ, mới có thể chuyển đạt Tin Mừng của Chúa tới họ một cách hữu hiệu được.

Ngoài ra, trong khoa sư phạm rao truyền Tin Mừng này, thay vì ra lệnh, sai khiến, thánh Phaolô luôn luôn khích lệ, thúc đẩy, nài xin và khuyên nhủ. Chẳng hạn trong thư gửi Philêmôn, thánh Phaolô nói dù ngài có quyền nhân danh Chúa Kitô truyền cho ông phải tiếp nhận Onesimô như là một người anh em trong đức tin, chứ không phải như một người đầy tớ đã trốn chủ, thánh nhân thích kêu gọi lòng yêu thương của ông hơn (Plm 8-9). Khi kêu gọi tín hữu cộng đoàn Côrintô quảng đại rộng tay trợ giúp các Kitô hữu giáo đoàn mẹ Giêrusalem, thánh Phaolô nói ngài không ra lệnh cho họ, nhưng chỉ nhắc tới nhiệt tâm của các tín hữu khác để xem họ thành tâm trợ giúp các tín hữu nghèo túng tới mức nào (2 Cr 8,8). Còn trong thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica thánh nhân nhắc nhở cho họ biết ngài và các cộng sự viên truyền giáo đã cư xử với họ trong tình cha con. Các vị đã khuyên bảo, an ủi và nài xin họ sống xứng đáng với Thiên Chúa, Đáng đã gọi họ vào Nước của Ngài để hưởng vinh quang với Chúa (1 Ts 2,11-12).

Phaolô không chỉ nêu gương sống cho các tín hữu, mà còn khuyến khích họ noi gương sống của ngài. Trong chương 4 thư thứ nhất gửi tín hữu cộng đoàn Côrintô, thánh Phaolô khuyên họ biết thận trọng và khiêm tốn, không nên hấp tấp phán đoán ai và chia bè chia phái trong cộng đoàn. Ngài nhấn nhủ họ như sau: “Thưa anh chị em, tôi đã áp dụng các điều trên đây vào tôi và Apôllô, vì lợi ích cho anh chị em, để anh chị em theo gương chúng tôi, chớ vượt quá điều đã ghi chép và chớ sinh kiêu ngạo theo phe này phản phe kia...Tôi viết như vậy không có ý làm cho anh chị em phải xấu hổ, mà để khuyên răn anh chị em như những người con thân yêu. Thật vậy, anh chị em có thể có một vạn thầy dạy trong Đức Kitô, nhưng anh chị em không có nhiều cha đâu. Chính tôi đây là kẻ đã nhờ Tin Mừng mà sinh ra anh chị em trong Đức Giêsu Kitô. Tôi nài xin anh chị em hãy bắt chước tôi” (1 Cr 4,6.14-16). Trong chương 3 thư gửi tín hữu Philipê thánh Phaolô đã khẩn thiết kêu gọi họ như sau: “Thưa anh chị em, xin anh chị em hãy bắt chước tôi. Hãy chú ý tới những người ăn ở theo gương mẫu chúng tôi đã để lại cho anh chị em” (Pl 3,17). Thánh Phaolô nói thế không phải để đề cao gương mặt của ngài hay các cộng sự viên của ngài, mà là để thôi thúc tín hữu biết lấy Chúa Kitô làm điểm tham chiếu duy nhất, và noi gương các ngài như các ngài đã noi gương sống của Chúa, như thánh nhân viết trong chương 11,1 thư thứ nhất gửi giáo đoàn Côrintô.

Tuy nhiên, khi cần phải cứng rắn quở trách, Phaolô cũng rất nặng lời với các tín hữu, đúng theo nguyên tắc “thương con cho roi cho vọt”. Thánh nhân mắng tín hữu Galát là ”ngu dân dại dột”, vì đã để cho những Kitô hữu gốc do thái quá khích lung lạc lôi kéo sống phản Tin Mừng tự do và giải phóng của Chúa Kitô. Nhờ lòng tin vào Chúa Kitô chịu đóng đinh họ được giải phóng khỏi luật lệ, nhận được Chúa Thánh Thần và sống theo tinh thần của Tin Mừng tự do và giải phóng, nhưng giờ đây họ lại quay trở về

với luật lệ nô lệ và sống theo xác thịt (Gl 3,1-3). Ngài cũng trách tín hữu Côrintô vốn khôn ngoan như thế, mà giờ đây cũng đại khờ để cho các kitô hữu gốc do thái quá khích gây chia rẽ, hành hạ, xâu xé, bóc lột, cười chê và đánh tạt, mà tỏ ra nhu nhược không dám phản ứng nhân danh Tin Mừng của Chúa Kitô (2 Cr 11,19-21). Phaolô cố ý nặng lời như thế với các tín hữu là để thức tỉnh họ đừng rơi vào mê hồn trận của những người phản bội tinh thần Tin Mừng của Chúa Kitô. Trong chương 4 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô thánh Phaolô còn đe là sẽ cầm roi đến thăm họ, nếu họ không hối lỗi sửa mình (1 Cr 4, 21).

Riêng đối với các người sống phản chứng và trở thành kẻ thù của Tin Mừng, đe dọa sự thật của Tin Mừng, nổi giáo cho Satan đánh phá Giáo Hội Chúa, gây chia rẽ giữa ngài và các tín hữu, thánh Phaolô không ngần ngại mạt sát họ là “đồ anh em giả dối” (2 Cr 11,26: Gl 2,4), là các “tông đồ giả” (2 Cr 11,13) là “các kẻ phục vụ Satan” (2 Cr 11,15) là “những kẻ gây hoang mang rối loạn trong cộng đoàn” (Gl 5,13), là “đồ chó” (Pl 3,2) và là “kẻ thù của thập giá Chúa Kitô” (Pl 3,18), như chúng ta có thể đọc trong các chương 11 thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô, các chương 3 và 5 thư gửi tín hữu Galata và chương 3 thư gửi giáo đoàn Philiphê. Tình yêu thương đối với các tín hữu khiến cho Phaolô trở thành đánh đá và có giọng sắt thép; bởi vì ai đánh phá các cộng đoàn và gây chia rẽ lung lạc tín hữu là động đến chính con người của ngài, là làm ô uế đền thờ của Thiên Chúa, mà thánh nhân là người nhọc công xây dựng trên sứ điệp Tin Mừng tinh tuyền của Chúa Giêsu Kitô bị đóng đinh (1 Cr 3,10-17).

## ĐỀ TÀI 9

### PHAOLÔ, VỊ TÔNG ĐỒ GẶP NHIỀU ĐỐI KHÁNG

Duyệt xét Kitô giáo thời khai sinh chúng ta nhận thấy quyền lãnh đạo nằm trong tay của các môn đệ lịch sử của Đức Giêsu thành Nagiarét. Các vị này là những người đã được chính Chúa Giêsu tuyển chọn, đã chia sẻ cuộc sống của Chúa Giêsu và được Ngài hiện ra gặp gỡ sau ngày phục sinh. Do đó các vị có thể làm chứng cho Chúa Giêsu Kitô, và tuyên xưng rằng “Đấng bị đóng đinh đã sống lại” ( Mc 16,6). Nói cách khác, các môn đệ lịch sử của Đức Giêsu thành Nagiarét là những người có thể nối liền hiện tại với quá khứ, có thể đảm bảo cho căn cước của Chúa Kitô phục sinh và Đức Giêsu lịch sử. Qua các vị, lòng tin của tín hữu vào Chúa Kitô gắn liền với các biến cố và chứng tích lịch sử và được xây dựng vững vàng trên các biến cố lịch sử đó, chứ nó không phải là một giáo thuyết trừu tượng hay một thứ thần bí đạo đức vu vơ. Lời nói của các vị là lời của các người chứng trực tiếp. Nó đặt nền cho một sự chuyển tiếp định đoạt làm phát sinh ra Kitô giáo. Chuyển tiếp từ Đức Giêsu, Đấng loan báo Tin Mừng Nước Thiên Chúa, tức từ người đem sứ điệp, sang Đức Giêsu Đấng được loan báo, tức sang nội dung của sứ điệp. Trong nhóm nhỏ các tông đồ và môn đệ đó có gương mặt của Phêrô, tông đồ đầu tiên được Chúa Kitô phục sinh tự tỏ hiện ra, là nổi bật hơn cả. Tuy nhiên, trong cộng đoàn Giêrusalem tông đồ Gioan và đặc biệt tông đồ Giacôbê anh em họ của Đức Giêsu, cũng là những người có địa vị quan trọng.

Là người mãi sau này mới tin vào Chúa Giêsu, Phaolô không có được vinh dự ấy của các tông đồ, cũng không thể tự giới thiệu như là chứng nhân biến cố sống lại của Chúa Kitô. Trên bình diện pháp định thánh nhân lại còn lâm tình trạng què quặt hơn nữa, vì đã từng là người bắt bớ đàn áp các Kitô hữu, nghĩa là có quá khứ không trong sạch. Nhưng từ từ Phaolô trở thành một nhà truyền giáo có tầm mức, cừ khôi và vô địch. Nhưng các thành công trong việc rao truyền Tin Mừng của Phaolô và của các vị khác làm nảy sinh ra vấn đề tương quan giữa Phaolô với các tông đồ trong cộng đoàn Giêrusalem.

Nếu quan sát lời dẫn nhập các thư, qua đó Phaolô giới thiệu căn cước của ngài, chúng ta có thể nhận ra sự kiện này. Đó là trong lá thư đầu tiên viết giữa năm 50-51 thánh nhân chỉ ghi: “Phaolô gửi cho tín hữu Thêxalônica” (1 Ts 1,1). Trái lại trong các thư sau đó, Phaolô cố ý nhấn mạnh rằng ngài là tông đồ. Và lời tự giới thiệu mình là tông đồ ấy có sắc thái tranh luận. Chẳng hạn trong thư thứ nhất và thư thứ hai gửi giáo đoàn Côrintô Phaolô viết: “Tôi là Phaolô được chọn làm tông đồ Đức Giêsu Kitô theo ý muốn của Thiên Chúa” (1 Cr 1,1; 2 Cr 1,1). Trong lời mở đầu thư gửi tín hữu Galát, ý thức là tông đồ ấy gia tăng rõ rệt: “Tôi là Phaolô, được chọn làm tông đồ không bởi sáng kiến của loài người cũng không do trung gian của một người nào, mà là bởi Đức Giêsu Kitô và bởi Thiên Chúa Cha, Đấng đã cho Đức Giêsu Kitô sống lại từ vương quốc các kẻ chết” (Gl 1,1). Và lời nhập đề thư gửi giáo đoàn Roma diễn tả trọn vẹn ý thức đó: “Tôi là Phaolô nô lệ Đức Giêsu Kitô, được gọi làm tông đồ, được tuyển chọn để loan báo Tin Mừng của Thiên Chúa... Chính từ Ngài mà chúng tôi đã lãnh nhận ơn thánh là tông đồ để dẫn đưa tất cả mọi người ngoại giáo tới chỗ tuân phục của lòng tin, hầu vinh danh Ngài” (Rm 1,1.5). Lý do nào đã khiến cho Phaolô có ý thức là tông đồ của Chúa Giêsu Kitô như thế? Chúng ta đang sống giữa các năm 54-57, là thời gian có một số kitô hữu gốc do thái len lỏi vào các cộng đoàn Côrintô và Galát để gây chia rẽ, xáo trộn. Họ không chấp nhận Đức Giêsu Kitô chịu đóng đinh như trọng tâm của Tin Mừng và quá khích chủ trương bắt các anh chị em kitô không do thái phải tuân giữ luật lệ do thái. Để đạt hai mục tiêu này họ tìm lôi kéo tín hữu các cộng đoàn này theo họ, bằng cách đặt điều vu khống và hạ uy tín của thánh Phaolô. Phaolô đã cương quyết phản ứng. Và trong trận chiến chống lại các kẻ bêu xấu ngài, thánh nhân đạt ý thức mình là tông đồ của Chúa Kitô phục sinh. Chúng ta hãy theo tiến trình triển nở của ý thức này.

Trong thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô Phaolô tự biện hộ cho mình bằng cách khẳng định với họ hai điều. Thứ nhất, thánh nhân không bị gạt bỏ ra khỏi số các tông đồ được Chúa Kitô phục sinh tự tỏ hiện ra, như các người kitô gốc do thái nói trên rêu rao. Vì kinh nghiệm gặp gỡ của ngài với Chúa Kitô phục sinh trên đường đến thành Damasco là bằng chứng cho thấy Chúa Kitô phục sinh cũng hiện ra với Phaolô. Còn hơn thế nữa, Chúa Kitô phục sinh còn còn quật cho Phaolô té xuống đất và đánh mù mắt Phaolô nữa. Do đó biến cố hiện ra này cũng có giá trị như y như biến cố Chúa Kitô phục sinh hiện ra với các môn đệ lịch sử của Ngài vậy. Sau khi liệt kê những người đã được Chúa Kitô phục sinh hiện ra như: Phêrô, 12 Tông Đồ, 500 môn đệ, Giacôbê, tất cả các tông đồ, Phaolô viết tiếp trong chương 15,8 thư thứ nhất gửi giáo đoàn Côrintô: “Sau cùng, Ngài cũng đã hiện ra với tôi là bào thai bị phá” (1 Cr 15,8). Trước đó trong chương 9,1 Phaolô đã hỏi các tín hữu: “Tôi không phải là tông đồ hay sao? Hay có lẽ tôi đã không trông thấy Chúa Giêsu Chúa chúng ta hay sao?” Và từ kinh nghiệm gặp gỡ Chúa Kitô phục sinh trên đường Damasco, Phaolô khẳng định rằng dù là người bất xứng ngài cũng vẫn là tông đồ, được chính Chúa Kitô phục sinh hiện ra và tuyển chọn (1 Cr 15,9)

Lý do thứ hai khiến Phaolô xác tín mình là tông đồ của Chúa Kitô, vì ơn thánh Chúa ban và vì ngài đã nỗ lực cộng tác với ơn thánh đó để làm cho lòng tin và cuộc đời của Ngài sinh hoa trái phong phú. Vì thế Phaolô viết tiếp trong chương 15 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô: “Nhưng sở dĩ tôi được như bây giờ chính là nhờ ơn thánh Chúa. Và ơn thánh của Ngài đã không vô hiệu trong tôi. Trái lại, tôi đã khó nhọc vất vả hơn tất cả mọi người khác. Nhưng không phải tôi, mà là ơn thánh Chúa ở trong tôi” (1 Cr 15,10). Chính các tín hữu Côrintô là bằng chứng sống động cho thấy Phaolô thật là tông đồ với tất cả mọi hiệu quả của nó. Vì thế Phaolô viết trong chương 9 cùng thư: “Anh chị em há lại không phải là công trình của tôi trong Chúa sao? Nếu đối với các người khác tôi không phải là tông đồ, thì ít nhất tôi chắc chắn là tông đồ đối với anh chị em. Thật ra chính anh chị em là dấu ấn chức vụ tông đồ của tôi trong Chúa” (1 Cr 9,1-2). Các sự kiện minh chứng cho thấy Phaolô được chọn làm tông đồ. Đây không phải là việc tấn phong theo thể chế, mà là một tấn phong đặc sủng.

Trong chương 3,2-3 thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô thánh Phaolô nói tụy ngài và các cộng sự viên không có thư giới thiệu là tông đồ như các Kitô hữu gốc do thái từ nơi khác tới đang đánh phá cộng đoàn, nhưng chính các tín hữu là thư ủy nhiệm của ngài và của các cộng sự viên. Một lá thư ủy nhiệm được viết trong con tim các tín hữu, được mọi người biết tới và đọc. Các tín hữu Côrintô rõ ràng là bức thư của Chúa Kitô, do thánh Phaolô và các cộng sự viên của ngài soạn thảo ra trong chức thừa tác. Nó không được viết bằng mực đen, mà được viết bằng Thánh Thần của Thiên Chúa hằng sống. Nó không được viết trên bảng đá, mà được viết trên con tim bằng thịt của các tín hữu (2 Cr 3,2-3).

Nhưng chưa hết, Phaolô còn phải đương đầu với một luận điệu khác nữa của các người kitô gốc do thái kể trên. Họ khoe khoang các kinh nghiệm đặc sủng ngoạn mục của họ, làm như thể họ giống ông Môsê từ núi Sinai xuống, mặt rạng ngời ánh sáng thiên linh (2 Cr 3.1-11). Do đó có lạ gì khi họ được các tín hữu trầm trồ thần phục và tin theo. Còn Phaolô là con người nghèo nàn yếu đuối, làm sao lại có thể là người do Thiên Chúa toàn năng vinh hiển sai tới được? Phaolô không chối bỏ sự thật ngài là một người nghèo nàn yếu đuối. Nhưng thánh nhân nêu bật rằng chính sự nghèo nàn yếu đuối ấy là chứng tích minh xác cho chức vụ tông đồ của Ngài. Phaolô là vị tông đồ của Chúa Kitô bị đóng đinh, và chia sẻ cái bất lực nhục nhã của Đức Kitô bị đóng đinh. Nhưng chính lúc bất lực nhất lại là lúc Chúa Kitô cứu độ trần gian (2 Cr 13,3-4). Và cái luận lý ngược đời của thập giá đó ghi đậm dấu trên toàn cuộc đời của thánh nhân. Do đó Phaolô viết trong chương 12,10: “Bởi vì khi tôi yếu đuối, lại chính là lúc tôi mạnh mẽ”.

Sau cùng Phaolô còn phải đối phó với các chống đối do nhóm kitô hữu gốc do thái len lỏi vào giáo đoàn Galát gây ra. Họ cho rằng Tin Mừng tự do thánh nhân rao giảng không tinh tuyền, mà là kết quả việc nghiền gẫm của trí khôn con người. Họ tìm hạ uy tín Phaolô bằng cách so sánh ngài với các tông đồ lãnh đạo cộng đoàn Giêrusalem, đặc biệt với Phêrô. Vì thế trong chương 1 thư gửi tín hữu Galát, Phaolô khẳng định rằng: “Thưa anh chị em tôi xin quả quyết với anh chị em rằng Tin Mừng tôi rao giảng không phải của loài người đâu. Cũng không phải tôi đã nhận được hay học được của một người nào, mà là do chính Chúa Giêsu Kitô đã mạc khải cho tôi” (Gl 1,11-12). Không phải vị sứ giả đảm bảo cho sự thật của sứ điệp Tin Mừng, mà chính sự thật của sứ điệp Tin Mừng đảm bảo cho tính chất đáng tin cậy của sứ giả. Do đó nếu lập trường của các kẻ chống đối thánh Phaolô thật sự là đúng, nghĩa là con người được ơn cứu độ qua việc tuân giữ luật lệ như họ chủ trương, thì Chúa Kitô đã chết một cách vô ích (Gl 2,21). Nhưng sự thật không phải như vậy. Chính cái chết của Chúa Kitô đã trao ban ơn cứu rỗi cho con người chứ không phải luật lệ. Vì thế nhân danh luật lệ do thái để xa lánh các anh chị em kitô không do thái, như Phêrô đã làm vì bị bọn người nói trên cám dỗ và gây áp lực, là sống trái với tinh thần Tin Mừng tự do của Chúa Kitô (Gl 2, 11-14).

Tóm lại, thánh Phaolô là một tông đồ với đầy đủ danh nghĩa của từ tông đồ, nghĩa là người được Chúa Kitô phục sinh sai đi rao giảng Tin Mừng; bởi vì Thiên Chúa Cha đã mạc khải cho thánh nhân biết mầu nhiệm của Chúa Giêsu Kitô Con Ngài, và đã trao cho thánh nhân sứ mệnh rao giảng Tin Mừng cho dân ngoại (Gl 1,15-16). Các thành quả rực rỡ của công tác truyền giáo minh chứng cho sự thật này. Chính vì thế trong chương 15 thư gửi tín hữu Roma Phaolô nói ngài có lý do để khoe khoang trong Chúa Kitô và trước mặt Thiên Chúa. Vì chính Chúa Kitô đã dùng ngài như dụng cụ được Chúa Thánh Thần hướng dẫn để đem Tin Mừng tự do và giải phóng tới cho mọi dân tộc ngoài do thái chưa biết Chúa. Do đó Phaolô không cần phải được các tông đồ lãnh đạo cộng đoàn Giêrusalem tấn phong trên bình diện pháp chế (Gl 1,17). Phaolô cũng không về Giêrusalem để được xác định là tông đồ. Nhưng ngài về Giêrusalem để đối chiếu xác tín và nội dung lời rao giảng của mình, bởi vì thánh nhân xác tín rằng trước ngài đã có các vị khác là chứng nhân của Chúa Kitô phục sinh và là tông đồ rao giảng Tin Mừng của Chúa Kitô (Gl 2,9).

## ĐỀ TÀI 10

### CON ĐƯỜNG THẬP GIÁ CỦA THÁNH PHAOLÔ

Khi đọc các thư của thánh Phaolô chúng ta có thể nhận ra một nét đặc thù khác trong cuộc sống của ngài. Đó là cuộc đời của thánh nhân là một con đường thập giá. Thật vậy, Phaolô không chỉ là vị tông đồ say mê thập giá Chúa Kitô và loan báo Chúa Kitô chịu đóng đinh, mà toàn cuộc sống của ngài cũng là một con đường thập giá.

Sau cuộc gặp gỡ đổi đời với Chúa Kitô phục sinh trên đường đến thành Damasco, và sau khi được Anania ban phép Rửa tội và nhận lấy Chúa Thánh Thần, Phaolô đã mạnh mẽ rao giảng Tin Mừng tại đây. Nhưng thánh nhân gặp chống đối mãnh liệt. Các người do thái âm mưu sát hại Phaolô. Họ cho canh gác cửa thành ngày đêm, cố ý không để cho Phaolô thoát nạn. Nhưng một đêm kia, các môn đệ đã bỏ Phaolô vào trong một cái thùng, rồi thòng xuống ngoài tường thành. Nhờ thế Phaolô thoát chết, như Sách Tông Đồ Công Vụ trình thuật trong chương 9, 23-25. Trong chương 11 thư thứ hai viết cho tín hữu Côrintô Phaolô cũng nhắc lại biến cố này: “Tại thành Damascô, quan châu trưởng của vua Areta đã cho canh gác thành, để mưu bắt tôi. Nhưng người ta đã cho tôi ngồi vào một chiếc thùng rồi thòng dây qua cửa sổ theo tường thả xuống. Thế là tôi thoát khỏi tay ông” (2 Cr 11,32-33).

Trong chuyến truyền giáo tại châu Âu Phaolô cũng phải sống kinh nghiệm bị các người đồng hương do thái chống đối. Thánh nhân bị họ nhục mạ và hành hung tại Philipê, như ngài kể lại cho tín hữu Thêxalônica trong chương 2 thư thứ nhất gửi cho họ. Chương 17 sách Công Vụ cũng thuật lại rằng khi tới Thêxalônica, Phaolô và Sila giảng trong hội đường do thái và thuyết phục được một số tín hữu do thái, cùng với nhiều người hy lạp và một số phụ nữ thượng lưu. Nhưng người do thái nổi giận thuê bọn du đảng âu đã và gây rối loạn trong dân chúng. Họ kéo nhau tới nhà ông Giason nhưng không thấy Phaolô và Sila đâu. Họ liền điệu Giason và một vài Kitô hữu ra trước giới hữu trách và vu khống cho họ là phá rối trị an. Trước tiếng gào thét của họ, giới chức thành phố bắt các Kitô hữu phải trả tiền ký quỹ để được tại ngoại. Trong khi đó các Kitô hữu khác đưa Phaolô và Sila trốn khỏi Thêxalônica và tới Bêrêa. Tại đây Phaolô và Sila đã được tiếp đón tử tế. Hai người đã rao giảng Tin Mừng trong hội đường do thái và không gặp sự chống đối nào. Trái lại, đã có nhiều người do thái tin theo Chúa Giêsu Kitô. Nhưng khi người do thái Thêxalônica nghe biết như thế, họ liền kéo đến Bêrêa và xúi dục dân chúng nổi lên chống đối Phaolô. Các Kitô hữu đã vội vã đem Phaolô xuống thuyền rời Bêrêa (Cv 17,1-15).

Tại Côrintô người do thái điệu Phaolô ra trước quan quyền lãnh sự Galliônê, và tố cáo Phaolô là xúi dục dân chúng tôn thờ Thiên Chúa trái phép, như kể trong chương 18 sách Công Vụ (Cv 18,12-17). Sở dĩ các người đồng hương do thái đã không ngừng dùng mọi thủ đoạn bắt bớ Phaolô, vì họ coi ngài là kẻ phản bội Do thái giáo và truyền thống của cha ông. Khi rao giảng Chúa Giêsu Kitô và Tin Mừng của Chúa, Phaolô tuyên bố ngày cáo chung của luật lệ Môsê và truyền thống tôn giáo của dân do thái. Do đó khi thì họ xúi dục giới chức chính quyền địa phương gây khó dễ đối với Phaolô, khi khác họ trực tiếp đứng ra trừng phạt và áp dụng luật của hội đường do thái đối với Phaolô. Trong chương 11 thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô Phaolô kể cho họ nghe các hình phạt ngài đã phải chịu: bị đánh bằng gậy 5 lần, mỗi lần 39 gậy, bị quật bằng roi da có các hòn chì 3 lần, và bị ném đá 1 lần. Không những thế họ lại còn đe dọa tới mạng sống của Phaolô nữa. Vì thế trong chương 15 thư gửi cho tín hữu Roma Phaolô xin mọi người cầu nguyện cho ngài thoát khỏi tay của người Giuđê, và đề cho tiền cứu trợ ngài đem về Giêrusalem được Kitô hữu tại đây chấp nhận (Rm 15,30-31). Tại Êphêxô Phaolô đã chỉ thoát chết trong gang tấc. Trong chương 1,8 thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô Phaolô chia sẻ với họ các khổ đau của Ngài và của các cộng sự viên như sau: “Thưa anh chị em chúng tôi chẳng muốn dấu anh chị em thảm cảnh đã

xảy ra cho chúng tôi bên vùng tiểu Á: chúng tôi đã bị áp bức quá sức chịu đựng của chúng đến độ thất vọng không còn muốn sống nữa”. Từ trong ngục, Phaolô viết thư thăm tín hữu Philipê. Xem ra thánh nhân không chắc có được trắng án hay không, nên ngài nói tới cái chết gần kề, và chuẩn bị tâm hồn cho ngày bị hành quyết (Pl 1.7.21-24; 2,17-18). Sách Tông Đồ Công Vụ cho chúng ta biết rằng Phaolô đã bị bắt tại Giêrusalem, bị giam tại đây rồi bị giải về Cesarea, và sau cùng bị giải về Roma. Và chúng ta biết chắc chắn là thánh nhân đã chịu tử đạo dưới thời hoàng đế Neron.

Tuy nhiên, những bất bớ mà Phaolô phải chịu chỉ giống như một phân nổi nhỏ của tảng băng khổng lồ chìm dưới mặt nước biển bắc cực. Nó che dấu cuộc đời “ba chìm, bảy nổi, chín cái lênh đênh” và khổ đau trăm chiều của vị tông đồ dân ngoại, có một không hai trong lịch sử rao truyền Tin Mừng. Chính Phaolô đã cho tín hữu Côrintô biết điều đó trong chương 11 thư thứ hai gửi cho họ. Bất đắc dĩ Phaolô phải so sánh mình với các tông đồ giả hiệu đang gây chia rẽ và đánh phá cộng đoàn Côrintô: “Họ khoe họ là các thừa tác của Đức Kitô ư? Tôi sắp nói như người điên dại, tôi còn hơn họ, vì trong lao nhọc: tôi hơn họ, trong tù tội: tôi hơn họ, bị đánh đập: tôi lại càng hơn họ, trong hiểm nguy mất mạng: đã nhiều phen! Tôi bị người do thái đánh tôi bằng gậy năm lần, mỗi lần 39 gậy. Tôi bị đánh bằng roi da 3 lần, bị ném đá một lần, bị đắm tàu 3 lần. Tôi đã qua một ngày một trên trên vực thẳm. Trong các chuyến hành trình đi bộ tôi rất thường gặp hiểm nguy trên sông, hiểm nguy vì cướp bóc, hiểm nguy vì các người đồng hương, hiểm nguy vì dân ngoại, hiểm nguy trong thành phố, hiểm nguy trong sa mạc, hiểm nguy trên biển cả, hiểm nguy vì các anh em giả dối. Phải vất vả, lao nhọc, thường thức khuya dậy sớm chịu đói chịu khát, thường nhịn ăn nhịn uống, chịu rét mướt, trần trụi. Không kể mọi chuyện còn lại, tôi còn phải ngày ngày lo lắng cho các giáo đoàn nữa” (2 Cr 11,23-28).

Thêm vào đó là thái độ không hiểu biết của tín hữu Côrintô và chiến dịch vu khống bôi nhọ Phaolô do một số thừa sai Kitô gốc do thái xách động. Nhưng tín hữu Côrintô lại bỏ vị tông đồ ”chỉ biết tới Đức Giêsu Kitô chịu đóng đinh” (1 Cr 2,2), để chạy theo các bậc thầy hùng biện và sáng giá hơn (1 Cr 1,10-4,21). Họ đã giải thích sai thái độ của Phaolô, khi thấy thánh nhân khước từ quyền được đòi hỏi tín hữu chu cấp cho cuộc sống vật chất của mình, mà lại lựa chọn tự lực cánh sinh, để không trở thành chướng ngại cho việc chấp nhận Tin Mừng (1 Cr 9,1 tt.; 2 Cr 12,13-15). Cuộc lạc quyền do Phaolô phát động để trợ giúp tín hữu giáo đoàn mẹ Giêrusalem cũng bị nghi ngờ xuyên tạc (2 Cr 8, 20; 12,16-18). Trong cộng đoàn Côrintô thì nhóm các thừa sai xấu bụng nói trên phao đồn Phaolô là người không biết giữ lời hứa (2 Cr 1,12 tt.), có lời giảng dạy khó hiểu ( 2 Cr 4,4) không có khoa ăn nói hùng biện (2 Cr 11,6) và là người yếu đuối (2 Cr 10,1.10; 11,12). Đã vậy tín hữu Côrintô lại thụ động trước thái độ hiếu chiến của những người chống đối Phaolô, đến độ chính thánh nhân cũng than thở khi viết trong chương 11 thư thứ hai gửi cho họ: “Thế mà anh chị em lại chịu đựng kẻ biến anh chị em thành nô lệ, xấu xí cắn nuốt, khai thác bóc lột, ngạo ngược và tát vào mặt anh chị em. Tôi thật xấu hổ nói lên điều này: chúng ta đã quá nhu nhược” (2 Cr 11,20.21). Nhóm thừa sai kitô gốc do thái cực đoan còn đi tới chỗ tổ chức các cuộc truyền giáo chống lại Phaolô trong các giáo đoàn Côrintô, Galát, và Philipê nữa. Họ cho Phaolô không phải là tông đồ thật, vì chỉ là người tập nghề và không được ủy quyền như họ.

Tuy gặp trăm ngàn nguy khó như thế, nhưng Phaolô và các cộng sự viên không đầu hàng bỏ cuộc. Trong thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô thánh nhân lập đi lập lại điệp khúc: “Chúng tôi không nản lòng” (2 Cr 4,1.6), “Chúng tôi đầy can đảm” (2 Cr 5,6.8). Còn hơn thế nữa, Phaolô cảm nghiệm được niềm vui sâu xa khi gặp bất bớ thử thách và khổ đau vì Chúa Kitô và Tin Mừng của Ngài. Trong thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô và trong thư gửi giáo đoàn Philipê Phaolô nói với các tín hữu: “Con tim tôi được tràn đầy niềm an ủi và tôi tràn trề niềm vui trong mọi nỗi khổ đau của chúng tôi” (Cr 7,4; 2 Cr 6,10; Pl 1,4.7.18; 2,17-18). Ai không hiểu có thể cho Phaolô là một người bệnh hoạn. Nhưng thật ra niềm vui của thánh nhân phát xuất từ xác tín các khổ đau phải chịu trong cuộc đời tông đồ khiến cho thánh nhân được chia sẻ thập giá của Chúa Giêsu Kitô. Các khổ đau của ngài cũng chính là các khổ đau của Chúa

Kitô như thánh nhân viết trong chương 1,5 thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô. Thánh nhân mang chính cái chết của Chúa Kitô trong thân thể mình (2 Cr 4, 10). Trong chương 6,17 thư gửi tín hữu Galát Phaolô viết: “Tôi mang trong mình tôi các thương tích của Chúa Giêsu”. Phaolô linh cảm rằng cái luận lý ngược ngao của lịch sử cứu rỗi đang hiện thực trong chính cuộc sống của ngài: từ cái chết này sinh sự sống, từ hư không phát xuất ra mọi sự. Đây là lý do giải thích tại sao Phaolô lại viết cho tín hữu Côrintô trong chương 4,8-12 thư thứ hai gửi cho họ như sau: “Bị đàn áp tứ bề nhưng chúng tôi không bị đè bẹp, bị lạc hướng nhưng không thất vọng, bị bách hại nhưng không bị bỏ rơi, bị đánh ngã nhưng không bị nghiền nát, chúng tôi thường xuyên mang trong thân xác mình cái chết của Chúa Giêsu, để sự sống của Chúa Giêsu cũng được tỏ hiện ra trên thân xác chúng tôi như vậy...” (2 Cr 4,8-12). Chính qua sự yếu đuối của con người mà Thiên Chúa tỏ lộ quyền năng của Ngài, nên trong chương 12 cùng thư thánh nhân sung sướng khoe với tín hữu các sự yếu hèn của Ngài. Vì tình yêu đối với Chúa Kitô Phaolô vui chịu mọi đau khổ, xi nhục, mọi gian nan bắt bớ và cơ cực, bởi vì chính khi cảm thấy yếu đuối là lúc thánh nhân mạnh mẽ (2 Cr 12,9-10). Chúa Kitô bị đóng đinh nhưng đã phục sinh, giờ đây sống lại trong thân xác của thánh nhân, và trong thân xác của mọi tín hữu, nhờ quyền năng của Thiên Chúa, như viết trong thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô chương 13,4.

Mầu nhiệm cái chết và sự phục sinh của Chúa Kitô mà Phaolô loan báo, chính thánh nhân đã sống trong cuộc đời tông đồ và cảm nghiệm thấm thía trên thân xác ngài. Nói cách khác cuộc sống chịu đóng đinh của Phaolô là chứng tá sống động hùng hồn cho Tin Mừng mà ngài rao giảng. Sự yếu đuối nhân loại được quyền năng tạo dựng của Thiên Chúa biến đổi trở thành thụ tạo mới. Cũng chính vì thế nên khi thấy tín hữu Côrintô bị kiểu cách giải thích hiểu thắng khái hoàn của cuộc sống kitô lôi cuốn và làm lóa mắt, trong chương 4,9-13 thư thứ nhất gửi cho họ, Phaolô nhắc họ đừng quên thập giá và đêm đen của ngày thứ sáu tuần thánh và mọi thử thách, bắt bớ, khổ đau mà họ cũng phải gánh chịu để được ơn cứu độ.

## **CHƯƠNG III** **THƯ TÍN: MỘT HÌNH THỨC TÔNG ĐỒ MỤC VỤ**

### **ĐỀ TÀI 11**

### **NHÀ VĂN PHAOLÔ**

Đọc các thư của Phaolô chúng ta thấy thánh nhân là một nhà văn. Nhưng các tác phẩm của Phaolô không phải là thứ sản phẩm văn chương phát sinh từ thư phòng hay kết quả sinh hoạt trí thức của một tư tưởng gia đứng trên và đứng ngoài mọi phe phái. Chúng lại càng không phải là thành quả của những suy tư tổng quát hay nỗ lực tìm tòi triết lý thần học trừu tượng phi không gian và thời gian. Không, các thư của Phaolô phát xuất từ chính sinh hoạt truyền giáo và mục vụ của ngài. Chúng mang dấu vết “ở đây và bây giờ”. Chúng là các thư viết ra trong các dịp khác nhau hay đúng hơn chúng là các câu trả lời khẩn cấp cho các vấn đề cụ thể cá biệt của các cộng đoàn Kitô do thánh nhân thành lập và là phương tiện cần thiết trong công tác tông đồ nhằm mục đích liên lạc với tín hữu của các giáo đoàn này, hay là kiểu cách chia sẻ các quan điểm của cùng một lòng tin với các tín hữu, như trong trường hợp thư gửi giáo đoàn Roma (Rm 1,12).

Tuy được viết ra trong các dịp ngẫu nhiên, các thư của thánh Phaolô không có tính cách cá nhân, nhưng mang chiều kích cộng đoàn. Bởi vì chúng luôn luôn diễn tả liên hệ giữa thánh nhân là tông đồ



của Chúa Kitô và cộng đoàn tín hữu. Trường hợp thư gửi Philêmon là bức thư có chiều kích cá nhân nhất cũng không ra khỏi khung cảnh chính thức và công khai ấy. Thật ra, ngay trong tư cách nhà văn, Phaolô cũng luôn luôn trung thành với hình ảnh là con người của Tin Mừng. Trong chương 1,7 thư gửi giáo đoàn Galát, thánh nhân bênh vực sự thật của Tin Mừng chống lại khuynh hướng xuyên tạc của nhóm người Kitô gốc Do Thái quá khích, muốn giải thích Tin Mừng tự do và giải phóng của Chúa Kitô theo quan điểm luật lệ của Do Thái giáo. Ngài viết: “Không có một Tin Mừng nào khác đâu. Chẳng qua chỉ có mấy người gây rối loạn giữa anh chị em và muốn đánh đổ Tin Mừng của Chúa Kitô đó thôi”. Trong chương 1,16-17 thư gửi tín hữu Roma Phaolô khẳng định với tín hữu rằng Tin Mừng mà ngài rao giảng cho họ phát xuất từ chính Thiên Chúa và có mục đích đem lại ơn cứu độ cho con người, cho mọi người không trừ ai: “Thật ra tôi không hổ thẹn vì Tin Mừng. Bởi vì đó là quyền năng của Thiên Chúa nhằm trao ban ơn cứu độ cho mọi kẻ có lòng tin, trước tiên cho người do thái rồi cho người hy lạp. Thật vậy, bởi chính trong Tin Mừng mà sự công chính của Thiên Chúa được tỏ lộ ra bởi lòng tin và cho lòng tin theo lời đã viết: Kẻ công chính sẽ sống nhờ lòng tin”. Nghĩa là tín hữu được ơn cứu độ không phải nhờ các công việc phúc đức mình làm được như là phần thưởng hay giá mua vé vào cửa cuộc sống vĩnh cửu, nhưng là nhờ lòng tin và ơn thánh Thiên Chúa ban.

Trong các thư viết cho các giáo đoàn Thexalônica, Côrintô và Philipê, thánh Phaolô lấy Tin Mừng làm điểm tham chiếu để giải quyết các vấn đề của anh chị em tín hữu. Chẳng hạn trong chương 4 thư thứ nhất gửi tín hữu Thexalônica, thánh Phaolô trình bày giáo lý về cuộc sống đời sau dựa trên Tin Mừng phục sinh của Chúa. Đứng trước thái độ thiếu lòng tin và lòng cậy của nhiều tín hữu Thexalônica đau buồn thương khóc các thân nhân bạn bè qua đời đến như tuyệt vọng, Phaolô nhắc cho họ biết rằng nếu họ tin Chúa Giêsu đã chết và đã sống lại, thì cũng phải xác tín rằng những kẻ chết trong Chúa Giêsu, cũng sẽ được Thiên Chúa đưa về với Ngài. Còn những người đang sống trên trần gian này thì trong ngày Chúa Giêsu Kitô quang lâm, cũng sẽ được cùng với các đã chết được sống lại, bước vào cuộc sống trường sinh với Chúa (1 Tx 4,13-18).

Với tín hữu Côrintô thánh Phaolô nhắc nhở cho họ một nguyên tắc quan trọng trong cuộc sống. Đó là lòng tin sống động và sâu xa đích thực có sức mạnh đem lại ơn cứu độ cho con người, phải là thứ lòng tin cụ thể, được hiện thực ra bên ngoài bằng việc tuân giữ các giáo huấn Tin Mừng. Do đó nếu tín hữu Côrintô chỉ nói rằng họ tin mà không sống các giáo huấn Tin Mừng thánh nhân đã giảng dạy cho họ, thì thứ lòng tin ấy là thứ lòng tin vô ích, không đem lại ơn cứu rỗi cho họ, như chúng ta có thể đọc trong chương 15 thư thứ nhất gửi giáo đoàn Côrintô. Và Tin Mừng Phaolô đã rao giảng cho họ là Tin Mừng cuộc khổ nạn cái chết và sự phục sinh của Chúa Kitô. Vì thế trước cảnh tín hữu Côrintô để cho một số Kitô hữu gốc do thái quá khích chủ trương bắt mọi người phải trở về tuân giữ luật lệ và truyền thống của Do thái giáo, Phaolô đã nói lên nỗi âu lo của ngài. Phaolô sợ họ bị Satan lừa dối họ như nó đã từng lừa dối bà Evà xưa kia, khiến cho họ dần dần ra hư hỏng và đánh mất đi sự ngay thẳng trước mặt Chúa. Bởi vì họ đã tin và nghe theo những người tới rao giảng cho họ một Đức Kitô khác với Đức Kitô mà ngài đã loan báo cho họ, một Tin Mừng khác với Tin Mừng mà ngài đã loan truyền cho họ. Những người ấy lại còn khuyên họ lãnh nhận một Chúa Thánh Thần khác với Chúa Thánh Thần mà họ đã lãnh nhận, thế mà họ lại cứ tin theo. Đây là điều thánh Phaolô đã đau đớn viết ra trong chương 11,4 thư thứ hai gửi giáo đoàn Côrintô. Trong chương 13,4 cùng thư Phaolô lập lại Tin Mừng của Chúa Kitô chịu đóng đinh và khuyên tín hữu hãy lấy Tin Mừng của Chúa làm chuẩn để nghiêm chỉnh duyệt xét lại kiểu cách sống lòng tin của họ.

Lấy Chúa Kitô khiêm hạ chịu đóng đinh làm mẫu mực cho cuộc sống lòng tin và có cùng tâm tình như Chúa Kitô cũng là điều thánh nhân khuyên nhủ tín hữu Philipê như viết trong chương 2 thư gửi cho họ. Phaolô khuyến khích họ hãy biết sống thương yêu nhau, đồng tâm nhất trí với nhau, không làm việc gì vì óc cạnh tranh, hay cầu danh háms lợi, nhưng biết sống khiêm tốn vui nhận kẻ khác trở hơn

mình và biết nghĩ đến ích lợi của kẻ khác trước chứ không tin lợi ích cho riêng mình.

Một mặt Phaolô rao giảng Tin Mừng cho tín hữu, mặt khác thánh nhân luôn khuyến khích họ sống theo tinh thần Tin Mừng ấy. Chẳng hạn trong hai chương 4 và 5 thư thứ nhất gửi tín hữu Thexalônica thánh nhân khuyên họ cố gắng sống thánh thiện và xa lánh tội dâm dục, biết kính trọng thân xác của họ và thân xác người khác, biết yêu thương mọi người, chăm chỉ làm việc bổn phận, thi hành nghề nghiệp của mình và không phiền lụy ai, biết tỉnh thức và sống như con cái của sự sáng, biết quý trọng các chủ chăn, răn bảo kẻ lười biếng, an ủi kẻ nhát sợ, nâng đỡ người yếu đuối và nhịn nhục mọi người, không lấy ác báo ác, luôn luôn làm điều thiện, luôn vui vẻ, cầu nguyện và cảm tạ Thiên Chúa, không dập tắt Chúa Thánh Thần, không khinh khi lời các ngôn sứ, biết xem xét mọi sự, bỏ điều xấu giữ điều tốt.

Trong thư gửi giáo đoàn Galát (5,13-6,10) thánh nhân khuyên tín hữu hãy sống theo Thần Khí có các hoa trái là bác ái, vui mừng, bình an, nhẫn nại, nhân từ hiền lành, khoan dung, trung thực, khiêm tốn tiết độ, chứ đừng chạy theo các ham muốn của xác thịt khiến cho con người trở thành gian dâm, ô uế, phóng dăng, thờ tà thần, quỷ thuật, thù oán, đố kỵ, hiềm khích, giận ghét, cãi cọ, bất hòa, bè phái, ghen tị, giết người, say sưa, mê ăn uống. Những kẻ phạm các tội ấy không được vào Nước Thiên Chúa.

Trong thư gửi giáo đoàn Roma chương 12,1 tới chương 15,13 thánh nhân cũng đưa ra các giáo huấn và lời khuyên khích tín hữu biết canh tân tâm trí, sống khiêm nhường và yêu thương nhau. Mỗi tín hữu phải ý thức được mình là một chi thể trong mình mầu nhiệm Chúa Kitô là Giáo hội, nên có các phận vụ đặc thù khác nhau cần chu toàn với ý thức trách nhiệm cao. Mỗi người đều nhận được các đặc sủng khác nhau, cần tận dụng và sinh lợi cho toàn thể Giáo hội. Thánh nhân cũng khuyên mọi người hãy luôn sống trong tươi vui, hy vọng, kên trì cầu nguyện và nhẫn nại, biết chia vui sẻ muộn và liên đới với nhau. Ngoài ra Phaolô còn khuyên mọi người biết chu toàn mọi bổn phận công dân của mình và tuân phục các chính quyền hợp pháp, tỉnh thức tránh xa tội lỗi, mặc lấy Chúa Kitô, không chiều theo sự thèm muốn của xác thịt, không làm gương xấu và nên có vấp phạm cho người yếu lòng tin, và cư xử hòa nhã với nhau.

Tóm lại, chúng ta có thể định nghĩa các thư của thánh Phaolô là các tông thư hay thư mục vụ. Chúng thay thế cho lời giảng dạy trực tiếp sống động của thánh nhân trong công tác tông đồ mục vụ. Như thế là vì Phaolô không thể đến thăm các tín hữu cộng đoàn nên ngài mượn bút thay lời để hiện diện bên họ và tiếp tục giảng dạy hầu củng cố lòng tin của họ, hay giải đáp các vấn nạn cho họ. Cũng vì thế các thư của thánh Phaolô cũng khác với loại văn thư tìm thấy trong các hang trên đường dẫn sang Ai cập chẳng hạn như thư của triết gia Seneca gửi Lucilio, hay các thư có tính cách gia đình và thương mại. Các thư của Phaolô giống thư ngôn sứ Giêrêmia viết cho tín hữu do thái đi đầy bên Babilonia (Gr 29,1-23) hay thư gửi người do thái sống bên Ai cập như thư thập trong sách Macabê hai (Mcb 1,1-2,18). Nhưng thật ra hiện nay giới học giả Kinh Thánh Tân Ước đều công nhận rằng các thư của Phaolô có nét riêng tư độc đáo của chúng. Đó là chúng phản ánh cuộc sống của thánh nhân và của các cộng đoàn do thánh nhân thành lập.

Các thư được viết trên loại giấy làm bằng sậy Papyrus, là loại giấy thông dụng, rẻ tiền và dễ mua thời đó. Phaolô đã đọc cho một thư ký viết. Trong số các thư ký đó chúng ta chỉ biết được chắc chắn tên của ông Terzô như ghi trong chương 16,22 thư gửi tín hữu Roma. Thường khi thánh nhân cũng tự tay viết vài hàng cuối trước khi ký tên như trường hợp thư thứ nhất gửi giáo đoàn Côrintô chương 16,21. Trong chương 6,11 thư gửi giáo đoàn Galát thánh Phaolô viết: "Anh chị em hãy chú ý xem những dòng chữ lớn chính tay tôi viết cho anh chị em đây".

Ngoại trừ thư gửi ông Philêmôn có tính cách cá nhân, các thư khác đều được gửi cho các giáo đoàn, vì thế được tuyên đọc trong các buổi hội họp cử hành phụng vụ. Bằng chứng là trong thư thứ nhất gửi

giáo đoàn Thexalônica chương 5,27 thánh nhân dặn là phải đọc cho hết mọi người nghe. Vì thế, nếu chúng ta có gặp ở đầu thư hay cuối thư các công thức phụng vụ, thì cũng là điều dễ hiểu.

## ĐỀ TÀI 12

### CÁC HÌNH THÁI VĂN CHƯƠNG ĐẶC BIỆT TRONG THƯ CỦA THÁNH PHAOLÔ

So sánh các thư của thánh Phaolô với loại thư tín thuộc thể giới Hy Lạp- Roma thời đó, chúng ta thấy chúng theo một lược đồ kết cấu giống nhau. Nghĩa là gồm lời mở đầu, với tên người gửi và người nhận, lời chào đầu thư, rồi thường là một câu khuyến khích mào đầu trước khi vào phần chính. Sau cùng là phần kết luận với các lời chúc mừng và lời chào tạm biệt.

Tuy nhiên, nếu quan sát kỹ hơn các thư của thánh Phaolô người ta có thể nhận ra nhiều khác biệt đáng kể. Thật vậy, các tính chất thần học-tôn giáo của người gửi cũng như của người nhận và các công thức phụng vụ thường gặp trong phần mở đầu và phần kết luận, là những đặc thái không tìm thấy trong các thư tín khác thời đó. Điển hình như lời mở đầu thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô sau đây: "Tôi là Phaolô được gọi làm tông đồ của Chúa Giêsu Kitô do ý muốn của Thiên Chúa, cùng với người anh em là Sostene, gửi lời chào giáo hội của Thiên Chúa ở Côrintô, đến những người đã được thánh hóa trong Chúa Kitô Giêsu, được mời gọi nên thánh cùng với tất cả những người kêu cầu danh Chúa Giêsu Kitô, Chúa của họ và là Chúa của chúng ta. Nguyên xin Thiên Chúa là Cha chúng ta và nguyên xin Chúa Giêsu Kitô ban cho anh chị em được ơn phúc và bình an" (1 Cr 1,1-3). Còn trong lời kết luận thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô thánh Phaolô viết: "Xin ơn phúc của Chúa Giêsu Kitô, tình yêu thương của Thiên Chúa và sự hiệp thông của Chúa Thánh Thần ở cùng tất cả anh chị em" (2 Cr 13.13).

Sự thường phần chính của thư được mở đầu với lời cảm tạ Chúa đã cho cuộc sống của giáo đoàn triển nở và sinh hoa trái tốt tươi. Trừ trường hợp thư gửi tín hữu Galát. Và đây cũng là điều dễ hiểu. Bởi vì trong giáo đoàn Galát thời đó đã nảy sinh ra tình trạng chối bỏ lòng tin, vì thế thánh Phaolô không thể nói tới tiến trình phát triển lòng tin được. Trong thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô đề tài Thánh Thể được thay thế bằng đề tài chúc tụng: Phaolô chúc tụng Thiên Chúa Cha là nguồn mạch mọi sự ủi an và là Đấng đã giải thoát ngài khỏi nguy cơ bị giết chết tại thành phố Êphêxô.

Đọc các thư của thánh Phaolô chúng ta cũng dễ nhận ra các hình thái văn chương, kiểu cách diễn tả và các thể văn riêng biệt. Từ việc nghiên cứu lịch sử-hình thể học (storico-morfologico) của các Phúc Âm, các học giả kinh thánh đã thành công trong việc áp dụng khoa nghiên cứu lịch sử-hình thể học vào các thư của thánh Phaolô. Từ đó chúng ta phân loại được các kiểu diễn tả phụng vụ truyền thống như từ "Amen" kết thúc các lời nguyện cầu, có nghĩa là "Chắc chắn như vậy", hoặc dịch nôm na hơn là "Ước gì được như vậy", lời kêu xin "Maranatha" trong tiếng Aramây có nghĩa là "Lậy Chúa, xin hãy đến!" (1 Cr 16,22); "Abba", trong tiếng Aramây có nghĩa là "Papa", "Ba" (Gl 4,6; Rm 8,15); "Anathêma" có nghĩa là "Bị chúc dữ". Đây là từ hy Lạp dịch từ do thái "kherem" trong Cựu Ước, ám chỉ luật tàn sát thù địch trong quan niệm thánh chiến, như viết trong sách Đệ Nhị Luật chương 7,2. Trong nghĩa rộng hơn, một thực tại bị coi như là vật "herem" có nghĩa là vật ô uế và đáng kinh tởm, như viết trong câu 26 cùng chương 7 sách Đệ Nhị Luật. Chẳng hạn trong thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô chương 16,22 thánh Phaolô viết: "Nếu ai không yêu mến Chúa, thì người đó bị chúc dữ. Lậy Chúa, xin hãy đến!"

Bên cạnh đó là các công thức khẩn cầu như: “Nguyện xin Thiên Chúa của bình an ở cùng tất cả anh chị em, Amen”, như viết trong chương 15,33 thư gửi tín hữu Roma. Ngoài ra cũng không thiếu các lời cầu được khai triển rộng rãi hơn, trong đó thánh Phaolô khẩn nài Thiên Chúa Cha cho các tín hữu. Chẳng hạn như lời cầu viết trong cùng chương 15,13 thư gửi tín hữu Roma: “Chớ gì Thiên Chúa của niềm hy vọng ban cho anh chị em được chứa chan vui mừng và bình an, để nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần anh chị em được tràn đầy hy vọng!”. Vẫn trong phạm vi phụng tự, còn có các công thức chúc tụng tôn vinh Thiên Chúa. Rõ ràng nhất là công thức kết thúc thư gửi tín hữu Roma trong chương 16,25-27: “Vinh danh Đấng đã có quyền củng cố anh chị em trong Tin Mừng tôi đã loan báo khi rao truyền Đức Giêsu Kitô, theo mặc khải của mầu nhiệm từ đời đời được giữ kín, nhưng nay đã được tỏ hiện ra cho mọi dân ngoại biết tới qua tác phẩm của các ngôn sứ theo lệnh của Thiên Chúa vĩnh cửu, hầu dẫn đưa các dân tộc đó tới sự vâng phục của lòng tin. Qua Đức Giêsu Kitô vinh danh Thiên Chúa là Đấng khôn ngoan duy nhất, đời đời kiêu kiếp. Amen!” Nhưng nhiều học giả ngày nay cho rằng công thức trên đây không phải của thánh Phaolô, mà được thêm vào sau này. Tuy nhiên, có nhiều công thức tôn vinh Thiên Chúa đích thực là của thánh nhân. Chẳng hạn lời tôn vinh trong chương 4,20 thư gửi giáo đoàn Philiphê: “Vinh danh Thiên Chúa là Cha chúng ta đến muôn thuở muôn đời Amen!”. Trong trường hợp khác lời tôn vinh chúc tụng Thiên Chúa nổi bật lên giữa trình thuật như ở chương 11,31 thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô: “Thiên Chúa là Cha Chúa Giêsu, Đấng đáng chúc tụng luôn mãi, biết rằng tôi không nói dối”.

Ngoài các kiểu diễn tả trong bối cảnh phụng tự trên đây còn có các lời thề. Đề cập tới thái độ sống và rao truyền Tin Mừng một cách hoàn toàn vô vị lợi của mình và của các cộng đồng, thánh Phaolô phân trần với tín hữu Thexalônica trong thư thứ nhất gửi cho họ như sau: “Thật thế, như anh chị em biết đấy, chúng tôi không bao giờ dùng lời phỉnh nịnh, và có Chúa làm chứng, chúng tôi không bao giờ tìm tư lợi” (1 Tx 2,5). Trong tình trạng căng thẳng buồn phiền với tín hữu Côrintô, thánh Phaolô viết trong chương 1 thư thứ hai gửi cho họ: “Phần tôi, tôi xin lấy Thiên Chúa làm chứng trên sự sống của tôi. Chính vì nể anh chị em mà tôi chưa trở lại thành Côrintô” (2 Cr 1,23). Trong thư gửi tín hữu Philiphê (1,8) thánh nhân viết: “Có Chúa làm chứng cho tôi, tôi yêu thương anh chị em chẳng khác gì Đức Giêsu Kitô yêu thương anh chị em”.

Tất cả những công thức kể trên chứng minh cho thấy tâm tình sống động và cảm xúc mà thánh Phaolô chia sẻ với các tín hữu trong thư viết cho họ. Nhưng còn một thể thức văn chương quan trọng khác trong các thư của thánh nhân. Đó là loại thánh ca. Điển hình là bài thánh ca chúc tụng Thiên Chúa trong thư gửi giáo đoàn Roma(11,33-36): “Ôi cái thẳm sâu của sự giàu sang, khôn ngoan và hiểu biết lựa lọc của Thiên Chúa! Các cử chỉ sự công chính cứu độ của Ngài vô lường biết bao, và các đường lối Ngài không thể dò thấu được là chừng nào! Thật ra, nào có ai đã biết được tư tưởng của Chúa? Hay ai đã là cố vấn của Ngài? Hoặc ai đã cho Ngài trước để được Ngài trả lại sau? Bởi vì mọi sự đều là của Ngài, nhờ Ngài và cho Ngài. Vinh quang Ngài vĩnh cửu Amen!” Các lời ngợi khen cảm tạ tình thương Chúa trong Rm 8,31-39 cùng thư cũng có giọng điệu của một bài thánh ca: “Còn nói gì thêm nữa? Nếu Thiên Chúa phò chúng ta, thì ai sẽ chống lại ta? Ngài đã không tha cho chính Con Ngài, nhưng đã phó nộp Người cho chúng ta hết thảy, thì làm sao Ngài lại không ban cho chúng ta mọi sự với Người? Ai sẽ cáo tội những người được Thiên Chúa lựa chọn? Thiên Chúa công chính hóa họ. Ai sẽ kết án họ đây? Đức Giêsu Kitô đã chết, còn hơn thế nữa đã sống lại, là Đấng ngự bên hữu Thiên Chúa và cầu bầu cho chúng ta. Ai sẽ tách rời chúng ta khỏi tình yêu thương của Chúa Kitô? Buồn sầu, âu lo, bất bớ, đói khát, trần truồng, hiểm nguy hay gươm giáo ư? theo như lời đã viết: “Vì Người chúng tôi bị sát phạt suốt ngày, bị coi như thú vật của lò sát sinh”. Nhưng trong mọi sự, nhờ Đấng đã yêu thương chúng tôi, chúng tôi toàn thắng. Phải, tôi thâm tín rằng không có gì: sự sống cũng như sự chết, các thiên thần cũng như các quyền lực thống trị, hiện tại cũng như tương lai, các cường lực, các sức mạnh trên cao cũng như các sức mạnh của vực thẳm, cũng không có thụ tạo nào khác, không có gì có thể tách rời chúng ta khỏi tình yêu thương

của Thiên Chúa đã thể hiện trong Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta”.

Trong các thư của thánh Phaolô còn có hai bài thánh ca tuyệt diệu khác. Đó là bài thánh ca chúc tụng sự khiêm hạ của Chúa Giêsu Kitô trong chương 2,6-11 thư gửi tín hữu Philipphê. Bài thánh ca này đã được sáng tác ra trước đó và truyền tụng trong các giáo đoàn Kitô tiên khởi và được thánh Phaolô dùng lại ở đây để khuyến khích tín hữu noi gương sống của Chúa Kitô. Chúa Giêsu Kitô, “phận là phận của một vị Thiên Chúa nhưng đã không nghĩ phải giằng cho được chức vị đồng hàng với Thiên Chúa. Nhưng đã tự dốc đổ hết để nhận lấy thân phận tôi đòi, trở nên giống loài người, đem thân đội lột người phạm. Ngài đã hạ mình trở thành vâng phục cho tới chết và chết trên một cây thập tự! Chính vì thế Thiên Chúa đã siêu tôn Ngài lên và ban cho Ngài danh hiệu trỗi vượt trên mọi danh hiệu, để khi nghe thánh danh Giêsu, mọi gối đều quỳ xuống, trên trời cũng như dưới đất và dưới lòng đất, và mọi miệng lưỡi phải tuyên xưng rằng Đức Giêsu Kitô là Chúa, làm vinh hiển cho Thiên Chúa Cha.”

Bài thánh ca thứ hai thường gọi là bài ca đức Ái trong chương 13 thư thứ nhất gửi giáo đoàn Côrintô. Nó không có hình thái hoàn toàn của một bài thánh ca, nhưng có âm điệu thánh ca. Trong đó thánh Phaolô khẳng định rằng chính lòng yêu mến và cường độ yêu mến trao ban giá trị cho mọi lời nói và việc làm của tín hữu. Cả ba nhân đức đối thần đức Tin, đức cậy và đức Mến đều cần thiết cho ơn cứu rỗi của con người. Nhưng đức Mến cao trọng nhất, vì nó là nhân đức định đoạt cho cuộc sống đời sau, và tồn tại vĩnh cửu trong cuộc sống mến yêu kết hiệp với Thiên Chúa là suối nguồn Tình Yêu Thương và là Tình Yêu Thương.

## ĐỀ TÀI 13

### MỘT SỐ HÌNH THÁI VĂN CHƯƠNG ĐẶC THÙ KHÁC TRONG CÁC THƯ CỦA THÁNH PHAOLÔ

Khi tìm hiểu các hình thái văn chương trong các thư của thánh Phaolô, người ta nhận thấy chúng đều là những hình thái đặc thù không có trong loại thư tín thời đó. Trước tiên là các tính chất thần học-tôn giáo của người gửi cũng như của người nhận, tiếp đến là các công thức phụng vụ trong phần mở đầu và kết luận, các công thức khẩn nguyện, các lời thề và các bài thánh ca. Nhưng bên cạnh đó còn có các công thức tuyên xưng lòng tin của truyền thống Kitô, các văn bản thuộc loại tiểu sử tự thuật, lẫn lộn với các văn bản bênh vực Kitô giáo và tranh luận với các kẻ đối nghịch với thánh nhân hay với Giáo hội. Rồi còn có các lời khuyến khích, khuyên nhủ, các bảng liệt kê các nhân đức phải trau dồi và các tật xấu phải từ bỏ. Sau cùng là sự kiện thánh Phaolô thường xuyên trích Kinh Thánh Cựu Ước để làm nền cho các suy tư thần học của ngài.

Khi nghiên cứu các hình thái văn chương đặc thù này, giới học giả trường phái lịch sử-hình thể học (storico-morfologico) cũng đã tìm xác định sự tùy thuộc của thánh Phaolô đối với các công thức truyền thống tuyên xưng lòng tin trong các cộng đoàn Kitô tiên khởi, và đối với các văn bản ghi chép lại kinh tin kính của Giáo Hội thời khai sinh. Các học giả này đi tới kết luận sau đây: đó là thánh Phaolô hay trích các công thức ấy, hay dùng chúng làm nền tảng suy tư thần học của mình. Chẳng hạn đối với tín hữu Thexalônica rơi vào cảnh quá bi thương khi nghĩ tới các thân nhân của họ đã qua đời, thánh Phaolô lấy lại lời tuyên xưng lòng tin của Giáo hội tiên khởi vào Chúa Kitô tử nạn và phục sinh, để giảng giải, an ủi và trao ban niềm hy vọng cho họ. Vì thế thánh nhân viết trong chương 4 thư thứ nhất gửi cho họ như sau: “Thưa anh chị em, chúng tôi muốn anh chị em hiểu rõ về số phận của các kẻ chết, để anh chị

em khỏi phải buồn phiền như những người không có lòng trông cậy. Nếu chúng ta tin rằng Chúa Giêsu đã chết và đã sống lại, thì những kẻ chết trong Chúa Giêsu cũng sẽ được Thiên Chúa đưa về với Ngài qua Đức Giêsu Kitô và với Đức Giêsu Kitô” (1 Tx 4,13-14). Trong chương 15 thư thứ nhất gửi giáo đoàn Côrintô Phaolô cũng dùng cùng một kiểu cách đó để trình bày các suy tư thần học về cái chết và sự sống lại. Nghĩa là thánh nhân đi từ dữ kiện lòng tin của Kitô giáo vào mẫu nhiệm cuộc tử nạn và phục sinh của Chúa Giêsu Kitô để chứng minh cho tín hữu thấy rằng biến cố Chúa Giêsu Kitô chết và sống lại là điều cần thiết, vì nó đảm bảo cho sự phục sinh của mọi người tin vào Chúa Giêsu Kitô. Lòng tin thắp nhập tín hữu vào chính cuộc sống phục sinh thân thiêng của Chúa Giêsu Kitô. Phaolô viết: ”Trước hết tôi đã thông truyền cho anh chị em điều mà chính tôi cũng đã nhận được. Đó là Chúa Kitô đã chết cho tội lỗi chúng ta theo lời Kinh Thánh và Ngài đã được mai táng. Ngày thứ ba Ngài đã sống lại theo lời Kinh Thánh và đã hiện ra với Kêpha rồi với Nhóm Mười Hai” (1 Cr 15,3-5).

Các thư của thánh Phaolô cũng gồm nhiều văn bản tiểu sử tự thuật. Phaolô cho tín hữu biết các biến cố đã xảy ra cho mình hay cho các cộng sự viên và tín hữu trong các giáo đoàn khác. Điển hình là trong chương 2 thư thứ nhất gửi tín hữu Thexlônica, thánh nhân cho họ biết mình và các cộng sự viên đã gặp rất nhiều khốn khổ và nhục nhã tại thành Philiphê. Thánh nhân khuyên họ sống xứng đáng với Thiên Chúa, vững tin, và can đảm chịu khổ đau trước các nhóm người do thái đồng hương chống đối và bắt bớ Kitô giáo. Họ cũng đã bắt bớ Phaolô và các cộng sự viên và tìm mọi cách ngăn cản công tác rao truyền Tin Mừng cứu độ (1 Tx 2,1-16). Trong hai chương đầu thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô thánh Phaolô nói ngài không muốn dấu họ các bắt bớ khổ đau đã phải chịu bên Tiểu Á. Chúng nặng nề đến độ khiến cho thánh nhân và các cộng sự viên phải tuyệt vọng, không thiết sống nữa. Nhưng Chúa đã thương cứu các vị khỏi chết. Phaolô xin tín hữu Côrintô tiếp tục tạ ơn Chúa và cầu nguyện cho ngài và cho các cộng sự viên. Ngài cũng cho họ biết là có dự định tới Côrintô thăm họ rồi đi sang vùng Macedonia và trở lại Côrintô để nhờ họ đưa về Giuđêa. Nhưng trong tình trạng căng thẳng buồn phiền như thế của tín hữu cộng đoàn đối với ngài, thánh nhân cũng không vui và thấy không phải là lúc thuận tiện. Phaolô cũng cho họ biết ngài đã tới thành Troie và từ đó sang Macedonia. Trong chương 7, 5-16 Phaolô cho biết khi tới Macedonia ngài và các cộng sự viên cũng không được nghỉ ngơi, trái lại gặp mọi sự khốn khổ, chiến đấu bên ngoài và sợ hãi bên trong. Nhưng tin tức Titô đem tới cho biết là tín hữu Côrintô hối lỗi, đã khiến cho thánh nhân tiếp tục vui sống. Khi khác nữa Phaolô nhắc lại các kỷ niệm trong thời gian chung sống với các tín hữu (1 Ts 2,17-3,13: Gl 4,12 tt.)

Tuy nhiên việc thông tin tức hay gọi lại các kỷ niệm đó không nhằm mục đích kể lại tiểu sử của cá nhân Phaolô, mà liên hệ tới Phaolô như là tông đồ của Chúa Kitô. Thật thế Phaolô là người hoàn toàn tùy thuộc Chúa Kitô nên không còn có cuộc sống riêng tư nữa. Mọi sự trong đời ngài đều mang chiều kích truyền giáo và mục vụ. Ngay cả biến cố bị xiềng xích tù tội cũng là dịp Chúa quan phòng cho phép xảy ra để thánh nhân rao giảng Tin Mừng, như ngài viết trong chương 1,13-14 thư gửi tín hữu Philiphê. Đây là lý do giải thích tại sao các văn bản tiểu sử tự thuật không phải là các biến cố rời rạc, mà luôn luôn liên hệ tới sứ mệnh rao truyền Tin Mừng. Rất thường khi các văn bản tiểu sử tự thuật được ý hướng biện hộ hướng dẫn. Phaolô chống lại các lời vu khống của nhóm thừa sai kitô gốc do thái và tranh luận với họ về nhiều vấn đề liên quan tới giáo lý tinh tuyền của Tin Mừng và cuộc sống của cộng đoàn tín hữu.

Ngoài ra cũng phải ghi nhận rằng việc biện hộ và tranh luận ấy đôi khi vượt quá khuôn khổ của các văn bản tiểu sử tự thuật và bao gồm một phần quan trọng của thư. Điển hình là thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô chương 2,14 tới chương 7,4, mà chúng ta có thể gọi là thư hộ giáo, hay chương 10,1 tới chương 13,13, có thể gọi là thư tranh luận. Phaolô không nêu rõ danh tánh các người thù địch và chống đối ngài. Nhưng các lời lẽ thánh nhân dùng để chống lại họ có giọng điệu vô cùng cứng rắn. Chẳng hạn trong chương 16,17-20 thư gửi giáo đoàn Roma thánh Phaolô khuyên tín hữu đề phòng và phải xa lánh những kẻ gây chia rẽ và làm gương mù gương xấu, bằng cách xa rời các giáo huấn mà họ đã nhận lãnh. Bởi vì

những kẻ đó không phụng sự Chúa Kitô, mà chỉ phụng sự cái bụng của họ. Họ dùng các lời nói đẹp đẽ và các diễn văn phỉnh nịnh để lường gạt những tâm lòng đơn sơ. Tuy vui sướng biết rằng tín hữu Roma nổi tiếng là vâng lời, thánh Phaolô cũng muốn cho họ được khôn ngoan trong việc thiện, và tinh tuyền trước sự dữ. Thiên Chúa của bình an chẳng bao lâu nữa sẽ nghiền nát Satan dưới chân họ.

Trong chương 3,1-21 thư gửi tín hữu Philiphê, Phaolô cũng khuyên tín hữu đề phòng những người tìm lung lạc lòng tin của họ vào Tin Mừng tinh tuyền của Chúa Kitô. Ở đây chúng ta không biết các thù địch ấy là ai, xem ra họ là nhóm thừa sai kitô gốc do thái quá khích chủ trương bắt các tín hữu hy lạp và không phải gốc do thái phải theo Luật Lệ của do thái giáo, đặc biệt là luật cắt bì. Chúng ta cũng không biết các thù địch ấy thuộc một nhóm đồng nhất hay gồm nhiều nhóm khác nhau. Dù họ có là ai đi nữa, đối với Phaolô họ cũng đều là những kẻ đã phản bội Tin Mừng của Chúa Kitô, và trở thành dụng cụ Satan dùng để đánh phá Giáo hội. Phaolô dùng các từ rất nặng để định nghĩa căn cước của họ. Thánh nhân gọi họ là "loài chó", là "bọn thợ gian ác", là "các kẻ cắt bì giả dối", tin cậy vào xác thịt và Luật Lệ, "ăn ở như thù địch của thập giá Chúa Kitô", sống hư hỏng, thờ cái bụng và chỉ nghĩ đến những sự đời này. Số phận của họ là sự hư mất. Không còn lời lẽ nào nặng hơn thế nữa. Đôi khi giận quá thánh Phaolô đưa ra lời nguyên rủa giống giọng điệu lời nguyên rủa của các ngôn sứ trong thời Cựu Ước. Điển hình là thư gửi tín hữu Galát. Galát là cộng đoàn cũng đã bị rơi vào bẫy đánh phá và chia rẽ của nhóm thừa sai kitô gốc do thái quá khích nói trên. Tín hữu cộng đoàn đã bỏ Tin Mừng tự do và giải phóng tinh tuyền như thánh Phaolô đã rao giảng cho họ để quay trở về sống theo xác thịt và Luật Lệ, chối bỏ lòng tin và Chúa Thánh Thần để lại đeo lấy ách nô lệ của các thứ luật do thái đặc biệt là luật cắt bì. Thánh nhân viết trong chương 5 câu 10 và câu 12: "Dù họ có là ai đi nữa, kẻ gây rối loạn trong anh chị em sẽ bị trừng phạt vì tội đó... Những kẻ gieo rối loạn giữa anh chị em ấy, ước gì họ đi tới chỗ chặt đứt thân mình cho hoàn toàn tàn tật đi!"

## ĐỀ TÀI 14

### THỂ VĂN CÁNH CHUNG VÀ KHẢI HUYỀN TRONG CÁC THƯ CỦA THÁNH PHAOLÔ

Vào thời thánh Phaolô vấn đề cánh chung khai huyền (escatologico-apocalittico) là một đề tài thần học được nền văn chương của Do Thái giáo khai triển rất rộng rãi. Nó có các đặc thái sau đây: thứ nhất là niềm hy vọng vào sự sống lại ngày sau hết, thứ hai là quan niệm nhị nguyên về hai thế giới: thế giới tương lai (ha 'ôlam habba) và thế giới hiện tại (ha 'ôlam hazze) và thứ ba là các miêu tả tưởng tượng về vũ trụ. Thánh Phaolô cũng chịu ít nhiều ảnh hưởng của trào lưu cánh chung khai huyền này, nhưng ngài sửa chữa nhiều điều và đưa ra nhiều nét độc đáo riêng tư.

Trước hết Phaolô không chấp nhận nguyên tắc thế giới tương lai thay thế thế giới lịch sử hiện tại vào thời sau hết. Bởi vì đối với Phaolô, nhờ Chúa Giêsu Kitô, thế giới mới đã bắt đầu ngay trong lịch sử hiện tại và chiến đấu chống lại các lực lượng sự dữ và cái chết khuynh đảo cuộc sống con người. Cuộc sống mới, cuộc sống thiên linh mà Chúa Giêsu Kitô phục sinh đã trao ban cho tín hữu qua lòng tin, khiến cho họ trở thành một thụ tạo mới và ngay từ đời này đã được nếm hưởng cuộc sống mai sau rồi. Chính vì thế nên trong chương 5,17 thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô thánh nhân viết như sau: "Ai sống cuộc sống của Chúa Kitô là một thụ tạo mới. Thế giới cũ đã qua rồi, và này đây một thực tại mới đã xuất hiện". Chính cuộc sống mới trong Chúa Kitô ấy khiến cho tín hữu trở thành một con người mới, vì sống theo Tin Mừng của Chúa Kitô, chứ không phải là lệ luật hay việc tuân giữ lệ luật. Do đó thánh nhân mới khẳng định với tín hữu Galata trong chương 6,15 rằng: "Điều quan trọng không phải là việc cắt bì hay không



cất bì, mà là trở nên thụ tạo mới”.

Ngoài ra Phaolô cũng giản lược các miêu tả, để chỉ tập trung vào nội dung của niềm hy vọng kitô. Đó là đợi chờ ngày được hiệp thông trọn vẹn và bất diệt với Chúa Kitô. Trong chương 4,17 thư thứ nhất gửi tín hữu Tesssalonica sau khi khẳng định rằng vào ngày tận thế, Chúa Kitô sẽ quang lâm và cho các kẻ chết được sống lại, thánh nhân an ủi tín hữu như sau: ”Đoạn đến lượt chúng ta là những kẻ còn đang sống, chúng ta cũng sẽ được cất lên cao trên các tầng mây, cùng với họ đến gặp Chúa Kitô trên không trung. Và như thế chúng ta sẽ ở với Chúa luôn mãi”. Ở với Chúa, sống với Chúa, kết hiệp với Chúa luôn mãi là điệp khúc thánh Phaolô lập đi lập lại trong các thư gửi giáo đoàn Texalonica và Philipê (1 Tx 5,10; Pl 1,23). Vào cuối chương 4 thư thứ nhất gửi tín hữu Tesssalonica, thánh Phaolô đề cập tới ngày mọi tín hữu sẽ được sống lại và về với Chúa Kitô trong thời cánh chung (1 Tx 4,13-18). Sang chương 5 hữ Tessalonica 5 thánh nhân miêu tả ngày của Chúa. Tuy không ai biết ngày nào giờ nào Chúa Kitô sẽ quang lâm, nhưng vì là con cái của sự sáng và bước đi trong ban ngày, chứ không phải là con cái của tối tăm, nên các tín hữu không sợ ngày đó sẽ đến với mình bất thình lình như kẻ trộm. Tuy nhiên thánh Phaolô khuyên tín hữu hãy luôn biết tỉnh thức và sống tiết độ, lấy đức Tin, đức Mến làm áo giáp, lấy đức Cây và ơn cứu độ làm mũ chiến. Vì Thiên Chúa muốn cho họ được cứu rỗi, và Chúa Kitô đã chết cho họ để trong lúc thức cũng như lúc ngủ họ đều sống với Người.

Trong thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô thánh Phaolô đã dành chương 15 để đề cập tới biến cố Chúa Kitô phục sinh và các hoa trái mà người tín hữu nhận được qua lòng tin vào Chúa Kitô và sự sống lại của Ngài. Nếu Chúa Giêsu Kitô đã không sống lại, thì lời rao giảng Tin Mừng của các tông đồ và lòng tin của các tín hữu trở thành hư không và vô ích. Nhưng bởi vì Chúa Giêsu Kitô đã sống lại và hiện ra với nhiều chứng nhân mà Ngài tuyển chọn trong đó có cả Phaolô, nên mọi người tin vào Chúa Kitô cũng sẽ được sống lại, có được cuộc sống hiển vinh và thân xác thần thiêng sáng láng như thân xác của Chúa Kitô. Chúa Giêsu Kitô phục sinh là hoa trái đầu mùa của một nhân loại mới và Ngài trao ban cho loài người mầm giống sự sống mới thần thiêng bất tử. Ở cuối chương 5 đầu chương 5 thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô Phaolô cũng đề cập tới sự sống lại của thân xác và khuyến khích tín hữu đừng sợ hãi. Mọi khó khăn và thử thách mà họ phải chịu ở đời này không là gì so với cuộc sống thần thiêng bất diệt mà Thiên Chúa sẽ ban cho họ trong đời sau. Tuy hiện nay tín hữu phải rên siết trong thân xác nặng nề yếu đuối này, và còn phải sống xa Chúa, nhưng cần phải kiên trì thấp sáng niềm hy vọng luôn mãi. Có được về với Chúa với thân xác còn sống của mình hay phải bỏ căn nhà thân xác này không là điều quan trọng. Điều quan trọng là phải luôn tìm sống đẹp lòng Chúa. Vì mọi người đều phải ra trước tòa Chúa phán xét để nhận lãnh phần thưởng hay án phạt theo những gì đã làm trong khi còn sống với thân xác trên trần gian này (2 Cr 4,16-5,10). Kiên trì trước khổ đau và giữ vững niềm hy vọng vào cuộc sống tái sinh mà Thiên Chúa sẽ ban cho trong ngày cánh chung, đó cũng là điều thánh Phaolô khuyên nhủ tín hữu Roma trong chương 8,18-25 thư gửi cho họ. Phaolô thôi thúc mọi người kiên nhẫn đời chờ ngày được làm nghĩa tử của Thiên Chúa ngày thoát khỏi sự hư nát của thân xác, để được tự do và thông phần vào vinh quang với mọi con cái Chúa. Vào cuối chương 3 thư gửi tín hữu Philipê thánh Phaolô cũng khuyên họ như sau: “Phần chúng ta, chúng ta có quê hương ở trên trời, từ đó Đấng Cứu Thế mà chúng ta ngóng đợi là Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, sẽ đến. Người sẽ biến đổi thân xác hèn hạ của chúng ta, và làm cho nó trở nên giống thân xác vinh quang của Ngài, với sức mạnh khiến Ngài quy phục được mọi sự” (Pl 3,21-22).

Trong số các thể văn thánh Phaolô dùng, còn có thể văn khuyến khích kèm theo các lý do, và danh sách các nhân đức hay tật xấu. Điển hình là chương 13 thư gửi tín hữu Roma, trong đó Phaolô khuyên tín hữu vâng phục chính quyền dân sự hợp pháp, vì như thế là tuân hành trật tự Thiên Chúa đã đặt định (Rm 13,1-7). Trước đó trong chương 12 qua một loạt các động từ ở thể sai khiến, thánh nhân khuyến khích tín hữu đừng học đòi theo thói thế gian nhưng hãy biết biến đổi tâm lòng, mỗi người hãy ý thức được vị

trí và phận vụ của mình trong thân mình mẫu nhiệm của Chúa là Giáo hội, dùng các đặc sủng Chúa ban mà phục vụ và yêu thương mọi người, luôn sống liêm chính, trung thành, sốt sắng, tươi vui, hy vọng, khoan hòa và khiêm nhường. Bên cạnh các lời khuyên thánh Phaolô cũng thường liệt kê các nhân đức phải thực hành hay các tật xấu phải tránh. Ở cuối chương 1 thư gửi tín hữu Roma, thánh nhân kê khai ra các hậu quả tiêu cực trong cuộc sống của những người thối bỏ phụng thờ Thiên Chúa: “Tâm lòng họ chứa đầy mọi thứ bất công, gian ác, tham lam, độc dữ, tràn ngập đố kỵ thêm muốn, sát nhân, cãi cọ, mưu mô, man trá, bỏ vạ cáo gian nói xấu nói hành, phản nghịch cùng Thiên Chúa, khiêu khích, kiêu căng, khoác lác, gian tà, bất hiếu, ngu muội, không liêm chính, vô tâm, bất nghĩa”. Trong chương 13,13 cùng thư Phaolô khuyên khích mọi người: “Chúng ta hãy sống liêm chính như giữa ban ngày, không chèn chén say sưa, dâm dật phóng dăng, không gây gổ ghen tương”. Còn trong chương 5 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô, thánh Phaolô nhắc nhở các tín hữu: “Tôi đã viết thư dặn anh chị em đừng giao du với hạng người trụy lạc. Tôi không đề cập một cách chung chung đến những kẻ dâm dật của thế gian này đâu, hay nói tới hạng trộm cướp, tham ô hay thờ quấy nào...Nay tôi lập lại là đừng ngồi ăn với một người mang danh là tín hữu kitô, mà lại dâm dật, tham ô, thờ tà thần, vu khống, nghiện ngập hay trộm cắp” (1 Cr 5,10-11; 6,9-10; 2 Cr 12,20-21). Trong chương 5,19-21 thư gửi tín hữu Galata, thánh nhân cảnh cáo tín hữu đừng sống theo xác thịt. Bởi vì hoa trái của nó là “dâm bôn, ô ế, phóng dăng, thờ quấy, ma thuật, hằn thù, kinh địch, ghen tương, nóng giận, tranh chấp, chia rẽ, bè đảng, ganh tị, say sưa, chèn chén và các điều khác giống như vậy....Những kẻ làm các điều ấy sẽ không được vào Nước Thiên Chúa”.

Hơn là sai khiến, thánh Phaolô khuyên khích, khuyên nhủ, nài van, và khẩn cầu. Thay vì mất đi sức mạnh của chúng, các lời của thánh nhân lại vang vọng như tiếng kêu mời phát xuất từ chính các hành động cứu rỗi của Thiên Chúa và của Chúa Kitô. Chẳng hạn trong chương 10 thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô thánh nhân viết: “Chính tôi là Phaolô, tôi xin khuyên khích anh chị em qua lòng nhân thứ và hiền từ của Đức Kitô” (2 Cr 10, 1). Trong thư gửi tín hữu Roma chương 12, 1 Phaolô viết: “Vì vậy nên tôi khuyên khích anh chị em nhân danh lòng xót thương của Thiên Chúa”. Và trong chương 1 thư thứ nhất gửi giáo đoàn Côrintô thánh nhân cũng nói: “Hỡi anh chị em, tôi khuyên khích anh chị em nhân danh Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta”.

Điểm sau cùng cần nhắc đến ở đây là sự kiện thánh Phaolô hay trích và dùng văn bản Kinh Thánh Cựu ước Hy Lạp, đôi khi với lời dẫn nhập, khi khác một cách trực tiếp. Đặc biệt trong các chương 4, 9, 10 và 11 thư gửi tín hữu Roma, và trong thư gửi tín hữu Galata chương 3,6-29 và chương 4,21-31. Phaolô dùng kiểu chú giải của các rabbi do thái để chứng minh rằng giáo lý thần học về sự công chính hóa ngài rao giảng đặt nền tảng trên Lời Chúa và đã được nhắc tới trong Kinh Thánh Cựu ước. Mọi lời Thiên Chúa hứa xưa kia đã được hiện thực nơi con người của Đức Giêsu Kitô là Đấng Cứu thế và là Chúa (2 Cr 1,20; 10,11).

## ĐỀ TÀI 15

### CÁC KIỂU CÁCH HÀNH VĂN TRONG THƯ THÁNH PHAOLÔ

Đọc các thư của thánh của Phaolô chúng ta có thể nhận ra ba kiểu cách hành văn chính. Thứ nhất là lối lý luận phản đề (antitesi). Thứ hai là loại văn châm biếm của trường phái khuyến nhạo khắc kỷ (diatriba cinico-stoica). Và thứ ba là thể văn chuyển cú thành linh (anacoluti).

Thật vậy, các lý luận thần học của thánh Phaolô được trình bày dưới hình thức đối kháng giữa nhiều cặp ý niệm diễn tả hai thái cực trái nghịch nhau như: cái chết và sự sống lại (Rm 5-6; 8), luật lệ Môsê

và lòng tin (hay ơn thánh) (Rm 3,21-4,25; Gl 3,1-29), “Thịt xác” và Thần Khí (Rm 8; Gl 5,16-26), sự hư mất và ơn cứu độ (1 Cr 1,18; 2 Cr 2,15; Pl 1,28), sự bất phục tùng và vâng lời (Rm 5,19; 11,30-32), Tội lỗi và “sự công chính” (hay ơn thánh) (Rm 5-8), con thịnh nộ thiên linh và “sự công chính của Thiên Chúa” (Rm 1,18; 3,31), phận nô lệ và chức làm con (Gl 4,1-11.21.31; Rm 8,14-17), cái khôn ngoan nhân loại và sự khôn ngoan của Thiên Chúa (1 Cr 1,17-4,21), sự yếu đuối và quyền năng (2 Cr 10-13), Adam thứ nhất và Adam thứ hai (Rm 5,12-21; 1 Cr 15,21-22.45-49), bóng tối và ánh sáng, ngày và đêm (1 Ts 5,1-10; Rm 13,11-14), cũ và mới (Rm 7,6; 1 Cr 5,7-8; 2 Cr 5,17), không thân hữu và hòa bình (Rm 5,1-11), một người và tất cả (Rm 5,12-21; 1 Cr 15,21 tt.), chữ viết và Thần Khí (Rm 7,6).

Thư gửi tín hữu Roma, đặc biệt các chương từ 5 tới 8 là một khảo luận thần học rất sâu sắc nêu bật nhiều cặp ý niệm thần học quan trọng tóm gọn lịch sử cứu độ và các hoa trái của lòng tin. Thánh Phaolô đi từ sự thật là mọi người trong gia đình nhân loại đều có tội, nên đều cần đến ơn cứu độ. Mà ơn cứu độ phát xuất từ lòng tin vào Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã đổ máu ra và đã chết để cứu chuộc nhân loại, chứ không phát xuất từ việc tuân giữ Luật Lệ. Bởi vì Luật Lệ không ngăn cản được tội lỗi, và không cứu con người khỏi tình trạng nô lệ tội lỗi. Trái lại chính các dự vọng tội lỗi lại lạm dụng Luật Lệ mà hoành hành trong thân xác của con người. Mà tội lỗi không phải là một thực tại xa vời ở bên ngoài con người. Trái lại nó nằm sâu trong tâm lòng của con người và chủ động. Cũng vì thế cho nên điều lành con người muốn thì lại không làm, còn sự dữ không muốn thì lại làm. Ngoài Đức Giêsu Kitô ra, không có ai và không có gì có thể cứu thoát con người ra khỏi tình trạng sống khốn nạn tuyệt vọng ấy. Nhưng muốn được giải phóng phải tin vững vàng vào Thiên Chúa, và vào Đức Giêsu Kitô, Con của Ngài.

Chính nhờ lòng tin mà tổ phụ Abraham được công chính hóa, nghĩa là được ơn cứu độ, chứ không phải do công nghiệp có được qua việc tuân giữ Luật Lệ. Cũng thế, tín hữu Kitô được ơn cứu độ là do lòng tin vào Chúa Giêsu Kitô, và lòng xót thương của Thiên Chúa. Thiên Chúa Cha đã cho Con Ngài nhập thể làm người và chịu chết trên thập giá để giao hòa loài người tội lỗi với Thiên Chúa, rồi cho Đức Giêsu sống lại để trao ban cho con người sự sống mới. Nếu trong quá khứ vì tội lỗi và thái độ sống bất phục tùng của Adam mà tội lỗi và cái chết đã bước vào cuộc sống loài người và giữa lòng thế giới, thì giờ đây nhờ công phúc và sự vâng lời của Đức Giêsu Kitô là Adam thứ hai là Adam mới, con người được ơn công chính, nghĩa là được ơn thánh cứu độ và có cuộc sống mới trường sinh. Qua lòng tin và qua bí tích Rửa tội tín hữu cũng chết đi cho tội lỗi, cũng đóng đanh con người cũ của mình vào thập giá với Đức Kitô. Thân xác làm dụng cụ cho tội lỗi bị ơn thánh của lòng tin và nước Rửa tội tiêu diệt, nhờ đó tín hữu không còn là nô lệ của tội lỗi nữa. Cái chết thanh tẩy và đổi đời ấy giải phóng tín hữu khỏi xích xiềng của tội lỗi và sự dữ. Tội lỗi không còn thống trị trong thân xác hay chết và tín hữu không còn phải chiều theo dự vọng của nó nữa. Bởi vì lòng tin và ơn thánh của bí tích Rửa tội đã trao ban cho họ cuộc sống mới tự do, cuộc sống trong ơn thánh của những người được làm con cái Thiên Chúa. Cái chết hiến tế cứu chuộc của Chúa Kitô đã giải thoát tín hữu khỏi vòng kiềm tỏa của Luật Lệ và khiến cho họ phụng sự Thiên Chúa trong một tinh thần mới, chứ không theo luật cũ nữa.

Cuộc sống mới mà Chúa Giêsu Kitô trao ban cho tín hữu khiến họ thuộc về Ngài và sống theo luật mới là luật của Chúa Thánh Thần, chứ không sống theo luật xác thịt. Đó là đề tài được thánh Phaolô khai triển trong chương 8 thư gửi giáo đoàn Roma. Kinh nghiệm cuộc sống cho phép thánh nhân khẳng định rằng kẻ sống theo xác thịt thì ưa thích những gì thuộc về xác thịt. Nhưng những ham muốn của xác thịt thì phản nghịch cùng Thiên Chúa không vâng phục Luật Chúa và không thể vâng phục Luật Chúa, nên dẫn đưa con người tới cái chết, bởi vì người sống theo xác thịt không đẹp lòng Thiên Chúa. Còn tín hữu Kitô là những người đã nhận được sự sống mới trong bí tích Rửa tội và nhận được Chúa Thánh Thần, nên trở thành con cái Thiên Chúa và sống theo Luật của Chúa Thánh Thần. Họ được trở thành người thừa tự của Thiên Chúa và đồng thừa tự với Đức Giêsu Kitô. Tuy nhiên họ chỉ có thể duy trì được tình trạng sống đó và được hưởng vinh quang với Đức Giêsu Kitô nếu biết cùng chịu đau khổ với Ngài, kiên

trì trông chờ và hy vọng vào ngày cứu độ, ngày họ sẽ được tái sinh vẹn toàn vào cuộc sống mới trường sinh. Khi vững tin như thế sẽ không có gì có thể phân tách họ khỏi tình yêu thương của Thiên Chúa đối với họ và tình yêu thương của họ đối với Thiên Chúa, cho dù có phải chịu hoạn nạn, đau khổ, bắt bớ, đói khát, trần truồng nguy hiểm đi nữa. Sẽ không có gì, dù sự sống hay sự chết, hiện tại hay tương lai và sẽ không có các cường lực nào có thể tách rời tín hữu Kitô khỏi tình yêu thương của Thiên Chúa, được tỏ hiện nơi Đức Giêsu Kitô.

Sự thật và xác tín trên đây đã khiến cho Phaolô không ngần ngại đi ngược dòng đời không rao giảng sự khôn ngoan của thế gian, nhưng loan báo Chúa Giêsu Kitô chịu đóng đinh trên thập giá. Trong thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô chương 1, 17-4,21 Phaolô đã đem cái luận lý của thập giá ra đối chọi với những gì mà tâm thức loài người cho là khoa học, thông thái, khôn ngoan, tài giỏi. Nghĩa là Phaolô hoàn toàn sống theo kiểu cách của Chúa Kitô lấy “nhu thắng cương” lấy “nhược thắng cường”. Vì thánh nhân xác tín rằng “Sự điên dại của Thiên Chúa thì vượt quá sự khôn ngoan của loài người và sự yếu đuối của Thiên Chúa thì trở vượt hơn sức mạnh loài người.... Thiên Chúa chọn những người dại dột ở thế gian này để làm cho các kẻ khôn ngoan phải xấu hổ. Và Ngài cũng đã chọn những người yếu hèn ở thế gian này để khiến cho các kẻ hùng mạnh phải điêu đứng.” (1 Cr 1, 25.27). Cũng chính vì theo cái luận lý của mâu nhiệm nhập thể và đốn đốn chính mình ấy của Chúa Giêsu, Phaolô đã chọn kiểu cách trình bày đơn sơ, không dùng lời lẽ cao xa hay khôn ngoan để rao giảng mâu nhiệm của Thiên Chúa. Phaolô để cho ơn Chúa Thánh Thần và sức mạnh của Thiên Chúa hoạt động trong mọi tâm lòng. Bởi vì Chúa Kitô phải là nền tảng duy nhất của căn nhà cuộc sống lòng tin và Chúa Thánh Thần phải là động lực duy nhất hướng dẫn toàn cuộc sống tín hữu. Chỉ như thế mới tránh được cảnh phân rẽ phò người này chống kẻ nọ trong cộng đoàn. Các người rao giảng Tin Mừng của Chúa chỉ là dụng cụ chứ không phải đích tới. Đích tới là chính Chúa Giêsu Kitô, và mọi tín hữu trong cộng đoàn đều được mời gọi xây dựng vun trồng cuộc sống lòng tin của mình thế nào để đừng đánh mất ơn cứu độ mai sau.

Muốn như vậy tín hữu cần phải ý thức rằng mình là đền thờ của Thiên Chúa, và biết sống khiêm hạ, không khoe khoang cậy mình. Trong thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica chương 5,1-10 và trong thư gửi giáo đoàn Roma chương 13,11-14 thánh Phaolô khuyên tín hữu hãy sống xứng đáng với ơn gọi là con cái sự sáng, tỉnh thức và tiết độ đoan chính như ban ngày, không mê ăn uống say sưa, tránh chơi bời dâm dăng, không cãi cọ ghen tuông. Trái lại hãy biết lấy đức tin đức mến làm áo giáp, đức cậy và ơn cứu độ làm mũ chiến. Nói cách khác, thánh nhân khuyên tín hữu hãy đoạn tuyệt với nếp sống cũ, nếp sống dưới ách thống trị của tội lỗi và tội tãm, để mặc lấy con người mới và sống một cuộc sống mới, cuộc sống phát xuất từ lòng tin vào Chúa Giêsu Kitô, như viết trong thư gửi tín hữu Roma chương 7,6. Trong thư thứ nhất gửi giáo đoàn Côrintô chương 5,7-8 thánh Phaolô khuyên tín hữu loại bỏ men cũ tức lòng gian tham ác độc, để trở nên bột mới và bánh không men tức có lòng trong sạch và chân thành. Còn trong chương 5,17 thư thứ hai gửi cho họ thánh nhân khẳng định rằng: ”Ai ở trong Chúa Kitô, nghĩa là ai sống kết hiệp với Ngài, thì kẻ ấy là con người mới. Bởi những gì cũ đã biến mất và mọi sự đã được đổi mới rồi”.

Ngoài kiểu trình bày tư tưởng thần học bằng cách dùng cặp ý niệm đối nghịch kể trên, tinh thoảng Phaolô còn dùng tới kỹ thuật hành văn châm biếm của trường phái khuyên nhủ khắc kỷ. Học giả Bultmann đã có công nghiên cứu kiểu hành văn này trong các thư của thánh Phaolô. Chẳng hạn trong chương 6 thư gửi giáo đoàn Roma, sau khi chứng minh cho tín hữu thấy chính nhờ lòng tin vào Chúa Kitô và vì chết đi cho tội lỗi mà tín hữu được ơn cứu độ, chứ không phải nhờ Luật Lệ, Phaolô hỏi chẳng lẽ bây giờ họ lại cứ tiếp tục phạm tội và sống trong tội lỗi mà hy vọng được ơn cứu độ sao (Rm 6,1tt. 15). Sau khi trình bày trong chương 8 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô, lý do tại sao tín hữu tuy được tự do nhưng không nên ăn của cúng để đừng trở thành có vấp phạm cho các người yếu lòng tin, trong chương 9 Phaolô đưa ra một chuỗi câu hỏi để chứng minh cho thấy ngài và các cộng sự viên cũng có

quyền tự do như các tông đồ khác, nhưng Phaolô và các cộng sự viên đã không dùng chúng để không là cố khiến cho người muốn đón nhận Tin Mừng lại vì thế mà từ chối Tin Mừng (1 Cr 9,1 tt; Rm 2,1 tt; 6,1.15; 7,1; 11,1 tt.).

Sau cùng là kiểu chuyển cú thành linh.Đang đề cập tới một đề tài, Phaolô ngắt quãng để chêm vào một tư tưởng khác, rồi sau đó lại tiếp tục khai triển đề tài. Mục đích là để giải thích, xác định hay hạn chế đề tài đang khai triển.Học giả Borkamm đã nghiên cứu kiểu hành văn này trong thư gửi tín hữu Roma(Rm 2,17-24; 5,6-8; 5, 12-21; 9,22-24).Chẳng hạn trong chương 5 đang nói tới việc tín hữu nhờ lòng tin mà được công chính hóa,thì tới câu 6 Phaolô chuyển qua tư tưởng Chúa Kitô chịu chết để cứu họ đang trong lúc họ còn sống trong tội lỗi,Chỉ vì yêu thương họ quá đỗi.Đến câu 12 Phaolô lại ngắt quãng để nói về tội của Adam và hậu quả của nó và so sánh với ơn cứu độ mà Chúa Kitô ban cho người tín hữu.

## ĐỀ TÀI 16

### TÍNH CHẤT XÁC THỰC VÀ SỰ THỐNG NHẤT TRONG CÁC THƯ CỦA THÁNH PHAOLÔ

Theo một truyền thống rất cổ xưa thánh Phaolô là tác giả của 14 bức thư như hiện có trong Tân Ước. Đó là các thư 1-2 Thêxalônica, 1-2 Côrintô, Galát, Roma, Philipê, Philêmonê, Colôxê, và các thư mục vụ, tức các thư 1-2 Timôtêô và Titô, và sau cùng là thư gửi tín hữu Do thái. Tuy nhiên, trong hai thế kỷ qua giới học giả Kinh Thánh Tân ước đã dùng khoa phê bình lịch sử để nghiên cứu và kiểm chứng các thư nói trên. Theo các kết quả thu lượm được cho tới nay chúng ta có thể đưa ra một vài niên hiệu chắc chắn được mọi học giả công nhận. Còn các niên hiệu khác vẫn tiếp tục là đề tài của các cuộc thảo luận.

Trước hết không có một lý chứng nào cho phép chúng ta kết luận rằng thư gửi tín hữu Do thái đã do thánh Phaolô viết ra. Nó không phải là một bức thư cho bằng một khảo luận về chức Linh Mục của Chúa Giêsu, do một tác giả vô danh biên soạn. Nếu hiện nay Giáo Hội có gọi nó là thư gửi tín hữu Do thái, chỉ vì tiếp tục truyền thống đã có ngay từ thời Giáo hội khai sinh, chứ thực ra không đúng. Vẫn theo kết quả các nghiên cứu phê bình lịch sử của các học giả Kinh Thánh Tân Ước, các thư mục vụ, tức hai thư gửi Timôtêô và thư gửi Titô không phải của thánh Phaolô, mà do trường phái các môn đệ của thánh nhân biên soạn ra sau này. Tính chất trung thực của thư gửi tín hữu Êphêxô cũng đã được thảo luận rất nhiều. Một số học giả tên tuổi đã cho rằng thánh Phaolô cũng không phải là tác giả thư gửi giáo đoàn Côlôxê và thư thứ hai gửi tín hữu Thêxalônica. Nhưng nhiều học giả khác công nhận thánh Phaolô đã biên soạn ra chúng. Liên quan tới thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica, hai thư gửi giáo đoàn Côrintô và các thư gửi tín hữu Galát, Roma, Philipê và Filêmonê, mọi học giả đều công nhận là do chính thánh Phaolô viết ra (W. G. Kuemmel, *Il Nuovo Testamento. Storia della indagine scientifica sul problema neotestamentario*, Bologna 1976).

Trên đây là các vấn nạn và lập trường của giới học giả Tân ước liên quan tới tính chất xác thực trong các thư của thánh Phaolô. Tuy nhiên có lẽ nên phân biệt rõ ràng giữa tính chất xác thực trong các thư của thánh Phaolô và các tác phẩm thuộc trường phái của thánh nhân. Trong nghĩa này thì thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica, hai thư gửi giáo đoàn Côrintô, các thư gửi tín hữu Galát, Roma, Philipê và Filêmonê là do thánh Phaolô viết ra. Còn các thư khác là kết quả của một thói quen trong lãnh vực sáng tác văn chương gọi là “giả tên”, rất thịnh hành vào thời đó. Để cho tác phẩm có uy tín, được nhiều người

đọc và phổ biến rộng rãi, các môn đệ thuộc một trường phái thường lấy tên thầy mình gán cho các tác phẩm do họ biên soạn ra. Rất thường khi các tư tưởng nòng cốt của tác phẩm phản ánh tư tưởng của vị thầy đó, hay trình bày lập trường của trường phái do vị đó thành lập. Vì thế, tuy không thể coi các tác phẩm đó là do chính vị sáng lập trường phái viết ra, nhưng có thể coi chúng như những đứa con tinh thần của ông. Bởi vì chúng phát xuất từ trường phái do ông sáng lập và mang cùng các tâm tình cũng như tư tưởng của ông. Đôi khi các tác phẩm này cũng không phải là do các môn đệ của trường phái biên soạn, mà do một tác giả thuộc một trường phái có cùng chí hướng, hoặc do một người nào đó yêu thích hay chia sẻ tư tưởng của vị thầy và trường phái, viết ra. Trong nghĩa này, các tác phẩm cũng được coi như diễn tả tư tưởng và tâm tình của vị tổ sáng lập trường phái. Đây là điều tối kỵ nếu không nói là nguy hiểm trong xã hội ngày nay. Vì tại các nước châu Âu chẳng hạn, có các luật rất ngặt bảo vệ quyền của tác giả. Nếu không được phép của tác giả hay soạn giả mà dám trích dịch, hay sao chép hoặc chụp lại các tác phẩm, khi bị kiện ra tòa, thường phải bồi thường từ vài chục cho tới vài trăm hay hàng triệu mỹ kim. Do đó, khi in sách và tài liệu các tác giả hay nhà xuất bản thường ghi chứng cầu tòa để có giấy phép của bộ văn hóa, chính là để chống lại kiểu làm ăn trộm cắp của các tay thương mại văn chương và tư tưởng nhan nhản khắp nơi trên thế giới, đặc biệt tại các quốc gia kém mở mang. Nhưng thời xưa, trong thế giới hy lạp và vùng Trung đông Cổ hồi thế kỷ thứ I không có các luật lệ như bây giờ.

Ở đây tưởng cũng nên xác định một điều. Đó là kiểu cách phân biệt trên đây chỉ liên quan tới lãnh vực phê bình lịch sử hình thành của các tác phẩm, nghĩa là dựa trên các lý chứng của khoa phê bình lịch sử và phê bình văn chương, chứ không liên hệ tới giá trị lòng tin trình bày trong các thư không do thánh Phaolô viết ra. Dù không do chính tay thánh Phaolô biên soạn ra, các thư này vẫn là tiếng nói quan trọng và ý nghĩa của Kitô giáo thời khai sinh hồi thế kỷ thứ I, và đối với các tín hữu chúng vẫn diễn tả lời của Chúa.

Ngoài tính chất xác thực, trong các thư thánh Phaolô còn một vấn đề khác từng được giới học giả Kinh Thánh Tân Ước thảo luận không kém phần sôi nổi. Đó là vấn đề thống nhất trong các thư. Đặc biệt đây là vấn nạn liên quan tới thư thứ hai gửi giáo đoàn Côrintô, thư gửi tín hữu Roma và thư gửi tín hữu Philiphê. Các học giả Tân Ước cho rằng khi phân tích nội dung và kết cấu của ba bức thư nói trên, người ta có thể nhận ra chúng bao gồm nhiều thư khác nhau, mà thánh Phaolô đã viết cho tín hữu các cộng đoàn này trong nhiều dịp khác nhau.

Cụ thể trong thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô chúng ta có thể nhận ra bốn tài liệu khác nhau sau đây. Thứ nhất là một bức thư hòa giải, gồm các chương từ 1,1-2,13 cộng thêm chương 7,5-16. Các liên hệ giữa thánh Phaolô và tín hữu cộng đoàn Côrintô trở nên căng thẳng vì tín hữu đã nghe lời dụ dỗ của một số thừa sai kitô gốc do thái tới gieo hoang mang, vu khống nói xấu nhằm giảm uy tín thánh nhân, chia rẽ họ với thánh nhân khiến cho lòng mến và sự tin tưởng của họ suy giảm, và gây chia rẽ trong cộng đoàn, khiến cho tín hữu kẻ theo người chống thánh nhân. Sau khi phân trần phải trái, thánh Phaolô xin tín hữu cộng đoàn hãy hòa giải và tha thứ cho những kẻ ấy. Tài liệu thứ hai gồm chương 2,14-7,4 là lời thánh Phaolô biện hộ cho sứ mệnh tông đồ và cung cách sống của mình, đã bị nhóm các thừa sai kitô gốc do thái nói trên xuyên tạc và bôi nhọ. Tài liệu thứ ba có tính cách tranh luận gồm các chương từ 10 đến 13. Thánh Phaolô so sánh cung cách sống và công việc rao truyền Tin Mừng của mình với cung cách sống của nhóm người nói trên, và lột mặt nạ của họ trước tín hữu cộng đoàn. Tài liệu thứ tư trong thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô gồm hai chương 8-9 là hai điệp văn ngắn liên quan tới việc quyên góp để trợ giúp giáo đoàn mẹ Giêrusalem đang phải sống trong cảnh thiếu thốn.

Liên quan tới thư gửi tín hữu Philiphê cũng thế. Chúng ta có thể nhận ra nội dung của ba bức thư hay ba tài liệu khác nhau. Tài liệu thứ nhất gồm các chương 1,1-3,1a và chương 4,2-7.21-24, là bức thư chứa đựng các lời khuyên nhủ của thánh Phaolô. Sau khi bày tỏ sự vui mừng và biết ơn Thiên Chúa đã cho

Tin Mừng được phát triển mạnh mẽ thánh Phaolô khuyên tín hữu hãy biết sống lòng tin vững vàng, kiên ngang bênh vực Tin Mừng, không nao núng sợ hãi trước các thù địch, luôn biết noi gương sống khiêm tốn của Chúa Kitô và trong mọi hoàn cảnh luôn có các tâm tình nhập thể và nhập thể của Chúa Kitô, cố gắng nên trọn lành. Ngoài ra thánh Phaolô còn khuyên tín hữu hãy tin tưởng nơi Chúa, luôn tươi vui, không lo lắng gì, cầu xin Chúa ban cho mọi ơn cần thiết và sống kết hiệp với Chúa. Tài liệu thứ hai gồm chương 3,1b-4,1.8-9, trong đó thánh Phaolô nhắc nhở tín hữu biết đề phòng và xa lánh các tông đồ giả dối gian ác. Họ là loài chó cắn xé tín hữu. Sau khi nhắc lại cuộc sống quá khứ là người biệt phái chuyên chăm tuân giữ Luật lệ Do thái, nhưng được gặp Chúa nên từ bỏ và hy sinh mọi sự vì Chúa Kitô, thánh Phaolô khuyên tín hữu hãy biết noi gương sống của Ngài dứt khoát với quá khứ tội lỗi, và luôn hướng nhìn quê hương vĩnh cửu trên trời để định hướng cho cuộc đời mình. Phaolô cũng đau đớn ghi nhận rằng trong cộng đoàn vẫn có những người sống như thù địch của thập giá Chúa Kitô, chỉ tôn thờ cái bụng và ăn chơi hưởng lạc buông thả. Thánh nhân khuyên tín hữu hãy biết suy tưởng tới tất cả những gì là Chân, Thiện, Mỹ và thực hành mọi sự đã học được nơi ngài. Tài liệu thứ ba trong thư gửi tín hữu Philipphê gồm chương 4,10-20, là lời cảm tạ thánh Phaolô dâng lên Chúa, vì thấy tín hữu cộng đoàn có lòng tốt và thực hành đức bác ái đối với thánh nhân. Mặc dầu thánh nhân đã tập sống thích nghi với mọi hoàn cảnh lúc thiếu thốn nghèo đói cũng như khi no đủ sung túc, tín hữu Philipphê vẫn thương nhớ đến ngài và gửi các tặng phẩm trợ giúp ngài.

Sau cùng, trong thư gửi giáo đoàn Roma lời chúc tụng vinh danh cuối thư trong chương 16,25-27 được thêm vào sau này, chứ không thuộc văn bản chính của thư thánh Phaolô. Trong khi các lời chào và nhắn nhủ nhiều nhân vật khác nhau ghi ở chương 16,1-23 là do thánh Phaolô viết nhưng không phải cho tín hữu Roma, mà là cho tín hữu giáo đoàn Êphêxô.

## ĐỀ TÀI 17

### VIỆC THU GÓP CÁC THƯ CỦA THÁNH PHAOLÔ

Cho tới nay chúng ta đã tìm hiểu một số đặc thái trong các thư của thánh Phaolô, các kiểu cách hành văn cũng như việc biên soạn chúng. Nhưng lịch sử hình thành của chúng không kết thúc với việc biên soạn và gửi tới các giáo đoàn liên hệ. Sau khi Phaolô qua đời, các cộng đoàn đã cẩn trọng giữ gìn các bức thư ấy như một kỷ niệm và như là một kho tàng tinh thần quý giá. Một số thư bị mất đi, nhưng chúng ta không biết trong các hoàn cảnh nào và tại sao. Các thư khác được thu thập lại, và trong thời gian thu thập này xảy ra sự kiện các thư xác thực được sắp xếp chung với các thư không do thánh nhân viết ra. Tập thu tích thư của thánh Phaolô phát sinh từng bước từ đó. Nó có uy tín mau chóng đến độ được tín hữu coi như là các tác phẩm của Kinh Thánh. Thật thế, ngay trong thời gian thư thứ hai thánh Phêrô được phổ biến - đây lại là một trường hợp gia tên khác - các thư của thánh Phaolô đã được nhắc tới như là một tài liệu mà mọi Kitô hữu thuộc Giáo Hội tiên khởi đều hay biết: "Anh chị em hãy coi lòng khoan dung (sự kiên nhẫn lâu dài) của Thiên Chúa chúng ta như là ơn cứu độ, cũng như người anh em thương mến của tôi là Phaolô đã viết cho anh chị em theo sự khôn ngoan được ban cho ông. Ông cũng đã làm như vậy trong mọi thư đề cập tới vấn đề này. Trong các thư đó có vài điều khó hiểu và những kẻ dốt nát cũng như những người hay thay đổi thường xuyên tạc các điều này cũng như họ xuyên tạc các tác phẩm khác trong Kinh Thánh, làm nguy hại cho phần rỗi của chính họ (2 Pr 3,15-16). Chắc hẳn là vào cuối thế kỷ thứ I hay đầu thế kỷ thứ II tại Hy Lạp, Italia và Tiểu Á các cộng đoàn Kitô đã có được tập thu góp 13 thư của thánh Phaolô, trừ thư gửi tín hữu Do thái (A. Wickenhauser, *Introduzione al Nuovo Testamento*,



Brescia 1963,34).

Chúng ta có được văn bản tiếng hy lạp các thư là nhờ nhiều thủ bản rất cổ xưa và uy tín. Chẳng hạn như thủ bản viết trên giấy làm bằng sậy papyrus số 46 thuộc khoảng thời gian năm 200, các văn bản viết chữ hoa như văn bản Sinaitico thuộc thế kỷ thứ IV (văn bản này thuộc thư viện của tu viện thánh nữ Catarina trong bán đảo Sinai, do đó gọi là văn bản Sinaitico, viết tắt là Aleph, theo mẫu tự Do thái. Hiện nó được lưu giữ trong viện bảo tàng Luân Đôn), văn bản Vatican cũng thuộc thế kỷ thứ IV (văn bản này được lưu giữ trong thư viện thuộc bảo tàng viện Vatican, viết tắt là chữ B hoa theo mẫu tự latin), văn bản Claromontano thuộc thế kỷ thứ VI (văn bản này thuộc quyền sở hữu của ông Claromontano, viết tắt là chữ D hoa theo mẫu tự latin. Hiện nó được lưu giữ tại Paris). Trên đây chỉ là một vài thủ bản cổ xưa, quan trọng và đầy đủ đáng tin cậy nhất. Thực ra, khi dùng các tiêu chuẩn khoa học thuộc nhiều ngành khác nhau như ngữ học, khảo cổ, thuật đọc và phân tích các văn bản cổ vv... để biên soạn ra văn bản Tân Ước hy lạp như chúng ta hiện có, các học giả Tân Ước và giới chuyên viên Tân Ước đã nghiên cứu, so sánh và dùng hàng ngàn tài liệu và thủ bản khác nhau. Các tài liệu và thủ bản này hiện được lưu giữ trong các bảo tàng viện đó đây tại các nước châu Âu như Italia, Pháp, Anh Ai len, Đức, Áo, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha, hay bên Hoa Kỳ, hoặc bên Nga và Ai Cập.

Trừ các thủ bản viết trên da thuộc, hay các chất liệu bền, đa số được viết trên các chất liệu rất giòn mỏng như giấy làm bằng sậy papyrus, do đó rất dễ hư hại. Vì sợ chúng hư hại hay bị đánh cắp nên các thủ bản chính thường được chụp lại rồi được cất giữ rất kỹ. Các thủ bản trưng bày cho công chúng trong các viện bảo tàng thường là bản chụp facsimile, chứ không phải là thủ bản chính.

Văn bản Tân Ước hy lạp thường được dùng hiện nay để dịch ra các thứ tiếng khác nhau trên thế giới là The Greek New Testament, do các học giả Kurt Aland, Matthew Black, Carlo Maria Martini, Bruce M. Metzger và Allen Wikgren xuất bản với sự cộng tác của Học viện nghiên cứu văn bản Kinh Thánh Tân Ước Muenster bên Đức.

Tương cũng nên biết để dựng lại văn bản các sách hay các thư của toàn Tân Ước tiếng hy lạp, các học giả đã phải nghiên cứu và đối chiếu hàng ngàn tài liệu và thủ bản lớn nhỏ khác nhau. Các tài liệu và thủ bản đó là các bản sao chép được lưu giữ lại đó đây trên thế giới. Dựa vào các thủ bản này và các bản dịch cổ, giới học giả có thể dựng lại văn bản chính một cách chắc chắn đối với các yếu tố nòng cốt, nghĩa là các yếu tố đảm bảo cho sự xác thực của nội dung, và gần chắc chắn đối với các yếu tố riêng tư nhỏ nhất khác của văn bản.

Có thể chia các tài liệu và thủ bản này thành hai loại chính: loại trực tiếp và loại gián tiếp. Loại trực tiếp bao gồm bốn thứ thủ bản. Thứ thủ bản thứ nhất gọi là “Codicì”, tức các thủ bản được viết trên các mảnh da thuộc. Thứ thủ bản thứ hai gọi là “Papiri”, tức các văn bản được viết trên giấy làm bằng loại sậy papyrus, là chất liệu thông thường, rẻ dễ mua và dễ tìm, vì được Ai Cập xuất khẩu trong toàn vùng Trung Đông Cổ ngày xưa. Thứ thủ bản thứ ba gọi là “Lezionari”, tức các thủ bản được biên chép và sắp xếp thứ tự để dùng như bài đọc trong các lễ nghi phụng vụ. Thứ thủ bản thứ tư gọi là “Ostraca”, tức các câu Kinh Thánh Tân Ước được viết trên các mảnh vại hay mảnh sành bằng đất sét nung. Loại tài liệu và thủ bản gián tiếp là các câu trích nguyên văn, mà các soạn giả đem vào trong các tác phẩm của mình, hay các bản dịch.

Các thủ bản “Codicì” còn được chia thành hai loại. Một loại gọi là “Codicì unciali”, tức các thủ bản viết bằng chữ hoa lớn đều nhau từ đầu tới cuối. Loại thứ hai gọi là “Codicì minuscoli” hay “corsivi”, viết theo kiểu chữ thảo thông thường, liền nhau và lớn nhỏ khác nhau. Cho tới thế kỷ thứ VII-VIII các thủ bản Codicì thường là các thủ bản unciali, tức viết chữ hoa lớn đều nhau từ đầu tới cuối. Sau thế kỷ

thứ X thì kiểu viết chữ thảo thông dụng hơn. Có tất cả là 266 thủ bản “Codici unciali”, hơn 2.750 thủ bản “Codici corsivi” hay “minuscoli”, 81 thủ bản Papiri, 2.100 thủ bản Lezionari. Thủ bản Ostraca rất ít. Tổng cộng như thế chúng ta có tất cả khoảng 5.000 tài liệu và thủ bản liên quan tới Kinh Thánh Tân Ước. Trong số đó chỉ có 53 Codici, tức các thủ bản viết trên da thuộc là có đầy đủ mọi tác phẩm Tân Ước. Các thủ bản Codici khác chỉ chứa đựng một phần các tác phẩm Tân Ước, như bốn Phúc Âm, sách Khải Huyền vv... Các thủ bản Papiri hầu hết đều ngắn. Các thủ bản Lezionari chứa đựng các văn bản Kinh Thánh Tân Ước khác nhau. Còn các câu viết trên Ostraca tức các mảnh đất sét nung thì rất ngắn.

Để có thể nhận diện các tài liệu và các thủ bản kể trên giới học giả và chuyên viên phê bình văn bản đã đặt ra các hệ thống viết tắt và ghi số thứ tự. 51 thủ bản “Codici unciali” đầu tiên được gọi thứ tự theo một mẫu tự hy Lạp hay latin viết hoa. Nhưng cũng xảy ra là thường khi một mẫu tự cũng ám chỉ ba thủ bản khác nhau. Chẳng hạn chữ “F” ám chỉ nhiều thủ bản chữ hoa khác nhau: một thủ bản lưu giữ trong bảo tàng viện Utrecht bên Hòa Lan chỉ gồm 4 Phúc Âm, một thủ bản lưu giữ trong bảo tàng viện Cambridge bên Anh quốc chỉ gồm các thư của thánh Phaolô, và một thủ bản thứ ba lưu giữ trong tu viện của các thầy dòng chính thống trên núi Athos bên Hy Lạp, chỉ gồm sách Khải Huyền. Tất cả các thủ bản “Codici unciali” khác thì được ghi số thứ tự bắt đầu với số 0 đứng trước. Các thủ bản “Codici minuscoli”, tức loại thủ bản viết chữ nhỏ thường không phải là chữ hoa, thì được ghi thứ tự theo số A rập. Các Papiri thì được đánh dấu bằng chữ “P” hoa, và tiếp theo ở trên cao là số thứ tự của thủ bản. Các “Lezionari” thì được ghi dấu bằng chữ “l” thường và theo sau là số thứ tự.

## **CHƯƠNG IV** **MỘT VÀI ĐẶC THÁI TRONG TƯ TƯỞNG THẦN HỌC CỦA** **THÁNH PHAOLÔ**

### **ĐỀ TÀI 18**

### **THẦN HỌC GIA PHAOLÔ**

Khi đọc các tác phẩm Tân Ước chúng ta thấy mọi tác giả đều chú ý diễn tả lòng tin kitô, nhưng mỗi vị theo một chủ đích thần học riêng và diễn tả một số nội dung nhất định. Đây cũng là trường hợp của các soạn giả bốn Phúc Âm. Tuy nhiên, không phải soạn giả nào cũng dùng một thứ ngôn ngữ thần học chính xác hay công hiến cho chúng ta một suy tư thần học có tính chất phê bình và do lòng tin thúc đẩy. Nhưng đây lại là trường hợp của thánh Phaolô. Trong tất cả các soạn giả của Kinh Thánh Tân Ước thánh Phaolô đã là người có thứ tiếng nói thần học dễ nhận ra nhất. Thánh nhân đã biết soạn thảo ra các phạm trù tư tưởng có sức diễn tả mạnh mẽ và đi sâu vào thực tại lòng tin kitô. Chẳng hạn các phạm trù như: ơn thánh, sự công chính hóa, hòa giải, giải phóng, hòa bình, ơn cứu độ, sự sống và sự chết, vinh quang, tội lỗi, đền chuộc, khôn ngoan, thập giá, giáo hội, hiệp thông, tin mừng, phục vụ, tông đồ, các đặc sủng, “mầu nhiệm”, sự mặc khải, và trong lãnh vực nhân chủng học có cả phạm trù “thịt xác” và “thân thể” nữa.

Dĩ nhiên, thánh Phaolô không phải là người sáng chế ra các phạm trù tư tưởng này. Vì đa số chúng đều là các ý niệm đã có trong truyền thống kinh thánh, truyền thống do thái và truyền thống kitô tiên khởi. Nhưng thánh Phaolô đã mặc cho chúng một ý nghĩa và một nội dung chưa hề được biết tới cho tới thời đó. Thí dụ như tước hiệu “Kyrios,” “Chúa” áp dụng cho Chúa Kitô phục sinh. Đây là tước hiệu mà

tín hữu trong cộng đoàn kitô tiên khởi nói tiếng Aramây đã dùng để gọi Chúa Kitô phục sinh. Nhưng khi được thánh Phaolô dùng lại trong các thư, tước hiệu này mang nội dung thần học sâu đậm đến trở thành một phạm trù diễn tả nét thần học về Chúa Giêsu. Khi dùng tước hiệu “Kyrios”, “Chúa” để gọi Đức Giêsu, thánh Phaolô muốn nêu bật gương mặt của Đức Giêsu Kitô phục sinh khai hoàn, được Thiên Chúa Cha tôn vinh cất nhắc lên cao, cho ngự bên hữu Ngài, trao ban cho mọi quyền bính và đặt làm Chúa của toàn vũ hoàn, có toàn quyền trên mọi loài thụ tạo trên trời cũng như dưới đất và dưới lòng đất. Trong thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô chương 16,22 thánh Phaolô đã dùng lại lời tuyên xưng của cộng đoàn kitô tiên khởi nói tiếng Aramây khi viết: “Nếu ai không yêu mến Chúa, thì hãy là đồ bị chúc dữ! Marana tha!” Ở đây Chúa Giêsu Kitô phục sinh được tín hữu gọi là “Kyrios”, và thánh Phaolô ghi lại tước hiệu cộng đoàn kitô tiên khởi dùng trong công thức phụng vụ tiếng Aramây để kêu xin Chúa đến “Maranatha”, có nghĩa là “Lậy Chúa chúng con xin hãy đến”. “Marê” trong tiếng Aramây có nghĩa là “Chúa”, “Kyrios”. Đây cũng là trường hợp của các tước hiệu khác như “Kristos” “Đấng được xúc dầu” hay “Đấng Cứu Thế” và “hô huios tou Theou”, “Con Thiên Chúa” (W. Kramer, Christos Kyrios Gottessohn, Zuerich 1963). Trường hợp nền Thần học hay định nghĩa thần học về Chúa Thánh Thần trong thư của thánh Phaolô cũng vậy. Thánh Phaolô gọi Chúa Thánh Thần là “Thần Linh của Đức Kitô” (R. Penna, Lo spirito di Cristo, Brescia 1976).

Bên cạnh đó thánh Phaolô cũng đã đào sâu ý nghĩa thần học của các bí tích Rửa tội và Thánh Thể. Chương 6 thư gửi giáo đoàn Roma là một khảo luận thần học tuyệt diệu về bản chất và ý nghĩa của bí tích Rửa tội. Thánh Phaolô khẳng định rằng khi lãnh nhận bí tích Rửa tội là tín hữu đã cùng chết và được mai táng với Đức Kitô, để được bước vào cuộc sống mới như Chúa Kitô phục sinh. Khi tin nhận Chúa và lãnh bí tích rửa tội là tín hữu cùng đóng đinh con người cũ vào thập giá với Chúa Kitô, để hủy diệt thân xác tội lỗi, và không còn là nô lệ của tội lỗi nữa. Vì kẻ đã chết thì được giải thoát khỏi tội lỗi. Khi cùng chết với Đức Kitô thì tín hữu cũng sẽ được sống lại với Ngài, và sống cho Thiên Chúa trong Đức Giêsu Kitô. Cũng chính vì đã có được sự sống mới ấy, nên tín hữu không được để cho tội lỗi ngự trị trong thân xác của mình nữa, và không được dùng các chi thể của mình để phục vụ tội lỗi như dụng cụ của bất công nữa, nhưng phải dùng chúng như dụng cụ của sự công chính và phụng sự Thiên Chúa. Nếu trước khi trở thành con cái Chúa, tín hữu đã phải sống dưới ách thống trị của luật lệ, thì giờ đây họ không sống dưới luật lệ nữa mà sống dưới ơn thánh. Nếu trước đây họ nô lệ tội lỗi và dùng chi thể của họ để phục vụ ô uế và gian ác dẫn đưa họ tới cái chết, thì giờ đây họ phải cố gắng sống vâng phục sự công chính dẫn đưa họ tới chỗ nên thánh. Qua bí tích Rửa tội họ đã được giải phóng khỏi kiếp sống nô lệ tội lỗi, để trở thành tôi tớ của sự công chính và của Thiên Chúa, để được trở nên thánh thiện và hưởng sự sống vĩnh cửu. Vì đồng lương của tội lỗi là cái chết, còn ơn nhưng không Thiên Chúa ban cho là sự sống trường sinh trong Đức Giêsu Kitô Chúa chúng ta.

Trong thư thứ nhất gửi tín hữu Corintô chương 10,14-22, và chương 11,17-34 Thánh Phaolô đã đào sâu ý nghĩa thần học của bí tích Thánh Thể, bằng cách đả phá hai thái độ sống phản Tin Mừng. Thứ nhất là tâm thức trộn lẫn tôn giáo, theo Chúa nhưng cũng tôn thờ các thần linh và ngẫu tượng khác, thứ hai là biến việc cử hành bí tích Thánh Thể trở thành dịp ăn uống say sưa và khoe khoang cái giàu sang của mình, khiến cho các anh chị em tín hữu nghèo khó hơn phải tủi nhục và xúc phạm tới phẩm giá của họ. Trong chương 10 thánh Phaolô khuyên tín hữu hãy xa lánh các tà thần. Nếu đã quyết định tin nhận Chúa và trở thành con cái Chúa, tín hữu phải từ bỏ mọi tà thần khác. Bởi vì không thể tham dự tiệc Thánh Thể, ăn Mình và uống Máu Thánh của Chúa Giêsu, kết hiệp với Chúa và với cộng đoàn Giáo Hội, rồi lại đi tham dự các lễ nghi cúng bái các thần linh khác và ăn thịt cúng tế cho ma quỷ và hiệp thông với ma quỷ. Không xét trên phương diện xác tín và hiểu biết lòng tin, người có lý trí và trung thực với mình cũng sẽ không hành xử như thế.

Trong chương 11 cùng thư thứ nhất gửi giáo đoàn Côrintô thánh Phaolô đã đả phá các tề đoàn này sinh trong cộng đoàn liên quan tới việc cử hành bí tích Thánh Thể. Trước hết là thái độ thiếu bác ái và hiệp nhất trong các cộng đoàn cử hành Thánh Thể (ekklelesia). Các tín hữu chia rẽ nhau thành các nhóm giàu nghèo và ngồi ăn riêng rẽ. Bình thường trong các buổi cử hành tiệc Thánh Thể, hay còn gọi là lễ nghi bẻ bánh, hoặc bữa tiệc chiều, mọi tín hữu thuộc cộng đoàn cùng chia sẻ bữa ăn huynh đệ sau đó với nhau. Họ góp chung tất cả những gì mỗi người đem theo rồi cùng chia nhau ăn uống trong yêu thương, hòa hợp không phân biệt giai cấp. Nhưng trong cộng đoàn Côrintô tín hữu đã không trung thành với thói quen này nữa. Thay vì góp các thức ăn lại rồi cùng chia cho nhau, thì họ lại chia bè chia nhóm theo giai tầng xã hội người giàu ngồi với người giàu, mạnh ai người ấy ăn, mà không đợi mọi người góp thức ăn lại với nhau và chia sẻ mọi thứ đồng đều cho nhau. Cung cách hành xử này đi ngược lại tinh thần yêu thương huynh đệ và hòa đồng của tiệc Thánh Thể, mà bữa ăn chia sẻ huynh đệ tiếp theo đó là kiểu cách diễn tả cụ thể. Khi chỉ ngồi với nhau và ăn các thức mình đem tới là các anh chị em kitô giàu khinh thị các anh chị em nghèo túng hơn và chê bai thức ăn thanh đạm của họ. Nhưng hành xử như thế là phản bội Tin Mừng yêu thương đại đồng của Chúa.

Tề đoàn thứ hai thánh Phaolô đả phá ở đây là sự kiện các anh chị em kitô giàu ăn uống quá độ. Đã không đợi chung góp đồ ăn thức uống để chia sẻ đồng đều cho các anh chị em thiếu thốn hơn, họ lại còn dùng bữa ăn sau khi cử hành bí tích Thánh Thể như là dịp và như là kiểu cách phô trương cái giàu có của họ, bằng cách ăn uống chèn chèn, khiến xảy ra cảnh ” người còn đói meo, mà kẻ khác đã say mèm”. Nhưng khi hành xử như thế là họ làm cho các anh chị em nghèo túng hơn phải tủi nhục, cảm thấy mình như là loại tín hữu hạng hai, thấp kém hơn. Bữa ăn sau buổi cử hành bí tích Thánh Thể là kiểu cách cụ thể kéo dài tinh thần hiệp nhất yêu thương huynh đệ và chia sẻ cho nhau. Nhưng làm sao họ có thể duy trì và diễn tả tinh thần đó khi họ phân chia giai cấp, không chia sẻ thực phẩm cho nhau và ngồi ăn riêng rẽ như vậy?

Để sửa dạy tín hữu thánh Phaolô nhắc nhở cho họ biết giáo lý về bí tích Thánh Thể mà chính ngài đã nhận được từ Chúa và truyền lại cho họ. Ở đây thánh Phaolô gián tiếp khẳng định rằng giáo lý về bí tích Thánh Thể mà ngài đã nhận được từ cộng đoàn kitô Damasco sau cuộc gặp gỡ đời trên đường tới thành Damasco, bắt nguồn từ chính Chúa Giêsu Kitô. Công thức của bài giáo lý thánh thể này hoàn toàn phù hợp với công thức ghi trong Phúc Âm thánh Luca, nhưng không tương đồng với công thức trong Phúc Âm Máthêu và Maccô. Sự kiện này chứng minh cho thấy tài liệu của Phaolô và tài liệu của Luca có cùng một nguồn gốc và cùng một môi trường là cộng đoàn kitô Antiochia. Giáo lý về bí tích Thánh Thể nêu bật cái chết hiến tế đổ máu của Chúa Kitô. Nó được diễn tả qua các kiểu nói bẻ bánh, “mình Thầy trao ban cho các con” và ”chén tân ước trong máu Thầy”. Và Chúa Giêsu truyền cho các tông đồ lập lại cử chỉ bẻ bánh ấy để nhớ tới Ngài. Mỗi lần cử hành bí tích Thánh Thể là kitô hữu loan báo cái chết của Chúa Giêsu cho tới khi Ngài lại đến. Trình thuật bí tích Thánh Thể cũng ám chỉ rõ ràng tới lễ Vượt Qua. Ngày lễ Vượt Qua sẽ được dân Do thái cử hành từ đời này sang đời khác như lễ kỷ niệm, và như là ngày lễ của Chúa (Xh 12,14). Cũng giống như lễ Vượt Qua là lễ kỷ niệm biến cố xuất hành giải phóng đối với dân Do thái, bí tích Thánh Thể là lễ Vượt Qua của kitô hữu. Nó cử hành cái chết cứu chuộc của Chúa Kitô, tháp nhập tín hữu vào cái chết cứu độ đó và dẫn đưa tín hữu tới sự sống phục sinh. Vì thế nên sau khi cùng nhau cử hành cái chết của Chúa Giêsu, ăn Mình và uống Máu Ngài, nghĩa là cử hành biến cố Chúa Kitô giải phóng họ khỏi tội lỗi và ách nô lệ áp bức của nó, mà tín hữu cộng đoàn Côrintô lại có cung cách phân chia giai cấp như vậy là họ tiếp tục biện minh cho sự áp bức và chia rẽ ấy. Và như thế là phản bội Tin Mừng và mầu nhiệm cứu chuộc mà họ đã cử hành trước đó.

## ĐỀ TÀI 19

# THÁNH PHAOLÔ CÓ PHẢI LÀ MỘT NHÀ THẦN HỌC HỆ THỐNG KHÔNG?

Trong các tác gia Tân Ước thánh Phaolô đã là thần học gia có thứ ngôn ngữ dễ nhận diện nhất, bởi vì thánh nhân đã cố gắng dùng lại các ý niệm thần học của truyền thống kinh thánh, truyền thống do thái giáo và truyền thống của cộng đoàn kitô tiên khởi để diễn tả thực tại lòng tin kitô, và trao ban cho chúng một ý nghĩa mới và một nội dung thần học sâu sắc hơn. Các phạm trù thần học đa diện được thánh Phaolô đề cập tới có thể cho chúng ta cảm tưởng ngài là một thần học gia hệ thống. Nhưng thật ra không phải vậy. Phaolô đã không có ý đưa ra một cái nhìn thần học tổng quát và thống nhất. Thánh nhân cũng không muốn xây dựng một tổng luận thần học. Thật ra, có một vài học giả đã gán cho thánh Phaolô ý tưởng này. Nhưng ngày nay giới học giả Kinh Thánh Tân Ước không chấp nhận sự gán ghép nói trên. Lý do là vì thánh Phaolô đã không bao giờ đương đầu giải quyết toàn bộ các vấn đề liên quan tới thực tại của lòng tin kitô. Ngay cả trong thư gửi giáo đoàn Roma, mà chúng ta có thể coi là khảo luận đúc kết các vấn đề thần học đặc sắc nhất, thánh Phaolô cũng đã không đưa ra một tổng luận thần học, nhằm duyệt xét toàn bộ các vấn đề lòng tin. Trái lại, Phaolô đã chỉ chú ý tới các trường hợp cụ thể của các giáo đoàn thời đó và giải quyết các khó khăn, mà tín hữu Giáo Hội thời khai sinh gặp phải trong môi trường sống cụ thể thường ngày của họ.

Chúng ta có thể định nghĩa thần học của thánh Phaolô là loại thần học thực dụng, hay thần học áp dụng vào môi trường mục vụ. Và như thế nó luôn luôn là một suy tư thần học phiến diện, liên quan tới một lãnh vực nào đó, hay một số lãnh vực nào đó, chứ không phải bao quát toàn bộ. Bằng chứng là thánh Phaolô đã lấy lại một số đề tài hay tư tưởng đã được nói tới, nhưng khai triển sâu hơn và mở rộng vấn đề cho một viễn tượng mới. Có hai lý do giải thích cho sự kiện này. Thứ nhất, thánh Phaolô được môi trường bên ngoài thúc đẩy. Các kinh nghiệm mới và nhiều tiếp xúc trên con đường truyền giáo khiến thánh nhân tìm hội nhập Tin Mừng vào các nền văn hóa địa phương, bằng cách khai triển thêm các đề tài thần học từng rao giảng cho tới lúc đó. Thứ hai, thánh nhân cảm thấy nhu cầu cá nhân cần phải đào sâu hơn nội dung lòng tin kitô của mình, để có thể rao truyền nó một cách hữu hiệu hơn. Điển hình là vấn đề sống lại của Chúa Giêsu Kitô. Nếu so sánh những gì thánh nhân đã nói với tín hữu các cộng đoàn theo thứ tự thời gian, chúng ta sẽ nhận ra có sự biến chuyển cả phẩm lẫn lượng trong giáo lý về sự sống lại của Chúa Kitô. Thánh Phaolô đã đề cập tới vấn đề sống lại lần đầu tiên trong chương 4, 14-18 thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica. Phaolô tới rao giảng Tin Mừng tại Thêxalônica hồi năm 50, tức trong chuyến truyền giáo thứ hai. Nhưng công tác truyền giáo và thành lập cộng đoàn kitô chưa kéo dài được bao lâu, thì thánh nhân gặp sức chống đối của cộng đoàn do thái sinh sống tại đây và phải vội vã xa rời các tín hữu. Do đó, Phaolô viết thư củng cố lòng tin của họ, và giảng giải giáo lý thêm cho họ, trong đó có vấn đề niềm tin vào sự sống lại của Chúa Kitô. Khi hay biết có một số tín hữu trong cộng đoàn buồn sầu đến như thất vọng vì có thân nhân qua đời, thánh Phaolô đã an ủi họ và khẳng định với họ mấy điểm nòng cốt sau đây. Cũng như Chúa Giêsu Kitô đã chết và đã sống lại thế nào, thì các tín hữu đã qua đời cũng sẽ được sống lại với Chúa như thế. Giáo lý do Chúa Giêsu truyền lại cho biết khi Chúa Giêsu Kitô quang lâm, các tín hữu đã chết trong Chúa Kitô sẽ được sống lại trước, rồi tới phiên các tín hữu còn sống sẽ được cất nhắc lên để gặp gỡ Chúa trên trời và sống mãi với Chúa.

Vấn đề kẻ chết sống lại sẽ được thánh Phaolô đề cập tới lần thứ hai trong chương 15 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô. Ở đây niềm tin vào sự sống lại được khai triển rộng rãi thành ba phần. Trong phần đầu Phaolô trình bày Tin Mừng liên quan tới sự sống lại của Chúa Giêsu Kitô như thánh nhân đã nhận được từ truyền thống của cộng đoàn Kitô tiên khởi. Đó là Chúa Kitô đã chết vì tội lỗi của mọi người. Ngài đã

chịu mai táng và ngày thứ ba đã phục sinh theo lời Kinh Thánh. Tiếp đến Chúa Kitô phục sinh đã tỏ hiện ra cho cho Kêpha, rồi cho Mười hai tông đồ. Rồi Ngài đã hiện ra với hơn 500 tín hữu cùng một lần. Khi thánh Phaolô viết thư này cho tín hữu Côrintô, tức vào năm 56, đa số các anh chị em này vẫn còn sống. Và sau cùng Chúa Kitô phục sinh cũng đã hiện ra với Phaolô, là người bé mọn nhất trong các tông đồ và không xứng đáng mang danh hiệu ấy, vì Phaolô đã bắt bớ Giáo Hội Chúa. Nhưng Phaolô đã không để cho ơn thánh Chúa qua đi vô ích, trái lại đã tận dụng ơn thánh ấy để sinh lợi cho chính mình và cho người khác. Nghĩa là ở đây Phaolô lợi dụng dịp loan báo Tin Mừng phục sinh cho tín hữu, để kê khai các nhân chứng đã được tận mắt trông thấy Chúa Kitô phục sinh, đồng thời cũng là để nhắc lại cuộc gặp gỡ đổi đời của mình với Chúa Kitô phục sinh.

Trong phần hai chương 15 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô Phaolô dựa trên niềm tin và xác tín vào sự phục sinh trên đây của Chúa Kitô để trả lời những tín hữu tuyên bố họ không tin vào sự sống lại của người chết. Thánh nhân dùng chính khẳng định này của họ để làm tiền đề cho lý luận của mình. Nếu không có sự sống lại, thì Chúa Kitô cũng đã không thể sống lại được. Mà nếu Chúa Kitô đã không sống lại, thì các tông đồ là những người làm chứng gian và rao giảng điều dối trá. Và như thế lòng tin của các tín hữu cũng trở thành hư không, vì họ đã nghe lời phỉnh gạt và tin theo một điều hão huyền. Mà nếu Chúa Kitô đã không sống lại thực, thì những kẻ đã chết chắc chắn là phải hư mất và mọi tín hữu kitô đã đặt tin tưởng và hy vọng nơi Đức Giêsu Kitô trong đời này sẽ là những kẻ khốn nạn đáng thương nhất trần gian. Nhưng không, Chúa Kitô đã phục sinh và trở thành trưởng tử của đoàn ngũ những người sống lại. Do đó, nếu vì Adam mà họ phải chết, thì giờ đây nhờ Chúa Kitô họ sẽ được sống, mỗi người trong thứ bậc của mình. Sau khi quang lâm Chúa Kitô sẽ hủy diệt mọi quyền lực kể cả cái chết và thống trị mọi vật mọi loài. Lúc đó sẽ là ngày sau hết. Và Chúa Kitô sẽ trình diện trước mặt Thiên Chúa Cha để tuyên bố Ngài đã hoàn thành sứ mạng cứu thế Thiên Chúa Cha đã trao phó. Cũng nhân dịp nói về sự sống lại của người chết thánh Phaolô đề cập tới một thói quen lạ. Đó là thói quen lãnh nhận bí tích Rửa tội thay cho người chết. Phaolô không lên án cũng không tán thành thói quen này, nhưng chỉ dùng nó cho lý luận của mình. Lịch sử các nhóm lạc giáo có nói tới bí tích Rửa tội đại diện. Người còn sống nhận bí tích rửa tội đại diện cho người chết. Làm như thế hình như họ tin rằng ông bà tổ tiên của họ đã qua đời không được rửa tội cũng tham dự vào ơn ích của bí tích Rửa tội, mà giờ đây họ nhận lãnh thay cho các vị. Cũng chính vì tin vào Chúa Kitô phục sinh và sự sống lại nên thánh Phaolô và các cộng sự viên của ngài liều mạng xông pha hiểm nguy mọi ngày, mà không sợ phải chiến đấu với thú dữ tại thành Êphêxô.

Trong phần ba của chương 15 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô, Phaolô tìm cách trả lời cho vấn nạn liên quan tới thân xác của những tín hữu được sống lại. Thánh nhân dùng một hình ảnh tuyệt đẹp để so sánh thân xác phục sinh, được hoàn toàn biến đổi có sự sống thiên quốc thần thiêng vinh quang vĩnh cửu, với thân xác yếu hèn hay chết và rữa nát của con người trần gian. Đó là hình ảnh hạt giống biến thành cây. Và thánh Phaolô khuyên tín hữu hãy biết dùng các sự thật ấy để khuyên nhủ và an ủi nhau.

Trong chương 5 thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô Phaolô thuyết phục tín hữu đừng sợ hãi trước cái chết, vì nó chỉ là cánh cửa dẫn đưa tín hữu vào cuộc sống vĩnh cửu mai sau. Trước đó vào cuối chương 4 thánh nhân khẳng định với tín hữu rằng con người thân xác bên ngoài càng đi tới sự hủy diệt của nó, thì con người bên trong càng được canh tân. Các khổ đau bây giờ mau qua, và chúng sửa soạn cho tín hữu hưởng sự vinh quang bất diệt. Vì đích tới của cuộc sống con người không phải là điều có thể trông thấy được, mà là thực tại con người không trông thấy. Những gì con người có thể trông thấy thì tạm bợ, điều con người không trông thấy mới vĩnh cửu. Trong chương 5 thánh nhân tiếp tục khai triển tư tưởng trên qua hình ảnh cuộc sống trên trần gian này như là một căn lều tạm bợ dễ bị hủy diệt. Nhưng cuộc sống mai sau mới là tòa nhà xây vững chắc. Trong thời gian phải sống trong căn lều tạm bợ mong manh này tín hữu nên siết ước mong được căn nhà thiên quốc trù lên trên căn lều hay hư nát này. Dĩ nhiên sự sống

luôn luôn là ơn Chúa ban, nên tín hữu không muốn và không được coi bỏ nó trong nghĩa hủy hoại chính mình, nhưng họ muốn mặc y phục cuộc sống vĩnh cửu lên trên y phục cuộc sống hư nát, để cho cái phải chết bị sự sống nuốt trửng. Và Thiên Chúa, Đấng đã tạo thành con người cho tương lai rạng ngời ấy, trao ban bảo chứng Thần Linh cho tín hữu. Cũng chính vì thế nên cho dù đang phải sống trong thân xác này, tức là ở bên ngoài tòa nhà cuộc sống thiên quốc vĩnh cửu, tín hữu vẫn hy vọng tin tưởng, luôn quy hướng về cuộc sống mai sau và cố gắng sống đẹp lòng Thiên Chúa. Vì mọi người đều phải ra trước tòa Chúa phán xét để lãnh nhận phần thưởng hay án phạt về mọi sự đã làm trong cuộc sống thân xác trên trần gian này.

Trong phần hai của chương 5 thánh Phaolô nhắc cho tín hữu biết rằng Chúa Kitô đã chết để đền bù tội lỗi thay cho tất cả mọi người, để mọi người không sống cho chính mình nữa, nhưng sống vì Chúa Kitô và cho Chúa Kitô, là Đấng đã chết và sống lại cho họ, để hòa giải họ với Thiên Chúa Cha. Và các tông đồ là các thừa tác viên và sứ giả của Tin Mừng phục sinh và hòa giải đó. Đây cũng là lý do khiến thánh Phaolô khẳng định với tín hữu Philiphê rằng đối với thánh nhân sống chính là Chúa Kitô và chết đi là một mối lợi. Thánh nhân chỉ muốn chết để được kết hiệp với Chúa Kitô. Nhưng nếu sự hiện diện và công việc của ngài trên trần gian này còn ích lợi cho tín hữu, thì ngài sẽ ở lại để giúp họ trưởng thành trong lòng tin (Pl 1,21-24). Và Phaolô khuyên mọi người hãy luôn hướng về đích tới của đường đời là cuộc sống vĩnh cửu mai sau (Pl 3,12 tt.)

Thí dụ trên đây cho thấy thánh Phaolô đã khai triển cùng một đề tài thần học và giáo lý về sự phục sinh trong nhiều trường hợp khác nhau để đáp ứng nhiều nhu cầu cụ thể khác nhau của tín hữu.

## ĐỀ TÀI 20

### CÁC CHẶNG TRONG TIẾN TRÌNH GIÁO HUẤN THẦN HỌC CỦA THÁNH PHAOLÔ

Như chúng ta đã thấy cho tới nay, thần học trình bày trong các thư của thánh Phaolô không phải là nền thần học hệ thống, mà là thần học thực dụng. Vì là các câu trả lời cho các vấn nạn tín hữu gặp phải trong cuộc sống lòng tin của họ, nên giáo huấn thần học của thánh Phaolô cũng theo tiến trình hoạt động truyền giáo và mục vụ của thánh nhân.

Thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica là bức thư đầu tiên và có lẽ là tài liệu cổ xưa nhất của Kinh Thánh Tân Ước. Thánh Phaolô đã viết bức thư này giữa năm 50-51 với mục đích củng cố lòng tin của các tín hữu và bổ túc các giáo huấn mà ngài chưa kịp giảng giải cho họ. Đề tài nổi bật là các biên cố của thời cánh chung, sự sống lại của Chúa Kitô và của các tín hữu. Phaolô đã tới Thêxalônica rao giảng Tin Mừng và thành lập cộng đoàn kitô. Nhưng chưa được bao lâu thì cộng đoàn do thái tại đây phát động phong trào chống đối bách hại, bằng cách gây rối loạn trong thành phố, rồi đổ tội cho các thừa sai kitô là chống lại các chi thị của hoàng đế Roma. Chưa hết, họ còn lôi một số kitô hữu ra trước mặt các quan tòa. Trước làn sóng bách hại này, tín hữu Thêxalônica đã buộc lòng phải đưa Phaolô và các cộng sự viên sang Berea. Nhưng nhóm do thái Thêxalônica cũng theo sang tận Berea để phản đối công tác truyền giáo của thánh Phaolô. Phải xa rời tín hữu của một cộng đoàn mới được thành lập như thế, thánh Phaolô âu lo cho số phận của họ. Do đó ngài viết thư củng cố và khuyến khích họ kiên trì trong gian nan thử thách. Thánh nhân khuyên họ noi gương Chúa Giêsu Kitô Người tôi tớ khổ đau của Giavê Thiên Chúa. Riêng đối với người do thái Thêxalônica, Phaolô đã đưa ra những lời kết tội rất nặng. Ngài gọi họ là những kẻ



đã giết Chúa Giêsu và các ngôn sứ, là thù địch của mọi người và là dụng cụ của Satan (1 Tx 2,14)

Năm năm sau đó, trong cộng đoàn Côrintô nảy sinh một vấn đề điển hình của công tác truyền giáo thuộc mọi thời đại. Đó là vấn đề hội nhập Tin Mừng vào nền văn hóa địa phương. Các thừa sai và cộng đoàn Kitô phải đối diện với sự cách biệt hay khác biệt văn hóa của môi trường, trong đó Tin Mừng được rao giảng. Cho tới lúc ấy Tin Mừng đã chỉ được loan báo trong môi trường do thái Palestine. Giờ đây, Tin Mừng được rao giảng trong thế giới hy lạp. Sự chuyển tiếp này làm phát sinh ra tình trạng khủng hoảng, mà chúng ta có thể gọi là cuộc khủng hoảng trưởng thành. Nhưng nó cũng có thể dẫn tới nguy cơ biến thái, nghĩa là khiến cho Tin Mừng bị lệch lạc đi và không còn tinh tuyền nữa. Và đây đã là trường hợp xảy ra tại Côrintô. Với các cơ chế và kiểu cách sống của các môi trường ngoại giáo không do thái, thế giới hy lạp Côrintô tìm tiêu hóa Tin Mừng theo kiểu tiêu hóa sinh vật lý, nghĩa là chọn lựa, thu hút từ Tin Mừng kitô những gì thích hợp với mình, và loại bỏ tất cả các yếu tố khác. Đây là khuynh hướng thường xảy ra trong các trào lưu kitô ngộ đạo thuộc thế kỷ thứ II và trong dòng lịch sử Giáo Hội tại những nơi nào công tác rao truyền Tin Mừng đã được thi hành một cách hấp tấp vội vã. Hậu quả là tín hữu duy trì các tín ngưỡng cổ xưa họ đã có, và trộn lẫn chúng với một số yếu tố của Kitô giáo. Hiện tượng trộn lẫn tôn giáo này chúng ta có thể tìm thấy tại nhiều nước trên thế giới như tại Brazil bên châu Mỹ Latinh, tại Haiti, và một số nước khác bên Phi châu. Điển hình là thứ tôn giáo trộn lẫn Kitô giáo với tôn giáo Phi châu cổ truyền gọi là “Vudu”.

Trước các lệch lạc này của cộng đoàn kitô hy lạp Côrintô, thánh Phaolô đã tỏ ra rất cứng rắn và mạnh mẽ lên án mọi tâm thức và thái độ sống không phù hợp với tinh thần Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô. Phaolô nhắc cho tín hữu Côrintô biết rằng khi tin nhận Chúa Giêsu Kitô và Tin Mừng của Ngài, họ đã dứt khoát bẻ gãy với quá khứ và việc tôn thờ các thần linh khác. Do đó họ phải trung thành với lòng tin và các giáo huấn của Chúa Giêsu mà Phaolô đã rao truyền cho họ. Dưới ánh sáng của nguyên tắc này thánh nhân đã duyệt xét một số thái độ sống lệch lạc của tín hữu Côrintô. Chẳng hạn như thái độ chia rẽ phân biệt giai cấp giàu nghèo, tâm thức sống theo cái khôn ngoan của con người trần gian, thái độ khinh miệt thân xác và hôn nhân hay ngược lại kiểu sống tính dục buông thả, vấn đề ăn thịt dưng cúng cho các thần linh hay tham dự các lễ nghi tiệc tùng trong khung cảnh tôn thờ các thần linh ngoại giáo, các lộn xộn, lạm dụng và lệch lạc xảy ra trong các buổi cử hành bí tích Thánh Thể như thói quen dùng dịp này để chia bè chia nhóm giàu nghèo và ăn uống say sưa. Sau cùng là vấn đề người chết sống lại. Do thái giáo và Kitô giáo quan niệm con người như một bản vị duy nhất. Do đó, sự sống lại liên quan tới cả xác cả hồn. Nhưng đó là quan niệm khó chấp nhận đối với môi trường hy lạp, mang nặng ảnh hưởng của các triết lý nhị nguyên.

Phaolô khẳng định với các tín hữu rằng mọi người sẽ sống lại, cả hồn lẫn xác. Nhưng trong cuộc sống hiện tại trên trần gian này tín hữu phải mang dấu vết của yếu đuối và sự dòm mòng tạm bợ của kiếp người. Tính chất mới mẻ của Thần Linh như là nguyên lý cuộc sống của thế giới, tiềm ẩn trong các mâu thuẫn của lịch sử. Và cộng đoàn Giáo Hội được dựng xây trên nền tảng vững chắc của sự hiệp thông của mọi tín hữu, là khung cảnh và môi trường đặc biệt được Thần Linh Chúa ưa thích dùng để diễn tả sự mới mẻ ấy. Vì thế, để đừng đánh mất ơn cứu độ, tín hữu phải cố gắng noi gương sống vâng lời của Chúa Giêsu Kitô trong mọi khó khăn của cuộc sống thường ngày, chứ không được có thái độ tươi vui, vô lo trốn chạy sự thật của những người không dám nghĩ tới số phận mai sau của mình.

Chẳng bao lâu sau khi viết lá thư thứ nhất cho tín hữu Côrintô, thánh Phaolô phải đương đầu với các thách đố mới. Trước hết là lời nguyên rủa của một tín hữu xúc phạm tới thánh nhân và toàn cộng đoàn. Tiếp đến là sự cạnh tranh và các vu khống tấn công của nhóm thừa sai kitô gốc do thái cũng như của các thừa sai ngoại giáo khác. Những nhóm này đề cao các khả năng và đặc sủng cá nhân cũng như các buổi phụng tự chữa bệnh và xuất thần. Họ lấy sứ điệp cá nhân lập liếm sứ điệp Tin Mừng của Chúa và đề cao

một thứ đặc sủng lệch lạc nhằm thay thế tinh thần tông đồ phục vụ khiêm tốn, mà mọi thừa sai chân chính đều phải có đối với cộng đoàn dân Chúa. Cuộc chiến chống lại ảnh hưởng tiêu cực của các nhóm này trên cộng đoàn Côrintô đã vô cùng cam go đối với thánh Phaolô. Thánh nhân viết cho tín hữu nhiều lần để khuyến khích họ trung thành với hình ảnh vị tông đồ trung thực, mà họ đã thấy nơi con người và qua cung cách sống của ngài. Trên bình diện nhân loại mà nói, dù ngài có là người yếu đuối và tật bệnh, bất toàn thể nào đi nữa, Thiên Chúa nhân từ cũng đã dùng thánh nhân như dụng cụ quyền năng cứu độ của Ngài. Nói cách khác, trường hợp của Phaolô cũng giống như trường hợp của Đức Giêsu Kitô. Trên bình diện nhân loại mà nói, Đức Giêsu Kitô bị đóng đinh trên thập giá là dấu chỉ của sự yếu đuối, bất lực và thất bại. Nhưng Thiên Chúa đã lại dùng chính cuộc khổ nạn, cái chết và thập giá hổ nhục của Chúa Kitô, nghĩa là sự yếu đuối, bất lực và thất bại đó để tỏ lộ quyền năng cứu độ và tình yêu thương vô bờ của Ngài đối với nhân loại tội lỗi. Bởi vì Thiên Chúa là “Đấng trao ban sự sống cho người đã chết và khiến cho những gì không có được hiện hữu” (Rm 4,17; Cf. 2 Cr 13,4). Trong nhãn quan đó, thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô trình bày với chúng ta một nền thần học phục vụ sống động cụ thể phát xuất từ quyết tâm của thánh Phaolô đối chiếu các hoạt động tông đồ mục vụ và cung cách hành xử của ngài với các hoạt động phá hoại của nhóm thừa sai giả hiệu, khoa môi mùa mả, lợi dụng thái độ thơ ngây dễ tin của tín hữu để trục lợi và củng cố địa vị cá nhân. Họ là dụng cụ Satan dùng để đánh phá cộng đoàn tín hữu.

Bầu khí trong đó thánh Phaolô viết thư cho tín hữu cộng đoàn Galát vào giữa năm 56-57, lại còn sôi bỏng và căng thẳng hơn. Phaolô thẳng mặt đốp chát với nhóm thừa sai kitô gốc do thái và lột mặt nạ của họ. Nhóm thừa sai này chủ trương bắt buộc mọi tín hữu không phải gốc do thái tuân giữ luật lệ Môshê, chấp nhận lễ cắt bì và mọi lễ nghi phụng tự do thái khác. Thánh nhân mắng tín hữu Galát là ”ngu dân đại dốt”, vì đã nghe theo lời giảng dạy của nhóm thừa sai chủ trương tái lập Do thái giáo trong cộng đoàn kitô. Thế là từ chỗ được Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô, mà thánh nhân rao giảng cho họ, giải phóng, giờ đây họ lại chấp nhận quay trở về kiếp sống nô lệ luật lệ do thái, như khi chưa biết và tin nhận Chúa Giêsu. Cuộc tranh luận này cho thánh Phaolô có dịp khai triển đề tài thần học liên quan tới công chính hóa dựa trên lòng tin vào Chúa Kitô, để kéo tín hữu cộng đoàn ra khỏi tình trạng chối bỏ Chúa Kitô và Tin Mừng của Ngài (Gl 1,6).

Một phần nào đó thư gửi tín hữu Philipphê (c.3) cũng nhằm mục đích cảnh cáo tín hữu trước các mưu chước thâm độc của nhóm tông đồ kitô do thái nói trên, nhằm biến họ trở thành nô lệ của luật Môshê. Họ không chỉ đối nghịch với Phaolô, mà là dụng cụ của Satan trong cuộc chiến đánh phá Giáo Hội Chúa. Thánh Phaolô cho tín hữu thấy nỗi âu lo đối với ơn cứu rỗi của họ, thường xuyên ám ảnh ngài ngay trong lúc bị tù tội nữa (Gl 1,1-3,1).

Vào cuối sứ mệnh truyền giáo tại vùng Cận Đông, khi sửa soạn lên đường về Giêrusalem để chuyển tới giáo đoàn mẹ sự trợ giúp của tín hữu các giáo đoàn khác, Phaolô viết thư cho tín hữu Roma với một chủ ý đại kết rõ rệt. Phaolô muốn cho tín hữu thấy rằng Tin Mừng yêu thương đại đồng của Chúa Kitô nối kết tín hữu thuộc mọi quốc gia và nền văn hóa với nhau và đập đổ mọi bức tường ngăn cách. Giáo Hội Chúa, dân riêng mới của Thiên Chúa, quy tụ người thuộc mọi dân nước chấp nhận sống lòng Tin, lòng Cậy và lòng Mến theo tinh thần Tin Mừng cứu độ đại đồng của Chúa Kitô trong môi trường cụ thể thường ngày.

## ĐỀ TÀI 21

# KITÔ HỌC NHƯ ĐƯỜNG NÉT THỐNG NHẤT CĂN BẢN TRONG NỀN THẦN HỌC CỦA THÁNH PHAOLÔ

Khi duyệt xét các thư của thánh Phaolô chúng ta thấy nền thần học thánh nhân trình bày không có tính cách hệ thống, mà là thứ thần học thực dụng hay thần học áp dụng vào cuộc sống thường ngày của các tín hữu. Vì bao gồm các câu trả lời cho các vấn nạn lòng tin nên nó đa diện và thay đổi tùy theo khung cảnh sống và các vấn đề của các cộng đoàn kitô. Tuy nhiên, sự khác biệt khung cảnh và cái đa diện của các vấn đề không cản trở thánh Phaolô khai triển và đào sâu ý nghĩa thần học của lòng tin kitô theo một đường nét thần học thống nhất. Thật thế, thánh Phaolô đã được một trực giác nền tảng chính xác hướng dẫn trong các suy tư thần học của mình. Đó là Đức Giêsu thành Nagiarét chịu đóng đinh và sống lại là con đường định đoạt duy nhất dẫn đưa mọi người tới ơn cứu độ. Như thế, có thể nói rằng kitô học chính là linh hồn và nôi tủy các suy tư thần học của thánh Phaolô. Mọi khía cạnh thần học khác đều tùy thuộc và nảy sinh từ đó.

Dĩ nhiên, sự kiện Đức Kitô là Đấng Trung Gian của ơn tha tội và Con Người là Đấng sẽ giải phóng nhân loại hoàn toàn vào ngày cánh chung đã là các sự thật được truyền thống kitô giáo thời khai sinh tuyên nhận. Nhưng thánh Phaolô mới là người đã biết nêu bật các sự thật đó và đặc biệt đã khiến cho các sự thật này trở thành nền tảng vững chắc giúp giải quyết các vấn đề lòng tin và các khúc mắc mà tín hữu trong các cộng đoàn kitô hy lạp dần dần gặp phải trong cuộc sống của họ. Do đó không phải là điều khó nếu chúng ta muốn chứng minh rằng Chúa Giêsu Kitô lịch sử và ơn cứu độ Ngài đem lại cho nhân loại là trung tâm điểm các suy tư thần học của thánh Phaolô.

Thật vậy, trước hết điều thánh Phaolô loan truyền chính là “Tin Mừng của Đức Kitô”. Nghĩa là tin vui liên quan tới con người Đức Kitô và đặc biệt liên quan tới cái chết và sự phục sinh của Ngài. Trong các thư gửi tín hữu Roma, Côrintô, Galát, Philipphê và Thêxalônica, Phaolô không ngừng lập đi lập lại cho mọi người biết rằng Tin Mừng mà ngài rao giảng cho họ là Tin Mừng của Đức Giêsu Kitô Con Thiên Chúa (Rm 1,9; 1 Cr 9,12; 2 Cr 2,12; 9,13; 10,14; Gl 1,7; Pl 1,27; 1 Ts 3,2). Và tin vào Chúa Kitô có nghĩa là chấp nhận sống theo Tin Mừng ấy (Gl 2,16; Pl 1,29; Rm 3,22.26; Gl 2,16.20; Pl 3,9; Plm 5). Cuộc sống của kitô hữu được thánh Phaolô định nghĩa như là “trong Chúa Kitô” và “trong Chúa”. Tiền trí từ “trong” ở đây không ám chỉ sự kết hiệp thân bí, mà diễn tả sự tham dự vào cuộc sống phục sinh của Chúa Kitô. Chính vì tin là sống theo tinh thần Tin Mừng của Chúa Kitô nên Tin Mừng, nên “Luật của Đức Kitô” hướng dẫn cung cách hành xử của kitô hữu (Gl 6,2). Và ơn cứu độ sau hết là được bước vào sự kết hiệp bất diệt với Chúa Kitô. Kiểu nói “...chúng ta sẽ luôn luôn ở với Chúa” được thánh Phaolô lập đi lập lại trong các thư của Ngài (1 Tx 4,17; Cf. 1 Ts 5,10; Pl 1,23). Nghĩa là Chúa Giêsu Kitô là mẫu mực của nhân loại mới, như Adam xưa kia đã là mẫu mực của nhân loại cũ. Đây là sự thật được thánh Phaolô khai triển rộng rãi trong chương 5,12-21 thư gửi tín hữu Rôma và trong chương 15,21-22.54-59 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô.

Tuy nhiên còn hơn thế nữa, dưới con mắt của thánh Phaolô Đức Kitô chính là chìa khóa giúp giải thích con người. Từ nay trở đi sự hư mất hay ơn cứu rỗi, sự chết hay sự sống, kiếp sống nô lệ hay sự tự do, tất cả đều là các điều kiện sống được thánh Phaolô định nghĩa trong tương quan với Chúa Kitô. Tất cả những ai sống trong thứ luận lý của một thực tại xa lạ với con người của Chúa Kitô, cho dù thực tại đó không thể trách cứ được trên bình diện tôn giáo và luân lý đi nữa (Cư. Pl 3,4-11), cũng đều đang bước

đi trên các con đường dẫn đến sự hư mất. Nhưng trái lại, tất cả những ai qua lòng tin và qua tình yêu thương tham dự vào lịch sử và cuộc đời của Chúa Kitô chịu đóng đinh và phục sinh, thì sẽ được hưởng mọi hoa trái thiêng liêng phát xuất từ ơn cứu độ họ nhận lãnh được nơi Chúa Kitô phục sinh. Tóm lại, trong tư tưởng của thánh Phaolô kitô học xác định và trao ban ý nghĩa cho nhân chủng học. Đây là điều chúng ta có thể kiểm chứng đặc biệt trong 11 chương đầu thư gửi giáo đoàn Roma.

Thật vậy, trong 11 chương đầu thư gửi tín hữu Roma Phaolô đã khai triển 4 mấu điểm kitô học và nhân chủng học sau đây. Thứ nhất, thảm cảnh sống buồn thương mà dân ngoại và người do thái phải gánh chịu dưới án phạt của Thiên Chúa, vì họ không tin nhận ơn cứu độ (1,18-3,20). Trong khi đó tất cả những ai tin nhận Đức Giêsu Kitô và Tin Mừng của Ngài đều được công chính hóa qua ơn thánh cứu độ Chúa ban (3,21-4,25). Thứ hai, thảm cảnh sống buồn thương mà toàn nhân loại phải gánh chịu trong hệ lụy với Adam thứ nhất (5,1-14), và ơn cứu độ nhân loại nhận được trong tương quan gắn bó với Chúa Giêsu Kitô (5,15-6,23). Đặc biệt trong chương 5 đề tài thảm cảnh sống bị án phạt và cuộc sống trong ơn cứu độ giao thoa và trộn lẫn với nhau. Mấu điểm kitô học và nhân chủng học thứ ba là thảm cảnh sống của nhân loại nô lệ của lề luật (7,1-25) và ơn giải phóng bởi Thần Linh Thiên Chúa (8,1-39). Thứ tư là thảm cảnh sống của dân Israel khước từ Chúa Kitô (9,1-10,21) và ơn cứu độ của dân Israel mới, gồm các tín hữu kitô gốc do thái cũng như không do thái (11,1-36).

Thánh Phaolô cũng hiểu bản chất của Giáo Hội dưới ánh sáng nền kitô học và nhân chủng học nói trên. Đối với thánh nhân Giáo Hội là "thân mình của Chúa Kitô" (1 Cr 12,27; Cf. Rm 12,5; 1 Cr 6,15; 10,17; 12,13), nghĩa là môi trường sinh động, nơi các tín hữu xác quyết và tôn vinh quyền năng là Chúa của Đức Kitô phục sinh và diễn tả thái độ sống gắn bó vâng phục Ngài. Từ cái chết và sự sống lại của Chúa Kitô thánh Phaolô cũng rút tĩa ra ý nghĩa thần học tràn đầy của các bí tích. Vì thế thánh nhân mới viết trong chương 6,4 thư gửi tín hữu Roma: "Như vậy nhờ bí tích Rửa tội chúng ta được mai táng với Ngài qua cái chết, để như Chúa Kitô đã sống lại từ cõi chết thế nào, thì chúng ta cũng có thể sống một cuộc sống mới như thế". Trong chương 10 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô thánh Phaolô giải thích ý nghĩa bí tích Thánh Thể như sau: "Chén rượu mà chúng ta uống trong cử chỉ tạ ơn Thiên Chúa lại không có nghĩa là hiệp thông vào máu của Chúa Kitô hay sao? Bánh mà chúng ta bẻ lại không ám chỉ sự hiệp thông vào mình của Chúa Kitô hay sao?" Qua kiểu suy tư trên đây chúng ta thấy giáo hội học của thánh Phaolô cũng mang sắc thái kitô học.

Nhưng chưa hết, thần học về Chúa Ba Ngôi cũng được thánh Phaolô khai triển từ kitô học. Thiên Chúa Cha và Chúa Thánh Thần cũng được gọi tên và định nghĩa từ Đức Giêsu. Phaolô gọi Thiên Chúa là "Cha của Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng ta", như viết trong thư gửi tín hữu Roma chương 15,6 và trong thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô chương 1,13 và chương 11,31. Trong biến cố cuộc khổ nạn và cái chết của Đức Giêsu trên thập giá, Thiên Chúa Cha được mạc khải như là "Đấng trao ban sự sống cho người chết và gọi những gì không có bước vào hiện hữu" (Rm 4,17). Chương trình cứu độ của Ngài nhằm biến mọi người trở nên "giống hình ảnh Con của Ngài, để Người trở nên trưởng tử của nhiều anh chị em". (Rm 8,29). Còn Chúa Thánh Thần thì được thánh Phaolô gọi là "Thần Khí của Đức Kitô", hay "Thần Khí của Đức Giêsu Kitô" hoặc "Thần Khí của con Ngài". Đây là các kiểu gọi độc đáo của riêng thánh Phaolô. Trong chương 8,9 thư gửi tín hữu Roma thánh Phaolô viết: "Còn anh chị em, anh chị em không ở dưới sự thống trị của xác thịt, nhưng sống dưới sự cai quản của Thần Linh. Bởi vì Thần Khí của Thiên Chúa ở trong anh chị em. Nếu ai không có Thần Khí của Đức Kitô, thì kẻ đó không thuộc về Ngài". Trong thư gửi tín hữu Philipê, sau khi bày tỏ nỗi vui mừng của mình vì biết rằng Tin Mừng được rao truyền rộng rãi và các tín hữu thêm lòng can đảm vì chứng tá của mình là kẻ đang bị tù tội vì Chúa Kitô, thánh Phaolô viết trong chương 1, 19 như sau: "Vì tôi biết điều đó đem lại ơn cứu rỗi cho tôi nhờ lời cầu của anh chị em và sự trợ lực của Thần Khí của Đức Giêsu Kitô". Trong bài ca chúc tụng lòng xót thương quan phòng của Thiên Chúa đối với nhân loại nơi chương 4 thư gửi giáo đoàn Galát, thánh Phaolô tóm

tất các chặng chính trong chương trình cứu độ và viết trong các câu từ 4 tới 6: “Nhưng khi đã tới thời viên mãn, Thiên Chúa đã sai Con Ngài sinh bởi người nữ, sinh ra dưới sự thống trị của luật lệ, để cứu chuộc những ai còn ở dưới sự thống trị của luật lệ và để cho chúng ta được nhận làm con nuôi. Sự kiện anh chị em là con được minh chứng bằng việc Thiên Chúa đã gửi xuống trong tâm lòng chúng ta Thần Khí của con Ngài, là Đấng kêu lên: “Abba, lạy Cha!”

Tóm lại, qua các dữ kiện nêu trên liên quan tới các tư tưởng Kitô học, nhân chủng học, giáo hội học, bí tích học và thần học về Chúa Ba Ngôi, chúng ta thấy thánh Phaolô quả thực là một thần học gia sâu sắc. Tuy nên thần học thánh nhân trình bày trong các thư của ngài không phải là một nền thần học có hệ thống khai triển mọi khía cạnh của giáo lý lòng tin Kitô, nhưng nó công hiến cho chúng ta rất nhiều giải đáp cụ thể trả lời cho nhiều vấn nạn thần học, mà tín hữu thuộc mọi thời đại có thể gặp phải trong cuộc sống thường ngày giữa các cộng đoàn có các nền văn hóa khác nhau. Trong nghĩa này, thần học của thánh Phaolô là thứ thần học thực dụng và là thí dụ điển hình của nỗ lực hội nhập Tin Mừng cứu độ của Chúa Giêsu vào các nền văn hóa địa phương.

## ĐỀ TÀI 22

### NÉT ĐỘC ĐÁO TRONG TƯ TƯỞNG THẦN HỌC CỦA THÁNH PHAOLÔ BẮT NGUỒN TỪ ĐÂU?

Khi duyệt xét các mấu điểm thần học nổi bật trong các thư của thánh Phaolô, người ta tự hỏi không biết các nét độc đáo bắt nguồn từ đâu. Chúng do thánh Phaolô sáng chế ra hay chịu ảnh hưởng từ bên ngoài? Có một số học giả cho rằng kinh nghiệm gặp Chúa Kitô phục sinh trên đường đi thành Damasco đã trở thành suối nguồn làm phát sinh ra chúng. Thật ra, thánh Phaolô đã tiếp nhận được các tư tưởng thần học này từ các cộng đoàn Kitô tiên khởi, đặc biệt từ cộng đoàn Kitô nói tiếng Hy Lạp có liên hệ mật thiết với thầy sáu Stêphanô, mà giáo đoàn Antiochia bên Siri là đại biểu điển hình nhất. Phaolô đã lấy lại các công thức tuyên xưng lòng tin của các anh chị em Kitô tiên khởi này, cũng như tiếp nhận cách thức cử hành bí tích Thánh Thể (1 Cr 11,17 tt.) và Rửa Tội (Rm 6,1 tt.) của các cộng đoàn Kitô Palestine và Siri. Thánh nhân cũng dùng lại thứ ngôn ngữ thần học phong phú đã có từ trước và thông dụng trong Giáo Hội thời khai sinh (B. Rigaux, *Vocabulaire chrétien antérieur à la 1ère épître aux Thessaloniens*, in *Sacra Pagina*, II Paris-Grenbloux 1959, 380-389). Nói cách khác, thần học của thánh Phaolô thật sự có nền tảng lịch sử không thể phủ nhận được. Biến cố gặp gỡ Chúa Kitô phục sinh trên đường đi Damasco hẳn đã là một khúc rẽ toàn diện quan trọng trong tiến trình phát triển, nhưng xem ra nó không phải là suối nguồn duy nhất gợi hứng cho tư tưởng thần học đặc thù trong các thư của thánh nhân.

Trên bình diện văn hóa chúng ta có thể khẳng định rằng thánh Phaolô đã là một người có tâm trí rộng mở cho tư tưởng do thái cũng như cho tư tưởng Hy Lạp, biết tiếp thu và vay mượn các quan niệm, các phạm trù và từ ngữ của cả hai thế giới. Phaolô là công dân của cả hai thế giới do thái cũng như Hy Lạp. Do đó, có thể định nghĩa các thư của thánh nhân là ngã tư gặp gỡ giao thoa giữa các nền văn hóa khác nhau. Thật vậy, chúng ta có thể tìm thấy trong các thư của ngài các truyền thống Kinh Thánh do thái, các tư tưởng thần học và kiểu cách khai triển, chú giải của do thái giáo cũng như các kiểu cách diễn tả của triết lý Hy Lạp thời đó. Đây là dữ kiện được giới học giả kinh thánh ngày nay công nhận. Nó trái nghịch với lập trường một chiều trong quá khứ, chỉ muốn coi Phaolô như là một tư tưởng gia Do thái hay một tư tưởng gia Hy Lạp.

Tuy lập trường giải thích một chiều của các học giả kinh thánh đã lỗi thời, nhưng nó không phải hoàn toàn vô ích. Bởi vì nó cho chúng ta có được nhiều yếu tố giúp nhận định vấn đề một cách chính xác hơn. Có thể tóm gọn nỗ lực giải thích lịch sử các thư của thánh Phaolô trong các chặng chính yếu sau đây. Thứ nhất là lập trường của học giả C. Bauer cho rằng có thể giải thích các thư của thánh Phaolô trong tiến trình lịch sử nội tại của Kitô giáo thuộc thế kỷ thứ I. Theo đó tư tưởng thần học của Phaolô chủ trương ơn cứu độ đại đồng là phản đề đối kháng với tư tưởng thần học của các Kitô hữu gốc Do thái, mà thánh Phêrô là đại biểu, chủ trương ơn cứu rỗi chỉ dành để cho người Do thái. Tuy lược đồ đơn giản này của học giả Bauer, người sáng lập trường phái Tuebingen, mang nặng ảnh hưởng triết lý của Hegel và đã lỗi thời, nhưng nó cũng có phần giá trị riêng. Học giả Bauer và trường phái Tuebingen có công trong việc đọc hiểu các thư của thánh Phaolô trong nhãn quan lịch sử, đặc biệt trong việc nhận ra nơi Kitô giáo gốc Do thái khuynh hướng lịch sử đối kháng với Phaolô. Nó giải thích lý do các cuộc tranh luận gắt gao giữa Phaolô với Phêrô và các Kitô hữu gốc Do thái.

Thứ hai là lập trường của trường phái tôn giáo. Các học giả thuộc trường phái này cũng tìm giải thích tư tưởng của Phaolô theo phương pháp phê bình lịch sử, nhưng ngoài khung cảnh Kitô giáo và theo hai chiều hướng đối nghịch nhau. Một số học giả như Cumont và Reizenstein thì tìm nguồn gốc tư tưởng của Phaolô trong các tôn giáo thần bí của thế giới Hy Lạp. Theo họ, quan niệm về cái chết và sự sống lại của thánh Phaolô đã tùy thuộc quan niệm cái chết và sự sống lại của các thần linh của tôn giáo thần bí. Một số học giả khác như A. Schweitzer thì tìm giải thích tư tưởng thần học của thánh Phaolô trong môi trường Do thái, đặc biệt là khuynh hướng khai huyền. Tiếp đó khuynh hướng dùng các tôn giáo để giải thích tư tưởng thần học trong các thư của thánh Phaolô đã phát triển theo các hướng mới. Hướng Hy Lạp nghiên cứu thuyết ngộ đạo và coi thần thoại ngộ đạo như là khuôn mẫu văn hóa tôn giáo cho tư tưởng của thánh Phaolô. Theo các học giả thuộc khuynh hướng này, điển hình là Bultmann, thánh Phaolô đã tiếp thu thần thoại ngộ đạo và lịch sử hóa nó. Hướng Do thái chủ trương ngược lại bằng cách tìm nghiên cứu môi trường Do thái bao gồm Cựu Ước, trào lưu Rabbi, và trường phái Qumran. Đây là lập trường của các học giả như Lyonnet, Cerfaux, Dupont và Davies v.v... Các học giả thuộc khuynh hướng này nêu bật sự kiện Do thái giáo thời thánh Phaolô, đặc biệt là trong các cộng đồng Do thái sống ngoài đất Palestine, không phải là một thế giới khép kín, nhưng cũng chịu ảnh hưởng của tư tưởng Hy Lạp.

Ngày nay hai lập trường một chiều kể trên không đứng vững nữa, bởi vì thánh Phaolô không chỉ là một tín hữu thuần Do thái, cũng không chỉ là một người thuần Hy Lạp, mà là một người Do thái có tâm trí rộng mở đối với thế giới và tư tưởng Hy Lạp. Trước hết thánh nhân là một người tùy thuộc các truyền thống kinh thánh Cựu Ước và rất thấm nhuần tư tưởng Kinh Thánh Cựu Ước. Rất nhiều lời thánh Phaolô trích từ Cựu Ước chứng minh cho sự thật này. Đặc biệt hơn cả là các văn bản Cựu Ước thánh Phaolô đã dùng để nói về tội của dân Do thái và hình phạt họ phải chịu trong chương 10,1-13 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô, hay trong các chương từ 9-11 thư gửi giáo đoàn Roma. Từ thế giới Do thái thánh Phaolô cũng lấy lại một vài đề tài khai huyền và cánh chung: sự sống lại, cuộc sống đời sau và ngày Chúa quang lâm v.v... như chúng ta có thể kiểm chứng trong thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica chương 4,13-5,10; thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô chương 15,12 tt; thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô chương 5,1-10; thư gửi giáo đoàn Philiphê chương 3,11.20-21. Kỹ thuật chú giải kinh thánh của trường phái Rabbi được thánh Phaolô áp dụng trong thư gửi tín hữu Galát chương 3,6 tt.; 4,21-31 và thư gửi giáo đoàn Roma chương 4. Liên quan tới ảnh hưởng của giáo phái Essenien Qumran trên tư tưởng thần học của thánh Phaolô, như một số học giả chủ trương, cần phải cẩn thận hơn. Thật ra ở đây chúng ta chỉ có một vài đề tài thần học giống nhau như các cặp ý niệm ánh sáng-bóng tối và thịt xác-tinh thần (J.Murphy O'Connor (a cura), Paul and Qumran. Studies in the New Testament Exegesis, London-Chicago 1968).

Thánh Phaolô cũng vay mượn của thế giới Hy Lạp một ít tư tưởng và kiểu cách diễn tả, đặc biệt như các hình ảnh thể thao thể dục v.v... Sự trùng hợp hay việc nhắc tới các tôn giáo thần bí chỉ có tính cách

hình thức. Nghĩa là thánh Phaolô chỉ nhắc thoáng qua, chứ không có chủ ý trình bày nội dung của các tôn giáo này. Trường hợp chương 6,1 tt. thư gửi giáo đoàn Roma là thí dụ điển hình. Sau cùng chúng ta cũng phải ý tứ đối với lập trường cho rằng thánh Phaolô tùy thuộc các trào lưu ngộ đạo. Trong cộng đoàn Côrintô có một số tín hữu có khuynh hướng tiền ngộ đạo hay có khuynh hướng trộn lẫn giáo lý kitô với lý thuyết ngộ đạo thật, nhưng họ đã bị thánh Phaolô thẳng thắn phê bình và quở trách. Trong khi đề cập tới các khuynh hướng lệch lạc này của họ, thánh Phaolô dùng các từ ngữ ngộ đạo, nhưng để đả kích chứ không phải để tán đồng.

Ngoài ra, trong tương quan với triết lý khắc kỷ, chúng ta có thể nhận thấy thánh Phaolô dùng một số quan điểm và từ ngữ của khuynh hướng này. Chẳng hạn như lương tâm (syneidêsis), tự do (eleutheria), nhân đức (aretê) và sau cùng là kiểu cách hành văn châm biếm đả phá của trường phái khuyển nho-khắc kỷ.

Tóm lại, là người do thái có tâm trí rộng mở đối với các nền văn hóa khác nhau, thánh Phaolô đã áp dụng một nguyên tắc, mà ngày nay chúng ta gọi là hội nhập Tin Mừng vào các nền văn hóa. Nghĩa là dùng các yếu tố văn hóa của dân bản xứ để chuyển đạt sứ điệp Tin Mừng tới cho họ. Chính điểm này trao ban nét độc đáo cho tư tưởng thần học của thánh Phaolô, đồng thời chứng minh cho thấy phương pháp sư phạm truyền giáo độc đáo thánh nhân đã dùng trong việc loan báo Tin Mừng cứu độ và thực hiện công tác tông đồ mục vụ. Đây cũng là khả năng mà mọi nhà truyền giáo cần có, để có thể rao truyền Tin Mừng cứu độ của Chúa cho mọi dân nước một cách cụ thể, sống động và hữu hiệu hơn.

## ĐỀ TÀI 23

### THÁNH PHAOLÔ LÀ MÔN ĐỆ CỦA CHÚA GIÊSU HAY LÀ VỊ SÁNG LẬP THỨ HAI CỦA KITÔ GIÁO

Khi so sánh các thư của thánh Phaolô với bốn Phúc Âm, chúng ta không khỏi ngạc nhiên ghi nhận sự kiện này. Đó là thánh Phaolô hầu như hoàn toàn không biết gì về Đức Giêsu thành Nagiarét. Thật vậy, trong các lời rao giảng và trong các sinh hoạt của mình Phaolô hầu như không bao giờ nhắc tới Đức Giêsu thành Nagiarét; mặc dầu thánh nhân có trích một số lời của Chúa Giêsu đó đây trong các thư gửi cho tín hữu. Chẳng hạn như giới răn yêu thương: chúc phúc cho kẻ bắt bớ (Rm 12,14; 1 Cr 4,12); yêu thương tha nhân như chính mình, không làm hại người khác, không ngoại tình, giết người, trộm cắp, tham lam. Vì yêu thương là giữ trọn lề luật (Rm 13,9-10; 1 Cr 7,10.25; 9,14; 10,27; 11,23 tt.; 13,2; 1 Ts 4,15). Trong chương 4,4 thư gửi tín hữu Galát thánh Phaolô có nhắc tới sự kiện Thiên Chúa gửi con Ngài xuống thế, sinh bởi một người nữ, sinh ra dưới ách thống trị của lề luật. Nhưng đó cũng chỉ là một kiểu nói tổng quát, chứ không đề cập rõ ràng tới Đức Giêsu thành Nagiarét.

Ngoài ra, cũng nên ghi nhận rằng đề tài nước Thiên Chúa mà Chúa Giêsu rất thích rao giảng, không lôi kéo sự chú ý của thánh Phaolô. Phaolô cũng không biết tới các giáo huấn bằng dụ ngôn của Chúa Giêsu và các trình thuật phép lạ như kể trong truyền thống phúc âm. Đàng khác các đề tài mà thánh Phaolô khai triển rộng rãi như sự công chính hóa duy nhất nhờ lòng tin, lời phê bình triệt để đối với luật lệ Môshê, thần học về thập giá vv... không thấy có trong truyền thống phúc âm. Thật ra, thánh Phaolô chỉ tập trung vào cái chết và sự phục sinh của Chúa Kitô mà thôi. Nhưng thánh nhân không chú ý tới cái chết và sự phục sinh của Chúa Kitô như là các sự kiện, mà tìm đọc hiểu ý nghĩa sâu thẳm của chúng như



là biến cố trọng tâm trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa. Có thể nói rằng cái nhìn của thánh Phaolô đối với Chúa Giêsu Kitô có tính cách tổng hợp. Trong nghĩa nó định nghĩa Chúa Kitô từ sự phục sinh, mạc khải cho thấy căn cước đầu ẩn đích thực của Đấng bị đóng đinh trên thập giá. Tương cũng nên nhắc lại nét độc đáo trong nền thần học của thánh Phaolô. Đó là cách kết cấu biện chứng pháp của nó. Thật vậy, thần học của thánh Phaolô tập trung trong cái phản đề mâu thuẫn, đậm rề sâu trong thập giá. Thập giá diễn tả cái yếu hèn của nhân loại bị đẩy tới độ tột cùng của sự bất lực và điên dại, nhưng đồng thời nó lại chính là nơi Thiên Chúa Cha tỏ lộ vinh quang và quyền năng của Ngài, là Đấng đã cho Đức Kitô sống lại từ cõi chết và là Đấng tạo dựng sự sống từ hư không (Cf. 1 Cr 1,18-25; 2 Cr 13,4). Đứng trước thực tại siêu việt này, thánh Phaolô không chú ý tới những gì Chúa Giêsu nói và làm nữa, vì đối với thánh nhân chúng không còn quan trọng nữa

Dĩ nhiên, quan điểm trên đây của thánh Phaolô chỉ là một cái nhìn phiến diện. Nó là lý do giải thích tại sao chúng ta lại không thể tìm thấy nơi thần học của thánh Phaolô suối nguồn chính thống duy nhất của lòng tin Kitô. Phaolô đã bỏ qua giai đoạn loan báo Tin Mừng trong cuộc đời dương thế của Chúa Giêsu để chỉ nêu bật gương mặt Đức Kitô đã chết và đã phục sinh. Nghĩa là Phaolô đã chọn trình bày biến cố thể thâm nhất, nhưng quan trọng nhất trong cuộc đời Chúa Cứu Thế. Dĩ nhiên là trong sứ điệp Kitô sự kiện Chúa Giêsu rong ruổi trên khắp các nẻo đường đất Palestine để rao giảng Tin Mừng cứu độ và làm các phép lạ chữa lành mọi người rơi vào ách thống trị của quỷ dữ, cũng quan trọng chứ không phải là sự kiện phụ thuộc (Cv 10,31). Các Phúc Âm được biên soạn ra sau đó đã trình thuật các giáo huấn và các phép lạ của Chúa Giêsu chính là để cột buộc các cộng đoàn Kitô vào Đức Giêsu thành Nagiarét một cách chặt chẽ hơn; đồng thời cũng nhằm mục đích ngăn chặn kiểu cách giải thích lòng tin theo khuynh hướng quá thiêng liêng và hừng khởi, đề cao Đức Kitô phục sinh mà lãng quên Đức Giêsu lịch sử. Mặt khác, cũng không được quên rằng thánh Phaolô đã không là môn đệ của Đức Giêsu thành Nagiarét. Khác với 12 tông đồ Phaolô đã không "ăn uống" với Đức Giêsu lịch sử, nghĩa là chia sẻ cuộc sống thường ngày của Ngài trong những năm Đức Giêsu rao giảng Tin Mừng cứu độ (Cf. Cv 10,41). Phaolô đã gặp gỡ Chúa Giêsu, đúng thế, nhưng trong ánh sáng rạng ngời của buổi sáng ngày phục sinh, chứ không phải trong chuỗi ngày lao nhọc hay cảnh tượng thể thâm tối tăm của cuộc tử nạn ngày thứ sáu. Và Chúa Kitô phục sinh đã thu hút trọn sự chú ý của Phaolô.

Tuy nhiên, đây lại chính là điều khiến cho nhiều thần học gia thắc mắc đặt vấn đề. Họ tự hỏi không biết thái độ chỉ chú ý tới Chúa Kitô phục sinh trên đây của thánh Phaolô có nghĩa là thánh nhân chỉ trung thành với Chúa Giêsu Kitô có một nửa, hay phải kết án thánh nhân là đã phản bội lòng đạo đức đơn sơ và nhân bản của Đức Giêsu thành Nagiarét vị ngôn sứ nổi danh của vùng Galilea? Lý do là vì Phaolô đã thay thế lòng đạo đức đó bằng một thứ cơ cấu tín lý xa lạ. Đây là lập trường của nền thần học tự do bên nước Đức, với gương mặt điển hình là học giả Harnack. Còn học giả W. Wrede thì muốn gán cho thánh Phaolô vai trò vị sáng lập thứ hai của Kitô giáo. Thật ra, kiểu cách đặt vấn nạn cực đoan và cuồng nhiệt như thế dễ đưa tới các kết luận lệch lạc. Để có thể lượng định vấn đề một cách quân bình và vô tư hơn, có lẽ phải nêu bật rằng việc đối chiếu tương quan giữa thánh Phaolô và Đức Giêsu phải được xây dựng trên các nền tảng gián tiếp và qua các trung gian. Nghĩa là phải đối chiếu Đức Giêsu thành Nagiarét với các cộng đoàn Kitô tiên khởi. Vì thánh Phaolô liên hệ với Đức Kitô chính là qua trung gian của các cộng đoàn Kitô tiên khởi gốc hy lạp, trong đó Phaolô đã lớn lên như là tín hữu và như là tông đồ. Khi nhìn vấn đề như thế, chúng ta sẽ nhận thấy khoảng cách giữa Phaolô và Đức Giêsu thành Nagiarét không đến nỗi quá xa vời như thường tưởng nghĩ. Vì những gì Phaolô khai triển cũng bắt nguồn từ niềm tin của các Kitô hữu tiên khởi cũng như từ truyền thống tông đồ và tiếp tục trong cùng một nguồn mạch lịch sử ấy.

Thật thế, trước khi Phaolô, vị tông đồ dân ngoại, là nhân vật có cá tính rất mạnh xuất hiện, người ta đã chứng kiến một bước chuyển tiếp định đoạt trong lịch trình tiến triển thần học. Đó là sự kiện Đức Giêsu, người viết Tin Mừng Nước Trời bằng chính các lời rao giảng, các việc làm, cái chết và sự sống

lại của Ngài, kể từ sau các lần hiện ra với các môn đệ, đã trở thành Chúa Kitô được các môn đệ rao giảng. Nghĩa là Đức Giêsu thành Nagiarét, Đức Giêsu lịch sử đã trở thành nội dung của Tin Mừng được các tông đồ loan báo cho thế giới. Thánh Phaolô đã chỉ là người thắp cuộc đời mình vào dòng phát triển sinh động ấy của Tin Mừng và đẩy mạnh tiến trình phát triển ấy cho tới các kết quả tốt cùng của nó. Và điểm đặc biệt nhất là thánh nhân đã soạn thảo ra cho môi trường kitô không do thái và hy lạp một thứ từ ngữ thần học thích hợp để rao truyền nội dung Tin Mừng ấy là Chúa Kitô phục sinh.

Đàng khác, chúng ta không thể phê phán sự tiếp nối lịch sử đó của công tác rao truyền Tin Mừng từ bên ngoài các biến chuyển tình thế còn kéo dài và tồn tại. Nghĩa là lịch trình phát triển thần học trong khoảng cách giữa Đức Giêsu thành Nagiarét và thánh Phaolô, và trong khoảng cách giữa Đức Giêsu thành Nagiarét và Kitô giáo của thập niên thứ nhất đã có thêm nhiều sự thật khách quan liên hệ tới biến cố Chúa Giêsu sống lại, tới công tác rao giảng của các tông đồ và sự kiện giáo hội phát sinh được lồng khung vào đó. Riêng trên bình diện xã hội-văn hóa cần phải ghi nhận sự chuyển tiếp từ thế giới Palestine sang thế giới hy lạp. Do đó, sự trung thành với Đức Giêsu thành Nagiarét không thể cô đọng trong một thời điểm tất định máy móc không thay đổi của quá khứ. Quan niệm sự trung thành với Đức Giêsu lịch sử như thế như cũng tựa như ướp xác sứ điệp và ý nghĩa con người của Đức Giêsu, rồi đặt trong viện bảo tàng tích chứa các kỷ vật khảo cổ cho người ta thăm viếng nhìn ngắm, mà không trình bày chúng một cách linh hoạt và sống động như lòng tin vào Chúa Kitô phục sinh đòi buộc. Nói cách khác, nếu muốn lượng định sự trung thành của thánh Phaolô với Đức Giêsu thành Nagiarét, cần phải theo tiêu chuẩn thứ hai này. Nghĩa là phải duyệt xét ”trường hợp” của Phaolô theo tiêu chuẩn tiến trình sinh động của lòng tin và công tác rao truyền Tin Mừng trong các biến chuyển tình hình của Giáo Hội thời khai sinh. Đúng đấy mà nói, Đức Giêsu cũng như Phaolô đều đã ý thức rõ ràng được biến cố cứu độ đột nhập vào lịch sử loài người như là một ơn của Thiên Chúa. Thời giờ định đoạt trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa diễn trên mặt đồng hồ lịch sử nhân loại và mọi người đều được mời gọi đáp trả lại tiếng gọi cứu rỗi ấy

Tóm lại, xác tín lòng tin trước sau vẫn là một. Nếu có gì thay đổi chẳng, thì đó chính là sự thay đổi của ngôn ngữ. Và đây không phải là chuyện nhỏ. Đức Giêsu lịch sử, Ngôn sứ thành Nagiarét đã dùng thứ ngôn ngữ Nước Trời của Thiên Chúa để loan báo cho mọi người biết Nước Trời đã hiện diện trước ngưỡng cửa cuộc đời con người và được hiện thực trong hoạt động giải phóng của Ngài (Mc 1,15). Trong khi thánh Phaolô người ”mắc nợ người hy lạp và dân ngoại cũng như mắc nợ kẻ khôn ngoan và người vô học” (Rm 1,14), thì tìm cách diễn tả Tin Mừng cứu độ đó với các phạm trù được khai triển trong ngôn ngữ mang nhiều sắc thái thần học hơn như sự công chính hóa, hòa giải, giải phóng, cứu độ và ơn thánh vv...

## ĐỀ TÀI 24

### TÍNH CHẤT XA LẠ VÀ THỜI SỰ TRONG CÁC THƯ CỦA THÁNH PHAOLÔ

Khi đọc các thư của thánh Phaolô chúng ta nhận ra ngay khoảng cách không gian và thời gian phân chia chúng ta với thánh nhân và thế giới thời đó. Phaolô đã sống trong một khung cảnh xã hội văn hóa khác với khung cảnh xã hội văn hóa của chúng ta. Lòng tin kitô của thánh nhân cũng đã được sống trong một Giáo Hội rất khác với Giáo hội hiện nay. Nếu duyệt xét kỹ lưỡng vấn đề, chúng ta có thể nói rằng khoảng cách thời gian nhỏ hơn, nghĩa là ít được cảm thấy hơn là khoảng cách tinh thần. Thế giới thánh Phaolô

đã sống là một thế giới hoàn toàn xa lạ với chúng ta. Đặc biệt chúng ta không thể nào hiểu được thái độ của thánh nhân coi biến cố Chúa Kitô quang lâm như thể là một sự kiện gần kề sắp xảy ra trong thời đó. Trong chương 4,15-17 thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica thánh nhân viết: “Tôi xin nói cho anh chị em biết điều này: theo lời Chúa dạy, thì chúng ta là những người đang sống, nghĩa là những kẻ còn sót lại lúc Chúa quang lâm, chúng ta không đi đón Chúa trước các kẻ đã chết. Vì khi lệnh của thiên thần được ban bố và khi tiếng kèn của Thiên Chúa vang lên, thì Chúa Giêsu sẽ từ trời hiện xuống và lập tức các kẻ đã chết trong Chúa Giêsu sẽ sống lại. Đoạn đến lượt chúng ta là những người đang sống trên mặt đất, chúng ta sẽ hợp với họ và được đưa qua các tầng mây đến gặp Chúa Kitô trên không trung. Sau đó, chúng ta sẽ được phúc ở với Chúa luôn mãi”. Trong chương 15,51-52 thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô, thánh nhân cũng khẳng định với mọi người rằng: “Đây tôi tỏ cho anh chị em một mầu nhiệm: Chúng ta sẽ không chết hết cả, song chúng ta hết thảy sẽ được biến đổi. Trong chốc lát, trong nháy mắt, lúc tiếng kèn cuối cùng nổi dậy, vì sẽ có tiếng kèn thổi lên, các kẻ chết sẽ sống lại không hư nát, còn chúng ta chúng ta sẽ được biến đổi. Thân xác trong hư nát này phải mặc lấy sự không hư nát và thân xác hay chết này phải trở nên bất tử”. Thật ra, thái độ chờ đợi nôn nóng đó của thánh Phaolô cũng như của các kitô hữu tiên khởi đã là một ảo tưởng. Đây là điều sau này Phaolô và các Kitô hữu trong Giáo Hội thời khai sinh từ từ hiểu ra, như chúng ta có thể nhận thấy trong Phúc Âm thánh Luca.

Cũng thế, vũ trụ quan của thánh Phaolô và của dân chúng thời đó thật xa lạ với tâm thức hiện nay của chúng ta. Chẳng hạn đối với thánh Phaolô và kitô hữu tiên khởi, sự hiện hữu ác hại của Satan trong các biến cố cuộc sống con người là một sự thật quá hiển nhiên. Nhưng đối với con người thời nay nó lại không rõ ràng như thế. Trong chương 16, 20 thư gửi giáo đoàn Roma thánh nhân khẳng định với tín hữu rằng: “Thiên Chúa Đấng ban bình an sẽ mau chóng chà đạp quỷ Satan dưới gót chân anh chị em. Chúc anh chị em được ơn phúc của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta” (Cf. Rm 16,20). Trong thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô khi đề cập tới tội loạn luân của nhiều tín hữu trong cộng đoàn thánh Phaolô viết ở chương 5,4-5: “Theo ý tôi, anh chị em hãy nhân danh Chúa Giêsu hợp nhau lại và dùng quyền phép Chúa Giêsu mà giao phó kẻ ấy cho Satan hủy hoại phần xác, mong phần hồn kẻ ấy được cứu rỗi, trong ngày của Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng ta”. Xa hơn, trong chương 7 thánh Phaolô khuyên các tín hữu sống bậc vợ chồng ý thức rằng thân xác họ đã thuộc về nhau chứ không phải là của riêng nữa. Do đó trừ thời gian hai người đồng ý không ăn ở với nhau để dành thì giờ cầu nguyện, còn bình thường hãy biết chu toàn bổn phận của mình trong việc đáp ứng các yêu cầu sinh lý của nhau, sợ rằng ma quỷ cám dỗ họ, vì họ không giữ mình được (1 Cr 7,4.5). Nói cách khác, trong cuộc sống chồng vợ, đáp ứng yêu cầu sinh lý của nhau và yêu thương nhau là một bổn phận. Trong chương 2 thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô, thánh Phaolô đề cập tới một tín hữu đã đặt điều vu khống thánh nhân khiến cho mọi người phải buồn sầu. Phaolô khẳng định rằng vì thương mến, ngài cũng tha thứ cho tín hữu đó, cũng như cộng đoàn đã tha thứ cho anh ta. Thánh nhân khuyên mọi người đừng để cho Satan lừa dối, vì không ai lạ gì các mưu mô quỷ quyệt của nó (2 Cr 2,11).

Trong chương 11 cùng thư, khi tranh luận với những tông đồ giả vu khống nói xấu thánh Phaolô nhằm hạ uy tín của ngài và khoe khoang công đức của họ giữa cộng đoàn, thánh nhân khẳng định với tín hữu rằng: “Họ là tông đồ giả, là thợ gian, dám tự xưng mình là tông đồ Chúa Kitô. Nhưng điều đó không có gì lạ. Bởi vì chính Satan cũng giả làm thiên thần sáng láng cơ mà!” (2 Cr 11,13-14). Cũng trong bầu khí tranh luận ấy, ở chương 12 thánh Phaolô đã bắt buộc dĩ phải nói về các đặc ân Thiên Chúa ban cho Ngài, kể cả kinh nghiệm xuất thần được đưa lên tầng trời thứ ba. Nhưng thánh nhân khẳng định: “Và để cho tôi khỏi sinh lòng kiêu ngạo vì các ơn lạ ấy, Chúa đã đặt một cái dằm trong thịt tôi, khác nào một thủ hạ của Satan tát vả tôi, để tôi mất tự kiêu, tự đắc” (2 Cr 12,7). Trong chương 2 thư thứ nhất gửi giáo đoàn Thêxalônica, là giáo đoàn trẻ mà Phaolô đã bắt buộc dĩ phải rời xa vì sự thù nghịch của người Do thái, thánh nhân khẳng định với họ rằng đã hai lần ngài có ý định trở lại thăm họ, nhưng Satan cứ cản trở mãi

(1 Tx 2,18).

Nhiều vấn đề, mà thánh Phaolô và tín hữu trong cộng đoàn kitô tiên khởi phải đối đầu, ngày nay đã được thắng vượt trong Giáo Hội. Chẳng hạn như vấn đề có nên áp đặt tục cắt bì theo luật do thái cho các anh chị em không phải gốc do thái theo Kitô giáo hay không (Gl; Rm) hay có được ăn thịt đã cúng cho các thần linh ngoại giáo, sau đó được người ta đem bán ngoài chợ hay không (1 Cr 8-10). Bên cạnh đó là các khuynh hướng lệch lạc và các nhóm đối nghịch khác nhau nảy sinh ra trong cộng đoàn, mà thánh Phaolô phải đả phá, để chấn chỉnh và giữ vững lòng tin cho các tín hữu. Bên ngoài là người do thái không chấp nhận Chúa Kitô và Tin Mừng của Ngài, bên trong các cộng đoàn thì có các khó khăn do nhiều nhóm tạo ra: nhóm duy linh của cộng đoàn Côrintô, nhóm thừa sai kitô gốc Giuđêa len lỏi vào các giáo đoàn bên Hy Lạp và vùng Galaxia, các giới khác nhau trong giáo đoàn Giêrusalem vv... Đó là chưa kể tới môi trường hoạt động rất đặc biệt của thánh Phaolô: vừa là thừa sai loan báo Tin Mừng cho dân chúng các thành phố lớn bên Tiểu Á và châu Âu, vừa là mục tử chăm lo cho mọi nhu cầu thiêng liêng của các cộng đoàn kitô nhỏ bé phải sống lòng tin giữa môi trường xã hội ngoại giáo. Tình trạng là người từng bắt bớ Kitô giáo giờ đây trở thành người loan báo Tin Mừng và bệnh vực Giáo hội là một kinh nghiệm đối đời hết sức đặc thù trong cuộc sống của thánh Phaolô, một kinh nghiệm hấp dẫn, nhưng đặc thù và không thể nào bắt chước được.

Tuy nhiên, không phải vì thế mà chúng ta có thể kết luận rằng chúng ta là các kitô hữu sống trong một thế giới khác và là tín hữu của một Giáo hội khác. Kết luận như thế là đơn giản hóa vấn đề và là sai lầm, vì như thế cũng có nghĩa là chúng ta khẳng định rằng không thể đối thoại xây dựng với người xưa được. Thật ra, cũng giống như tác phẩm của bất cứ tác giả nào khác trong quá khứ, các thư của thánh Phaolô không chỉ dựng lại khung cảnh xã hội lịch sử trong hoạt động và tư tưởng của thánh nhân, mà còn giải thích nó và hiểu biết nó nữa. Do đó, đọc các thư của thánh Phaolô cũng có nghĩa là lắng nghe điều thánh nhân nói với chúng ta và tìm lãnh hội sứ điệp mà thánh nhân muốn nhắn gửi chúng ta là những người đang sống trong thời đại ngày nay sau thánh nhân 2.000 năm. Sứ điệp ấy là một kích thích. Cái hiểu biết sâu và kiểu giải thích sâu xa của thánh nhân liên quan tới Đức Giêsu cũng như Thiên Chúa và con người, vượt xa không gian và thời gian. Nó không chỉ được áp dụng cho môi trường lịch sử thời đó, mà còn là một lời mời gọi và phê bình có sức mở ra cho con người thời nay các kiểu cách và hình thức giúp xây dựng các tương quan liên bản vị trong xã hội một cách tốt đẹp và trung thực hơn. Riêng về phía chúng ta là những người sống trong thời đại 2.000 năm sau thánh Phaolô, muốn lãnh hội được sứ điệp đó của thánh nhân chúng ta phải biết mở rộng tâm trí, từ bỏ mọi thành kiến và có thái độ lắng nghe, tiếp nhận. Chỉ như thế, việc đọc hiểu các thư của thánh nhân mới thực sự ích lợi cho cuộc sống lòng tin của chúng ta.

## TẬP II

### THƯ GỬI TÍN HỮU THÊXALÔNICA

#### CHƯƠNG V

### THƯ GỬI TÍN HỮU THEXALÔNICA I & II

#### ĐỀ TÀI 25

### THƯ THỨ NHẤT GỬI GIÁO ĐOÀN THÊXALÔNICA

Cho tới thời gian gần đây giới học giả Kinh Thánh Tân Ước đều tin rằng thư thứ nhất gửi giáo đoàn Thêxalônica là tài liệu cổ xưa nhất trong các tác phẩm của Kinh Thánh Tân Ước, bởi vì nó được thánh Phaolô viết giữa các năm 50-51, tức 20 năm sau khi Đức Giêsu Kitô tử nạn và phục sinh. Tuy nhiên, nếu lập trường của học giả Jean Carmignac và John O'Callagan đúng, thì giờ đây phải nói rằng Phúc Âm thánh Marcô, được biên soạn ra giữa các năm 43-50, là tác phẩm cổ xưa nhất trong Kinh Thánh Tân Ước. Dầu sao đi nữa, thư thứ nhất gửi giáo đoàn Thêxalônica cũng là một tài liệu và là một chứng từ vô cùng quý giá, vì nó cung cấp cho chúng ta các yếu tố giá trị giúp nhận ra một số đường nét chính trong gương mặt của các cộng đoàn kitô tiên khởi. Thật thế, thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica tuy gián tiếp cho biết tin tức liên quan đến giáo đoàn Thêxalônica, nhưng lại phản ánh một cách trực tiếp các kiểu cách diễn tả nòng cốt của lòng tin kitô thời đó. Nó cho thấy các tông đồ đã theo cùng một lược đồ loan báo Tin Mừng cứu độ trong Giáo Hội thời khai sinh, và việc tin nhận Tin Mừng cũng như gia nhập Giáo hội của các tín hữu đã dựa trên cùng một nền tảng các đòi buộc được xác định một lần cho luôn mãi.

Ngoài ra, thư thứ nhất gửi giáo đoàn Thêxalônica còn cho thấy thánh Phaolô không tự giới thiệu mình như là một bậc thầy, một sư phụ thành lập các tôn giáo hay trường phái triết lý, nhưng thánh nhân tự giới thiệu mình như là người loan báo sứ điệp cứu độ. Tin Mừng cứu độ đó đã vang vọng lần đầu tiên tại Giêrusalem bằng tiếng Aramây, rồi được loan báo bằng tiếng Hy Lạp tại Antiochia bên Siri, nơi thánh Phaolô đã trưởng thành trong ơn gọi kitô và truyền giáo của ngài.

Đàng khác, thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica cũng cho chúng ta thấy bản thảo đầu tiên, tuy chưa đầy đủ nhưng rất ý nghĩa, liên quan tới các đề tài thánh Phaolô sẽ bàn thảo và khai triển một cách sâu rộng sau này trong các thư của ngài. Do đó, khi so sánh một đề tài như được khai triển trong các thư, chúng ta có thể nhận ra tiến trình phát triển trong tư tưởng sáng tạo và phong phú của thánh nhân trước các tình trạng sống và các vấn đề mới, thường xuyên nảy sinh ra trong cùng một cộng đoàn hay trong các cộng đoàn khác nhau. Thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica cũng cho thấy gương mặt của một Phaolô hăng say hướng về biến cố Chúa Kitô quang lâm, để kết thúc lịch sử thế giới hiện tại và khai mào lịch sử thế giới của cộng đoàn tương lai, trong đó loài người được sống kết hiệp với Thiên Chúa Cha và với Con của Ngài đã phục sinh. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau đó thánh nhân chuyển hướng tư tưởng: từ thái độ nôn nóng đợi chờ Phaolô nêu bật thái độ đúng đắn của lòng tin kitô là sống tràn đầy giây phút hiện tại, trong đợi chờ, nhưng đồng thời và nhất là trong tin yêu phó thác. Khi biết sống tràn đầy hiện tại là tín hữu đã ném hưởng được phần nào thực tại của ơn cứu độ mai sau rồi.

Dầu sao đi nữa, thư thứ nhất gửi giáo đoàn Thêxalônica cũng cho phép chúng ta nhận thấy thánh Phaolô luôn luôn chung nhịp với cuộc sống hội hợp phần khởi của cộng đoàn kitô, mà thánh nhân muốn đối thoại trong thư. Các thư của thánh nhân không phải là các tác phẩm được viết ra từ bàn giấy, xa cách với thực tại sống của các tín hữu, cũng không phải là các khảo luận trừu tượng của các tư tưởng gia sống lẻ loi trong thế giới riêng rẽ của mình, mà là các trao đổi kinh nghiệm phong phú của lòng tin với các nhân vật cụ thể, có các vấn đề, các âu lo khắc khoải, cần được giải quyết. Thật thế, tuy ở xa họ trong không gian, nhưng Phaolô đối thoại trực tiếp với các tín hữu. Cuộc đối thoại qua thư tín này tiếp tục các buổi giảng dạy diện đối diện trước đây, khi thánh nhân còn sống giữa họ, loan báo Tin Mừng cứu độ cho họ và dậy dỗ họ. Các từ ngữ cũng như kiểu cách diễn tả và giọng điệu đậm ấm trong các thư không cho phép chúng ta kết luận rằng các thư ngài viết trình bày các lý thuyết trừu tượng, lạnh lùng xa vắng. Trái lại, chúng chứng minh cho thấy tính chất cấp thời, và là chìa khóa giúp chúng ta đọc hiểu và đi sâu vào cuộc sống của các tín hữu trong Giáo Hội kitô thời khai sinh. Phaolô sát cánh kề vai sống kinh nghiệm lòng tin sốt dẻo đó với các tín hữu của mình, thuộc các nhóm thiểu số sống rải rác trong thế giới rộng lớn đa diện của một số thành phố lớn trong đế quốc Roma hồi thế kỷ thứ I.

Các tài liệu khác nhau, đặc biệt là sách Công Vụ, cho chúng ta biết cộng đoàn Thêxalônica đã khai sinh vào năm 50. Hồi đó Phaolô đã cùng Silvano và Timoteo vượt biên giới Tiểu Á vào giảng đạo tại vùng Macedonia thuộc đế quốc Roma. Để nêu bật tầm quan trọng sự hiện diện của đoàn truyền giáo từ Siri, tức vùng Tiểu Á, sang trao truyền Tin Mừng tại Macedonia, tức châu Âu, sách Công Vụ đã nhắc tới một thị kiến. Trong chương 16,9-10 thánh sử Luca kể lại rằng trong thị kiến Phaolô trông thấy một người vùng Macedonia mời thánh nhân đến rao truyền Tin Mừng cứu độ trong quê hương của ông. Phaolô coi đó là dấu chỉ Chúa muốn cho ngài đến truyền giáo trong vùng này. Thật ra, mọi chặng trong tiến trình truyền giáo trên thế giới đều được Thiên Chúa hướng dẫn. Và thế là Phaolô cùng các bạn đồng hành sang Macedonia. Chỉ sau mấy ngày rao giảng các vị thành lập được một cộng đoàn nhỏ tại thành phố Philipê, là thành phố lớn vùng Macedonia. Nhưng chẳng bao lâu sau đó Phaolô và các cộng sự viên phải rời thành phố này, vì bị vu khống là gây rối loạn trong thành phố và truyền bá các thói tục chống lại người Roma. Hai vị bị bắt, bị đánh đòn và tống ngục, rồi sau đó được yêu cầu rời khỏi thành phố. Biến cố này được thánh Luca tường thuật tỉ mỉ trong chương 16,11-40 sách Công Vụ. Thánh Phaolô cũng nhắc tới trong chương 2,2 thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica.

Rời Philipê, thánh Phaolô và các bạn đồng hành tới Thêxalônica, thủ phủ của vùng Macedonia. Thành phố này được tướng Cassandro thành lập hồi năm 315 trước Công nguyên, và lấy tên vợ là Thessalonike, tức em gái của Alácxăng Đại Đế đặt cho thành phố mới. Kiểu cách tổ chức xã hội và chính trị tại Thêxalônica cũng giống như trong các thành phố hy lạp khác thời bấy giờ. Phải nói rằng Thêxalônica là trung tâm thương mại phần thịnh bậc nhất hồi thế kỷ thứ I, vì là thành phố cảng nằm cạnh bờ biển Egeo, và trên con lộ Egnatia, phía tây nối liền với Italia và phía đông nối liền với vùng Bosforo. Trên bình diện tôn giáo Thêxalônica nổi tiếng vì sự hiện diện của nhiều tôn giáo khác nhau. Bên cạnh các thần của người Roma được chính quyền tôn sùng, còn có các thần địa phương của vùng Tracia và các tôn giáo huyền bí du nhập từ Ai Cập và Tiểu Á. Công tác truyền giáo của thánh Phaolô và các thừa sai gặt hái nhiều kết quả trong thành phố lớn này. Các vị đặt nền cho một cộng đoàn kitô, như thánh Luca kể lại trong chương 17,14 sách Công Vụ, và thánh Phaolô nhắc lại cho tín hữu Thêxalônica biết trong chương 2,1-16 thư thứ nhất gửi cho họ. Tuy nhiên, thánh Phaolô và các cộng sự viên cũng không ở lại lâu trong cộng đoàn kitô mới thành lập, vì gặp sự thù nghịch và sức chống đối mãnh liệt, đặc biệt của cộng đoàn do thái sống tại đây (Cv 17,5-10).

Để có cơ vu khống Phaolô và các cộng sự viên, người do thái thuê bọn du đảng quấy phá và gây rối loạn trong thành phố, rồi xông tới nhà Giason tính bắt hai vị. Nhưng không tìm thấy các vị, họ nổi giận bắt Giason và điệu ông đến trước mặt chính quyền địa phương, vu khống cho tội gây náo động khắp thế

giới và đến thành Thêxalônica để tiếp tục gây rối, chống đối sắc lệnh của nhà vua và tuyên truyền rằng có một vua khác là Giêsu. Sau khi bắt nộp tiền thế chân, giới lãnh đạo trả tự do cho Giason và mấy tín hữu khác. Ngay trong đêm hôm đó, tín hữu cộng đoàn đưa Phaolô và Sila rời khỏi thành phố sang Berea. Thế là thánh Phaolô và cộng sự viên Sila bắt buộc phải bỏ giáo đoàn trẻ Thêxalônica mới thành lập. Trình thuật truyền giáo trong sách Công Vụ chương 17,10-18,17 cho biết thánh Phaolô sang truyền giáo tại Berea, rồi Athènes và Côrintô. Trong thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica thánh Phaolô cũng nhắc lại cho tín hữu biết người do thái đã theo sang Berea chống đối và quấy phá công cuộc truyền giáo, nên thánh nhân đành để Timôtêô và Sila ở lại đây, rồi một mình đi Athènes và Côrintô rao giảng Tin Mừng.

Vì bất đắc dĩ phải rời giáo đoàn Thêxalônica trong tình trạng căng thẳng và khó khăn như thế, nên thánh Phaolô không an lòng. Một mặt, các kitô hữu mới theo đạo bị các người do thái sách nhiễu (1 Ts 2,14), mặt khác, lại không có ai tiếp tục giảng giải giáo lý và giúp họ đào sâu sự hiểu biết và trưởng thành trong lòng tin. Thánh Phaolô sợ các khó khăn thử thách khiến họ ngã lòng bỏ đạo. Thánh nhân lại không thể tới thăm họ được, vì bị Satan cản ngăn. Đây là kiểu nói quy ước. Thật ra, lý do chính là vì thánh nhân bị nhóm do thái đối nghịch theo dõi rất sát, khó có thể qua mặt họ được. Do đó, từ Athènes thánh Phaolô mới gửi Timôtêô về thăm giáo đoàn thay ngài (1 Ts 3,1-2). Trong khi đó vì không thành công trong công tác loan báo Tin Mừng tại Athènes, nên Phaolô và Silvano đã đi Côrintô. Chính tại đây thánh nhân gặp lại Timôtêô từ Thêxalônica trở về cho tin tức. Tín hữu giáo đoàn Thêxalônica chẳng những kiên trì trong lòng tin, mà còn sống đạo mạnh mẽ nữa. Phaolô như người chết sống lại. Mọi âu lo khắc khoải đều tan biến hết, nhường chỗ cho niềm vui khôn tả. Thánh nhân cảm tạ ơn Chúa vô vàn vì đã gìn giữ các tín hữu Thêxalônica. Thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica đã nảy sinh trong bối cảnh này.

## ĐỀ TÀI 26

### GUƠNG MẶT CỦA GIÁO ĐOÀN THÊXALÔNICA

Cùng với chương 17,1-10 sách Công Vụ, thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica là tài liệu quý báu giúp chúng ta hình dung ra gương mặt của giáo đoàn trẻ Thêxalônica, mà thánh Phaolô đã phải từ giã, một thời gian ngắn sau khi thành lập. Chương 16,2 sách Công Vụ nói là sau ba tuần. Nhưng có lẽ thời gian lưu lại Thêxalônica đã lâu hơn, vì chương 4,16 thư gửi tín hữu Philipê cho chúng ta biết là thánh Phaolô và các cộng sự viên đã hai lần nhận được viện trợ từ Philipê, là thành phố nằm cách Thêxalônica 150 cây số.

Trước hết, giáo đoàn Thêxalônica gồm các tín hữu không do thái theo Kitô giáo (1,9), nghĩa là một cộng đoàn khác với các cộng đoàn gồm các tín hữu gốc do thái theo Kitô giáo như cộng đoàn Giêrusalem và các cộng đoàn hỗn hợp gồm các anh chị em do thái và không do thái theo đạo, như trường hợp cộng đoàn Antiochia bên Siri. Các tín hữu Thêxalônica vừa tin nhận Thiên Chúa duy nhất như đã được tín hữu do thái tuyên xưng, vừa tin nhận Đức Giêsu Kitô Đấng đã chết và sống lại là Con của Ngài. Nghĩa là họ tin nhận tôn giáo độc thần và lòng tin kitô (1,9-10). Lòng tin vào Chúa Giêsu Kitô tử nạn và phục sinh được minh xác qua các công thức tuyên xưng lòng tin được thánh Phaolô lập đi lập lại trong thư chẳng hạn như: “Nếu Đức Giêsu đã chết và đã sống lại và chúng ta tin Ngài...” (4,14), hay “Ngài đã chết cho chúng ta...” (5,10), hoặc “... chờ đợi Con của Chúa từ trời xuống, Đấng Thiên Chúa đã cho sống lại từ kẻ chết” (1,10).



Tuy nhiên, trong thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica thánh Phaolô đã nhấn mạnh tới biến cố Chúa Kitô quang lâm để cứu rỗi các tín hữu. Chương 1,9-10 là kiểu tóm tắt kiểu cách rao giảng Tin Mừng chung trong thời Giáo hội khai sinh: “Ai nấy đều nhắc tới cách thức anh chị em đã đón tiếp chúng tôi và thuật lại việc anh chị em đã mau mắn từ bỏ các tà thần để quay về thờ phượng Thiên Chúa hằng sống và chân thật như thế nào, cũng như đợi chờ Con của Ngài từ trời xuống, Đấng đã được Ngài cho sống lại từ kẻ chết, là Đức Giêsu Đấng giải thoát chúng ta khỏi cơn thịnh nộ gần kề”. Ở đây kinh nghiệm kitô được định nghĩa như là việc chờ đợi Chúa Giêsu trở lại vào ngày sau hết. Tín hữu hướng cái nhìn của mình về tương lai. Như thế có thể định nghĩa cuộc sống của tín hữu trong cộng đoàn Thêxalônica như là hy vọng vào ơn cứu độ mai sau. Trên thực tế họ đợi chờ Chúa Kitô từ trời xuống để đem họ lên theo về thế giới thiên linh của Thiên Chúa. Cũng chính vì thế thánh Phaolô mới viết trong chương 4,16-17: “Vì khi hiệu lệnh được ban ra, và tổng lãnh thiên thần lên tiếng, cùng với tiếng kèn của Thiên Chúa trỗi vang, thì chính Chúa Kitô sẽ từ trời xuống: Khi đó những kẻ đã chết trong Chúa Kitô sẽ sống lại trước tiên. Tiếp đến là chúng ta, những người còn sống sót, chúng ta sẽ được cất nhắc lên với họ trên các tầng mây để gặp Chúa trên không trung và như thế chúng ta sẽ sống với Chúa luôn mãi”.

Qua đó chúng ta nhận ra thái độ trông chờ nôn nóng thái quá của tín hữu Thêxalônica. Mọi người đều nghĩ rằng biến cố Chúa Giêsu Kitô quang lâm rất gần kề, nên nhiều tín hữu, kể cả thánh Phaolô nữa cũng tin rằng mình sẽ còn sống cho tới lúc ấy và tham dự vào biến cố cứu độ trọng đại này. Có thể họ đã nghĩ rằng vì Chúa Giêsu Kitô đã phục sinh vinh hiển và chiến thắng cái chết, nên Ngài cũng sẽ miễn cho họ khỏi phải sống kinh nghiệm khủng khiếp này của cái chết. Cũng giống như ông Hênóc, tổ phụ thời tiền lụt hồng thủy và ngôn sứ Elia, là những người đã được Thiên Chúa ban ơn đặc biệt cho trực tiếp bước vào thế giới thiên quốc, mà không phải sống kinh nghiệm cái chết và sự rữa nát của thân xác (St 5,24; 2 V 2,1-11), các kitô hữu Thêxalônica nghĩ rằng họ cũng sẽ được trực tiếp từ trần gian bước vào căn nhà trên trời. Ơn cứu rỗi chính là sự kiện được bước vào cuộc sống hạnh phúc thiên quốc ấy. Và đó là nỗi niềm mong ước nồng cháy của cộng đoàn kitô thời bấy giờ.

Phải nói ngay rằng chẳng bao lâu sau đó các sự kiện cụ thể đã giúp tín hữu Thêxalônica và cả thánh Phaolô nữa nhận ra cái ngây thơ và hão huyền của sự hy vọng này. Tuy nhiên, thái độ nôn nóng trông chờ biến cố Chúa Giêsu Kitô trở lại phán xét trần gian đó đã ảnh hưởng trên cung cách sống thường ngày của các tín hữu. Một số người, vì quá tin chắc là chẳng bao lâu nữa Chúa Kitô sẽ quang lâm, nên họ khoan tay chờ đợi, bỏ bê công ăn việc làm, lơ là bổn phận thường ngày, mọi việc trần gian khác và gây hoang mang lo lắng cho người khác. Do đó, trong thư thánh Phaolô đã phải khuyên các anh chị em này bình tĩnh trở lại và tiếp tục chu toàn các công việc và bổn phận thường ngày (4,11). Thật ra, ngoài một số người kể trên, tín hữu cộng đoàn Thêxalônica sống rất can đảm và dấn thân. Chính thánh Phaolô cũng đã phải công nhận rằng lòng tin của tín hữu trong cộng đoàn thể hiện ra trong cuộc sống cụ thể. Tình yêu thương đối với Thiên Chúa được tín hữu Thêxalônica diễn tả ra bằng các công tác liên đới trợ giúp. Và mặc dù phải sống trong một hoàn cảnh đầy đối nghịch, khó khăn, bất trắc và đe dọa, họ vẫn kiên trì đợi chờ ngày Chúa đến (1,3). Càng gặp thử thách khó khăn bao nhiêu, họ lại càng gắn bó và bám chặt vào Chúa bấy nhiêu, đến nêu gương sáng cho tín hữu mọi giáo đoàn khác (1,7).

Trên bình diện luân lý, nội dung thư gửi tín hữu Thêxalônica hé mở cho thấy môi trường xã hội Thêxalônica có các đòi buộc nghiêm chỉnh và dân chúng rất hướng về các giá trị tinh thần. Thánh Phaolô không ghi nhận trường hợp bất thường nào trong cuộc sống của tín hữu. Ngài chỉ muốn củng cố con đường lòng tin các tín hữu đã bắt đầu với ngài (4,1). Đặc biệt thánh nhân muốn khuyên nhủ tín hữu dấn thân sống đời sống thánh thiện, xa lánh sự dữ và tội lỗi, để luôn luôn sẵn sàng gặp Chúa Giêsu Kitô, khi Ngài quang lâm. Nói cách khác, Phaolô khuyên tín hữu phải sống làm sao để đừng đánh mất ơn cứu độ trong ngày cuối cùng của Chúa (5,4). Thí dụ ngài viết trong chương 5 câu 23 như sau: “Ước chi Thiên Chúa của hòa bình thánh hóa anh chị em hoàn toàn, và ước chi tinh thần, linh hồn và thân xác của anh

chị em được giữ gìn trọn vẹn để anh chị em không thể bị trách cứ gì, khi Chúa Giêsu Kitô Chúa chúng ta đến”

Liên quan tới nội dung các giáo huấn luân lý đạo đức thánh Phaolô chỉ đưa ra các lời kêu gọi chung chung, khiến chúng ta liên tưởng tới các đề tài và lược đồ thuộc truyền thống do thái nổi tiếng là có giá trị luân lý cao với các đòi buộc nghiêm ngặt. Nhưng các điểm này không diễn tả sắc thái đặc thù của các cộng đoàn kitô tiên khởi. Tuy nhiên, cần xác định rằng các đòi buộc luân lý, mà thánh Phaolô và các thừa sai đề ra cho các tín hữu ngoại giáo Thêxalônica theo Kitô, cũng đã là một lý tưởng luân lý cao, so sánh với thói tục sống buông thả trước kia của họ.

Chúng ta không có nhiều tin tức giúp hiểu biết kiểu cách tổ chức nội bộ của cộng đoàn kitô Thêxalônica. Trong thư thứ nhất thánh Phaolô chỉ nói tới một vài tín hữu chú ý tới các anh chị em khác, và cố gắng khuyến cáo họ khi có chuyện gì cần nói. Họ là các thủ lĩnh tự phát, được cộng đoàn thừa nhận vì các nỗ lực dẫn thân và vì khả năng của họ, chứ không phải là một quyền bính được thành lập theo nguyên tắc. Thánh Phaolô cũng khuyên tín hữu tôn trọng và quý mến họ, không dựa trên một quyền hợp hiến nhưng là vì các dẫn thân và công việc ích lợi mà họ làm cho cộng đoàn. Phaolô viết trong chương 5,12-13: “Thưa anh chị em, chúng tôi xin anh chị em hãy quý trọng các người giữa anh chị em đã lao nhọc trong việc hướng dẫn anh chị em trong Chúa và sửa dạy anh chị em. Hãy hết lòng kính trọng họ với tình yêu thương vì công việc họ làm. Và hãy sống hòa bình với nhau”. Những gì thánh Phaolô viết trên đây cho thấy các vị lãnh đạo cộng đoàn ấy gồm nhiều người, theo kiểu các người lãnh đạo có đặc sủng, chứ không phải chỉ là một vị lãnh đạo được chính thức cất đặt cai quản cộng đoàn. Nói cách khác, trong cộng đoàn kitô Thêxalônica đã có các tín hữu có khả năng, tình nguyện và có sáng kiến đứng ra đảm lãnh trách nhiệm phục vụ cộng đoàn.

Trên bình diện đối ngoại, thư thánh Phaolô cho chúng ta biết các tín hữu kitô Thêxalônica phải sống trong môi trường thù nghịch với họ. Thánh Phaolô không ngần ngại so sánh tình trạng sống của giáo đoàn Thêxalônica với con đường thập giá của các cộng đoàn bên Palestine (2,4). Tuy thánh Phaolô không bao giờ nói tới việc bắt đạo, nhưng sự kiện ngài nêu bật các khó khăn và đối kháng do người do thái gây ra cho các tín hữu của giáo đoàn trẻ này, khiến cho chúng ta có thể kết luận là quả thật tín hữu đã bị sách nhiễu. Cũng có thể nói thêm rằng người do thái sống tại Thêxalônica còn xúi dục dân ngoại chống đối nhóm tín hữu kitô. Dẫu thế nào đi nữa, vì lựa chọn theo Chúa Kitô và sống lòng tin của mình, nhóm kitô hữu Thêxalônica phải sống trong hoàn cảnh bị cô lập hóa.

Chúng ta cũng không có tin tức chính xác liên quan tới chân dung của các thành phần tín hữu thuộc cộng đoàn Thêxalônica. Theo chương 17,4 sách Công Vụ trong các tín hữu có một số phụ nữ thuộc lớp thượng lưu. Nhưng vì tác phẩm của thánh Luca có mục đích bênh vực Kitô giáo, nên khó mà biết chắc tin trên là tin có thực hay chỉ là một kiểu quảng cáo cho giáo đoàn này. Dựa trên lời thánh Phaolô khuyên nhủ các tín hữu làm việc để có cơm bánh, làm việc để mưu sinh chứ đừng ăn không ngồi rồi, chúng ta có thể khẳng định rằng các tín hữu là giới công nhân lao động (4,11). Vào thời đó giới lao động gồm các nô lệ, phu khuân vác tại bến cảng Thêxalônica, và giới tiểu công nghệ. Qua đó chúng ta có thể hình dung ra các thành phần cộng đoàn. Đa số họ là dân lao động thuộc giai tầng thấp kém trong xã hội.

## ĐỀ TÀI 27

### KẾT CẤU VÀ NỘI DUNG THƯ THỨ NHẤT GỬI GIÁO ĐOÀN THÊXALÔNICA

Khi đọc thư thứ nhất gửi giáo đoàn Thêxalônica chúng ta nhận ra ngay kết cấu của thư. Bức thư chia làm hai phần. Phần thứ nhất gồm ba chương đầu có nội dung là các lời cảm tạ ngợi khen Thiên Chúa. Phần thứ hai gồm hai chương còn lại bao gồm các lời khích lệ khuyên nhủ tín hữu.

Bình thường thánh Phaolô bắt đầu các thư của ngài với lời đội ơn Thiên Chúa. Nhưng trong thư thứ nhất gửi giáo đoàn Thêxalônica, lời cảm tạ ngợi khen ấy được khai triển và kéo dài làm thành đề tài chính của trọn phần đầu bức thư. Lời cảm tạ trở thành một thứ điệp khúc được thánh nhân lập đi lập lại: “Chúng tôi không ngừng cảm tạ Thiên Chúa cho anh chị em tất cả, và luôn luôn nhớ tới anh chị em trong lời cầu nguyện của chúng tôi” (1,2). “Đây là lý do tại sao chúng tôi không ngừng đội ơn Thiên Chúa” (2.13). “Chúng tôi phải tạ ơn Thiên Chúa thế nào để đáp trả lại tất cả niềm vui mà nhờ công lao của anh chị em chúng tôi được ném hường trước mặt Thiên Chúa chúng ta?” (3,9).

Chính thực tại sống lòng tin tuyệt diệu của tín hữu giáo đoàn Thêxalônica là lý do khiến thánh nhân không ngừng cảm tạ ngợi khen Thiên Chúa. Phải sống trong muôn ngàn khó khăn thử thách giữa một môi trường ngoại giáo đối nghịch với kitô hữu như thế, mà anh chị em Thêxalônica vẫn kiên vững sống lòng tin, lòng mến và lòng cậy một cách cụ thể, không hề suy yếu chuyển lay, thì quả thật là một ơn trọng đại chỉ có Chúa mới có thể ban cho giáo đoàn. Họ quả thật là những người được Thiên Chúa tuyển chọn. Tình yêu thương nhưng không của Thiên Chúa Cha tỏ lộ rõ ràng nơi họ. Ngài là Đấng đã lựa chọn để cho họ sống kinh nghiệm sự hiệp thông với Ngài và với các tín hữu kitô khác, trong khi đợi chờ ngày cánh chung. Nếu không vậy, thì làm sao có thể giải thích được thái độ tín hữu Thêxalônica tin nhận và đáp trả lại lời kêu mời của Chúa mạnh mẽ như thế? Ngoài ra tin họ theo đạo được mọi người đồn thổi khắp nước Hy Lạp và trở thành một kiểu quảng cáo hữu hiệu cho công tác truyền giáo. Tất cả mọi sự kiện đó không thể xảy ra, nếu không có bàn tay can thiệp của Thiên Chúa từ nhân. Chính vì thế thánh Phaolô vô vàn cảm tạ Chúa.

Tuy nhiên, Phaolô không chỉ hài lòng kể ra các lý do khiến thánh nhân luôn biết ơn cảm tạ Chúa. Phaolô còn duyệt xét lại các biến cố đã khiến cho ngài gắn bó với các tín hữu Thêxalônica. Thánh nhân gọi lại các biến cố với tâm tình chia sẻ cảm động và nhất là với lòng biết ơn sâu thẳm đối Thiên Chúa là Đấng đã hướng dẫn mọi sinh hoạt truyền giáo của ngài. Có định nghĩa đây là một “cử chỉ tạ ơn” thật cũng không quá đáng. Trong nhãn quan lòng tin và tâm tình cảm mến đó sự kiện Phaolô và các cộng sự viên bị đui khỏi thành phố Philiphê trở thành dịp cho ngài tới rao truyền Tin Mừng tại Thêxalônica và gặp gỡ tín hữu Thêxalônica. Một biến cố tự nó là tiêu cực có thể được Thiên Chúa biến trở thành tích cực để mưu ích lợi cho phần rỗi của con người. Đang truyền giáo tại Philiphê thì bị đui. Đó là một thất bại cho Phaolô và các cộng sự viên của ngài. Nhưng nhờ thế Phaolô và các thừa sai mới sang Thêxalônica. Và sự hiện diện của các vị tại thành phố này không phải là vô ích. Sự thất bại nhục nhã ê chề tại Philiphê khiến cho Phaolô và các cộng sự viên càng trông cậy tin thác nơi Thiên Chúa hơn. Do đó, cho dù có lại gặp khó khăn thử thách tại Thêxalônica, các vị vẫn cậy trông giảng dạy với tất cả thiện tâm của mình. Ngài đã ra sức rao truyền Tin Mừng của Chúa cho họ với tất cả ý hướng tốt lành vô vị lợi và lòng hy sinh xả kỷ.

Phaolô và các cộng sự viên ý thức được sứ mệnh của các vị là loan báo Tin Mừng cứu độ của Chúa, chứ không phải giảng dạy cốt ý làm đẹp lòng người đời hay giới lãnh đạo trần gian, lại càng không phải để phỉnh nịnh ai hay tìm tư lợi. Các vị cũng không tìm hư danh từ bất cứ thành phần xã hội nào khác, kể cả các tín hữu. Các thừa sai cũng không đòi hỏi quyền được cung phụng và trợ giúp vật chất hay tài chánh, mặc dù việc các tín hữu lo lắng của ăn thức uống và nơi chốn ngủ nghỉ cho các thừa sai là thói quen thông thường của xã hội thời đó. Thay vì đòi hỏi được chu cấp và trọng đãi, Phaolô và các cộng sự viên đã phải cố gắng tự lực mưu sinh, cần cù làm việc ngày đêm để có phương tiện nuôi thân, mà không phải phiền lụy tới các tín hữu và trở thành gánh nặng cho họ. Thế rồi ngoài việc giảng dạy Tin Mừng cứu độ một cách hoàn toàn nhưng không, Phaolô và các cộng sự viên còn nêu gương sống đơn sơ, khiêm tốn, và rất mực yêu thương, chú ý tới các tín hữu. Không có chuyện quan liêu, hách dịch, bao cấp, trịch thượng và đòi hỏi. Lại càng không có chuyện cả vú lấp miệng em, mắng mỏ, đánh đập, hắt hủi và đối xử hạ cấp. Trái lại, các vị có cung cách cư xử rất trân trọng đối với tín hữu, âu yếm, hiền dịu và chân thành với họ như cha mẹ lo lắng cho con cái nhỏ dại. Đặc biệt các vị không ngừng khuyên bảo, an ủi và nài xin các tín hữu sống xứng đáng với Thiên Chúa. Đáng đã gọi họ vào Nước Ngài để hưởng vinh quang bất diệt. Qua những lời lẽ tâm sự chân tình ấy, thánh Phaolô cho chúng ta thấy cả một tinh thần tu đức truyền giáo và đường lối sư phạm truyền giáo, mà hàng giáo sĩ tu sĩ và các người có nhiệm vụ rao truyền Tin Mừng thuộc mọi thời đại phải năng để tâm suy gẫm (2,1-16).

Thái độ của tín hữu Thêxalônica vui mừng tiếp nhận Tin Mừng giữa mọi chống đối khó khăn của môi trường ngoại giáo trở thành kỷ niệm không bao giờ phai nhòa trong ký ức Phaolô. Tất cả trở thành nguồn hứng khởi khiến Phaolô xúc động cảm tạ đội ơn Thiên Chúa, là Đáng đã ban cho thánh nhân ơn hăng say rao giảng Tin Mừng và cho tín hữu lòng nhiệt thành tiếp nhận Tin Vui cứu độ. Từ đó nảy sinh một giáo đoàn kitô sống động đích thực tại Thêxalônica.

Biến cố Phaolô phải bất thành linh xa rời cộng đoàn mới thành hình chưa được bao lâu lại càng in nét sâu đậm trong ký ức Phaolô hơn nữa (2, 17-3,10). Thánh nhân khắc khoải muốn gặp lại các tín hữu, nhưng việc trở lại Thêxalônica gặp quá nhiều chướng ngại không vượt thắng được. Bên cạnh nỗi nhớ thương đó là sự âu lo cho số phận của họ phải đương đầu với mọi đối nghịch của môi trường xã hội chung quanh. Phaolô sợ các tín hữu mới theo đạo chán nản ngã lòng trước các bắt bớ và chèn ép đó. Sau cùng khi không biết làm sao hơn, thánh nhân gửi cộng sự viên của mình là Timôtêô về Thêxalônica thăm tín hữu giáo đoàn thay ngài, xem tình hình giáo đoàn ra sao. Khi Timôtêô trở lại cho biết chẳng những tín hữu kiên trì trong mọi thử thách mà còn sống đạo hăng say sốt mến, nêu gương cho mọi người gần xa và luôn ghi nhớ công lao vị tông đồ đã đem Tin Mừng cứu độ tới cho họ và không nề quản yêu thương, hy sinh, xả kỷ, săn sóc họ như người mẹ săn sóc con thơ (2,7), như người cha lo lắng cho con cái (2,11) thánh Phaolô vui mừng quá đỗi, không tìm ra lời nào để tạ ơn Thiên Chúa nữa (3,9). Và thánh nhân kết thúc phần thứ nhất của thư với hai lời khẩn cầu, nài xin Thiên Chúa san bằng mọi khó khăn chướng ngại trên con đường dẫn tới Thêxalônica, để thánh nhân có thể tới viếng thăm họ, và xin Chúa luôn trợ giúp các tín hữu Thêxalônica rất thân mến của ngài lớn lên trong tình yêu thương và có cung cách sống không thể chê trách vào đâu được (3,11-13).

Xét trên bình diện hình thức chúng ta nhận thấy kiểu nói sòng đôi “chúng tôi - anh chị em”, làm thành hai trục của ký ức nói trên. Đây là một lịch sử được dệt từ hai mặt. Một phía là thánh Phaolô và các thừa sai cộng sự viên, phía kia là các tín hữu của cộng đoàn Thêxalônica. Chiếc thoi giao thoa đó chạy rất nhanh trong chương 1,5-10: chúng tôi đã loan báo Tin Mừng tại Thêxalônica không phải chỉ bằng lời nói, mà còn với sức mạnh của Chúa Thánh Thần nữa (1,5-6). Anh chị em đã tiếp nhận Lời của Thiên Chúa với niềm vui giữa muôn ngàn khó khăn thử thách, nêu gương sáng cho người khác (1,7-8). Chúng tôi đã được tiếp đón nồng nhiệt (1,9). Anh chị em đã hoá cải trở về với Thiên Chúa duy nhất chân thật và với Chúa Giêsu (1,9-10). Tiếp đến là sự hiện diện hoạt động của “chúng tôi” tại Thêxalônica (2,1-

12) và thái độ gắn bó xác tín vào lòng tin của ”anh chị em” Thêxalônica (2,13-16). Sau đó là nỗi âu lo của ”chúng tôi” phải rời xa giáo đoàn mới thành hình chưa được bao lâu (2,17-3,5). Nhưng ”anh chị em” đã kiên vững trong lòng tin. Do đó, ”chúng tôi” được tràn đầy an ủi và niềm vui khôn xiết (3,7-13).

Trong hình thái và lược đồ ngôn ngữ đó tiềm ẩn cả một kinh nghiệm gặp gỡ, hiệp thông sâu xa, nối kết thánh Phaolô, các thừa sai cộng sự viên và tín hữu giáo đoàn Thêxalônica. Cái giao thoa ngôn ngữ ”chúng tôi- anh chị em” diễn tả cái giao thoa sự sống giữa cá vị thành lập giáo đoàn kitô với các tín hữu thành phần của giáo đoàn đó. Sợi dây nối kết hai bên là Tin Mừng của Chúa, nghĩa là lời loan báo qua Chúa Giê-su Kitô tử nạn và phục sinh, Thiên Chúa ban ơn cứu độ cho con người và mời gọi con người bước vào một cuộc sống mới của lòng tin cậy mến. Việc tham dự vào biến cố đó khiến cho tín hữu bước vào vòng hiệp thông sâu xa giữa các người loan báo Tin Mừng và các người nghe loan báo Tin Mừng. Sự kết hiệp đó đặt nền tảng trên cùng lời được loan báo và được tiếp nhận, trên cùng một niềm tin được rao giảng và được đón nhận, trên cùng một niềm hy vọng được cống hiến và được tiếp thu. Từ đó phát sinh ra một tình huynh đệ thiêng liêng, khiến cho tín hữu dẫn thân cả cuộc đời. Đây là lý do tại sao thánh Phaolô không ngừng gọi các tín hữu Thêxalônica là ”anh chị em”. Thư gửi cho họ phát xuất từ tình yêu thương huynh đệ và diễn tả sự hiệp nhất huynh đệ ấy.

## ĐỀ TÀI 28

### NỘI DUNG PHẦN HAI THƯ THỨ NHẤT GỬI GIÁO ĐOÀN THÊXALÔNICA

Đọc thư thứ nhất gửi giáo đoàn Thêxalônica chúng ta nhận ra ngay hai phần trong kết cấu và nội dung của thư. Phần thứ nhất gồm ba chương đầu gọi lại các kỷ niệm, mà thánh Phaolô đã có với tín hữu cộng đoàn và kể ra các lý do khiến thánh Phaolô vô vàn cảm tạ Thiên Chúa. Phần hai gồm hai chương 4-5 chứa đựng các lời khuyên nhủ, khuyến khích, cảnh cáo và răn bảo tín hữu. Có thể chia phần hai thành bốn đoạn. Đoạn nhất bao gồm các lời khuyên tín hữu sống thánh thiện và yêu thương nhau (4,1-12). Đoạn hai là giáo lý liên quan tới số phận của những người đã chết và lời khuyến khích của thánh Phaolô (4,13-18). Đoạn ba lại đề cập tới ngày sau hết và lời thánh Phaolô khuyên tín hữu tinh thức sẵn sàng đón chờ ngày Chúa Kitô quang lâm (5,1-11) Đoạn bốn gồm các lời khuyên nhủ tổng quát (5,12-22). Sau cùng trước lời kết (5,25-28) có lời nguyện xin Thiên Chúa giữ gìn tín hữu Thêxalônica được toàn vẹn trong ngày cánh chung (5,23-24).

Sau khi bày tỏ nỗi vui mừng khôn tả, vì biết tín hữu Thêxalônica dù gặp biết bao gian lao thử thách, đã không suy giảm lòng tin mà còn kiên trì sốt sắng vững mạnh hơn nữa, đến nỗi tiếng trong cả nước Hy Lạp, thánh Phaolô khuyến khích họ cứ tiếp tục lớn mạnh trong lòng Tin, lòng Cây và lòng Mến. Ngài viết trong chương đầu chương 4: ”Còn lại, thưa anh chị em, đây là các yêu cầu và khuyến khích của chúng tôi trong Chúa Giê-su: Anh chị em đã học biết từ chúng tôi phải hành xử thế nào để đẹp lòng Chúa, và anh chị em đang sống như vậy. Hãy tiến tới hơn nữa! Thật thế, anh chị em biết các huấn thị, mà chúng tôi đã đưa ra cho anh chị em nhân danh Chúa Giê-su. Ý Thiên Chúa muốn đó là anh chị em hãy sống trong sự thánh thiện và xa lánh dâm ô. Mỗi người hãy làm chủ bản thân mình để sống trong thánh thiện và danh dự, mà không để cho mình sống buông thả theo sự thèm khát như người ngoại giáo không biết Chúa thường làm. Đừng có ai gây thiệt hại cho tha nhân và lường gạt người khác về điều này”.

Nếu dịch sát nghĩa câu 4 của chương 4 sẽ là: “Ước chi mỗi người trong anh chị em hãy biết sắm cho mình một cái bình trong sự thánh thiện và trong danh dự”. Từ “skeuos” trong tiếng hy lạp có nghĩa là đồ dùng, hay cái bình. Đó là một hình ảnh người hy lạp thường dùng để diễn tả “thân xác” con người. Thân xác là cái bình chứa đựng linh hồn. Trong chương 4,7 thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô thánh Phaolô khẳng định với mọi người rằng Chúa Giêsu Kitô và Tin Mừng cứu độ của Chúa là một kho tàng mà các vị truyền giáo chứa đựng trong các bình bằng đất sét. Nhưng như thế là để Thiên Chúa tỏ lộ quyền năng vô song của Ngài trong hoạt động thừa tác của các vị, chứ không do sức lực hay tài cán của các vị. “Bình bằng đất sét” là hình ảnh có thể ám chỉ sự giòn mỏng yếu hèn của chính thánh Phaolô (2 Cr 12,7-10; Gl 4,14) và của các cộng sự viên. Nhưng nó cũng có thể ám chỉ thân xác bằng đất sét của con người như tả trong sách Sáng Thế chương 2,7, và được thánh Phaolô nhắc tới trong thư gửi tín hữu Roma chương 9,21-23, thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô chương 15,47 và ở đây. Thân xác như cái bình bằng đất sét vừa diễn tả sự giòn mỏng dễ vỡ, vừa ám chỉ cái bản tính yếu đuối bất toàn của con người trong mọi bình diện cuộc sống của nó: cuộc sống tâm sinh vật lý cũng như cuộc sống tinh thần. Vì là cái bình bằng đất sét, nên con người đau yếu, vỡ nát, sứt mẻ, tan rữa đi. Như thế, nếu hiểu cái bình ở trong câu 4 chương 4 thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica là thân xác, thì dịch là “mỗi người hãy chiêm đoạt thân xác của chính mình, nghĩa là hãy chế ngự, hãy làm chủ được thân xác mình”, đừng để cho nó sống lãng loàn trác táng, ăn chơi buông thả dâm dật.

Tuy nhiên, cũng có thể dịch câu trên theo một nghĩa khác. Trong môi trường xã hội xê mít, người vợ được nam giới coi như là thịt xác hay thân xác của chính mình, như viết trong sách Sáng Thế chương 2,23. Khi thấy người nữ người nam nói: “Lần này, nàng là thịt từ thịt tôi, xương từ xương tôi. Người ta sẽ gọi nàng là đàn bà, vì nàng được lấy ra từ đàn ông”. Như thế kiểu nói “mỗi người hãy sắm cho mình một cái bình” có nghĩa là mỗi người hãy lấy vợ (1 Cr 7,2), hãy lập gia đình, để sống trong sự thánh thiện và danh dự của cuộc sống hôn nhân và tính dục, chứ đừng buông thả dâm ô theo lòng ham muốn của mình (1 Cr 7). Hôn nhân giúp kitô hữu sống niềm tin thánh thiện và sự tùy thuộc của mình vào Thiên Chúa. Giữa một môi trường ngoại giáo, đối với nam giới theo kitô giáo, việc chọn lựa cho mình một người vợ là vấn đề quan trọng thánh Phaolô không thể bỏ qua không nhắc tới. Nó thuộc bản phận khuyến bảo và dạy dỗ tín hữu của ngài.

Và thực vậy, trong phần hai thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica thánh Phaolô không ngừng nhắc họ đừng quên các giáo huấn mà ngài và các cộng sự viên đã giảng giải cho họ, khi còn ở bên họ. Phaolô khuyến khích tín hữu sống theo tinh thần Tin Mừng của Chúa. Bởi vì ai từ bỏ các huấn thị này thì không phải họ chối bỏ con người, mà chối bỏ Thiên Chúa, là Đấng trao ban Thánh Thần cho họ (4,8). Liên quan tới tình yêu thương huynh đệ như lệnh Chúa truyền dạy, thánh Phaolô nói ngài không cần phải viết cho họ nữa, vì chính họ đã học biết từ Thiên Chúa, và thực sự là họ đang thực thi giáo huấn yêu thương đó đối với mọi tín hữu trong toàn vùng Macedonia. Và thánh Phaolô thôi thúc họ hãy cố gắng có các tiến bộ mới trong lãnh vực này: “Anh chị em, chúng tôi khuyến khích anh chị em hãy có các tiến bộ mới”(4,10). Tiếp đến thánh nhân khuyên ai nấy hãy biết sống bình tĩnh không nôn nóng chờ đợi ngày Chúa quang lâm tới độ khoan tay ngồi đó, không muốn làm việc và sinh hoạt gì nữa. Trái lại mỗi người phải biết chăm lo làm ăn sinh sống và chu toàn bản phận của mình, cũng như sống đoan chính trước mặt mọi người và đừng trở thành gánh nặng cho người khác. Hết khuyến nhủ khích lệ, thánh Phaolô nài xin các tín hữu hãy sống đúng tinh thần Tin Mừng. Do đó, thánh nhân lập đi lập lại: “Rồi chúng tôi xin anh chị em...”(4,13) “Anh chị em, lần nữa chúng tôi khuyến khích anh chị em...”

Qua các lời lẽ này, thánh Phaolô cho thấy ngài hướng dẫn cuộc sống của các tín hữu trong hoàn cảnh tế nhị này. Bởi vì họ đang phải đối phó với các khó khăn, nghi hoặc, lo lắng, hiểm nguy và lo là có thể khiến cho họ giảm sút trong cuộc sống lòng tin. Chính vì vậy Phaolô nhắc lại các huấn thị cụ thể mà ngài đã dạy họ trước đây liên quan tới cung cách sống. Phaolô nêu bật trở lại, và đưa thêm các lý do, hay giải

nghĩa các điểm còn chưa rõ hoặc chưa khai triển đủ. Nghĩa là thánh nhân muốn bổ túc các giáo huấn của ngài. Tuy nhiên, thánh Phaolô không trình bày các nguyên tắc luân lý kitô một cách trừu tượng. Ngài muốn chinh phục các tín hữu, và nhất là muốn đánh động con tim của họ và khơi dậy nơi họ ý chí dẫn thân sống vững mạnh lòng tin.

Nói chung, các huấn thị thánh Phaolô đưa ra ở đây có tính cách tổng quát. Chúng là các yếu tố thuộc các công thức truyền thống, phần đông phát xuất từ gia tài do thái giáo. Có mới mẽ chẳng đó là viễn tượng rộng rãi, mà Phaolô mở ra trước mắt tín hữu. Trước tiên là nỗ lực sống xứng đáng với ơn gọi kitô. Bởi vì khi tin vào Thiên Chúa là Đấng thánh, các tín hữu không được mời gọi sống trong ô uế, mà sống trong sự thánh thiện (4,7). Do đó, họ phải tránh tất cả mọi kiểu cách sống không phù hợp với ơn gọi trở nên thánh thiện như Thiên Chúa. Ngoài ra chính cung cách sống hiện nay trên trần gian này sẽ định đoạt cho cuộc sống mai sau, mà Chúa Giêsu Kitô quang lâm sẽ ban cho mỗi người. Vì họ tin rằng Chúa Kitô chẳng bao lâu nữa sẽ trở lại, nên các tín hữu Thêxalônica lại càng có lý do mạnh mẽ cố gắng sống thánh thiện hơn nữa. Thánh nhân cũng cầu xin chính Thiên Chúa thánh hóa họ hoàn toàn. Xin Ngài giữ gìn tinh thần, linh hồn, thân xác và toàn cuộc sống của họ vẹn toàn để họ không thể bị chê trách vào đâu được, trong ngày Chúa Giêsu Kitô trở lại (5,23).

Một trong các nét đặc biệt thánh Phaolô không ngừng nhấn nhủ các tín hữu Thêxalônica, đó là cố gắng tấn tới trong cuộc sống tin, cậy, mến. Tình yêu thương Thiên Chúa và tha nhân phải ngày càng tràn đầy tâm lòng và cung cách hành xử của họ (3,12; 4,1.10; 5,23). Kinh nghiệm lòng tin kitô là một con đường trưởng thành, ngày càng dẫn đưa người tín hữu tới đỉnh trọn lành, tới chỗ trở nên giống Thiên Chúa hoàn toàn. Kitô hữu được mời gọi tiến tới luôn mãi, và ngày càng đào sâu các lựa chọn lòng tin của mình. Là tín hữu không có nghĩa là đã dứt điểm, là đã thành toàn và đạt đích hay chiếm hữu được ơn cứu độ. Không, là tín hữu có nghĩa là giờ đây chúng ta mới khởi sự tiến bước trong đời, dưới ánh sáng lòng tin.

Càng vào cuối thư lời lẽ của thánh Phaolô càng cương quyết và chắc chắn. Phaolô đang giảng dạy tín hữu với tất cả uy tín của một bậc thầy khai sáng ra giáo đoàn Thêxalônica. Thê sai khiến nối tiếp nhau trong các lời khuyên nhủ. Mấy câu cuối cùng của thư gồm một chuỗi các huấn thị ngắn gọn, rõ ràng và cụ thể: "Hỡi anh chị em, chúng tôi khuyên anh chị em hãy sửa bảo những người vô trật tự; hãy khích lệ những người nhát đảm; hãy gây phấn chấn cho những người yếu đuối; hãy sống đại lượng với mọi người! Hãy coi chừng, đừng ai lấy oán báo oán. Trái lại, hãy luôn luôn tìm theo đuổi sự thiện giữa anh chị em với nhau và đối với mọi người. Hãy tươi vui luôn và hãy cầu nguyện không ngừng! Hãy tạ ơn trong mọi hoàn cảnh. Vì đó là thánh ý Thiên Chúa có đối với anh chị em trong Đức Kitô Giêsu! Anh chị em đừng dập tắt Thần Linh, và chớ khinh rẻ các ơn ngôn sứ. Nhưng hãy nghiệm xét mọi sự. Điều gì lành hãy giữ lấy. Hãy xa lánh sự dữ bất cứ dưới mọi hình thức nào!". Nói cách khác, thánh Phaolô luôn luôn nhắc nhớ tín hữu đừng quên thánh ý Thiên Chúa (4,3; 5,18) giáo huấn của Chúa (4,9), lời Chúa Giêsu (4,15), quyền của Thiên Chúa (4,1-2), được thánh nhân và các cộng sự viên của Ngài loan báo và thi hành theo lệnh Chúa truyền (2,4.7.13). Mọi lời rao giảng và hoạt động của các vị chỉ có mục đích làm trung gian lịch sử giữa Thiên Chúa Cha, Chúa Giêsu Kitô và tín hữu Thêxalônica.



## ĐỀ TÀI 29

### HÌNH THỨC CŨ, TINH THẦN VÀ NỘI DUNG MỚI

Khi đọc câu mở đầu thư thứ nhất gửi giáo đoàn Thêxalônica, chúng ta nhận ra hai nhân tố. Thứ nhất, hình thức khai mào bức thư là hình thức cổ điển của thư tín trong thế giới roma-hy lập bấy giờ. Nó luôn bắt đầu với một câu ngắn gọn, nêu tên người gửi, người nhận và kết thúc với lời chào. Thánh Phaolô cũng lấy lại hình thức cũ này, nhưng thêm vào một yếu tố mới khác khiến cho lời chào mang đậm sắc thái Kitô giáo: “Phaolô, Silvanô và Timôtêô gửi cho giáo hội của anh chị em Thêxalônica, giáo hội trong Thiên Chúa Cha và trong Chúa Giêsu Kitô. Ôn thánh và bình an ở cùng anh chị em” (1 Ts 1,1). Nghĩa là thánh Phaolô khai triển và trao ban cho hình thức cổ điển kiểu cách mở đầu thư tín của thế giới thời đó các ý nghĩa thâm trầm, diễn tả kinh nghiệm của lòng tin Kitô.

Người gửi ở đây là Phaolô và các cộng sự viên truyền giáo, tức Silvanô và Timôtêô. Tên của ba người gửi khiến cho chúng ta có thể nghĩ rằng đây là lá thư chung. Nhưng kiểu hành văn riêng tư và cách xưng hô ở ngôi thứ nhất (2,18; 3,5) chứng minh cho thấy nó là bức thư riêng do Phaolô viết, hay đọc cho người khác viết. Đây là một chi tiết quan trọng, chứng minh cho thấy Phaolô không phải là người có khuynh hướng tôn thờ cá nhân, tự suy tôn mình. Trái lại thánh nhân rất ý thức được sự hiện diện và cộng tác hữu hiệu của các bạn đồng hành trên đường truyền giáo. Nó chứng minh cho tinh thần đoàn thể của Phaolô và các thừa sai. Các vị đã áp dụng nguyên tắc ”hợp quần gây sức mạnh”, ”một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại thành hòn núi cao”. Silvanô và Timôtêô cũng đã đồng công, cộng khổ trong công tác rao giảng Tin Mừng với Phaolô và thành lập giáo đoàn Thêxalônica. Do đó, thật là điều tự nhiên khi giờ đây Phaolô cùng với các cộng sự viên gửi lời chào tới tín hữu toàn cộng đoàn. Riêng trên phương diện tâm lý mà nói, chi tiết này rất quan trọng. Tinh thần đồng trách nhiệm và sự hiệp nhất giữa hàng lãnh đạo là một yếu tố quan trọng định đoạt cho sự thành công của việc rao truyền Tin Mừng. Đây là lý do giải thích tại sao trong thư Phaolô cũng thường dùng kiểu nói ”chúng tôi” ở số nhiều, mặc dầu chính ngài là người gửi thư cho các tín hữu.

Silvanô hay Sila là một nhân vật vị vọng, tên tuổi trong lịch sử Kitô giáo thời khai sinh, được gọi là ngôn sứ đã nói nhiều lời khuyên bảo và khích lệ tín hữu, như viết trong sách Công Vụ chương 15,22-32. Sau này Sila trở thành bạn đồng hành với thánh Phaolô trên đường truyền giáo tại Tiểu Á, Macedonia và Acaia (Cv 15,40; 16,19 tt.; 17,4 tt.; 18,5). Tiếp đến Sila cũng trợ giúp thánh Phêrô (1 Pr 5,12).

Timôtêô đã cùng rao giảng Tin Mừng với Phaolô và Sila tại Astri (Cv 16,1-3), và cộng tác với hai vị trong việc truyền giáo như viết trong sách Công Vụ (Cv 17,14 tt.; 18,5; 19,22; 20,4). Timôtêô đã là môn đệ rất trung thành của Phaolô và được thánh nhân giao cho nhiều sứ mệnh tế nhị, đặc biệt là nhiệm vụ giảng hòa giữa Phaolô và cộng đoàn các tín hữu Côrintô trong những lúc căng thẳng sau này (1 Ts 3,2-6; 1 Cr 4,17; 16,10; Pl 2,19-20). Truyền thống cũng duy trì được hai lá thư Phaolô viết riêng cho Timôtêô.

Ở đây Phaolô chỉ nêu tên người gửi, mà không đề cập tới chức vụ là “tông đồ” như thánh nhân làm sau này trong các thư quan trọng khác. Lý do là vì đây là bức thư có tính cách riêng tư và bầu khí thân tình, chứ không phải trong khung cảnh tranh luận với các chống đối và vu khống như trong các thư gửi giáo đoàn Côrintô. Tuy nhiên không phải vì thế mà chúng ta có thể loại bỏ ý thức là tông đồ của thánh Phaolô. Bức thư được Phaolô gửi tới mọi tín hữu Thêxalônica. Do đó, thánh Phaolô dùng từ “ekklesia”, giáo hội, để gọi giáo đoàn này. Đây là một từ có nội dung thần học súc tích. Trong lịch sử Kitô giáo thời khai sinh thuộc môi trường hy lập, từ này được dùng để gọi giáo đoàn Giêrusalem và có ý khẳng định

rằng trong lịch sử cứu độ, Giáo Hội là dân riêng mới của Thiên Chúa, tiếp nối Israel là dân riêng cũ. Nhưng thánh Phaolô đã không ngần ngại dùng từ “ekklesia” để gọi tín hữu giáo đoàn Thêxalônica, là những người không phải gốc do thái. Nghĩa là cả những anh chị em ngoại giáo theo Kitô cũng là Giáo hội dân riêng mới của Thiên Chúa, chứ không phải chỉ có các Kitô hữu gốc do thái mà thôi, bởi vì Thiên Chúa công hiến ơn cứu độ cho tất cả mọi người. Điều kiện duy nhất để được ơn cứu độ là biết rộng mở tâm lòng tiếp nhận Tin Mừng của Chúa Giêsu, chứ ơn cứu độ không tùy thuộc chủng tộc ngôn ngữ hay màu da. Đây là mấu chốt thần học được thánh Phaolô luôn luôn nêu bật trong các thư của mình. Sự kiện tín hữu Thêxalônica tin nhận Chúa Giêsu và Tin Mừng khiến cho họ được vào hàng những người được Thiên Chúa chọn và yêu thương ngang hàng với các tín hữu Kitô gốc do thái. Ở đây Phaolô nhấn mạnh trên sự kiện tín hữu Thêxalônica là giáo hội, chứ không phải chỉ là thành phần của giáo hội, bởi vì dân riêng mới của Thiên Chúa hiện diện ở tất cả những nơi nào Tin Mừng được loan báo và có người tin nhận sống lòng tin, lòng cậy, lòng mến. Lịch sử Thiên Chúa gặp gỡ loài người giờ đây đi qua và hiện diện nơi các nhóm tín hữu bé nhỏ sống rải rác trong các thành phố của đế quốc Roma.

Tuy nhiên, thánh nhân còn xác định thêm để phân biệt cộng đoàn Kitô Thêxalônica với các cộng đoàn dân sự trong thành phố này. Các cộng đoàn dân sự này tụ họp nhau một cách dân chủ để thảo luận và giải quyết các vấn đề công cộng cũng được gọi là “ekklesia”. Nhưng chúng không giống cộng đoàn “ekklesia” Kitô. Lý do là vì cộng đoàn Kitô Thêxalônica thuộc về Thiên Chúa và Chúa Giêsu, và sống kinh nghiệm đặc thù là tham dự vào chính sự sống mới của Chúa Giêsu phục sinh, trong các liên hệ mới nối kết nó với Thiên Chúa cha và với Chúa Giêsu Kitô là Chúa. Nghĩa là nó là một cộng đoàn vô cùng đặc biệt. Để diễn tả tất cả các khía cạnh thần học kể trên, thánh Phaolô chỉ dùng một tiền trí từ “trong” và hiểu ngầm cả động từ “là” hay “ở” hoặc “hiện diện” nữa. Phaolô chỉ viết trống không và ngắn gọn rằng: “giáo hội trong Thiên Chúa Cha và trong Chúa Giêsu Kitô”. Tiền trí từ “trong” ở đây diễn tả sự hiệp nhất, sự tùy thuộc và hiệp thông sự sống. Nó gói ghém mọi kinh nghiệm sâu thẳm hoàn toàn riêng tư liên kết các tín hữu với Thiên Chúa Cha và Chúa Giêsu Kitô.

Thánh Phaolô cũng xác định hai điểm quy chiếu nòng cốt của cộng đoàn Kitô. Đó là Thiên Chúa là Cha, và Chúa Giêsu Kitô là Chúa. Sự thật Thiên Chúa là Cha phát xuất từ chính lời giảng dạy và kinh nghiệm nồng ấm của Đức Giêsu thành Nagiarét. Ngài thích gọi Thiên Chúa là “Cha trên trời”, là “Cha của Ta và Cha của các con”. Đức Giêsu không ngần ngại dùng từ “Abba”, có nghĩa là “ba” mà trẻ em thường dùng, để âu yếm gọi Thiên Chúa (Cf. Mt 14,36). Trong Kitô giáo thời khai sinh gương sống của Chúa Giêsu trở thành luật lệ (Cf. Gl 4,6; Rm 8,15). Và thánh Phaolô cũng không chuẩn chước cho nguyên tắc này. Thánh nhân muốn nêu bật rằng Thiên Chúa của tín hữu Kitô không giống như bất cứ vị thần nào khác, mà là Đấng tỏ hiện gương mặt đích thực của Ngài trong lịch sử cuộc đời của Đức Kitô Đấng đã chết và đã sống lại. Tước hiệu “Chúa” “Kyrios” trong tiếng Hy Lạp cũng phát xuất từ Kitô giáo thời khai sinh, hay đúng hơn từ các tín hữu Kitô nói tiếng Hy Lạp. Tuy nhiên trong các thư của thánh Phaolô tước hiệu “Kyrios” rất hay được dùng để gói ghém nhiều đặc thái thần học sâu sắc. Đặc biệt nó ám chỉ sự hiện diện linh động và trao ban sự sống của Chúa Kitô phục sinh giữa lòng cộng đoàn Kitô tuyên xưng Ngài là Chúa duy nhất tuyệt đối của mình (Rm 10,9; 1 Cr 8,6).

“Ân sủng và bình an cho anh chị em” là công thức mang sắc thái phụng vụ, do đó cũng phát xuất từ cộng đoàn Kitô tiên khởi. Hơn là một lời chào thường tình, có thể định nghĩa nó là một phúc lành thực sự. Công thức này trộn lẫn hai hiểu chào, vì dùng hai từ mà người do thái và Hy Lạp thường dùng để chào nhau: “Shalom” nghĩa là bình an trong tiếng do thái, và “Khaire” nghĩa là “chào”. Nhưng nếu dịch sát thì “Khaire” trước hết có nghĩa là “Hãy vui lên”!. Thật ra công thức này đã có trong phúc lành như ghi trong sách Dân Số chương 6,25-26: “Xin Giavê dãi sáng gương mặt Ngài trên ngươi và ban ân sủng cho ngươi. Ước chi Giavê hướng mặt về ngươi và ban an bình cho ngươi”. Dầu sao đi nữa có điều chắc chắn đó là danh từ “Kharis” ân sủng, ơn thánh, trong bối cảnh và bầu khí của Kitô giáo không chỉ có nghĩa là

một lời chào theo quy ước thường tình. Trái lại nó diễn tả tình yêu thương nhưng không của Thiên Chúa, như là suối nguồn trao ban ơn thứ tha và cứu độ. Từ “hòa bình” ở đây gói ghém tất cả nội dung súc tích của từ do thái “Shalom”. Nghĩa là ám chỉ mọi ơn lành Thiên Chúa ban cho con người, nhất là ơn cứu độ của thời cứu thế và ơn hòa giải của loài người, mà Thiên Chúa Cha hiện thực qua Đức Giêsu Kitô, Con Ngài (Rm 5,1). Tất một lời, qua công thức trên đây, với cử chỉ của một thầy cả, thánh Phaolô ban phép lành cho cộng đoàn tín hữu tụ họp nhau để lắng nghe bức tông thư của thánh nhân. Qua đó Phaolô cho thấy ngài là trung gian có nhiệm vụ chuyển đạt ơn cứu độ nhưng không của Chúa tới cho cộng đoàn tín hữu.

Tóm lại, các lời chào ngắn gọn trong các thư của thánh Phaolô tuy có hình thức cũ theo thói quen cổ điển thời bấy giờ, nhưng bao hàm tinh thần và nội dung hoàn toàn mới mẻ, vì chất chứa giáo huấn thần học nòng cốt diễn tả niềm tin của Kitô giáo.

## ĐỀ TÀI 30

### TÂM TÌNH CẢM TẠ (TX 1,2-10)

Khi đọc thư thứ nhất thánh Phaolô gửi tín hữu Thêxalônica, chúng ta nhận ra ngay tâm tình cảm tạ biết ơn của thánh nhân đối với Thiên Chúa. Thật ra nó là mấu điểm thần học nổi bật được khai triển trong suốt ba chương đầu của thư. Sau lời chào, thánh nhân viết trong chương 1,2: “Chúng tôi liên li cảm tạ Thiên Chúa cho anh chị em tất cả, và không ngừng nhớ tới anh chị em trong các lời cầu nguyện của chúng tôi”. Tiếp theo đó cho tới câu 10 thánh nhân kể ra các lý do khiến cho ngài và các thừa sai cộng sự viên không ngừng cảm tạ đội ơn Thiên Chúa. Có ba lý do sẽ được thánh Phaolô nhắc lại trong hai chương tiếp theo. Đó là kỷ niệm cuộc gặp gỡ phong phú của các thừa sai với tín hữu Thêxalônica (2,1-16), các biến cố khiến các vị phải xa rời họ và khổ đau lo lắng cho số phận của họ (2,17-3,5), và niềm vui tràn bờ khi được Timôtêô cho biết các tin tức phấn khởi về tình hình sống đạo trong cộng đoàn (3,6-13).

Trên bình diện hình thái từ chìa khóa làm nòng cho chương 1,2-10 là động từ “*eukharistoúmen*” “chúng tôi cảm ơn”. Vị thế mở đầu của nó đủ nói lên nội dung của toàn chương. Gắn liền với động từ “*eukharistoúmen*” là hai phân từ hiện tại “*mnêmonéuontes*” “nhớ lại” và “*eidótes*” “nhận biết” dẫn lối cho hai lý do. Thánh Phaolô và các thừa sai không ngừng cảm ơn Thiên Chúa liên quan tới các tín hữu Thêxalônica trong khi cầu nguyện, vì nhớ tới lòng tin sống động, lòng mến lao nhọc và lòng cậy kiên nhẫn của họ, và vì biết rằng Thiên Chúa đã tuyển chọn họ. Sự kiện tín hữu Thêxalônica sốt sắng thực hành lòng tin, chịu khó sống lòng mến và kiên trì trong hy vọng là lý do rõ ràng không cần phải giải thích. Nhưng vì đâu họ lại được Thiên Chúa chọn lựa? Câu trả lời nằm trong phần tiếp theo, qua đó Phaolô nhắc lại công tác truyền giáo tại Thêxalônica và thái độ hăng say của tín hữu rộng mở tâm lòng tin nhận Chúa Giêsu và Tin Mừng đến độ họ trở thành mẫu gương cho người khác. Hai câu sau cùng của chương 1 nhắc lại cuộc gặp gỡ tích cực của các thừa sai với kitô hữu của thành phố này và biến cố họ theo Kitô giáo.

Lời cảm tạ được dâng lên Thiên Chúa Cha. Đây là một đặc thái thường hằng trong các thư của thánh Phaolô. Lòng biết ơn luôn hướng về Thiên Chúa Cha là nguồn mạch của lịch sử ơn thánh và lịch sử cứu độ. Cảm ơn có nghĩa là nhận biết sáng kiến cứu độ của Thiên Chúa Cha và hoạt động hữu hiệu của Ngài, mặc dù hoạt động đó xem ra dấu ẩn trong các nét gập sâu thẳm của lịch sử loài người. Trợ động

từ “pantote” ”liên li” muốn nói lên rằng thánh Phaolô và các cộng sự viên không chỉ cảm ơn Thiên Chúa Cha trong những lúc cầu nguyện thôi, mà trong mọi lúc. Cảm tạ là tâm tình thường hằng của các vị. Lòng nhớ thương các tín hữu ở xa, luôn hiện diện trong lời cầu nguyện, lại càng là có làm nảy sinh ra trong tâm hồn Phaolô lời cảm ơn Chúa. Tưởng nhớ và cảm ơn đi song đôi với nhau, vì cuộc sống lòng tin lòng cậy lòng mến tươi mát, hăng say và tinh tuyền của các tín hữu.

Ở đây thánh Phaolô lấy lại từ truyền thống của Kitô giáo thời khai sinh công thức bộ ba tin-cậy-mến như nét đặc thù trong cuộc sống của các tín hữu từ bỏ tà thần để tin nhận Kitô giáo. Sắc thái Kitô ấy không phải là một triết lý về thế giới, cũng không phải là một thứ đạo đức luân lý đặc biệt, lại càng không phải là một kinh nghiệm thần bí. Nó là một cuộc sống đức tin, nghĩa là hoàn toàn chấp nhận Tin Mừng ơn thánh cứu độ của Chúa được Đức Giêsu tử nạn và phục sinh mạc khải; một cuộc sống của yêu thương, nghĩa là quảng đại cụ thể và liên đới với tha nhân; một viễn tượng toàn diện của niềm hy vọng tin tưởng vào tương lai sẽ đem ơn cứu độ tới cho con người. Tuy nhiên, thánh Phaolô thêm vào công thức truyền thống tin-cậy-mến các phẩm chất chứng minh cho thấy kiểu cách sống lòng Tin Cậy Mến của các tín hữu Thêxalônica rất đặc biệt. Lòng tin của họ là thứ lòng tin có các việc làm sinh động, lòng mến của họ là thứ lòng mến dẫn thân, không nề quản gian khổ, lòng cậy của họ là thứ lòng cậy kiên trì không lay chuyển trong nguy khốn. Chính đó là lý do để thánh Phaolô nâng lời cảm tạ Thiên Chúa Cha. Thật vậy, lòng tin của tín hữu Thêxalônica không phải là thái độ chiêm niệm, cũng không phải là thái độ trí thức và lý thuyết, mà là lòng tin nhập thể và nhập thể trong đời như một động năng sản xuất và biến đổi. Lòng mến của họ không chỉ giới hạn trong lãnh vực cảm xúc, cũng không đồng hóa với các tâm tình thiện cảm, lại càng không phải là thái độ nhân ái chung chung. Trái lại, nó thể hiện ra ngoài bằng những hy sinh trợ giúp và phục vụ cụ thể, chia sẻ gánh nặng của nhau, chung vai sát cánh liên đới, ”đồng lao cộng khổ” với nhau. Sau cùng lòng cậy của họ không phải là kiểu cách chạy trốn đời để lẩn mình trong màu hồng của tiện nghi tha hóa, mà là sự kiên trì trong gian lao thử thách, và đương đầu với các khó khăn ngăn chặn đường tiến về tương lai. Ai hy vọng thì đứng vững hứng chịu sức nặng của lịch sử, chứ không gồi mỗi chân chôn và quy ngã. Họ can đảm chiến đấu, chứ không giơ cờ trắng đầu hàng các lực lượng sự dữ đánh phá và cản ngăn bước tiến của nhân loại. Tuy nhiên, không được lẫn lộn sự kiên trì trong hy vọng của Kitô hữu với chủ trương anh hùng kiêu căng vĩ đại, hay đồng hóa nó với “andréia” trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là sức mạnh của nam giới, rất được thế giới ngoại giáo đề cao và ca tụng. Bởi vì các Kitô hữu không kín mức sự kiên trì can đảm và tin tưởng đó nơi chính mình, mà họ đặt tin tưởng “nơi Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta” như thánh Phaolô viết. Cụ thể kiểu nói này ám chỉ biến cố Chúa Giêsu quang lâm, nghĩa là ngày Ngài tới gỡ gỡ các tín hữu và vĩnh viễn giải thoát họ. Niềm hy vọng Kitô chỉ có lý trong tương quan với Chúa Kitô, Đấng thống trị và tiêu diệt các lực lượng của cái chết và sự dữ.

Nếu lý do thứ nhất của lời cảm tạ là sức sinh động của kinh nghiệm Kitô trong cộng đoàn Thêxalônica, thì lý do thứ hai là sự tuyển chọn của Thiên Chúa (c. 4). Từ thực tại có thể nắm bắt được giờ đây thánh Phaolô lần lên cho tới thực tại chỉ có thể nắm bắt được với cái nhìn trực giác của lòng tin và sự bén nhọn của đôi mắt mới giúp tín hữu đi vào trong sự sâu thẳm không thể dò thấu được của Thiên Chúa. Thiên Chúa Cha đã lựa chọn tín hữu Thêxalônica một cách nhưng không và nhiệm mầu. Chính Ngài đã có sáng kiến trao ban cho cộng đoàn một cuộc sống mới. Dĩ nhiên, chính các tín hữu đã lựa chọn sống theo các viễn tượng Tin Mừng, vị họ đã được tuyển chọn, nhưng đằng sau sự lạ của lòng tin cụ thể, tình yêu thương dẫn thân, và niềm hy vọng vững vàng của các tín hữu Thêxalônica, là hoạt động nhiệm lạ của Thiên Chúa Cha. Chính vì thế không phải tình cờ mà thánh Phaolô gọi các thành phần giáo đoàn Thêxalônica với từ hoán cách “Hỡi những người được Thiên Chúa yêu thương!”. Mọi tính từ khác đều biến mất trước tước hiệu mới này, tước hiệu sẽ diễn tả luôn mãi đặc tính cuộc sống của họ. Các tín hữu Thêxalônica không chỉ là những người được hưởng nhờ cử chỉ tình yêu thương hay được tưởng thưởng bởi bằng chứng tình yêu thương, mà là những người được bước vào trong liên hệ yêu thương một lần

cho tất cả, và được bao bọc luôn mãi bởi tình yêu thương của Thiên Chúa Cha.

Như là những người được Thiên Chúa yêu thương họ trở thành anh chị em của tất cả những ai đã được đưa vào trong một vòng tròn yêu thương: đó là nền tảng các tương quan hàng ngang mới giữa các tín hữu. Trong Kinh Thánh Cựu Ước bất cứ ai là thành phần dân Thiên Chúa đều được gọi là người anh em. Trong Tân Ước thói quen này được lấy lại nhưng với lý do mới mẻ: đó là việc cùng tiếp nhận Tin Mừng, theo đó Thiên Chúa Cha đã trao ban Đức Giêsu Kitô Con Ngài như Đấng Cứu Thế. Một tương quan mới với Thiên Chúa tạo ra một liên hệ mới với con người: tình huynh đệ giữa con người với nhau dựa trên tình phụ tử của Thiên Chúa được tỏ hiện nơi Đức Kitô. Nhưng làm sao thánh Phaolô đã có thể trực giác được rằng các tín hữu Thêxalônica là những người được Thiên Chúa tuyển chọn? Thánh nhân đã chỉ dựa trên những gì ngài trông thấy khi đến thành phố này (c. 5). Tin Mừng mà thánh nhân và các cộng sự viên loan báo cho họ không chỉ là việc thông truyền lời nói mà diễn tả quyền năng của Thiên Chúa, nghĩa là Chúa Thánh Thần, mà tín hữu có thể sờ mó được. Có nhiều học giả cho rằng văn bản có ý đề cập tới các phép lạ và các tỏ hiện đặc sủng lạ thường. Nhưng đúng hơn nó ám chỉ sức mạnh thuyết phục trong lời rao giảng của các thừa sai. Chúa Thánh Thần hiện diện và tác động trong lời nói của các vị. Xa hơn, thánh Phaolô đề cập tới lời tin mừng như lời của Thiên Chúa đầy tràn năng lực tác động nơi những người nghe (2,13). Việc loan báo Tin Mừng không thể bị giản lược vào tiếng nói của con người thông truyền cho người khác một nội dung trí tuệ; nhưng đúng hơn nó là một lời tạo dựng, chất chứa quyền năng của Thiên Chúa. Bên ngoài là các lời nói của những người rao giảng Tin Mừng, nhưng ảnh hưởng định đoạt của Thần Khí tác động trên ý chí và con tim của người nghe, thúc đẩy, thuyết phục và lôi kéo họ tới lòng tin. Dựa trên sự kiện này các thần học gia thời Trung Cổ đã tạo ra một công thức rất hay: đó là tương xứng với việc lắng nghe bên ngoài là việc lắng nghe bên trong như kết quả của ơn thánh Chúa. Tin Mừng là lời đề nghị nhưng đồng thời cũng là sức mạnh đáp trả hữu hiệu.

## ĐỀ TÀI 31

### SỰ TUYỂN CHỌN NHƯNG KHÔNG

Phân tích chương đầu thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica, chúng ta nhận thấy lòng biết ơn sâu xa của thánh Phaolô đối với Thiên Chúa. Thánh nhân không ngừng cảm tạ Thiên Chúa vì cuộc sống lòng tin, lòng cậy, lòng mến tươi mát, hăng say và tinh tuyền của các tín hữu giáo đoàn này. Nhưng ngài cũng biết ơn Thiên Chúa vì sự tuyển chọn nhưng không đối với các tín hữu. Chính Thiên Chúa đã có sáng kiến trao ban ơn cứu độ cho họ, nên các tín hữu thật là “những người được Chúa yêu thương”. Chính liên hệ yêu thương chiều dọc đó với Thiên Chúa xây nền cho liên hệ yêu thương chiều ngang với tha nhân và đặc biệt giữa các tín hữu là anh chị em với nhau trong gia đình dân riêng mới của Thiên Chúa là Giáo Hội.

Tuy sự cứu độ là ơn nhưng không Thiên Chúa ban, nhưng con người cần mở rộng tâm lòng đón nhận hạt giống Tin Mừng và dân thân cộng tác để hạt giống Lời Chúa nảy mầm và đơm bông hạt. Là những người từng chứng kiến cảnh Phaolô và các thừa sai phải vội vã rời Thexalonica vì bị chống đối và truy nã, các tín hữu giáo đoàn này cảm nhận thấm thía giá cả mắc mỏ phải trả cho lòng tin. Sống Tin Mừng cứu độ của Chúa Giêsu trong một môi trường thù nghịch như thế không phải là điều dễ dàng. Thánh Phaolô dùng từ hy lạp “thlipsis” để nói tới các khó khăn gian khổ mà tín hữu Thexalonica gặp phải. Đây là từ diễn tả cuộc khủng hoảng của thời tận thế, do các lực lượng đối nghịch với Tin Mừng của Chúa Kitô gây ra. Qua đó thánh Phaolô có ý khẳng định rằng những lao đao lận đận mà tín hữu Thexalonica phải gánh chịu không giống như các khổ đau thử thách thường tình, mà là hậu quả sự hiện diện của các

quyền lực của ma quỷ khuấy động tung hoành tại bất cứ nơi nào Tin Mừng được loan báo cho con người. Tuy phải sống trong cơn bão khủng hoảng ấy, tín hữu Thêxalônica đã không chỉ mở rộng tâm lòng tiếp nhận lời rao giảng với tất cả xác tín tự do, mà còn vui sướng nữa. Niềm vui trộn lẫn với khổ đau: thực tại mâu thuẫn này được thánh Phaolô đề cập tới trong nhiều thư khác (Rm 5,3; 8,9; 12,12; 2 Cr 5,10; 7,4; 8,2; 13,9). Đây không phải là thái độ sống bệnh hoạn của hiện tượng khổ đau, nghĩa là tìm và cảm thấy khoái lạc trong đau đớn (do người khác hay do chính mình gây ra cho mình hoặc cho người khác). Nó cũng không phải là thái độ huyền bí tán tụng khổ đau. Lý do giải thích không nằm trong các cơ cấu tâm lý ít nhiều bất bình thường, nhưng do sự hiện diện của Thần Linh Chúa, là suối nguồn của sự ủi an, an bình và tươi vui. Nếu tín hữu vẫn tươi vui trong gian lao thử thách và khổ đau, chính là nhờ sức trợ lực của Chúa Thánh Thần. Chúa Thánh Thần trợ lực Phaolô và các thừa sai trong công tác rao giảng Tin Mừng, cũng như ban cho tín hữu tươi vui đón nhận lời rao giảng ấy.

Như thế, cộng đoàn bé nhỏ Thêxalônica đã đi lại con đường và đã sống cùng kinh nghiệm của Chúa Giêsu chịu đóng đinh cũng như của các thừa sai. Ở đây thánh Phaolô nói tới việc noi gương bắt chước. Noi gương bắt chước ở đây không chỉ có nghĩa thuần túy luân lý, tức là lập lại các thái độ sống của người khác, nhưng chia sẻ sâu đậm thực tại và các kinh nghiệm của người khác. Trên bình diện từ vựng, thánh Phaolô đã du nhập vào ngôn ngữ Kitô giáo một từ hoàn toàn hy lạp. Từ “mimetês, miméomai” tương đương với từ “akoluthêô, ôpisô mou”, tức “theo Chúa Giêsu” như viết trong các Phúc Âm. Chấp nhận trở thành tín hữu Kitô có nghĩa là chấp nhận sống kinh nghiệm và thực tại bị chống đối, thù ghét, khai trừ và kết án xử tử như Chúa Giêsu. Chúa Kitô, các tông đồ và các tín hữu đều chia sẻ cùng một số phận như nhau. Nghĩa là Giáo hội tiếp nối con đường của Chúa Giêsu. Sống đời tín hữu Kitô có nghĩa là chia sẻ thập giá của Chúa Giêsu. Đây là lý do giải thích tại sao thánh Phaolô luôn luôn lấy Chúa Kitô làm điểm quy chiếu cho mọi tâm tình và cung cách hành xử của ngài và của các Kitô hữu. Sau này khi viết bức thư thứ nhất cho tín hữu giáo đoàn Côrintô ngài khuyến khích họ rõ ràng như sau: “Anh chị em hãy bắt chước tôi, như tôi đã bắt chước Chúa Kitô” (1 Cr 11,1). Nhưng giây chuyền bắt chước đó không chỉ dừng lại nơi các tín hữu Thêxalônica, mà còn lan rộng và lan xa hơn nữa. Các Kitô hữu Thêxalônica tới lượt họ lại trở thành mẫu gương cho tín hữu thuộc các giáo đoàn khác rải rác trên đất nước hy lạp. Thật thế gương sống lòng tin của họ được tín hữu các giáo đoàn khác biết tới và ca ngợi khâm phục khắp nơi và trở thành Tin Mừng. Như thế Lời Chúa không bị đóng khung trong ranh giới của cộng đoàn gồm một nhóm tín hữu bí truyền, mà trái lại lan rộng ra khắp nơi như các làn sóng đồng tâm ngày càng trải rộng ra. Các người đón nhận Tin Mừng giờ đây trở thành các kẻ loan báo Tin Mừng. Kẻ được truyền đạo trở thành người truyền giáo, không phải qua việc giảng dạy, mà qua chính cuộc sống và cung cách hành xử gương mẫu của họ. Họ là Tin Mừng sống động. Lòng tin Kitô lan rộng không phải nhờ các dịch vụ quảng cáo như các ý thức hệ thường làm, nhưng là qua việc cống hiến và chia sẻ cho người khác các kinh nghiệm khổ đau, sống thực, đáng tin cậy. Dân chúng và tín hữu các cộng đoàn khác kể lại cho nhau nghe biến cố các thừa sai tới rao giảng Tin Mừng tại Thêxalônica như thế nào và tín hữu tại đây đã đón nhận Lời Chúa và kiên trì sống Tin Mừng của Chúa ra sao. Hai câu 9-10 của chương một tả lại biến cố Lời Chúa đụng chạm và đánh động tâm lòng tín hữu tại đây như đã trình thuật trong các câu 5-8 trước đó. Phaolô dùng lại các yếu tố của giáo lý trong cộng đoàn Kitô tiên khởi để tả lại tiến trình theo Kitô giáo của tín hữu Thêxalônica. Trước hết họ từ bỏ các tà thần, và quy hướng về Thiên Chúa hằng sống và chân thật. Nghĩa là họ quay lưng cho các thần linh bất lực không trao ban sự sống cho họ để chọn lựa vâng phục Thiên Chúa và phụng sự Ngài. Chúng ta có thể nói tới việc hoán cải độc thân, nghĩa là các tín hữu gốc ngoại giáo từ bỏ đa thần để theo độc thân. Nhưng niềm tin vào Thiên Chúa duy nhất ấy còn có một khía cạnh khác nữa. Đó là thái độ trông chờ biến cố Chúa Kitô quang lâm vào ngày sau hết để giải thoát tín hữu.

Ở đây cần ghi nhận sắc thái cánh chung trong quan niệm Kitô học của Phaolô. Thánh nhân chỉ nêu bật biến cố Chúa Giêsu Kitô trở lại trong vinh quang, mà không nhấn mạnh tới cái chết và sự phục sinh



của Ngài. Thật vậy, lòng tin kitô ở đây được hiểu như là niềm hy vọng hướng về ngày cánh chung, ngày Chúa Kitô quang lâm để giải phóng tín hữu một cách vĩnh viễn và thành toàn lịch sử cứu độ. Quan niệm về lòng tin kitô như thái độ sống hướng về tương lai và cuộc sống mai sau này đã được thánh Phaolô lấy lại từ giáo huấn của Kitô giáo thời khai sinh. Nó tập trung vào gương mặt của nhân vật cụ ước gọi là Con Người như được chương 7 sách Daniel nói tới lần đầu tiên. Trong trào lưu khai huyền của Do thái giáo tín hữu trông đợi biến cố một vị quan án sẽ tới trong tương lai, tức Con Người, để giải phóng tín hữu khỏi mọi lực lượng sự dữ và cái chết. Gương mặt vinh quang đó của Con Người được Chúa Giêsu áp dụng cho chính mình, và Kitô giáo thời khai sinh đồng hóa Con Người của sách Daniel với Đức Giêsu thành Nagiarét. Đức Giêsu Kitô Con Người sẽ từ trời, nghĩa là từ thế giới thiên linh của Thiên Chúa, ngự xuống, để chủ tọa vụ phán xử sau hết trong ngày thế mạt. Đối với các tín hữu, ngày phán xử kinh hoàng đó sẽ là ngày vui của ơn giải phóng và cứu độ, ngày họ được bước vào Nước của Thiên Chúa. Chúng ta có thể coi đây là giáo lý kitô học cổ xưa nhất của Kitô giáo thời khai sinh.

Chắc hẳn trước thời thánh Phaolô theo Kitô giáo và rao giảng Tin Mừng, tín hữu cộng đoàn Giáo Hội tiên khởi nói tiếng hy lạp đã thay kiểu nói “Con Người”, là kiểu diễn tả rất xa lạ với thế giới và tâm thức hy lạp, bằng kiểu nói “Con Thiên Chúa”. Dầu sao đi nữa, trong văn bản của chúng ta tước hiệu kitô học “Con Thiên Chúa”, tuy vẫn được diễn tả với sắc thái khai huyền, nghĩa là “từ trời xuống”, nhưng đi liền với động từ “ryómenon” giải thoát, cho được tự do, thay vì đi liền với động từ phán xử, là từ mang quá nhiều đặc tính do thái. Thánh Phaolô đã tiếp nhận quan điểm Kitô học này, mà chính ngài cũng tiếp thu được từ các tín hữu Hy Lạp và chia sẻ với tín hữu Thêxalônica. Sự kiện các tín hữu Thêxalônica tin nhận Chúa Kitô có nghĩa nòng cốt là họ trông chờ trong tương lai Chúa Kitô can thiệp để giải thoát họ khỏi án phạt. Và sự trông chờ đó có tính chất khẩn trương, như sắp sửa xảy ra trong ngày hôm nay, chứ không phải là sẽ tới trong một tương lai xa vời. Dĩ nhiên, thánh Phaolô không quên sự phục sinh của Chúa Kitô, cũng được thánh nhân tuyên xưng với một công thức cổ xưa của Giáo Hội thời khai sinh. Nhưng ở đây sự phục sinh xem ra không phải là biến cố ý nghĩa và trao ban ơn cứu độ. Nó chỉ bảo đảm cho biến cố Chúa Kitô sẽ quang lâm mà thôi. Lòng tin vào Chúa Kitô phục sinh liên hệ tới niềm hy vọng vào biến cố Ngài sẽ quang lâm để giải thoát và cứu độ tín hữu.

Đây hẳn là một kiểu diễn tả cổ xưa của lòng tin Kitô. Rất mau sau đó các tín hữu cũng nhận ra các hạn hẹp của nó và bổ túc bằng các suy tư chín mùi và trưởng thành hơn. Theo đó cuộc tử nạn, cái chết và sự phục sinh của Chúa Kitô làm thành nhịp cầu toàn vẹn của lịch sử cứu độ. Nghĩa là lòng tin của chúng ta không chỉ hướng về biến cố Chúa Kitô quang lâm trong tương lai, mà còn gắn liền với việc chia sẻ sự sống mới của Chúa phục sinh trong hiện tại và việc tham dự vào cái chết mà Ngài đã phải chịu vì chúng ta và vì tội lỗi chúng ta trong quá khứ nữa. Trong chương 4,14 và 5,10 thánh Phaolô cũng dùng lại các công thức lòng tin của cộng đoàn kitô tiên khởi nêu bật tầm quan trọng cái chết và sự phục sinh của Chúa Kitô.

## ĐỀ TÀI 32

### CUỘC SỐNG THÁNH THIỆN VÀ YÊU THƯƠNG HUYNH ĐỆ

Trong thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica, ngoài thái độ biết ơn cảm tạ Thiên Chúa và mong đợi ngày Chúa Kitô quang lâm, còn có hai đề tài quan trọng khác: đó là cuộc sống thánh thiện và tình yêu thương huynh đệ. Ôn gọi và bổn phận của kitô hữu là duy trì cuộc đời mình cho thánh thiện và không thể chê trách vào đâu được. Đây đã là đề tài được nhắc tới trong chương 3. Nó được khai triển rộng rãi



hơn trong chương 4.

Phần hai của thư gồm hai chương 4-5 chứa đựng các lời khuyến khích, cảnh cáo, dậy dỗ và an ủi tín hữu. Chúng là một thí dụ cụ thể cho thấy nội dung và phương pháp dậy giáo lý của các tông đồ xưa kia. Mục đích là soi sáng tâm trí cho các tín hữu, và đặc biệt là củng cố ý chí của họ và giúp họ biết xây dựng một cuộc sống xứng đáng với ơn gọi kitô (Cf. 2,12). Trong chương này, bên cạnh các lời khuyến khích có tính cách tổng quát như cố gắng sống đẹp lòng Thiên Chúa và thánh thiện, thánh Phaolô nêu bật hai đề tài chuyên biệt. Đó là sự khiết tịnh và tình yêu thương huynh đệ.

Để mở đầu Phaolô cấp thiết mời gọi tín hữu tiếp tục tiến tới trên con đường lòng tin bằng cách sống các giới răn Chúa và thi hành các giáo huấn do ngài và các thừa sai đã dậy dỗ họ. Thật ra, cuộc sống đạo của tín hữu Thêxalônica đã không có gì đáng trách cứ. Phaolô chỉ củng cố các chỉ dẫn luân lý của truyền thống kitô ngài đã truyền dậy cho họ trước đó. Tín hữu Thêxalônica đã sống phù hợp với lý tưởng kitô là vâng phục ý Chúa, nghĩa là làm đẹp lòng Ngài. Giờ đây Phaolô chỉ khuyên họ đừng cho rằng mình đã tới đích và đạt đỉnh trọn lành, bởi vì lòng tin kitô là một thực tại luôn phát triển, trưởng thành và lớn lên. Là kitô hữu có nghĩa là tiến tới, biến đổi, trở nên không ngừng, trở nên toàn thiện hơn, trở nên giống Thiên Chúa hơn. Lòng tin kitô cũng giống như một hạt giống quý được gieo vào thửa đất tâm lòng con người. Nó có thể nảy mầm, đâm rễ, lớn lên, sinh hoa kết trái và tăng trưởng không ngừng, nhưng nó cũng có thể khô héo cằn cỗi, bệnh hoạn, còi cọc và chết đi.

Tuy nhiên, lời khuyến khích của Phaolô không chỉ là lời của một người anh em đồng đạo khích lệ các anh chị em khác, mà thực ra là lời của Chúa Giêsu. Vì thánh Phaolô khẳng định với họ rằng: “chúng tôi khích lệ anh chị em trong Chúa... Anh chị em biết các chỉ dẫn mà chúng tôi đã truyền dậy anh chị em nhân danh Chúa Giêsu”. Nghĩa là Phaolô nhấn mạnh rằng các giáo huấn tín hữu nhận được từ ngài và các thừa sai cộng sự viên không phải là của các vị, mà phát xuất từ chính Chúa Giêsu Kitô. Các vị chỉ có nhiệm vụ chuyển đạt giáo huấn của Chúa đến cho họ mà thôi. Ở đây phải ghi nhận điểm quan trọng này. Đó là các công thức thánh Phaolô dùng không chỉ cho thấy ngài giảng dậy với quyền bính nhận được từ Chúa Giêsu, mà đúng hơn là khi nhắc tới Đức Giêsu thành Nagiarét và giáo huấn của Chúa do truyền thống để lại, thánh Phaolô khẳng định rằng chính sự hiện diện của Chúa Kitô phục sinh bảo đảm cho giáo huấn đó, và Chúa Kitô phục sinh thi hành chức vụ là Chúa trên cộng đoàn giáo hội. Trong công tác loan báo Tin Mừng cũng như truyền dậy các giáo huấn Phaolô không đề cao lời nói của mình. Giáo hội là cộng đoàn được lời Chúa triệu tập và chỉ vâng phục Chúa Giêsu là Chúa của mình mà thôi.

Tuy nhiên, ở đây thánh Phaolô cảm thấy có bốn phạm trù bày cặn kẽ một vấn đề luân lý liên quan tới tính dục. Cũng giống như mọi thành phố cảng thuộc mọi thời đại và ở khắp nơi trên thế giới này, bầu khí và khung cảnh sống của một thành phố cảng như Thêxalônica không phải là trong lành gì. Vì là nơi buôn bán sầm uất, có dân tứ chiếng giang hồ qua lại nên cuộc sống luân lý tại thành phố cảng nào cũng như nhau. Thối nát, buông thả luân lý, và tháo thứ tính dục là các sắc thái nổi bật trong cuộc sống của dân chúng Thêxalônica thời đó. Cảnh sống trụy lạc này sẽ được thánh Phaolô miêu tả tỉ mỉ và trung thực trong chương 1,18-32 thư gửi tín hữu Roma. Trong số các đòi phong bại tục có thái độ tôn thờ tà thần, cuộc sống dâm loạn trụy lạc, đồng tính luyến ái đến mang tật bệnh trên thân xác. Và thánh Phaolô kê khai ra tất cả mọi thứ tội lỗi của họ, nào là gian ác, dâm ô, tham lam độc dữ, ghen tương, sát nhân, đồ kỵ, dối trá, xảo quyệt, gièm pha, nói hành phản nghịch cùng Thiên Chúa, láo xược, kiêu ngạo, khoe khoang, gian tà bất hiếu, thiếu sáng suốt và liêm khiết, thiếu tình yêu và xót thương. Con người trở thành một loài thú quái đản nhất trần gian này.

Đây là lý do khiến thánh Phaolô khẩn thiết nhắc nhở cho tín hữu Thêxalônica biết khi tin nhận Chúa Giêsu và Tin Mừng, họ đã đoạn tuyệt với kiểu sống tháo thứ tính dục, buông thả dâm loạn ấy của môi

trường thời đó. Vì thế phải cố gắng nên thánh mỗi ngày, xa lánh mọi hình thái sự dữ và tội lỗi. Tuy lãnh vực nên thánh không có giới hạn, nhưng ở đây Phaolô có ý hạn hẹp nó trong lãnh vực tính dục. Vì thế thánh nhân khuyên tín hữu đừng sống dâm ô. Cụ thể mà nói, thánh nhân khuyên nam giới sống đời tính dục thánh thiện xứng đáng trong khung cảnh của hôn nhân, trong liên hệ với vợ mình, chứ không trở thành nô lệ các đam mê dục vọng của mình, thác thú buông thả, ngoại tình, lang chạ tứ tung và gây thiệt hại cho tha nhân. Dân ngoại sống dâm ô thác thú tính dục, bởi vì họ không biết Thiên Chúa hằng sống chân thật và các đòi buộc luân lý. Còn kitô hữu đã tin nhận Chúa và hiểu biết giáo huấn Tin Mừng của Chúa, thì không thể sống như vậy được.

Viễn tượng ở đây là cuộc sống luân lý tính dục nghiêm chỉnh đối nghịch với kiểu sống dâm ô thác thú của dân ngoại. Nhưng thánh Phaolô không xác định nội dung nét đặc thù của luân lý kitô. Văn bản phản ánh truyền thống và tâm thức do thái cũng như nền văn hóa phụ hệ một cách rõ ràng. Thánh Phaolô chỉ nói tới người nam, người chồng trong tương quan với tha nhân, làm sao để không gây thiệt hại cho quyền làm chồng của họ, mà không nói tới người nữ, người vợ. Phái nữ chỉ là duyên cớ để thánh nhân xác định các đòi buộc luân lý, mà nam giới phải tuân hành. Đây không phải là lần đầu tiên thánh Phaolô cho chúng ta thấy ngài chịu ảnh hưởng nền văn hóa của ngài và nền văn hóa của truyền thống mà thánh nhân nhận được. Dĩ nhiên, nếu muốn tranh luận chúng ta có cơ để cho thánh Phaolô là kỳ thị, “trọng nam khinh nữ”. Nhưng cũng phải hiểu rằng cho dù thâm nhuần tinh thần Tin Mừng yêu thương đại đồng của Chúa, Phaolô cũng chỉ là người sống trong khung cảnh văn hóa thời đó, với những hạn hẹp và bất toàn của nó. Ngay trong thời đại “nam nữ bình quyền” của thế kỷ XXI này, thực tế cuộc sống của nữ giới cũng chưa cho phép chúng ta hãnh diện là tiên bộ hơn khung cảnh xã hội thời thánh Phaolô. Dầu sao đi nữa, sự thật trong giáo huấn của thánh Phaolô vẫn luôn có giá trị. Đó là con người không được sống buông thả theo các đam mê tính dục của mình. Kitô hữu thuộc mọi thời đại đều được kêu mời nghiêm chỉnh đối chiếu các quan niệm về tính dục thuộc nhiều nền văn hóa khác nhau với tinh thần Tin Mừng của Chúa Kitô. Thánh Phaolô sẽ nỗ lực khai triển vấn đề này trong các chương 5-7 thư thứ nhất gửi giáo đoàn Côrintô.

Để cho các chỉ dẫn của mình có sức thuyết phục, thánh Phaolô nối kết chúng với kinh nghiệm sống mới, mà tín hữu Thêxalônica đã có sau khi tin nhận Thiên Chúa. Trước đây Phaolô đã nói tới thánh ý của Thiên Chúa. Giờ đây thánh nhân nối kết các giáo huấn với cả Chúa Giêsu Kitô và Chúa Thánh Thần nữa. Như là Đấng phán xử mọi loài mọi vật trong ngày sau hết, Chúa Giêsu Kitô sẽ trừng phạt mọi tội dâm ô. Ông gọi kitô là ơn gọi sống cuộc đời thánh thiện theo các đòi buộc của Tin Mừng, vì thế tín hữu phải xa lánh mọi thói tục ô uế. Một đảng phải cố gắng chiến đấu với các đam mê của chính mình, đảng khác phải trông cậy nơi sự trợ lực và ơn của Chúa Thánh Thần. Qua kiểu cách suy tư này thánh Phaolô cho thấy ngài có biệt tài tạo ra các khung thần học rộng rãi, và cống hiến cho tín hữu các lý do vững chãi mang đậm sắc thái kitô và có khả năng hợp thức hóa các viễn tượng luân lý truyền thống bị giới hạn trên bình diện văn hóa. Đây là điểm khiến cho các thư của thánh nhân có giá trị vượt không gian và thời gian. Trong khi trình bày đề tài thứ hai là tình yêu thương huynh đệ, thánh Phaolô cũng theo cùng một kiểu cách. Phaolô nói ngài không cần phải nhắc tới giáo huấn yêu thương nữa, bởi vì chính các tín hữu đã học biết điều này từ giáo huấn của Chúa. Phaolô lập lại giáo lý được các vị giảng thuyết đầy đủ khắp nơi. Đó là Thiên Chúa Cha đã yêu thương loài người tới độ ban Con Một của mình là Đức Giêsu Kitô cho loài người và ban cho họ giới răn yêu thương. Các kitô hữu Thêxalônica đã bắt chước gương sống yêu thương của Thiên Chúa, và sự trung thành của họ làm chứng cho họ trước tín hữu toàn vùng Macedonia. Ở đây cũng thế, Phaolô khích lệ tín hữu trưởng thành và lớn mạnh trong tình yêu thương huynh đệ, như là kết quả tình yêu thương họ có đối với Thiên Chúa. Thánh nhân cũng không quên cảnh cáo những người quá trông chờ ngày Chúa Giêsu quang lâm đến độ bỏ bê công ăn việc làm thường ngày của mình và trở thành gánh nặng cho các anh chị em khác. Phaolô khuyến khích họ hãy sống trong bình

tĩnh và chăm chỉ làm việc, mà không bồn chồn gây xáo trộn cho người khác và đặc biệt là để cho toàn cộng đoàn khỏi mang tiếng trước các người không Kitô.

## ĐỀ TÀI 33

### NIỀM HY VỌNG KITÔ

Đọc thư thứ nhất gửi giáo đoàn Thêxalônica chúng ta có thể nhận ra một số vấn nạn của tín hữu: điển hình là thắc mắc liên quan tới số phận của những người đã chết. Vào thời Giáo Hội khai sinh các tín hữu tin rằng chẳng bao lâu nữa Chúa Giêsu Kitô sẽ trở lại trong vinh quang để kết thúc lịch sử nhân loại và cứu rỗi những kẻ tin vào Ngài. Nghĩa là ngày quang lâm sẽ xảy ra khi họ còn sống, nhưng các tín hữu đã chết rồi sẽ không được dự kiến giờ phút vinh quang ấy. Như thế số phận của họ sẽ ra sao? Họ có được vào hưởng sự sống vĩnh cửu với Chúa không?

Tuy không biết nhiều chi tiết liên quan tới tình hình cộng đoàn Thêxalônica, nhưng một vài dữ kiện thu lượm được giúp chúng ta hiểu lý do của các vấn nạn này. Trong chương 3,10 thánh Phaolô nói ngài và các cộng sự viên mong đợi có dịp gặp họ để giúp họ bổ túc thêm giáo lý lòng tin. Điều này giúp chúng ta kết luận rằng trong số các điểm giáo lý còn thiếu sót có giáo lý về sự sống lại. Chắc hẳn thánh Phaolô chưa kịp giảng dạy vấn đề này cho họ. Ngoài ra cũng phải phỏng đoán rằng giải pháp của vấn đề ơn cứu rỗi có lẽ đã được tập trung vào biến cố Chúa Giêsu quang lâm (1,10), mà mọi người đều tin rằng sẽ xảy ra trong thời gian rất ngắn sắp tới. Do đó tâm trí của tín hữu Thêxalônica hoàn toàn mù tịt liên quan tới số phận của các anh chị em đã qua đời trong thời gian Phaolô không có mặt trong cộng đoàn. Thánh Phaolô gọi tình trạng đó là dốt nát. Và hậu quả của sự dốt nát không hiểu biết giáo lý đó thật là tai hại. Các tín hữu Thêxalônica sống trong âu lo buồn sầu ảo não, vô vọng không kém những người không theo đạo và không hề biết Chúa Giêsu Kitô và Tin Mừng cứu độ của Ngài. Dĩ nhiên, trong thế giới hy lạp, người ta cũng tin rằng linh hồn bất tử, nhưng chỉ có một thiểu số ưu tú trong xã hội hy lạp là có một quan niệm tích cực về thế giới bên kia thôi. Và chắc hẳn là không ai có được niềm hy vọng kitô là thái độ tin tưởng đợi chờ Chúa Kitô Đấng Cứu Thế quang lâm (1,3.10). Tình trạng này làm phát sinh ra một chuỗi các hậu quả dây chuyền như sau: sự dốt nát khiến con người không hy vọng, ít nhất là không hy vọng vào số phận của người chết, vì không có hy vọng nên con người buồn sầu ảo não.

Nỗi âu lo tuyệt vọng đó lại càng gia tăng, vì chắc chắn trong suốt thời gian này lại có thêm các anh chị em kitô khác qua đời. Và viễn tượng được gặp gỡ Chúa Giêsu Kitô quang lâm xem ra ngày càng xa vời đối với các anh chị em đã chết hay mới chết này. Và chính những tín hữu còn sống cũng âu lo vì không biết mình phải chết giờ nào và có còn sống cho tới lúc Chúa Kitô trở lại trong vinh quang hay không. Chính vì thế thánh Phaolô muốn giải tỏa các thắc mắc lo âu đó cho tín hữu bằng cách trình bày cho họ hiểu giáo lý liên quan tới cuộc sống đời sau. Điểm khởi hành của giáo lý là niềm tin vào Chúa Giêsu Kitô tử nạn và phục sinh. Tín hữu Thêxalônica cũng chia sẻ niềm tin ấy. Chính nó dậy cho tín hữu biết rằng Thiên Chúa sẽ không để cho những người đã chết rơi vào trong hư vô và trong bóng tối. Trái lại, qua Chúa Giêsu, Ngài sẽ dẫn đưa họ vào trong vương quốc của Ngài. Nghĩa là viễn tượng cuộc sống tương lai hoàn toàn dựa trên hoạt động cứu độ của Thiên Chúa Cha là Đấng đã bảo đảm sự sống lại của Đức Kitô. Cũng như Thiên Chúa Cha đã giải thoát Đức Kitô khỏi nanh vuốt cái chết làm sao, thì Ngài cũng sẽ giải thoát các tín hữu đã qua đời khỏi nanh vuốt cái chết như vậy. Đức Giêsu và các kitô hữu đều có cùng một vận mệnh tối hậu như nhau. Chúa Giêsu đã từ cõi chết bước vào sự sống vinh quang làm sao, thì các tín hữu cũng sẽ được từ cõi chết bước vào cuộc sống trường sinh như vậy. Nghĩa là có

sự liên tục trong hoạt động của Thiên Chúa là Đấng làm cho sự sống phát sinh và cho sống dậy. Nhưng ở đây Chúa Kitô không chỉ là kiểu mẫu các chiến thắng của Thiên Chúa trên cái chết, mà còn là Đấng trung gian và là mục đích hoạt động của Thiên Chúa nữa. Qua Đức Kitô Thiên Chúa hoạt động cho các tín hữu đã chết sống lại và nối kết họ với Ngài trong sự hiệp thông bất diệt. Vì thế thánh Phaolô kết luận: “Và chúng ta sẽ được sống với Ngài luôn mãi”.

Nói cách khác, niềm tin vào Chúa Kitô đã chết và đã phục sinh là nền tảng của niềm hy vọng Kitô. Khi tin tưởng vào hoạt động trong quá khứ của Thiên Chúa Cha là Đấng đã cho Đức Kitô Con Ngài sống lại, tín hữu cũng có thể vững tin vào hành động của Thiên Chúa trong tương lai. Thiên Chúa cũng sẽ trao ban cuộc sống mới cho những người đã chết như thế, bởi vì Thiên Chúa không nói dối. Ngài trung thành với cái luận lý hoạt động sáng tạo sự sống ngay trong vùng đất thống trị của sự chết. Tất cả là do sáng kiến của Thiên Chúa. Cuộc sống mai sau ở bên kia chân trời của sự chết tùy thuộc nơi Ngài. Niềm hy vọng vào cuộc sống vĩnh cửu mai sau đó chỉ có thể nảy mầm trong chân trời của lòng tin Kitô. Vì niềm hy vọng đó không phát xuất từ số phận của bản tính nhân loại, cũng không tùy thuộc nơi công lao của con người, mà tùy thuộc nơi cử chỉ tạo dựng tự do của Thiên Chúa Cha, là Đấng đã cho Đức Giêsu sống lại và sẽ làm cho những kẻ tin vào Con của Ngài được sống.

Sau khi trình bày nòng cốt giáo lý Kitô liên quan tới cuộc sống sau cái chết, thánh Phaolô còn phân biệt hai loại người và xác định số phận của họ nữa. Một bên là “chúng ta, những người còn sống cho tới khi Chúa trở lại”, bên kia là “những người đang ngủ trong cái chết”. Chúng ta chỉ có thể hiểu được khẳng định này của thánh Phaolô, khi nhớ rằng cả thánh nhân cũng chia sẻ quan niệm và sự chờ mong của các Kitô hữu trong Giáo Hội thời khai sinh, tin rằng Chúa Kitô sẽ trở lại trong thời gian rất gần, nên lúc đó có nhiều tín hữu vẫn còn sống. Thánh Phaolô cũng hy vọng mình thuộc số những người còn sống khi Chúa Kitô quang lâm. Phải nói ngay rằng lời thánh Phaolô xác định số phận các tín hữu đã chết hay còn sống chỉ dựa trên giáo huấn khai huyền của Đức Giêsu thành Nagiarét, được truyền lại và được thánh nhân đón nhận, chứ nó không do Chúa Kitô phục sinh linh ứng, hay dựa trên lời Chúa Kitô phục sinh đã nói và được truyền thống Tin Mừng ghi chép lại. Và đây là giải đáp cho thắc mắc của các tín hữu Thêxalônica: khi Chúa Giêsu Kitô trở lại trong ngày sau hết, các tín hữu đã chết trong Chúa Kitô sẽ được sống lại, rồi tới phiên các tín hữu còn sống cho tới lúc đó, mọi người cùng với các anh chị em khác sẽ được đưa lên “gặp gỡ Chúa và sống mãi với Ngài”.

Trong đoạn này thánh Phaolô dùng lại một số các yếu tố và kiểu cách diễn tả linh hoạt của nền văn chương khai huyền thời đó. Quang cảnh ngày sau hết thật là trang trọng và hùng vĩ. Thiên Chúa ra hiệu lệnh cho giờ tận thế, tiếng tổng lãnh thiên thần la vang, tiếng kèn của Thiên Chúa trỗi lên. Cả ba yếu tố trên đây xem ra đều ám chỉ một thực tại duy nhất: đó là giờ phút khai mào các biến cố cuối cùng của thời thế mạt. “Khi đó Chúa Kitô sẽ từ trời hiện xuống”. Kiểu diễn tả này cũng mang đậm dấu vết của nền văn chương khai huyền. Chúa Kitô quang lâm giống như Con Người trong chương 7 sách Daniel. Tiếp đến các tín hữu đã chết được phục sinh. Sự sống lại của các kẻ chết cũng là nét đặc thù của niềm hy vọng khai huyền. Sau đó là biến cố Thiên Chúa “đánh cắp” mọi người - các tín hữu đã chết nay được phục sinh cũng như các tín hữu chưa chết - và đem họ lên gặp Chúa trên mây trời. Có lẽ ở đây Phaolô chiếu theo quang cảnh các vua, các hoàng đế hay các nhân vật vị vọng đi tham quan các thành phố hy Lạp thời bấy giờ. Các buổi viếng thăm tung bưng ấy tiếng hy Lạp gọi là “parusia”, giống như biến cố Chúa Kitô đến trong ngày sau hết. “Parusia”, ngày Chúa Giêsu Kitô trở lại, như thế là một cuộc viếng thăm tung bưng, tươi vui đối với các tín hữu, bởi vì Chúa đến phán xử trần gian, đánh tan các lực lượng sự dữ và giải thoát họ. Đó là lý do giải thích tại sao Chúa Giêsu dặn các môn đệ là khi nào thấy các dấu chỉ kinh thiên động địa, thì hãy biết rằng Ngài đã gần bên cửa nhà rồi, như viết trong các Phúc âm Nhất Lãm (Mt 24; Mc 13; Lc 17; 21).

Lễ nghi đón tiếp bao gồm việc dân chúng các thành phố hân hoan tuôn ra đón tiếp gặp gỡ vị thượng khách. Cuộc gặp gỡ tươi vui đó gọi là “apantêsis”. Trong văn bản của chúng ta thánh Phaolô viết “eis apantêsin tou Kyriou” “trong cuộc gặp gỡ hân hoan của Chúa”. Ngoài tất cả các kiểu cách diễn tả màu mè biểu tượng đặc thù của nền văn chương khai huyền trong thế giới do thái và hy lạp thời đó, Phaolô muốn nói lên một sự thật đơn sơ nhưng sâu sắc: đó là trong ngày tận thế, kitô hữu sẽ được bước vào sống cuộc sống hiệp thông bất diệt với Chúa Giêsu Kitô. Ở đây thánh nhân tách rời khỏi khung cảnh mộng mơ quá đáng của nền văn chương khai huyền, để trình bày với tín hữu ý nghĩa đích thực của cuộc sống tương lai dưới ánh sáng của lòng tin kitô. Cuộc sống mai sau đó không bao gồm các biến chuyển kinh thiên động địa trong vũ trụ, hay các thay đổi bên ngoài con người, nhưng là một cuộc sống mới của các tín hữu trong niềm hiệp thông vĩnh cửu với Chúa Kitô và với nhau.

Dựa trên ánh sáng của giáo huấn Kitô liên quan tới sự sống lại và cuộc sống mai sau đó thánh Phaolô khuyến khích tín hữu hãy can đảm và an ủi nhau. Trước số phận cao quý ấy của mình, tín hữu phải sống trong tươi vui hy vọng và không lo lắng sợ hãi trước cái chết. Nói cho cùng cái chết của thân xác cần thiết, vì nó là cánh cửa dẫn đưa tín hữu bước vào cuộc sống hiệp thông trọn vẹn vĩnh cửu với Thiên Chúa.

## ĐỀ TÀI 34

### TÌNH TÁO ĐỢI CHỜ CHÚA ĐẾN

Trong chương 5 là chương cuối cùng thư gửi tín hữu Thêxalônica thánh Phaolô khai triển hai đề tài thần học quan trọng khác. Thứ nhất là thái độ tín hữu phải có trong khi chờ đợi Chúa đến, và thứ hai là bí quyết giúp cộng đoàn trưởng thành và lớn mạnh.

Phần đầu chương 5 tiếp tục đề tài ngày Chúa Giêsu Kitô quang lâm. Các tín hữu Thêxalônica nôn nóng muốn biết thời điểm của biến cố định đoạt đó trong lịch sử nhân loại và trong lịch sử đời họ. Tìm xác định ngày giờ chính xác của ngày tận thế, được báo trước qua các dấu chỉ kinh thiên động địa là một trong các nét đặc thù của nền văn chương khai huyền do thái. Mục đích của việc xác định này nhằm cống hiến cho tín hữu khả năng nhận biết ra “ngày của Giavê Thiên Chúa”. Trong Kinh Thánh Cựu ước “yôm Giavê” “ngày của Giavê” thường ám chỉ thời điểm hành động của Thiên Chúa trong ngày phán xét. Thiên Chúa đến đánh phạt và phán xử mọi dân nước. Tuy nhiên truyền thống kitô tiên khởi đã thêm vào ý niệm này một vài yếu tố độc đáo khác. Trước hết là tính cách bất thành linh, không thể nào lường trước được của biến cố Chúa quang lâm ngày sau hết. Đó là ý nghĩa hình ảnh tên trộm lên vào lấy tiền của lúc chủ nhà không ngờ tới (Mt 24,42-43; Lc 12,39), hay hình ảnh người đàn bà có mang bất thành linh chuyển bụng đau đón đẻ sinh con (Mc 13,8; Mt 24,8). Thêm vào đó là lời cảnh cáo chống lại cái an ninh giả tạo của những người ngủ quên trong vô thức, cứ tưởng rằng mọi chuyện đều tiến hành tốt đẹp xuôi chầy, mà không trông thấy đại họa gần kề. Hình ảnh thế hệ thời lụt Hồng Thủy đời ông Noê diễn tả kiểu sống vô thức, chủ quan, mê ngủ, không biết tinh thức và sáng suốt đề phòng ấy (Mt 24,37-39; Lc 17,26-27). Nét độc đáo thứ ba trong quan niệm kitô về “ngày của Giavê” đó là lời khuyến khích tỉnh thức (Mc 13,24.25.27; Mt 24,42-43; 25,13). Và sau cùng Đấng kitô hữu trông đợi ở đây không phải là Giavê Thiên Chúa, mà là Chúa Giêsu Kitô quang lâm. Nghĩa là biến cố tận thế được diễn tả và xác định trong ý nghĩa kitô. Chính Chúa Kitô sẽ đến để kết thúc lịch sử nhân loại, phán xử mọi loài mọi vật và cứu độ các tín hữu.

Xem ra thánh Phaolô triệt để trung thành với giáo huấn đó của Giáo Hội thời khai sinh. Phaolô vừa duy trì các yếu tố nhận được từ truyền thống kitô vừa khai triển thêm bằng cách nêu bật các cặp ý niệm

đối kháng nhau như: ánh sáng và bóng tối, ngày và đêm, và số phận trái nghịch của các tín hữu và của những người không tin Chúa. Cụ thể mà nói thánh nhân không đưa ra các giáo huấn mới mẻ nào. Ngài chỉ nhắc cho tín hữu nhớ nội dung lời rao giảng mà họ đã nghe biết (cc.1-3). Liên quan tới biến cố ngày sau hết các tín hữu Thêxalônica đã dự biết: họ biết rằng Chúa Giêsu Kitô sẽ đến bất thành linh khi không ngờ tới. Do đó vấn đề là phải sống trong tinh thức và phản tỉnh, làm sao để không bị đánh úp. Thái độ an ninh giả tạo và hờ hững vô lo tai hại của những người không tin Chúa được Phaolô diễn tả bằng động từ ở thể không ngôi vị, trái nghịch với thái độ của “anh chị em” Thêxalônica (c. 2). Những người không tin Chúa sống trong xác tín mơ ảo cho rằng mọi chuyện đều xuôi chảy, không có gì đáng phải lo ngại. Họ coi hiện tại được bảo đảm an ninh và ngủ yên trong cái an ninh của ngày hôm nay. Nhưng họ lầm, vì họ sẽ trở thành nạn nhân của bất ngờ và sẽ là mồi ngon của tai họa không thể nào cứu chữa được.

Tín hữu Kitô không được sống như thế và không được có thái độ như vậy, vì ơn gọi Kitô đã giải thoát họ khỏi thế giới tối tăm, khỏi sự ngu dốt và thái độ đóng kín trước tương lai, đặt họ trong cuộc sống chan hòa ánh sáng và rộng mở cho ơn cứu độ của Thiên Chúa. Phaolô khai thác ý niệm nhị nguyên đối kháng ánh sáng và bóng tối, nghĩa là sự thiện hay ơn cứu độ, và sự dữ hay tình trạng hư mất. Đây là ý niệm đã được biết tới trong môi trường do thái Qumran. Thánh nhân thay đổi nó với ý niệm đối kháng song song là ngày và đêm, nhưng tư tưởng của Phaolô không mang tính chất phân chia tiền định như trong tư tưởng của các tài liệu qumran, bởi vì ơn cứu độ tùy thuộc nơi sự lựa chọn tự do của con người. Mỗi người có thể tự do đón nhận Tin Mừng của Chúa để được cứu độ, hay khước từ tham dự vào cuộc sống sáng láng thần thiêng, để tiếp tục bước đi trong bóng tối của sự dữ, tội lỗi và bị án phạt hủy diệt trầm luân đời đời. Nói cách khác, thánh Phaolô nêu bật phần trách nhiệm của từng người đối với ơn cứu rỗi hay đối với án phạt của chính mình. Qua lời rao giảng của các thừa sai, Thiên Chúa tiếp tục công hiến ơn cứu độ cho tất cả mọi người không trừ ai, nhưng Thiên Chúa không cưỡng bách con người. Ngài chỉ tha thiết kêu mời và để cho mỗi người tự do lựa chọn. Đây đã là giáo huấn ghi trong chương 30 sách Đệ Nhị Luật: “Hãy xem, hôm nay Ta đặt để trước mặt ngươi sự sống và sự thiện, cái chết và sự dữ... Có trời đất chứng giám chống lại các ngươi: Ta đã đặt trước mặt ngươi sự sống và cái chết, phúc lành và chúc dữ; Hãy lựa chọn sự sống để ngươi và dòng dõi ngươi được sống bằng cách yêu mến Thiên Chúa là Chúa ngươi, vâng lời Ngài và sống kết hiệp với Ngài. Bởi vì Thiên Chúa là sự sống và là sự trường thọ của ngươi” (Đnl 30,15-20). Thiên Chúa để cho chúng ta hoàn toàn tự do, nhưng không có sự dân thân nào mà lại không có các điều kiện của nó. Để được ơn cứu độ chúng ta phải lựa chọn tin nhận Chúa, yêu mến Ngài và sống theo các giáo huấn của Ngài.

Chắc hẳn thánh Phaolô cũng đã dựa trên giáo huấn và kiểu cách trình bày này để khuyến khích tín hữu Thêxalônica. Từ thể biểu thị (indicativo) Phaolô đổi qua thể sai khiến (imperativo). Thánh nhân chỉ cho tín hữu Thêxalônica thấy tình trạng sống mới của những người tin Chúa và thái độ sống dân thân của họ. Vì là con cái sự sáng nên họ phải sống như con cái sự sáng: liêm chính, không dối trá, điều ngoa, lắt léo và mê muội, tăm tối. Cụ thể mà nói Kitô hữu phải sống trong thái độ thức tỉnh và chú ý, không để cho tâm trí của mình bị tê liệt bất động, mê ngủ hay vô ý thức. Bởi nếu không họ có thể rơi vào nguy cơ sống phản chứng mà cứ tưởng mình đang theo Chúa nhiệt thành, phản bội cộng đoàn dân Chúa, mà cứ tưởng mình phục vụ Giáo Hội, trở thành dụng cụ bị các lực lượng đen tối lèo lái đánh phá Giáo Hội, mà cứ tưởng rằng mình đang ra công xây dựng cộng đoàn dân Chúa. Nếu không thức tỉnh, họ có thể rơi vào nguy cơ đồng hóa các ham hố tư lợi, tìm kiếm danh vọng, chức vị và thỏa mãn sở thích riêng của mình với lợi ích và sự phát triển của cộng đoàn Giáo Hội địa phương, cản ngăn sức lớn mạnh và sự trưởng thành của nó, để cho nó nghèo nàn, ù lì, chậm tiến, ấu trĩ và kiệt quệ đi, mà cứ tưởng rằng mình đang bảo vệ và vun trồng Giáo Hội.

Để diễn tả thái độ mà tín hữu phải có trong cuộc sống lòng tin thường ngày, thánh Phaolô dùng một chuỗi các kiểu nói phản đề: một đằng là ánh sáng ban ngày và tình trạng thức tỉnh với lương tâm bén

nhậy tinh táo, đàng khác là tối tăm ban đêm và ngủ mê với lương tâm u muội, say mềm. Nhưng tiếp đến thánh Phaolô khẳng định rằng chính lòng tin cậy mến đòi buộc tín hữu phải có thái độ tỉnh thức đó, chứ nó không phải chỉ là một đức tính đạo đức luân lý mà thôi. Để khỏi rơi vào cảnh không được chuẩn bị khi Chúa Kitô bất thành linh quang lâm, kitô hữu phải mặc lấy đức tin, đức mến như áo giáp và lấy đức cậy và ơn cứu độ làm mũ chiến đội đầu. Chỉ những ai tin tưởng, cậy trông và yêu mến đích thực mới tỉnh thức và có đầu óc sáng suốt mà thôi. Thức tỉnh đợi chờ Chúa Kitô đến có nghĩa là sống niềm hy vọng kitô với các nét đặc thù của nó.

Và thái độ của tín hữu tin tưởng vào tương lai không uổng công, vì chương trình của Thiên Chúa là công hiến cho họ ơn cứu độ chứ không phải án phạt. Biến cố Chúa Giêsu Kitô tử nạn để chuộc tội cho con người là bằng chứng ý chí dân thân đó của Thiên Chúa. Nó bảo đảm cho tín hữu biết rằng Thiên Chúa Cha sẽ cho họ bước vào cuộc sống hiệp thông bất diệt với Chúa Giêsu Kitô. Nhưng ngay từ bây giờ đây, nếu biết sống lòng tin cậy mến vững vàng sốt sắng, thì lúc nào họ cũng được kết hiệp với Chúa Giêsu Kitô. Dựa trên xác tín này Phaolô khuyến khích tín hữu Thêxalônica biết có tinh thần trách nhiệm và liên đới an ủi, trợ giúp nhau trong nỗ lực xây dựng cộng đoàn Giáo Hội địa phương. Cộng đoàn Giáo Hội địa phương giống như một ngôi nhà. Nó có thể được xây cao và có vững mạnh hay không, điều đó tùy thuộc nơi thái độ sống lòng tin cậy mến đích thực và tinh thần trách nhiệm liên đới và hiệp nhất của các tín hữu. Mọi tư tưởng và thái độ sống cá nhân, ích kỷ, riêng rẽ không có chỗ đứng trong quan niệm của thánh Phaolô về ơn cứu rỗi và về cộng đoàn giáo hội.

Có người có thể nghĩ rằng: vì chúng phát xuất từ sự nôn nóng trông chờ Chúa Giêsu Kitô quang lâm trong thời gian gần kề, nên các tư tưởng trên đây của thánh Phaolô chỉ có giá trị trong bối cảnh cộng đoàn Thêxalônica thời đó. Thật ra các suy tư của thánh Phaolô liên quan tới thái độ sống tỉnh thức, mà mọi kitô hữu đều phải có, không phát xuất từ sự trông chờ nôn nóng nói trên, mà phát xuất từ tương quan đúng đắn giữa hiện tại và tương lai thời sau hết, từ tình trạng sống mới mà kitô hữu nhận được qua lòng tin vào Chúa Giêsu Kitô và Tin Mừng của Ngài. Những gì sẽ xảy ra không phải là tương lai của thế giới, mà là tương lai của tín hữu, là những người đã được Thiên Chúa đích thân kêu mời sống ơn gọi là con cái Ngài. Những gì sẽ xảy ra không phải là định mệnh oan nghiệt, mà là chương trình cứu độ Thiên Chúa Cha hiện thực trong Đức Kitô, chương trình mà mọi người có thể đón nhận ngay bây giờ đây với lòng tin lòng cậy và lòng mến.

## ĐỀ TÀI 35

### SỨC LỚN MẠNH CỦA CỘNG ĐOÀN KITÔ THÊXALÔNICA

Chương 5 là chương cuối cùng thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica. Trong 11 một câu đầu thánh Phaolô đề cập tới thái độ tín hữu phải có trong khi chờ đợi ngày Chúa Giêsu quang lâm. Trong 12 câu tiếp theo thánh nhân khai triển đề tài bí quyết giúp vun trồng cộng đoàn trưởng thành và lớn mạnh.

Phần thứ hai này của chương 5 gồm một chuỗi các lời khuyến khích liên quan tới 4 đề tài trong cuộc sống cộng đoàn. Trước hết là liên hệ của tín hữu với những người có địa vị lãnh đạo cộng đoàn (cc. 12-13), tiếp đó là thái độ của tín hữu biết sốt sắng lo lắng cho nhau (cc. 14-15), rồi đến thái độ tín hữu phải có đối với Thiên Chúa (cc. 16-18), sau cùng là các kinh nghiệm đặc sủng (cc. 19-22). Và thánh Phaolô kết thúc với lời cầu xin Thiên Chúa thánh hóa tín hữu Thêxalônica (cc. 23-24). Lời cầu xin này có nội



đung và nhiệm vụ giống như lời cầu kết thúc phần thứ nhất của thư trong chương 3, 11-13.

Trên bình diện hình thái, phần thứ hai của chương 5 gồm một chuỗi các động từ ở thể sai khiến, ngắn gọn, liên tiếp, dồn dập. Chúng là các lời chỉ dẫn có hình thái của các khẩu hiệu. Và đề tài nòng cốt là cuộc sống nội bộ của cộng đoàn kitô Thêxalônica.

Trước hết thánh Phaolô khuyến khích tín hữu kính mến, quý trọng một số các anh chị em dân thân hy sinh đứng ra nhận lãnh trách nhiệm lo lắng cho các anh chị em trong cộng đoàn, kể cả việc dạy dỗ răn bảo họ nữa. Tuy thánh Phaolô chỉ đề cập tới các nhiệm vụ và hoạt động của họ thôi, nhưng chúng ta có thể hiểu ngay các vị nói trên là những người tự nguyện đứng ra làm việc phục vụ cộng đoàn. Chính vì thế tín hữu phải yêu mến và kính nể họ. Yêu mến và kính nể họ không phải vì họ là hàng lãnh đạo được chỉ định hay bầu lên, mà vì tinh thần phục vụ hy sinh của họ. Đây không phải là chuyện tôn thờ lãnh tụ hay tôn thờ cá nhân, mà là thái độ biết ơn các hoạt động phục vụ Chúa Kitô của các anh chị em đó. Thật ra chỉ có Chúa Giêsu Kitô phục sinh đang hiện diện và hoạt động giữa lòng Giáo Hội, mới là Đấng có quyền bính lãnh đạo đích thật trong cộng đoàn tín hữu. Còn các thừa tác khác đều là cộng sự viên của Chúa Giêsu Kitô, đều là dụng cụ Chúa Giêsu Kitô dùng để mưu ích cho thân mình mà nhiệm Ngài là Giáo Hội. Đàng khác, chúng ta không thể chối bỏ sự hiện diện của các chức phận và nhiệm vụ đặc biệt, hay đúng hơn các dịch vụ phụng sự khác nhau trong cộng đoàn Thêxalônica. Sau này thánh Phaolô cho thấy tính chất đặc thù đích thực của cộng đoàn kitô: đó là tinh thần liên đới và cụ thể trợ giúp lẫn nhau giữa các tín hữu. Chỉ dựa trên những gì chúng ta có trong văn bản không thể kết luận rằng trong cộng đoàn kitô Thêxalônica thời đó đã có hàng giáo phẩm được thành lập. Nhưng đàng khác, cũng không thể chối bỏ sự kiện trong giáo đoàn Thêxalônica đã có vài kitô hữu dân thân trong nhiệm vụ hướng dẫn và tổ chức sinh hoạt cộng đoàn. Hơn là một quyền bính và là người lãnh đạo, các kitô hữu này là các người có đặc sủng và mạnh mẽ dân thân hoạt động giữa lòng cộng đoàn.

Lời thánh Phaolô khuyên tín hữu sống trong hòa bình có lẽ liên quan tới bầu khí chung của giáo đoàn, chứ không ám chỉ các liên hệ của tín hữu với các người có đặc sủng dân thân hoạt động và đang vất vả lo lắng cho họ. Theo bối cảnh của thư, chúng ta không nhận ra các dấu chỉ cụ thể diễn tả các căng thẳng, các chia rẽ hay chống đối giữa các thành phần giáo đoàn Thêxalônica. Hơn là quay về quá khứ, Phaolô nghĩ tới tương lai. Hơn là sửa chữa các bất cập, Phaolô lặp lại các nguyên tắc có giá trị đối với tín hữu sống tại bất cứ đâu và trong bất cứ hoàn cảnh nào. Bầu khí an hòa là điều kiện tối cần cho sự phát triển quân bình, lành mạnh của mọi cộng đoàn gia đình, làng xóm cũng như quốc gia và quốc tế. Hòa bình là điều kiện thiết yếu cho mọi công cuộc xây dựng và vun trồng trên mọi bình diện cuộc sống. Một cộng đoàn có các thành phần suốt ngày chỉ tìm cách gây xung khắc, khích bác và chống đối nhau, dò la, xét nét bắt bẻ nhau, đánh phá hành hạ và thù hận nhau, thì làm sao có thể xây dựng và vun trồng thứ gì được, và cộng đoàn đó làm sao có thể trưởng thành và lớn mạnh được?

Tuy nhiên, Phaolô còn đi xa hơn. Trong giáo đoàn không phải chỉ cần có bầu khí an bình hòa hợp giữa mọi thành phần tín hữu, mà trước hết và trên hết còn cần phải có tinh thần yêu thương liên đới, biết lo lắng cho nhau và trợ giúp nhau nữa. Tình yêu thương liên đới trợ giúp đó được diễn tả ra bên ngoài bằng nhiều cách từ vật chất tới tinh thần. Nó bao gồm sự trợ giúp và kiên nhẫn cảm thông, các lời khích lệ, khuyên nhủ và cả các lời cảnh cáo và trách mắng nữa. Trong cộng đoàn bao giờ cũng có một số anh chị em hoặc gặp khó khăn và bị lung lay trong lòng tin, hoặc để cho mình bị sa lầy hay lạc đường và sống ngoài vòng đời buộc của luân lý đạo đức theo tinh thần kitô. Cần phải mau mắn trợ giúp họ thoát ra khỏi cảnh sống đó. Một lời khuyên bảo khích lệ, một sự chú ý, một bàn tay giang ra trợ giúp cụ thể. Từ ai? Phaolô không xác định. Thật ra giới răn yêu thương đời buộc mọi kitô hữu phải có bổn phận lo lắng cho nhau và trợ giúp nhau. Không lên mặt kiêu căng, nhưng kiên nhẫn chia sẻ gánh nặng của nhau. Mỗi một tín hữu kitô đều là người canh giữ phần rỗi cho anh chị em mình. Dĩ nhiên, nói lên các sự thật,

chỉ cho các anh chị em khác thấy các lỗi lầm, các sai trái của họ không luôn luôn là điều dễ làm, nhưng như thế mới là có tinh thần yêu thương và trợ giúp nhau đích thực. Chứ còn chỉ nịnh hót, vào hùa ca tụng nhau, lấp liếm tội lỗi cho nhau là hại nhau chứ không phải là yêu thương và mưu cầu hạnh phúc cho nhau đích thực. Ở đây Thánh Phaolô đặc biệt nêu bật thái độ không lấy ác báo ác. Thái độ tìm làm điều thiện cũng không chỉ được giới hạn giữa các tín hữu với nhau, mà còn phải trải rộng ra tất cả mọi người khác nữa.

Tiếp đến thánh Phaolô đưa ra ba lời ngắn gọn khuyên tín hữu Thêxalônica luôn sống tươi vui, cầu nguyện không ngừng và cảm tạ Chúa trong mọi hoàn cảnh. Đây là ba nét đặc thù khác của cuộc sống lòng tin kitô. Ở đầu thư thánh nhân cho biết dù gặp bao gian lao thử thách, các tín hữu Thêxalônica đã mở rộng tâm lòng đón nhận Tin Mừng và sống tươi vui. Tuy những ngày tháng hăng say thươ ban đầu đã qua, nhưng giờ đây và trong tương lai tín hữu Thêxalônica cũng phải duy trì niềm vui đó luôn mãi. Đồng thời luôn luôn hướng mắt về Thiên Chúa trong thái độ kết hiệp và biết ơn sự hiện diện và quan phòng của Chúa trong mọi biến cố cuộc đời, như chính thánh Phaolô và các cộng sự viên của ngài vậy (1,2-3: 2,13; 3,9-13). Lòng tin đích thực khiến cho tín hữu phó thác mọi sự nơi Chúa quan phòng và tình yêu thương của Ngài, bởi vì họ xác tín rằng Thiên Chúa là Chúa của lịch sử và chính Ngài mới là Đấng có tiếng nói sau cùng. Vì thế không có khổ đau, thất bại và đắng cay nào có thể cướp mất niềm vui sâu thẳm ấy trong tâm lòng tín hữu. Và cho dù có xảy ra bất cứ gì đi nữa, họ cũng vẫn luôn luôn biết ơn chúc tụng Thiên Chúa và kết hiệp khăng khít với Ngài qua lời cầu nguyện.

Vấn đề cuối cùng thánh Phaolô đề cập tới trong thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica đó là sự biểu lộ quan trọng của các đặc sủng. Bối cảnh cho chúng ta hiểu rằng giữa cộng đoàn đang có một trào lưu nghi ngờ, khinh thường và ngăn chặn đặc sủng ngôn sứ do Chúa Thánh Thần khơi dậy trong cộng đoàn. Tính chất tự phát trong các diễn tả của Chúa Thánh Thần luôn luôn gây ra trong một khung cảnh đã có nền nếp trật tự, một loại men mới và không ai có thể lường trước được kết quả của nó. Vì thế các đặc sủng thường làm phát sinh ra các phản ứng. Trong Tân Ước tiếng nói sinh động của vị ngôn sứ không tiên báo các biến cố tương lai cho bằng nhận diện ra các dấu chỉ thời đại và khuyến khích tín hữu sống trung thành với Chúa và tuân giữ các giáo huấn của Ngài. Có lẽ trong cộng đoàn Thêxalônica có một số kitô hữu tự cho họ là các ngôn sứ và giảng dạy sai lạc, nên thánh Phaolô mới khuyên tín hữu giáo đoàn một đàng biết quý chuộng các đặc sủng của Chúa Thánh Thần trong đó có ơn ngôn sứ, đàng khác nên cẩn thận đề phòng, đừng quá dễ tin kéo bị lừa; bởi vì không phải bất cứ gì cũng từ Chúa thánh Thần mà tới. Nói cách khác thánh Phaolô khuyên tín hữu đừng có các thiên kiến, nhưng cũng không nên cả tin. Trái lại phải có óc duyệt xét, sàng lọc mọi chuyện và phân biệt ngôn sứ thật với ngôn sứ giả. Ở đây thánh nhân giúp tín hữu có một tiêu chuẩn vững chắc: đó là sự tốt lành. Sự thiện chính là mục thước duy nhất giúp đo lường các hoạt động ngôn sứ. Xem quả thì biết cây. Đây là đề tài sẽ được khai triển rộng rãi trong thư thứ nhất gửi tín hữu Côrintô các chương 12-14.

Phaolô kết thúc phần hai của thư với lời nguyện xin Thiên Chúa của hòa bình ban ơn cứu độ cho tín hữu Thêxalônica, bằng cách thánh hóa toàn con người và cuộc đời họ, để họ được vẹn toàn không dính líu và dằn xếp lắt léo với sự dữ. Ở đây Phaolô cho thấy kiểu diễn tả về con người gồm ba nguyên lý: nguyên lý của sự sống bên trên tức thần khí, nguyên lý của sự sống bên dưới tức linh hồn, và nguyên lý của chiều kích vật chất tức thịt xác. Xem ra thánh Phaolô chỉ bắt chước các kiểu diễn tả hy lạp chứ không chấp nhận quan niệm nhân chủng hy lạp hay chú ý tới nội dung của nó. Dầu sao đi nữa ở đây Phaolô có ý diễn tả con người trong cái toàn vẹn của nó như là chủ đích việc thánh hóa của Thiên Chúa. Các lời nguyện của Phaolô dựa trên lòng trung thành của Thiên Chúa. Thiên Chúa là Đấng đã tuyển chọn các tín hữu từ đời đời (1,4), kêu gọi họ bước vào liên hệ lòng tin qua lời rao giảng Tin Mừng (1,5-6) và hứa trao ban cho họ cuộc sống vinh quang nước trời (2,12). Các tín hữu Thêxalônica đã được tháp vào chương trình cứu độ, và Thiên Chúa sẽ thành toàn chương trình ấy. Trong thời cựu ước mặc dầu dân Israel đã

phản bội, Thiên Chúa vẫn trung thành. Giờ đây qua Đức Giêsu Kitô tử nạn và phục sinh, Thiên Chúa lại càng chứng minh cho thấy Ngài tín trung hơn nữa.

## ĐỀ TÀI 36

### NHỮNG VẤN NẠN TRONG THƯ THỨ HAI GỬI TÍN HỮU THÊXALÔNICA

Khi tìm hiểu các thư của thánh Phaolô, chúng ta biết chắc chắn thư thứ I gửi giáo đoàn Thêxalônica đã được chính tay thánh nhân viết ra hồi năm 51, với mục đích củng cố lòng tin của các tín hữu, đồng thời bỏ tước một số điểm giáo lý quan trọng, mà thánh nhân chưa kịp giảng dạy cho họ. Bức thư này đã là một trong các tài liệu cổ xưa nhất của Tân Ước và chứa đựng một số đề tài thần học sẽ được khai triển rộng rãi hơn sau này: chẳng hạn như lòng tin trao ban ơn cứu độ, số phận của những người đã chết, thái độ kitô hữu phải có trong khi đợi chờ Chúa đến và bí quyết xây dựng cộng đoàn.

Nhưng khi nghiên cứu thư thứ II gửi giáo đoàn Thêxalônica, chúng ta nhận ra một số vấn nạn khó giải quyết. Trước hết là văn bản khai huyền nói về thời cánh chung trong chương 2,1-12. Làm sao giải thích được các yếu tố khai huyền trong văn bản nòng cốt này của thư, đặc biệt là gương mặt của tên phản kitô và thực tại bí nhiệm hiện đang ngăn cản sức đánh phá và tung hoành ma quái của sự dữ? Tuy nhiên, vấn nạn lớn nhất vẫn là nghi vấn sau đây: có thật thánh Phaolô là tác giả thư thứ II gửi giáo đoàn Thêxalônica không? Nghi vấn này nảy sinh khi chúng ta so sánh nội dung cũng như kiểu cách dùng từ ngữ và hành văn của hai bức thư. Tuy từ ngữ và pháp cú có giống thư thứ I, nhưng xem ra thư thứ II thuộc một thể giới khác, bởi vì tựa đề của thư "gửi cho giáo đoàn Thêxalônica" không đủ mạnh để có thể bảo đảm cho tính chất đích thực của nó và xóa bỏ mọi nghi vấn. Thật khó có thể nhận ra trong thư thứ II gương mặt của tín hữu giáo đoàn Thêxalônica như trình bày trong thư thứ I. Các liên hệ giữa thánh Phaolô với tín hữu Thêxalônica như trình bày trong thư thứ I là các liên hệ nồng ấm và rất riêng tư.

Vấn nạn liên quan tới tính chất đích thực của thư thứ II gửi giáo đoàn Thêxalônica còn kéo theo một vấn nạn khác không kém phần quan trọng: đó là thời gian sáng tác. Nếu thư thứ II thực sự do thánh Phaolô viết ra, thì chúng ta có thể xác định thời gian sáng tác là ít lâu sau khi thánh nhân viết bức thư thứ I, tức cũng vào khoảng năm 51. Nhưng nếu nó không do thánh Phaolô viết, mà là tác phẩm vô danh được gán cho thánh nhân, thì thời gian sáng tác phải muộn hơn nhiều, nghĩa là sau khi Phaolô qua đời. Chỉ khi đó soạn giả vô danh mới gán bức thư cho thánh nhân, chứ trong khi Phaolô còn sống, chuyện mạo thư này chắc chắn khó có thể xảy ra.

Tất cả các vấn nạn vừa nêu trên đây, trong nghĩa thuận hay nghĩa nghịch, đều có tầm mức quan trọng đối với việc chú giải thư thứ II gửi giáo đoàn Thêxalônica. Ngoài ra các lý chứng được giới học giả của cả hai phe thuận và nghịch nêu ra, đều không có tính cách định đoạt đối với ý kiến truyền thống cho rằng thánh Phaolô là tác giả thư thứ II gửi tín hữu Thêxalônica, cũng như đối với lập trường của nhiều học giả ngày nay không chấp nhận ý kiến truyền thống này. Vì thế nên cho tới nay vấn đề vẫn chưa có giải pháp thỏa đáng.

Thật thế, nếu so sánh hai bức thư chúng ta nhận ra ngay một số khác biệt quan trọng và ý nghĩa. Trước tiên là giọng văn. Giọng văn thư thứ II gửi tín hữu Thêxalônica không vồn vã, nồng ấm và yêu dấu như giọng văn thư thứ I. Mặc dầu không thiếu các kiểu gọi thân tình như "anh chị em", được lặp đi lặp lại

nhiều lần trong thư, người ta vẫn nhận ra tính cách lạnh lùng và không ngôi vị của giọng văn. Chúng ta không gặp được đoạn văn nào thổ lộ tâm tình lai láng hay diễn tả tâm sự của Phaolô như trong thư thứ I. Dĩ nhiên, Phaolô cũng lo lắng vì các tình trạng sống sai đường lạc lối của các tín hữu Thêxalônica đây, nhưng trong thư thứ II chúng ta tuyệt nhiên không nhận ra nỗi khắc khoải, âu lo, sợ hãi của thánh Phaolô đối với số phận của tín hữu. Cái lo lắng ở đây là thứ lo lắng xa xa của một vị thầy có trách nhiệm đối với các môn sinh của mình, chứ không phải là tâm tình chia sẻ quặn thắt của một người thân, của tình phụ tử, hay tình hiền mẫu hoặc tình huynh đệ thắm thiết.

Có một điểm khiến chúng ta đặc biệt kinh ngạc hơn nữa, đó là thư thứ II gửi tín hữu Thêxalônica không hề nhắc tới các liên hệ thân tình, mạnh mẽ, bền chặt mà thánh Phaolô đã có trước đây với tín hữu giáo đoàn. Nó cũng không hề đã động gì tới thái độ, mà thánh nhân đã có trong thời gian phải sống xa cách họ, như trình thuật trong ba chương đầu thư thứ I. Ngoại trừ chi tiết liên quan tới công việc khó nhọc liên li mà thánh nhân đã phải gánh chịu, để không phải nhờ vả phiền hà tới ai trong cộng đoàn, các kiểu nói khác đều có tính cách cố định như đã được diễn tả trong thư thứ I (2,15; 3,4; 3,6; 3,10). Chúng ta cũng không nhận ra tính cách đối thoại trong kiểu dùng từ ngữ "anh chị em - chúng tôi" như trong thư thứ I. Xem ra đằng sau bức thư thứ II này không có các lịch sử liên hệ thân tình đã nối kết Phaolô với tín hữu giáo đoàn Thêxalônica một cách sâu đậm. Giáo đoàn ở đây xem ra cũng giống như bất cứ giáo đoàn kitô nào khác hồi thế kỷ thứ I, đang phải đối phó với các vấn đề khác nhau, chứ không phải là giáo đoàn Thêxalônica rất thân mến do thánh Phaolô thành lập trong thành phố thủ phủ vùng Macedonia thời đó.

Còn một điểm khác cần ghi nhận: đó là thư thứ II gửi tín hữu Thêxalônica lập đi lập lại nhiều kiểu diễn tả và các câu của thư thứ I, có khi nguyên vẹn không sai một chữ, khi khác với một vài thay đổi nhẹ nhàng. Học giả Rigaux đã kê khai ra một danh sách dài các tương đồng và khác biệt này. Tuy nhiên, chương 2,3-12 nói về ngày Chúa Giêsu Kitô quang lâm, là đoạn nòng cốt của thư thứ II, lại tuyệt nhiên không dùng các kiểu diễn tả và từ ngữ của văn bản song song trong thư thứ I. Sự kiện này khiến cho người ta có lý do để nghi ngờ rằng soạn giả thư thứ II khéo léo sao chép lại các đề tài thần học đã có trong thư thứ I, để làm khung cho giáo huấn khai huyền của mình trong chương 2,1-12. Có thể có người phản đối cho rằng: chính thánh Phaolô đã muốn lập lại các giáo huấn của thư trước, khi viết bức thư thứ II này cho tín hữu Thêxalônica. Đây là điều có thể xảy ra. Nhưng trong tất cả mọi thư do chính thánh nhân viết ra, tuyệt nhiên không có hiện tượng lập lại này. Thật ra, Phaolô là một người rất có óc sáng tạo. Trong khoảng 10 năm trời thánh nhân đã viết các thư của mình để trình bày giáo lý Kitô, hầu đáp ứng các nhu cầu khác nhau của các cộng đoàn tín hữu thời đó. Khi phải trình bày cùng một đề tài, Phaolô luôn luôn theo một kiểu cách khác, chứ không lập lại y nguyên lược đồ đã dùng.

Liên quan tới nội dung, còn một điểm khác biệt quan trọng giữa hai thư gửi tín hữu Thêxalônica: đó là giáo huấn về thời cánh chung, tức các thực tại cuối cùng của cuộc đời con người và của thế giới. Trong thư thứ I Phaolô khẳng định rằng niềm hy vọng được hưởng cuộc sống vinh quang với Chúa có giá trị đối với các tín hữu đã chết, cũng như đối với các tín hữu còn sống cho tới khi Chúa Giêsu Kitô quang lâm. Các tín hữu đã chết sẽ sống lại trước, rồi sẽ được Chúa Giêsu Kitô đem lên thiên quốc cùng với các tín hữu còn sống cho tới lúc đó (1 Ts 4,13-18). Vì thế thánh Phaolô khuyến khích tín hữu tỉnh thức đợi chờ ngày Chúa Kitô quang lâm. Ngày đó rất gần và sẽ xảy ra một cách bất thình lình, không lường trước được (1 Ts 5,1-11). Trái lại thư thứ II lại dồn sự chú ý vào sự kiện ngày Chúa Kitô quang lâm chưa tới. Trước hết phải xảy ra các dấu chỉ khai mào cho biến cố trọng đại này đã: đó là cảnh con người phản bội chối bỏ Thiên Chúa và các hoạt động tác hại tàn ác của tên phản Kitô. Nó sẽ dùng quyền phép của Satan mà làm các việc cả thể, các phép lạ và mọi sự kỳ diệu giả dối. Nó sẽ dùng mọi nuru chước để lừa đảo các kẻ hư hỏng đã chối bỏ Thiên Chúa, không yêu mến sự thật và chạy theo đối trá (2 Ts 2,1-12).

Đĩ nhiên, đây không phải là các nhân tố trái nghịch nhau, nhưng chúng diễn tả các viễn tượng khác xa nhau. Thư thứ I gửi tín hữu Thêxalônica chỉ lập lại giáo huấn của truyền thống Phúc Âm nêu bật tính cách bất thành linh của biến cố Chúa Kitô quang lâm ngày sau hết. Trái lại, thư thứ II đề cập tới các biến cố của thời cánh chung liên quan tới các thực tại và thời điểm của ngày tận thế một cách chi tiết, với các kiểu cách hành văn và hình ảnh màu mè biểu tượng của nền văn chương khả huyền. Khi nêu bật sự kiện ngày cánh chung chưa tới và còn xa, văn bản nhắm mục đích đả phá thái độ sống nôn nóng đợi chờ đến vô trách nhiệm của nhiều tín hữu trong cộng đoàn kitô tiên khởi. Thật khó mà có thể gán cho thánh Phaolô cả hai quan điểm và thái độ trái nghịch nhau trên đây. Có điều chắc chắn có thể kiểm chứng được, đó là đề tài khả huyền này (2 Ts 2,1-12) sẽ không bao giờ được thánh Phaolô đề cập tới trong các thư do chính tay ngài viết ra. Trong khi đề tài tinh thức đợi chờ Chúa Kitô ( 1 Ts 4,13-18; 5,1-11) sẽ được Phaolô lấy lại và khai triển rộng rãi trong chương 15 thư thứ 1 gửi tín hữu Côrintô.

Tóm lại, khi so sánh nội dung cũng như kiểu cách hành văn và dùng từ ngữ, chúng ta nhận thấy hai thư gửi tín hữu Thêxalônica rất khác nhau. Vấn đề như thế là phải tìm hiểu xem ai là soạn giả thư thứ II gửi tín hữu Thêxalônica

## ĐỀ TÀI 37

### AI LÀ TÁC GIẢ THƯ THỨ II GỬI TÍN HỮU THEXALÔNICA?

Khi so sánh hai thư gửi giáo đoàn Thêxalônica người ta nhận thấy chúng khác nhau trong nội dung, cũng như trong kiểu cách dùng từ ngữ và hành văn. Các khác biệt này khiến cho giới học giả đặt nghi vấn liên quan tới tác giả đích thực của thư thứ II. Mặc dầu có các lý chứng rõ ràng cho thấy soạn giả thư thứ hai gửi giáo đoàn Thêxalônica không phải là thánh Phaolô, một số đông các nhà chú giải, đặc biệt là các nhà chú giải công giáo, vẫn theo thuyết truyền thống coi thánh Phaolô là tác giả bức thư này, điển hình như B. Rigaux và P. Rossano. Theo các học giả này các lý chứng trái nghịch không có tính cách dứt khoát định đoạt. Nhiều học giả khác như G. Barbaglio thì lại cho rằng thánh Phaolô không phải là tác giả thư thứ II gửi giáo đoàn Thêxalônica. Lập trường thứ hai này xem ra công hiến cho chúng ta một khung cảnh trung thực hơn, phản ánh tâm tình của kitô hữu trong các giáo đoàn kitô thời khai sinh liên quan tới việc chờ đợi Chúa Kitô quang lâm.

Vào giữa thế kỷ thứ I tín hữu sống tại Thêxalônica đã rất nôn nóng đợi chờ biến cố Chúa Giêsu Kitô trở lại trong vinh quang để kết thúc lịch sử thế giới và giải thoát họ. Họ coi biến cố Chúa Kitô quang lâm như là chuyện rất gần kề, đến độ trong ngày Chúa đến có nhiều người còn sống chứ chưa chết. Thánh Phaolô cũng chia sẻ quan điểm đó của tín hữu Thêxalônica. Sau này vào khoảng năm 56-57 khi viết thư thứ I cho giáo đoàn Côrintô Phaolô bày tỏ niềm hy vọng cũng sẽ còn sống cho tới ngày đó. Thánh nhân viết trong chương 15,51-52: “Tôi xin cho anh chị em biết một mâu nhiệm này: Đó là chúng ta sẽ không chết tất cả đâu, nhưng chúng ta sẽ được biến đổi trong một khoảng khắc, trong một nháy mắt, khi tiếng kèn cuối cùng thổi lên. Bởi vì khi kèn sẽ thổi lên, các người chết sẽ sống lại không hư nát, và chúng ta, chúng ta cũng sẽ được biến đổi”. Thư thứ I gửi giáo đoàn Thêxalônica được lồng khung trong niềm tin này và giải thích niềm hy vọng kitô trong viễn tượng đó.

Tuy nhiên, khi thấy năm tháng cứ qua đi mà Chúa Kitô không quang lâm để kết thúc lịch sử thế giới và giải thoát họ, tín hữu trong cộng đoàn bắt đầu chạm trán với thực tại Chúa Giêsu chậm trễ đến cứu họ. Khi ấy trong cộng đoàn phát sinh ra hai giải pháp đồng thời cũng là hai thái độ sống của tín hữu. Thứ nhất là thái độ chấp nhận viễn tượng dài. Nghĩa là tin nhận rằng Chúa Giêsu Kitô sẽ quang lâm trong tương lai rất xa. Trong khi chờ đợi đây là thời gian Giáo Hội hoạt động truyền giáo trong thế giới. Thánh sử Luca theo lập trường này và nêu bật hoạt động truyền giáo của Giáo Hội trong khi chờ đợi ngày cánh chung. Thái độ thứ hai cho rằng ngày Chúa quang lâm vĩnh viễn đã tới rồi. Đây đã là lập trường của tín hữu trong thư thứ II gửi giáo đoàn Thêxalônica, như viết trong chương 2, 1-2: “Anh chị em, liên quan tới biến cố Chúa Giêsu Kitô đến và việc quy tụ chúng ta bên Ngài, chúng tôi xin anh chị em điều này. Đó là đừng vội diên đầu cũng đừng sợ hãi vì một mạc khải tiên tri, một lời nói hay một bức thư được giới thiệu như là của chúng tôi khiến cho anh chị em tin rằng ngày của Chúa đã đến rồi”. Viễn tượng này cũng bị cảnh cáo trong chương 2, 18 thư thứ II gửi Timôtêô: Trong số các người suy nghĩ lệch lạc ”có Imeneo và Fileto. Họ đã xa rời sự thật, khi chủ trương rằng sự sống lại đã đến rồi”. Cũng không thiếu các tín hữu mạnh mẽ phản ứng chống lại các người hăng hái quá đáng, vì họ yêu sách sẽ còn sống khi Chúa Kitô quang lâm và sẽ được sống kinh nghiệm hứng khởi những ngày sau hết của thời tận thế. Trong chương 21, 8 thánh sử Luca đã cảnh cáo tín hữu chống lại khuynh hướng cho rằng ngày tận thế đã gần kề. Thánh nhân khuyên họ coi chừng đừng để bị đánh lừa, vì sẽ có nhiều người tới tự xưng là Chúa Kitô và nói rằng thời giờ tận thế đã tới. Tác giả vô danh thư thứ II gửi giáo đoàn Thêxalônica chắc chắn cũng thuộc phong trào chống lại giấc mộng này của các tín hữu bông bột sôi nổi nói trên. Ông lấy tên thánh Phaolô gán cho bức thư của mình, một đảng để tăng uy tín cho bức thư, đảng khác vì đề tài ngày Chúa Kitô quang lâm được thánh Phaolô diễn tả một cách rõ ràng minh bạch, không lầm lẫn được. Viết cho giáo đoàn Thêxalônica, ông đưa ra lập trường kitô phê bình tư tưởng thư thứ I của thánh Phaolô và thái độ nôn nóng đợi chờ biến cố Chúa Kitô quang lâm. Do đó ông cũng bắt chước kiểu hành văn của thánh nhân. Thật ra soạn giả muốn duy trì truyền thông Phaolô khỏi mọi lèo lái sai lệch. Chúng ta đang trong giai đoạn giải thích tư tưởng của thánh Phaolô trong các thập niên cuối cùng của thế kỷ thứ I.

Tóm lại, chúng ta có thể kết luận rằng tác giả thư thứ II gửi tín hữu Thêxalônica là một môn đệ của thánh Phaolô. Sau ngày thánh nhân qua đời, ông can thiệp chống lại các lập trường hăng hái quá đáng của nhiều kitô hữu hồi thế kỷ thứ I coi biến cố Chúa Kitô quang lâm như là chuyện gần kề. Đóng góp suy tư của ông nêu bật sự kiện này. Đó là trước ngày Chúa Kitô quang lâm để khai mào thế giới mới của thời phục sinh, còn có cả lịch sử dài của Giáo Hội nữa. Giải pháp này không làm giảm giá trị nội dung thư thứ II. Nó cho thấy một giai đoạn phát triển lòng tin kitô của Giáo Hội hồi thế kỷ thứ I và mời gọi các thế hệ kitô theo sau biết thường xuyên tự kiểm thảo và phê bình, để không rơi vào thái độ bất cập thái quá.

Đâu đã là thái độ không đúng đắn của các tín hữu giáo đoàn Thêxalônica như tả trong thư thứ II? Rất tiếc chúng ta không có nhiều tin tức liên quan tới cộng đoàn này. Nhưng cứ theo nội dung của thư chúng ta biết được hai khía cạnh cụ thể trong thái độ sống của các tín hữu. Thứ nhất là tình trạng báo động, bồn chồn, nhón nháo phát sinh từ xác tín cho rằng ngày Chúa Kitô quang lâm, ngày tận thế sắp tới nơi rồi. Có một số tín hữu tưởng rằng mình được linh ứng nói tiên tri. Một số khác thì dựa vào quyền bính các giáo huấn của thánh Phaolô để biện minh cho lập trường của họ. Chúng ta đang ở vào các năm sau khi thánh Phaolô qua đời. Do đó cũng không lạ gì khi trong giáo đoàn có các phong trào hăng hái tin tưởng rằng ngày thế mạt sắp đến. Chúa Kitô sắp quang lâm để hủy diệt thế giới tội lỗi này và thiết lập một thế giới mới trong lịch sử nhân loại. Văn bản ở đây nói tới thái độ giao động và các cử chỉ xuất thần, nghĩa là mất lý trí. Ngoài xác tín cá nhân khiến cho tín hữu giáo đoàn Thêxalônica có các thái độ đó, trên bình diện lịch sử mà nói, các cuộc bách hại kitô hữu ngày càng thường xuyên và dã man hơn hẳn đã là lý do làm nảy sinh ra các giao động này. Chúng ta biết là trong các giai đoạn gặp gian lao thử thách và bất bớ khổ đau quá sức, các tín hữu thường ước mong cho ngày tận thế mau đến để Thiên Chúa

đánh phạt, hủy hoại thế giới gian ác này, giải thoát họ và thiết lập vương quốc công chính và bình an của Ngài. Trào lưu văn chương khai huyền là kết quả của các giai đoạn tai ương khốn khó này. Chương đầu thư thứ II gửi giáo đoàn Thêxalônica cho thấy bối cảnh bất bớ khổ đau đó. Tình trạng khốn khó này khiến cho tín hữu ước mong Chúa mau đến để phán xử trần gian và đánh phạt các kẻ gian ác bất bớ tín hữu của Ngài.

Hiện tượng thứ hai gây âu lo đó là có một số tín hữu ăn không ngồi rồi, không muốn làm việc gì cả. Trái lại, họ “ngồi lê mách léo” và xen mình vào chuyện người khác. Trong một thành phố cảng lớn như Thêxalônica, nếu có hiện tượng ăn bám cũng là chuyện thường tình. Những người thất nghiệp bị gạt bỏ ngoài lề xã hội, sống nhờ vả vào người này người nọ. Nhưng trong cộng đoàn gồm các người không lấy gì làm khá giả, các anh chị em này trở thành gánh nặng cho các tín hữu khác. Lời tố cáo mạnh mẽ dứt khoát trong chương 3,6-15 chứng minh cho tính cách trầm trọng của hiện tượng này. Đặc biệt bởi vì giáo đoàn Thêxalônica chỉ là một giáo đoàn nhỏ. Nhân danh Chúa Giêsu Kitô tác giả xin tín hữu xa lánh các người lười biếng và không tuân giữ các điều họ đã học được từ các thừa sai. Đáng lý ra họ đã phải hiểu biết và noi gương các vị. Dù có quyền được tín hữu trợ giúp nhưng Phaolô và các thừa sai đã làm việc ngày đêm để có phương tiện sinh sống, mà không phiền lụy tới ai. Các vị đã hoàn toàn tự lập trên phương tiện vật chất. Tuy công việc làm có nặng nhọc vất vả, các vị duy trì được sự tự do hoàn toàn của mình, không phải nể nang ai và không chịu áp lực của ai.

Lý do nào đã khiến cho một số tín hữu có thái độ sống ăn bám cộng đoàn như vậy? Ở đây xem ra không chỉ là do tính lười biếng tự nhiên và thiếu dần thân. Nó phát xuất từ bầu khí khai huyền giao động nói trên. Sự chờ đợi ngày tận thế khiến cho họ bồn chồn tới độ không muốn làm việc gì nữa, mà chỉ ngồi khoanh tay đợi chờ ngày Chúa Kitô quang lâm phán xét trần gian. Họ lý luận rằng nếu ngày thế mạt sắp tới, thì các thực tại trần gian này và lịch sử nhân loại đâu còn có ý nghĩa gì nữa. Nếu cả lịch sử thế giới cũng sắp chấm dứt và trở thành vô nghĩa, thì công ăn việc làm cũng không có giá trị gì nữa. Xác tín và kiểu lý luận này nguy hiểm, vì nó khiến cho tín hữu có thái độ trốn chạy hiện tại, trốn tránh trách nhiệm và ản náu trong thế giới mới từ trời xuống. Nhưng sống như thế là lỗi bản phận đối với chính bản thân, gia đình, cộng đoàn giáo hội và cộng đoàn xã hội. Nguy hại hơn nữa là khi chỉ “ngồi lê mách léo”, xía mũi vào chuyện của mọi người như thế, họ gây xáo trộn trong cộng đoàn và khiến cho cuộc sống cộng đoàn vốn đã nặng nề, lại càng rối loạn, ngột ngạt và khó thở hơn.

## ĐỀ TÀI 38

### KẾT CẤU VÀ NỘI DUNG THƯ THỨ II GỬI GIÁO ĐOÀN THÊXALÔNICA

Tìm hiểu thư thứ II gửi giáo đoàn Thêxalônica chúng ta biết các học giả theo hai lập trường khác nhau. Lập trường thứ nhất theo truyền thống cho rằng thánh Phaolô là tác giả thư thứ II này. Lập trường thứ hai dựa trên các khác biệt giữa nội dung, kiểu cách hành văn và dùng từ ngữ trong hai thư, nên đi tới kết luận thư thứ II không do thánh Phaolô biên soạn, mà là tác phẩm của một môn đệ vô danh. Lập trường thứ hai giải thích được lý do sự khác biệt giữa hai thư, đồng thời cho thấy diễn tiến tình hình, một số vấn đề và thái độ sống của tín hữu trong cộng đoàn kitô Thêxalônica. Tuy nhiên sự kiện vấn đề vẫn còn bỏ ngõ và không có giải pháp dứt khoát không giảm bớt giá trị giáo huấn của thư thứ II gửi giáo đoàn Thêxalônica.



Thư thứ II chỉ gồm ba chương, tức ngắn hơn thư thứ I. Giống như thư thứ I, thư thứ II cũng mở đầu với công thức gồm tên người gửi người nhận và lời chào (1,1-2). Tiếp đến là lời cảm tạ Thiên Chúa (cc.3-10). Ban đầu nó sao lại lời cảm ơn của thư thứ I (1 Ts 1,2-3), nhưng trong phần thứ hai (cc.5-10) nó có kiểu khai triển độc đáo riêng và chuyển qua việc miêu tả cảnh Thiên Chúa phán xử ngày sau hết, đặc biệt là hình phạt đời đời dành cho các kẻ bách hại tín hữu Chúa. Tác giả cho các tín hữu Thêxalônica biết rằng các thừa sai hàng liên li cảm tạ Thiên Chúa vì họ đã tấn tới trong lòng tin. Chẳng những thế tình yêu thương bác ái, mà các tín hữu có đối với các người khác, đã nổi tiếng khắp nơi, khiến cho các thừa sai hãnh diện trước các giáo đoàn khác. Hãnh viện vì lòng kiên trì chịu đựng của họ trong mọi thử thách bất bớ gặp phải. Các thử thách khó khăn ấy là dấu chỉ Thiên Chúa thanh tẩy và chuẩn bị cho họ xứng đáng hơn với Nước Trời. Nhưng bởi vì Thiên Chúa là Đấng công thẳng, nên Ngài sẽ báo oán cho họ bằng cách đánh phạt những người đàn áp bất bớ tín hữu. Thiên Chúa sẽ thưởng các tín hữu và ban cho họ được an nghỉ, khi Đức Giêsu Kitô sẽ cùng với các thiên sứ từ trời đến trong quyền uy, trong lửa hồng, để hủy diệt những kẻ không nhận biết Thiên Chúa và không sống theo Tin Mừng của Chúa Giêsu. Họ sẽ bị hủy diệt đời đời và sống cách xa mặt Chúa và vinh quang của Ngài. Chương 1 kết thúc với lời nguyện chúc tụng vinh quang và quyền năng của Thiên Chúa (cc.11-12).

Chương 2 là đoạn nòng cốt của thư đề cập tới đề tài ngày Chúa đến phán xử trần gian. Tác giả khuyến khích tín hữu đừng bán loạn tâm thần và khiếp sợ vì một mạc Khải ngôn sứ nào đó, hay vì những lời người ta đồn thổi rằng ngày thế mạng gần kề. Ông đặc biệt khuyên tín hữu đừng để bị đánh lừa, bởi vì trước ngày Chúa quang lâm sẽ xảy ra nhiều điều khủng khiếp. Từ câu 3 trở đi văn bản mang sắc thái Khải huyền và tả lại các dấu chỉ báo trước ngày tận thế. Đó là hiện tượng loài người chối bỏ Thiên Chúa và đặc biệt là các hành động của Kẻ tội lỗi gian ác, tức tên phản Kitô và sau đó là biến cố Chúa Giêsu đến trong vinh quang.

Hiện tượng loài người chối bỏ Thiên Chúa là một trong các yếu tố đã được trào lưu Khải huyền do thái báo trước. Ở đây thánh Phaolô dùng các từ: chối đạo, người của gian tà, con của hư mất, sự hư mất với chỉ định từ như thể chúng là các nhân vật hay các thực tại mà các tín hữu đã dư biết. Kiểu diễn tả của tác giả cũng mang đặc tính do thái: “Người của sự gian tà” để diễn tả sự Gian Tà (viết hoa), và “con của sự hư mất” để ám chỉ “Kẻ Hư Mất” (viết hoa). Nhân vật được nói tới ở đây không phải là Satan, mà là tên phản Kitô, kẻ chống lại tất cả những gì thuộc về Thiên Chúa hay những người tôn thờ Thiên Chúa. Hắn còn ngạo mạn tới nỗi ngồi chễm chệ trong đền thánh Chúa và tự xưng là Thiên Chúa. Tác giả thư thứ II gửi tín hữu Thêxalônica khẳng định với tín hữu rằng tuy cả hai hiện tượng này chưa xảy ra, vì hiện giờ có sự gì đó hay có ai đó ghim mâu nhiệm của sự gian tà lại chưa cho nó xảy ra, nhưng tín hữu vẫn phải sống trong tinh thức đợi chờ ngày quang lâm.

Trong nền thần học của thánh Phaolô mâu nhiệm của sự gian tà có thể ám chỉ một vật, một người, một giáo thuyết dấu ẩn, mà trí tuệ loài người không sao hiểu biết được, bởi vì nó cũng thuộc chương trình bí ẩn của Thiên Chúa hay một hành động bí ẩn của Thiên Chúa trong thời thế mạng. Sự gian tà là một mâu nhiệm vì nó bước vào trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa. Đối với loài người chúng ta đây là một thực tại gây ngạc nhiên và thật khó hiểu. Cái gian tà đó, tức là sự dữ, điều ác dưới tất cả mọi hình thái của nó, chưa được vén mở lên hoàn toàn. Triều đại của nó chưa trọn vẹn. Nó sẽ chỉ lộ diện ra trong ngày trọng đại và hoạt động của nó sẽ chỉ đại đồng, nghĩa là lan tràn khắp vũ trụ, khi tới giờ mạc Khải của sự Gian Tà (viết hoa). Nhưng Chúa Giêsu Kitô sẽ hủy diệt nó bằng hơi thở của miệng Ngài.

Tiếp theo văn bản Khải huyền trên đây là một vài đề tài nhỏ khác xem ra kết thúc bức thư. Các thừa sai tạ ơn Thiên Chúa đã mời gọi và tuyển chọn tín hữu Thêxalônica (2,13-14), đồng thời khuyến khích tín hữu kiên trì vững mạnh và trung thành trong cuộc sống đức tin (2,15). Các vị cũng cầu xin Chúa Giêsu và Thiên Chúa Cha củng cố lòng tin của họ (2,16-17). Trong hai câu đầu chương 3 các thừa sai

xin tín hữu cầu nguyện cho các vị thoát khỏi nanh vuốt của những người gian ác xấu xa và cho công tác truyền giáo của các vị. Tiếp đến là tâm tình tin yêu phó thác trong bàn tay quan phòng của Thiên Chúa (3,3-4) và lời cầu xin Thiên Chúa chúc phúc lành cho toàn cộng đoàn Thêxalônica (3,5).

Tới đây thư thứ II gửi giáo đoàn Thêxalônica đề cập tới một vấn đề cụ thể liên quan tới đề tài ngày tận thế: đó là vì cho rằng ngày thế mạc sắp đến nên có một số tín hữu không muốn làm việc nữa, mà chỉ ăn không ngồi rồi chờ ngày tận thế. Chẳng những họ ăn bám cộng đoàn, mà còn sống bê tha và gây xáo trộn trong cộng đoàn nữa. Do đó các thừa sai khuyến khích họ hãy biết noi gương các ngài ra công gắng sức làm lụng để có phương tiện vật chất nuôi thân, để không trở thành gánh nặng cho kẻ khác. Ai không làm việc thì cũng đừng ăn! Cảnh “nhàn cư vi bất thiện” chắc chắn khiến cho họ phạm đủ mọi thứ tội của phường “ngồi lê mách lẻo”, nhòm nhỏ công ăn việc làm và xâm phạm cuộc sống của người khác. Vì thế các thừa sai khuyến tín hữu xa lánh họ.

Các câu 16-18 chương ba là phần kết luận thật sự của thư thứ II. Ngoài lời cầu chúc và phúc lành của Thiên Chúa, còn có lời ký tên của Phaolô nữa. Đây là lý do giải thích tại sao nhiều học giả cho rằng thư thứ II do thánh Phaolô viết ra. Đây cũng là một bằng chứng khác cho thấy vào các thập niên cuối cùng của thế kỷ thứ I các tín hữu tìm gán cho thánh Phaolô những tác phẩm không do thánh nhân viết ra.

Văn bản khái huyền chương 2, 1-12 là văn bản đặc biệt khiến cho thư thứ II khác với thư thứ I. Các tư tưởng khác của thư lặp lại các tư tưởng của thư thứ I và đôi khi bắt chước cả hình thái hành văn nữa. Đây là một trong các văn bản quan trọng của Tân Ước, vì nó đã phá ảo tưởng của nhiều kitô hữu cho rằng ngày Chúa Giêsu Kitô quang lâm đã gần tới. Ngài đã bắt đầu bước vào chân trời thế giới này để phán xử mọi loài mọi vật. Đồng thời văn bản cũng nhắc nhở các tín hữu phải dần thân tiến bước trên con đường lịch sử nhân loại đầy cam go, hàm hồ và không rõ ràng này, mà không nhượng bộ các cám dỗ trốn chạy vào tương lai hay rơi vào trong các giấc mộng khái huyền. Nói như thế không có nghĩa là cộng đoàn kitô phải khước từ tin tưởng đợi chờ ngày Chúa Kitô trở lại thiết lập nước công bằng và tình yêu thương của Thiên Chúa Cha. Vấn đề là phải sống niềm hy vọng trong cuộc sống trên trái đất này, gắn chặt với hiện tại trong kiên trì và trung thành hoạt động, mà không tránh né các bổn phận lịch sử cũng không trốn chạy thực tại thường ngày. Vì cách thức chuẩn cho tương lai hữu hiệu nhất là sống trọn vẹn và tràn đầy giây phút hiện tại.

Trong bối cảnh ấy lời khuyên tín hữu hãy chuyên cần làm việc, đồ mồ hôi trán của mình để có phương tiện vật chất nuôi thân cũng rất thực tế. Cộng đoàn giáo hội không thể bị coi như là một tổ chức bác ái, chuyên phát chẩn và trợ giúp những người lười biếng, chỉ sống vật vờ, vô định, không muốn làm việc và dần thân, lại càng không phải là một câu lạc bộ của các người mơ mộng viễn vông. Tình yêu thương và liên đới trợ giúp giữa các tín hữu không được trở thành có tạo ra cả một phong trào ăn bám tôn giáo. Gương sống cụ thể của Phaolô và các thừa sai ở đây là một chứng tá quý báu cho thấy cung cách sống dần thân và các cố gắng của các người truyền giáo. Tuy có quyền đòi hỏi tín hữu phải chu cấp phương tiện vật chất cho mình, nhưng các vị đã không muốn trở thành gánh nặng cho bất cứ ai trong cộng đoàn. Trái lại, Phaolô và các cộng sự viên đã cố gắng lao nhọc mỗi ngày với một nghề riêng để có phương tiện tài chánh sinh sống (3,7-9). Đây cũng là một trong các vấn đề thời sự đối với các thừa tác viên Lời Chúa trong các cộng đoàn kitô ngày nay.

## ĐỀ TÀI 39

### TÍNH SỐ ĐÒI TRONG NGÀY SAU HẾT

Khi khai triển sứ điệp thần học thư thứ II gửi giáo đoàn Thêxalônica, chúng ta thấy trong chương 1, ngoài lời chào mở đầu và lời nguyện kết thúc, phần còn lại, tức các câu 3-10, có hình thái của một lời tạ ơn, nhưng nội dung của nó lại là cuộc phán xử công minh trong ngày tận thế. Đó là ngày mọi người đều phải tính số đời mình trước mặt Chúa Giêsu Kitô ngự trị trong vinh quang và là thẩm phán xét xử muôn loài muôn vật.

Lời tạ ơn ở đây song song với lời tạ ơn trong thư thứ I (1,2-3), nghĩa là có hình thái kết cấu văn chương và lý do giống nhau. Các thừa sai cảm tạ ơn Chúa vì biết tin hữu Thêxalônica sống lòng tin, lòng cậy và lòng mến kiên vững. Tuy nhiên, đây không phải là kiểu lặp lại thuộc lòng. Trước hết lời tạ ơn mở đầu với một công thức mang sắc thái phụng vụ: “Thưa anh chị em, chúng tôi có bốn phạm không ngừng cảm tạ ơn Chúa cho anh chị em, đó thật là chính đáng...” Lời lẽ tựa như phần mở đầu các kinh Tiên Tụng. Các lý do giải thích tại sao các thừa sai lại luôn cảm tạ Chúa cũng có nét đặc thù của chúng. Đó là sự kiện các tín hữu Thêxalônica lớn mạnh và tấn tới trong lòng tin kitô và trong tình yêu thương. Trong thư thứ I thánh Phaolô nhiều lần khuyến khích tín hữu tiếp tục tiến triển luôn mãi trong lòng tin và lòng mến (1 Ts 3, 13; 4,1-10). Ở đây tác giả cũng dựa vào đó để thay đổi công thức. Bên cạnh lòng tin và lòng mến, ông không nêu rõ lòng hy vọng. Nhưng bù lại câu tiếp theo nhắc tới sự kiên trì và lòng tin. Các thừa sai hãnh diện về họ trước mọi cộng đoàn khác. Bởi vì tín hữu Thêxalônica tỏ ra kiên gan bền bỉ sống Tin Mừng của Chúa và nêu gương cho mọi người. Các bắt bớ và thử thách khó khăn đã không tài nào lay chuyển nổi lòng tin mến kiên cường của họ. Tuy có khổ đau trong thân xác, nhưng họ bền chí chịu đựng. Như vậy, tuy không nhắc tới từ hy vọng nhưng tác giả thư thứ II nêu bật sự kiên gan bền chí, là đức tính nòng cốt của những ai đặt để tất cả hy vọng nơi Chúa Giêsu Kitô, như được nói tới trong chương 1,3 thư thứ I: “sự kiên trì trong niềm hy vọng của anh chị em”. Thiết tưởng cũng nên lập lại cho rõ điều này: đó là hy vọng vào ơn cứu độ vĩnh viễn mai sau không có nghĩa là trốn tránh các khổ đau khốn khó trong cuộc sống hiện tại. Nó cũng không có nghĩa là sống chờ đợi bất động, không dấn thân, không làm việc để cứu đời giúp người và biến đổi thế giới. Trái lại, hy vọng vào ơn cứu độ vĩnh viễn mai sau có nghĩa là gánh vác lấy lịch sử hiện tại, bằng cách chống trả lại các lực lượng sự dữ và bạo lực đang áp bức hành hạ con người và tàn phá thế giới. Người tín hữu hy vọng không đứng yên bên lề lịch sử nhìn các lực lượng sự dữ và bạo lực tung hoành, nhưng dấn thân bước vào giữa cơn lốc của các biến cố thể thảm nhất của nhân loại với thái độ quyết liệt và đem hết tài sức của mình ra để giúp đời và cứu đời.

Trong các câu từ 5 tới 10, tác giả thư thứ II gửi tín hữu Thêxalônica dồn hết sự chú ý vào sự phán xử cuối cùng của Thiên Chúa. Thiên Chúa không thờ ơ trước các khổ đau và bắt bớ mà các tín hữu phải gánh chịu vì tin vào Ngài. Trái lại, sẽ tới ngày người lành cũng như kẻ dữ, tất cả mọi người, đều phải tính số đời trước mặt Chúa. Thiên Chúa sẽ phán xử công minh và xem xét công tội của mỗi người theo cung cách sống và hành xử của họ, khi họ còn sống trên trần gian này. Để diễn tả sự phán xử công minh đó, tác giả dùng lại thứ từ ngữ của “luật báo oán” trong Cựu Ước. Đó là luật “mắt thế mắt, răng đền răng”. Các kẻ bắt bớ và hành hạ kitô tín hữu sẽ phải gánh chịu cùng sự dữ và các thứ cực hình mà họ đã dùng để hành khổ các người tin vào Thiên Chúa. Trái lại, Thiên Chúa sẽ cho những người phải chịu mọi khốn khó khổ đau vì Ngài được an bình nghỉ ngơi, niềm an bình mà họ đã không hề được nếm hưởng trong cuộc sống trên trần gian, vì đã bị sự dữ và bạo lực cướp mất. Nói cách khác, các tín hữu đã bị bắt bớ vì lòng tin sẽ được bước vào hưởng cuộc sống hạnh phúc bất diệt trong Nước của Thiên Chúa, được chia sẻ chiến thắng của Chúa Kitô, vĩnh viễn khai hoàn trên các lực lượng sự dữ và cái chết. Còn

những người hung bạo, gian tham ác độc hằng bách hại các tín hữu sẽ là môi ngon cho sự hư mất đời đời. Nghĩa là cụ thể mà nói, họ sẽ bị khai trừ khỏi cuộc sống hiệp thông với Chúa Giêsu một cách vĩnh viễn.

Từ ngữ dùng trên đây diễn tả các lực đồ tôn giáo và văn hóa do thái. Nhưng đằng sau và bên kia từ vựng đó nổi bật lên trong tất cả tính chất triệt để của nó số phận trái ngược đang đón chờ các kẻ bạo hành và các nạn nhân của phường bạo lực, các kẻ áp bức và những người bị áp bức, các kẻ đóng đanh và những người bị đóng đanh. Ở đây quan niệm thưởng phạt trong truyền thống do thái vang dội trong một văn bản kitô. Xác tín sâu thẳm rằng Thiên Chúa là Đấng công bằng, được diễn tả ra qua niềm hy vọng là trong ngày phán xét của thời cánh chung tình thế sẽ lật ngược. Những kẻ từng gây ra chết chóc thể lương cho tín hữu sẽ phải gánh chịu cái chết đời đời. Trái lại, những người đã phải chết vì bạo lực và cái gian ác của kẻ dữ sẽ được hưởng sự sống mới vĩnh cửu. Đó là cuộc sống chia sẻ và kết hiệp hạnh phúc với Thiên Chúa.

Cho tới đây, những gì tác giả trình bày phát xuất từ các xác tín truyền thống do thái, mà kitô hữu học biết trở lại trong dòng tư tưởng luân lưu họ thừa hưởng được của Do thái giáo. Tuy nhiên cũng không thiếu các nét đặc thù của kitô giáo. Sắc thái đặc thù thứ nhất đó là chính sự khước từ hay đón nhận lời rao giảng Tin Mừng định đoạt cho án phạt hư mất hay ơn cứu độ của mỗi một người. Ở đây văn bản nói kết chặt chẽ và đối chọi hai loại người với nhau: các kẻ bách hại là những người không tin vào Chúa và các tín hữu là những người bị bắt bớ. Trên bình diện bình giải chúng ta thấy rõ ràng tương quan mật thiết một mặt giữa sự khước từ tin mừng và hành động đàn áp bạo lực, mặt khác giữa sự tiếp đón sứ điệp của Chúa Kitô và lòng kiên trì khổ đau chống lại phong ba bão táp của các lực lượng bất công vùi dập tín hữu. Trong dòng lịch sử thế giới Tin Mừng của Chúa là một dấu chỉ chia cắt nhân loại và chia cắt mỗi một người trong chính tận cùng thẳm tâm lòng mình. Khước từ Tin Mừng của Chúa đồng nghĩa với bạo lực, đàn áp bất công, nghĩa là chọn lựa đứng cùng chiến tuyến với các lực lượng của sự chết. Trong khi đó chấp nhận sống theo Tin Mừng của Chúa có nghĩa là lựa chọn đứng về phía những người yêu chuộng sự sống và tạo dựng sự sống trong lịch sử. Vượt bên kia các từ ngữ tôn giáo, Tin Mừng của Chúa Giêsu cũng dạy cho chúng ta biết luật nhân quả của bạo lực và chết chóc: ai gieo vãi chết chóc và bạo lực thì sẽ gặt hái chết chóc và bạo lực. Trong khi chiến đấu cho sự sống sẽ gặt được hoa trái của sự sống, ít nhất là về lâu về dài sau này. Niềm tin tôn giáo vào sự phán xử sau cùng của Thiên Chúa trong lịch sử, như được mục sư Dietrich Bonhoeffer thích diễn tả bằng thứ từ ngữ không tôn giáo, có nghĩa là quyết liệt tố cáo bạo lực và các lực lượng vô nhân tha hóa chà đạp con người và nhất định chọn lựa đứng về chiến tuyến của các lực lượng khởi xướng và xây dựng các chương trình sự sống.

Nét đặc thù kitô thứ hai được trình bày trong quan niệm thưởng phạt ở đây đó là chính sự can thiệp định đoạt của Chúa Kitô biệt định cho tương lai tối hậu của nhân loại. Văn bản thư thứ II gửi tín hữu Thêxalônica miêu tả sự can thiệp đó với các màu sắc các lần Thiên Chúa tự tỏ hiện ra cho con người như trình thuật trong Cựu Ước, hay với các màu sắc của nền văn chương khái huyền do thái truyền thống hơn. Chẳng hạn Chúa Giêsu Kitô sẽ từ trời xuống, sẽ quang lâm (Dn 7), có các thiên sứ thuộc triều thần thiên quốc hộ tống. Các vị là những đấng phục vụ Thiên Chúa là Vua quyền uy (4 Esd 7,28; 13,32). Chúa Giêsu sẽ tỏ hiện vẹn toàn trong ánh sáng rạng ngời của lửa hồng (Xh 3,2; Is 66,15). Tất cả các hình ảnh đó muốn nói rằng Chúa Giêsu Kitô sẽ can thiệp với quyền năng mạnh mẽ siêu việt của Ngài. Là Thảm Phán lãnh nhận nhiệm vụ phán xử từ Thiên Chúa Cha, Ngài sẽ đưa ra lời phán quyết công minh mà loài người không thể khiếu nại vào đâu được.

Ở đây cũng thế, cần phải chú ý đừng để cho các kiểu dùng từ ngữ và hình ảnh đánh lừa kéo lôi chúng ta vào các con lộ của tương tượng kỳ quái. Trái lại cần đọc hiểu nòng cốt sứ điệp dấu ẩn sau các ngôn ngữ và hình ảnh đó. Sứ điệp đó là: tương lai tối hậu của cuộc đời con người, số phận sau hết của đời ta

được định đoạt ngay từ bây giờ đây giữa lòng lịch sử của thế giới này, qua thái độ chấp nhận hay khước từ tin theo Chúa Giêsu và sống các giáo huấn Tin Mừng của Ngài. Thái độ tin hay nổi loạn không tin trong cuộc sống hiện tại sẽ có các âm hưởng và hậu quả định đoạt đối với chân trời tận thế của lịch sử. Sự thật này đã được chính Chúa Giêsu nói lên trong giáo huấn về ngày tận thế, như thánh Luca viết trong chương 12, 8-9: Ai công nhận Ta trước mặt loài người thì Con Người cũng sẽ công nhận người ấy trước mặt các thiên thần của Thiên Chúa. Còn ai chối bỏ Ta trước mặt thiên hạ, thì cũng sẽ bị chối bỏ trước mặt các thiên thần của Thiên Chúa. Chúa Kitô và Tin Mừng của Ngài phán xử thực tại sự hiện diện của con người trong dòng lịch sử và các lực lượng đối nghịch nhau trong lịch sử đó, vượt xa mọi vẻ bên ngoài của chúng.

Tóm lại, văn bản nói về việc tính sổ đời với Chúa trên đây là một kiểu kitô hữu đọc lại niềm tin về sự thưởng phạt của Do thái giáo trong thời Cựu Ước. Đặc biệt câu 9 trích lại sách ngôn sứ Isaia chương 2,10 khẳng định số phận của kẻ dữ là phải án phạt trầm luân và đời đời sống cách xa mặt Chúa và ánh quang quyền năng của Ngài. Chỉ khác là ở đây nhân vật chính không phải là Giavê Thiên Chúa như trong Cựu Ước, mà là Chúa Giêsu Kitô phục sinh vinh hiển. Tất cả để nêu bật rằng ơn cứu độ hay sự hư mất của mỗi một người trong gia đình nhân loại giờ đây tùy thuộc nơi liên hệ của họ với Chúa Giêsu thành Nagiarét. Tác giả kết thúc với lời nguyện xin Thiên Chúa giúp sức trợ lực các tín hữu để họ luôn sống xứng đáng với ơn gọi lòng tin kitô của họ và dần thân hiện thực nó mỗi ngày, trong khi chờ đợi được chia sẻ vinh quang của Chúa Giêsu trong ngày sau hết.

Đọc lại trong chiều sâu của lịch sử cứu độ lời nguyện này nêu bật sáng kiến không ngừng của Thiên Cha và của Chúa Giêsu trong cuộc đời người tín hữu từ lúc họ được mời gọi bước vào cuộc mạo hiểm của lòng tin, trong suốt con đường lịch sử cho tới ngày lịch sử kết thúc, khi họ được bước vào Nước Thiên Chúa. Dĩ nhiên mọi người đều tự do đáp trả lại tiếng Chúa kêu mời với tinh thần trách nhiệm. Nhưng nỗ lực nhân loại không thôi không đủ, mà cần phải có sự trợ lực và ơn thánh của Chúa nữa. Mỗi tín hữu tiến bước về Nước Chúa với đôi chân của riêng mình, nhưng họ luôn có Thiên Chúa Cha và Chúa Giêsu đồng hành và ban ơn giúp sức.

## ĐỀ TÀI 40

### NGÀY CHÚA ĐẾN QUY TỤ và HIỆP NHẤT TÍN HỮU

Chương 2 thư thứ II gửi tín hữu Thêxalônica là một thị kiến đề cập tới ngày Chúa đến quy tụ và hiệp nhất tín hữu. Nhưng trước đó các tín hữu sẽ phải sống kinh nghiệm sức đánh phá của các lực lượng sự dữ phản Kitô.

Mục đích đầu tiên soạn giả nhắm tới khi viết văn bản này (2 Ts 2,1-12) là đã phá xác tín sai lầm của một số tín hữu trong cộng đoàn cho rằng ngày Chúa Kitô quang lâm trở lại đã gần. Vì xác tín như thế nên họ sống bồn chồn và gây rối loạn giữa các tín hữu bằng cách phao đồn các tin thất thiệt. Các tín hữu này lạm dụng uy thế của thánh Phaolô để tự giới thiệu như là các ngôn sứ hay các nhà thuyết giảng được linh ứng. Do đó tác giả khuyên các tín hữu Thêxalônica như sau: Anh chị em đừng để cho bất cứ ai quyến rũ theo con đường lầm lạc. Qua lời khuyên này tác giả cũng sửa sai viễn tượng thời cánh chung của thư thứ I nêu bật biến cố Chúa Giêsu Kitô sắp quang lâm.

Tuy nhiên, ở đây tác giả đưa ra các lý chứng thần học bằng cách công hiến cho tín hữu giáo đoàn một khung cảnh mang tất cả sắc thái khai huyền của ngày sau hết. Như thế lời kêu gọi đi đôi với giáo huấn liên quan tới vấn đề Chúa Kitô quang lâm. Kiểu cách dùng một chuỗi các yếu tố khai huyền cho thấy văn bản song song với diễn văn về ngày cánh chung của Chúa Giêsu, như được ghi lại trong các Phúc Âm Nhất Lãm. Vì thế cần đọc hiểu ý nghĩa sứ điệp dấu ẩn đằng sau các hình ảnh và kiểu cách hành văn khai huyền cổ điển này.

Đề tài chính của giáo huấn ở đây là biến cố Chúa Giêsu phục sinh trở lại trong ngày cánh chung để quy tụ mọi tín hữu và dẫn đưa họ cùng Ngài bước vào trong Nước của Thiên Chúa Cha (2 Ts 2,1; cf. 1 Ts 4,14.17; 5,10). Nhưng sự thực là tác giả chú ý tới các dấu chỉ cảnh cáo báo trước ngày Chúa quang lâm. Ông kê khai một chuỗi các thực tại nối tiếp nhau có thứ tự. Trước hết là sự hiện diện và hoạt động của “mâu nhiệm sự gian tà”. Nó cũng giống như hoạt động của một nhân vật không được xác định có nhiệm vụ cầm chân không cho tên phản Kitô dễ sợ tung hoành trong thế giới. Tiếp theo là các hiện tượng chối bỏ khước từ Thiên Chúa, và sau cùng tên phản Kitô mới xuất hiện. Nó được mệnh danh là “Kẻ Gian Tà”, “Kẻ đã bị hư mất”, “Kẻ Thù”, “Tên Hồn Xược” chống lại tất cả những gì nhắc nhớ và liên quan tới Thiên Chúa. Nó được người ta tôn thờ đến độ chính nó ngự trị trên ngai trong đền thờ của Thiên Chúa và tự tuyên xưng mình là Thiên Chúa. Biến cố “Kẻ Gian Tà” tới được ghi dấu bằng hoạt động của Satan và biểu lộ ra qua tất cả mọi việc quyền năng, các phép lạ và dấu chỉ kỳ diệu phỉnh gạt cũng như các quyền rũ của bất công. Sau cùng mới là ngày thế mạt với biến cố Chúa Kitô chiến thắng mọi lực lượng satan của “Tên Phản Kitô”.

“Mâu nhiệm của sự gian tà” ở đây ám chỉ sự hiện diện và hoạt động của các lực lượng ma quái của sự dữ và thái độ khước từ Thiên Chúa trong lịch sử nhân loại. Trong ngôn ngữ của thánh Phaolô mâu nhiệm này có thể là một vật, một người, một giáo thuyết bí ẩn mà trí óc con người không thể nào hiểu thấu được. Sự gian tà là một mâu nhiệm bởi vì nó bước vào trong chương trình cứu rỗi của Thiên Chúa, khiến cho chúng ta kinh ngạc và không tài nào hiểu nổi. Sự gian tà đó ám chỉ sự dữ dưới tất cả mọi hình thái của nó giờ đây chưa được vén mở hoàn toàn. Nó sẽ chỉ được tỏ lộ trong ngày sau hết và hoạt động của nó sẽ chỉ đều khắp, khi tới thời mạc khải của “Kẻ Gian Tà”. Chương trình nhiệm mâu của Thiên Chúa giờ đây chỉ cho phép nó can thiệp một cách kín đáo và phiến diện chống lại hoạt động cứu rỗi của Ngài đối với thế giới. Ở đây chúng ta nhận ra tất cả quan niệm của truyền thống kinh thánh loại trừ thuyết nhị nguyên lành dữ, thiện ác, nhưng chấp nhận sự hiện diện của các nhân vật gian ác có ảnh hưởng tiêu cực trong lịch sử loài người. Dù chúng có là con rắn như được nói tới trong chương 3 sách Sáng Thế, hay Satan trong hai chương đầu sách ông Gióp hoặc trong chương 2,23-24 sách Khôn Ngoan, chúng đều tùy thuộc ý muốn tối thượng của Thiên Chúa. Nghĩa là Satan và mọi lực lượng sự dữ không vượt thoát được quyền năng của Thiên Chúa.

Trên bình diện chú giải, tương cũng cần đề ý tới ảnh hưởng của các quan niệm thần thoại diễn tả một tư tưởng vẫn còn có giá trị đối với cả những người ngày nay không nhận ra sự can thiệp của ma quỷ hay các nhân vật thần thiêng gian ác trong cuộc sống con người. Đó là đề tài con quái vật bị Thiên Chúa chế ngự ngay từ khởi nguyên, như tìm thấy trong một số thần thoại, và được truyền thống khai huyền do thái lấy lại. Con quái vật đó tên là “Behemôt” hay “Léviathan”, bị đánh bại và xiềng xích từ thời khai nguyên vũ trụ. Vào thời sau hết nó sẽ được thả ra để tự do tung hoành, nhưng sau cùng nó sẽ bị Thiên Chúa hủy diệt. Hiện giờ thì nó chỉ bị cầm chân thôi. Tuy các hình ảnh Kinh Thánh dùng xem ra ngô nghê, nhưng chúng diễn tả một thực tại vô cùng nghiêm trọng. Chúng đặt để chúng ta trước thực tại sự dữ hiện diện và hoạt động trong các guồng máy tâm lý của con người và nhập thể chung quanh con người, qua nhiều cấu trúc và lực lượng xã hội gian ác đang tung hoành trong dòng lịch sử và giữa lòng thế giới.

Ở đây chúng ta phải chọn lựa giữa một quan niệm lạc quan hay đôi khi hời hợt về lịch sử và tiến trình của nó và một kiểu cách nhìn lịch sử, mà không nhắm mắt trước sự dữ đang tung hoành giữa lòng xã hội trong các góc cạnh và nếp gấp kín ẩn nhất của các biến cố xảy ra trong cuộc sống con người. Trong thế giới này không phải tất cả đều là ánh sáng, niềm vui và sự sống, mà còn có tối tăm, khổ đau, bất công, vô nhân và cái chết nữa. Và nếu muốn sống một cách cụ thể, mỗi người đều phải tính sổ với mặt trái đỏ của cuộc đời. Trái đất này không phải chỉ là vườn hoa, mà còn là bãi chiến, nơi có các xung đột đổ máu giữa các lực lượng đối nghịch nhau, giữa ánh sáng và bóng tối.

Liên quan tới “sự gì” hay “ai đó” cầm chân, khiến cho “Kẻ Gian Tà” chậm xuất hiện để lừa phỉnh thế giới, giới chú giải kinh thánh đưa ra nhiều giả thuyết khác nhau. Trước hết phải ghi nhận đây là một yếu tố mới mẻ trong khung cảnh các trình thuật khai huyền cổ điển. Tác giả khẳng định rằng tín hữu Thêxalônica đã biết thực tại bí ẩn ấy rồi. Nhưng vì thời gian quá xa, chúng ta không biết thực tại bí ẩn ấy là gì hay là ai. Ở đây tác giả dùng hai từ để diễn tả sự cầm chân ấy. Một lần ở thể trung tính “to katékhon”, có nghĩa là “cái cản trở” và một lần ở ở giống đực “ho katékôn”, có nghĩa là “người cản trở”. “Kẻ Gian Tà” sẽ xuất hiện trước khi Chúa Kitô quang lâm. Nhưng có “cái gì đó” hay “một ai đó” khiến cho sự xuất hiện của “Kẻ Gian Tà” bị chậm lại. Các nhà chú giải Kinh Thánh xưa nay đã đưa ra nhiều giả thuyết, trong đó có hai giả thuyết chính. Thứ nhất, chương ngại đó chính là đế quốc Roma, là cái cầm chân “Kẻ Gian Tà” và hoàng đế Roma là người cầm chân “Kẻ gian Tà”. Bởi vì đế quốc và hoàng đế Roma bảo đảm trật tự và hòa bình khắp nơi, ngăn chặn các cuộc nổi dậy và chiến tranh, mà truyền thống vẫn thường coi là dấu chỉ của ngày thế mạt. Đây là lập trường của đa số các nhà chú giải, đặc biệt các nhà chú giải cổ xưa.

Giả thuyết thứ hai cho rằng cái cầm chân và người cầm chân “Kẻ Gian Tà” đó chính là lời rao giảng Tin Mừng và thánh Phaolô. Đây là lập trường của các nhà chú giải như Théodore thành Mopsueste, Théodoret, Calvin, hay mới hơn nữa là O. Cullmann. Kiểu giải thích này dựa trên lời Chúa Giêsu nói với các môn đệ rằng ngày tận thế sẽ chỉ tới sau khi Tin Mừng đã được loan báo cho mọi dân tộc ngoại giáo trên trái đất này (Mc 13,10; Mt 24,14). Nhưng các thư của thánh Phaolô không cho thấy thánh nhân ý thức được mình lại có một vai trò như thế trong lịch sử cứu độ. Giả thuyết thứ ba cho rằng chính hoạt động của Chúa Thánh Thần cầm chân chưa cho Tên Phản Kitô đó xuất hiện để đánh phá thế giới. Giả thuyết thứ tư cho rằng chính hoạt động của Tổng Lãnh Thiên Thần Micael cầm chân “Kẻ gian Tà” (B, Rigaux, Saint Paul. Les épîtres aux Thessaloniens, 274-279).

Chúng ta phải công nhận đây là một bí ẩn chưa giải quyết được. Mọi cố gắng cá biệt hóa đều chỉ có tính cách ước đoán mà không có gì chắc chắn. Thật ra văn bản chương hai thư thứ II gửi tín hữu Thêxalônica không cung cấp cho chúng ta yếu tố nào khác giúp xác định xem “cái cầm chân” hay “người cầm chân” “Kẻ Gian Tà” ấy là gì hay là ai. Nếu được phép đưa ra một nhận xét hướng dẫn, chúng ta có thể dựa trên tư tưởng kinh thánh cổ điển hơn để nói rằng quyền năng của Thiên Chúa chế ngự được sự dữ và ma quỷ. Nhưng đây cũng lại chỉ là một kiểu giải thích. Tuy nhiên sự kiện không hiểu được bí ẩn ấy không cản ngăn chúng ta hiểu tư tưởng chung của tác giả. Đó là biến cố tín hữu chối bỏ Thiên Chúa và biến cố “Kẻ Gian Tà” đến sẽ xảy ra trước biến cố Chúa Kitô quang lâm. Nhưng cho tới lúc đó thì chưa có gì xảy ra cả. Dù vậy tác giả vẫn khuyên tín hữu như sau: Tuy các dấu chỉ báo trước ngày thế mạt chưa lộ hiện, nhưng phải tiếp tục sống trong thái độ đợi chờ ngày Chúa đến, ngày mà không ai biết khi nào sẽ xảy ra (Cf. Mc 13,28-37; 1 Ts 5,1-11).

Tóm lại, dù có gì xảy ra đi nữa, Kitô hữu vẫn có thể lạc quan tin tưởng nơi con người, bởi vì con người có thể chiến đấu chống lại ma quỷ và bóng tối sự dữ bủa vây nó tứ bề. Nói cách khác, tác giả khẳng định với chúng ta rằng: loài người có thể gạt bỏ hoạt động tàn phá của sự dữ và cái chết. Loài người có



thể dựng chiến lũy để cầm chân, để ngăn chặn sự dữ và cái chết. Loài người có thể chống trả lại ma quỷ và chiến thắng được chúng.

## ĐỀ TÀI 41

### CÁC DẤU CHỈ BÁO TRƯỚC NGÀY THẾ MẠT

Chương 2 thư thứ II gửi tín hữu Thêxalônica là một văn bản khái huyền vên mở cho thấy các dấu chỉ báo trước ngày thế mạt. Trước hết là sự hiện diện và hoạt động của "mâu nhiệm của sự Gian Tà", tức các lực lượng ma quái của sự dữ chống lại chương trình cứu độ của Thiên Chúa. Tiếp đến là "cái gì" hay "ai đó" cản ngăn sức tung hoành của tên phản Kitô trong lòng thế giới. Mặc dầu giới chú giải kinh thánh đưa ra nhiều giả thuyết, cho tới nay người ta không biết được yếu tố khiến cho "Kẻ Gian Tà" chậm xuất hiện và tác oai tác quái đó là gì hay là ai. Người thì cho rằng đó là đế quốc và hoàng đế Roma có công bình định thế giới nên cản ngăn các cuộc nổi loạn khởi nghĩa và chiến tranh là hai dấu chỉ của ngày tận thế. Vị khác nghĩ rằng đó chính là lời rao giảng Tin Mừng và thánh Phaolô. Có vị khác nữa thì cho rằng đó chính là hoạt động của Chúa Thánh Thần hay của Tổng lãnh thiên thần Mikael.

Qua những khẳng định trên đây soạn giả đặt đề tín hữu trước một thực tại vô cùng nghiêm trọng: đó là sự dữ hiện diện và hoạt động trong tâm lòng con người cũng như trong các guồng máy và lực lượng xã hội gian ác tung hoành trong dòng lịch sử và giữa lòng thế giới. Dù muốn dù không, mọi người đều phải đối diện với sự dữ trong cuộc sống trên trần gian này. Tuy nhiên, con người có thể hoạt động chống lại sự dữ và ngăn cản nó, chống lại cái chết, chống lại ma quỷ và chiến thắng chúng. Tuy nhiên đây mới chỉ là những biến cố xảy ra trong hiện tại. Trước khi Chúa Kitô quang lâm sẽ còn có các dấu chỉ khác báo trước: đó là sự kiện các tín hữu khước từ Thiên Chúa, chối đạo và sức đánh phá tung hoành của Tên Phản Kitô.

Bắt đầu từ sách Daniel, được biên soạn ra hồi thế kỷ thứ II trước công nguyên, người ta tin rằng trong số các dấu hiệu báo trước ngày thế mạt có biến cố các tín hữu phản bội lòng tin. Đây là điều dễ hiểu, nếu chúng ta tham chiếu lịch sử do thái thời đó. Hồi năm 175 trước công nguyên vua Antioco Epifane IV thuộc dòng họ Seleucide phát động chiến dịch hy lạp hóa đất Palestin, bằng cách áp đặt nền văn hóa và tôn giáo hy lạp trên cuộc sống của người do thái. Rất nhiều người do thái trong đó có giới thượng lưu đã nhượng bộ, chối bỏ lòng tin vào Giêvê Thiên Chúa để tôn thờ các thần hy lạp. Phong trào chối đạo lan tràn trong dân do thái. Những tín hữu do thái nào không chịu bỏ đạo và chấp nhận cúng tế các thần hy lạp theo lệnh của vua Antioco IV đều bị sát hại. Đây cũng là thời kỳ do thái giáo bị bách hại tàn khốc chưa từng thấy trong dòng lịch sử. Cao trào kháng chiến chống ngoại xâm của anh em nhà Macabê đã nảy sinh trong thời gian này. Sách Daniel đã được biên soạn ra trong thời điểm này của lịch sử nhằm mục đích kêu gọi tín hữu do thái kiên trì giữ vững lòng tin vào Giêvê Thiên Chúa, đừng lùi bước trước các bắt bớ, khổ đau và cái chết. Sách Daniel thuộc loại văn chương của thời kỳ khủng hoảng lòng tin. Vì thế nên kể từ đó chối bỏ lòng tin trở thành một "topos", nghĩa là một yếu tố xác định đặc trưng của các thị kiến khái huyền.

Sự kiện các tín hữu khước từ lòng tin, bỏ Chúa để chạy theo tôn thờ các thần linh giả tạo khác đi sóng đôi với sự xuất hiện của "Kẻ Gian Tà", của "Kẻ bị hư mất", của "Tên Thù Địch", của "Tên Hồn Xược" chống lại tất cả những gì liên quan tới Thiên Chúa và nhắc nhớ tới Thiên Chúa. Hấn tiếm đoạt địa vị của

Thiên Chúa và bắt mọi người phải tôn thờ hắn. Hắn vào ngự trong đền thờ của Thiên Chúa và tuyên xưng mình là Thiên Chúa. Tất cả các kiểu nói trên đây cho chúng ta thấy căn cước của một nhân vật phù hợp với các miêu tả của nền văn chương Khải huyền. Nó biểu tượng cho cái nòng cốt của sự dữ, và là sức mạnh chống lại mọi tôn giáo. Nó kiêu căng ngạo mạn chiếm chỗ của Thiên Chúa và tự phong mình là Thiên Chúa. Nhìn vào lịch sử do thái chúng ta nhận ra ngay nhân vật đó là ai. Đó là bạo chúa Antioco IV, một kẻ mắc chứng cuồng vinh cho rằng mình là hiện thân trên trần gian này của thần Zeus là thần Mặt trời trong thần thoại Hy Lạp. Ông làm cho đền thánh Giêrusalem trở thành ô uế bằng cách cho đặt tượng thần Zeus trong đền thờ và cất đặt các dịch vụ cúng bái thần Zeus, là thần của các thần Hy Lạp. Tuy nhiên, các hình ảnh biểu tượng của nền văn chương Khải huyền còn ám chỉ tất cả mọi thực tại tương tự trong dòng lịch sử do thái cũng như trong dòng lịch sử nhân loại. Nó diễn tả mọi quyền lực chính trị kinh tế và ý thức hệ trần gian tự nâng mình lên địa vị của tôn giáo, chễm chệ ngồi trên ngai và bắt buộc dân chúng tôn thờ như thần linh. Và lịch sử thế giới cổ kim đều chứng minh cho chúng ta thấy các hậu quả tàn khốc của thái độ kiêu căng ngạo mạn bệnh hoạn này của các bạo chúa. Biết bao thế hệ tín hữu đã bị sát hại vì cương quyết không phục bái lạy thờ các quyền lực chính trị tự tôn mình lên hàng tôn giáo ấy. Tên Phán Kitô được thánh Gioan nói tới trong thư thứ nhất chương 2,18.22 và thư thứ hai câu 7, không xuất hiện ở đây, nhưng nó cũng là một yếu tố của quang cảnh báo trước ngày thế mạt. Tuy từ ngữ có thay đổi, nhưng chúng đều ám chỉ biến cố các lực lượng sự dữ ồ ạt tấn công trong giờ sau hết của lịch sử thế giới và lịch sử nhân loại. Trong cuộc chiến thế thâm cuối cùng đó không thể vắng bóng Tên Phán Kitô. Nó sẽ hoạt động với quyền năng của Satan. Nó sẽ làm các phép lạ và công việc kỳ diệu để quyến rũ loài người và dẫn đưa loài người bước vào con đường của sự hư mất. Và nó sẽ thành công trong mưu toan ác độc đó, nhưng nó sẽ chỉ thành công với những ai đã khước từ chấp nhận sự thật, nghĩa là mạc Khải của Thiên Chúa về Đức Kitô.

Tới đây tác giả thư thứ II gửi tín hữu Thêxalônica khai triển suy tư về thái độ không tin, các lý do và hậu quả của nó. Ngoài thái độ khước từ, văn bản còn nói tới thái độ ưa thích đối trá. Các kẻ bỏ đạo, các kẻ khước từ Thiên Chúa và chối bỏ lòng tin của mình cũng là những kẻ yêu thích điều trái nghịch với Tin Mừng, tức là sự đối trá. Và họ khép kín tâm lòng với Lời Chúa Kitô, Đấng là Đường là Sự Thật và là Sự Sống. Sở dĩ sự quyến rũ của Tên Phán Kitô thành công, là vì có sự đồng lõa nội tại của các tín hữu liên hệ. Và thế là mọi sự đều dẫn họ tới sự hư mất. Tệ hơn nữa tác giả còn dùng kiểu nói nhân hình, để khẳng định rằng chính Thiên Chúa gửi tới cho họ một luồng ảnh hưởng của sai lầm, để cho họ tin vào sự đối trá. Đây là một kiểu diễn tả trong tư tưởng cổ điển của truyền thống Kinh Thánh. Tư tưởng cổ điển này của truyền thống kinh thánh không phân biệt giữa muốn sự dữ và cho phép sự dữ xảy ra. Vì không muốn chấp nhận thuyết nhị nguyên, nghĩa là không chấp nhận nguyên lý sự dữ hoạt động đối đầu với Thiên Chúa và ngang hàng với Ngài, các soạn giả kinh thánh gán mọi sự cho ý muốn tối thượng và hoạt động toàn năng của Thiên Chúa, kể cả các quyến rũ xấu xa của sự dữ. Xem ra nó là điều trái nghịch, nhưng kiểu diễn tả này là một cách tuyên xưng lòng tin vào quyền tối thượng của Thiên Chúa. Các soạn giả kinh thánh muốn nói rằng không có gì trong cuộc sống con người mà không tùy thuộc vào quyền năng của Thiên Chúa, kể cả các hoạt động và ảnh hưởng của sự dữ cũng do Thiên Chúa kiểm soát và chế ngự. Ở đây tác giả muốn nói rằng thái độ khước từ sự thật của con người có cái luận lý nội tại của nó. Khi không muốn chấp nhận sự thật và sống theo sự thật, là con người chạy theo đối trá gian tà và càng ngày càng lún sâu vào vòng kiểm tỏa của đối trá gian tà, đến độ không còn khả năng phân biệt lành dữ, thiện ác nữa. Khi đóng kín tâm lòng với Lời Chúa Kitô, khi khước từ ánh sáng sự thật thiên linh Chúa Kitô công hiến qua Tin Mừng của Ngài, con người nhào sâu xuống hố tối tăm của đối trá và diệt vong. Trao phó hồn xác mình vào vòng tay các lực lượng sự dữ và để cho chúng lèo lái chỉ huy có nghĩa là vượt thoát ra khỏi sự hướng dẫn của Thiên Chúa, Đấng đưa con người tới tình yêu thương qua con đường sự thật. Qua đó tác giả nêu bật trách nhiệm của mỗi một người đối với ơn cứu độ hay sự hư mất của chính mình. Lực lượng sự dữ ngoại tại chỉ có thể hãm hại con người và dẫn đưa con người tới sự hư mất, khi nó tìm thấy trong tâm lòng con người thái độ đồng lõa, ước muốn và ưa thích được nó hướng dẫn.

Thế Tên Phản Kitô đó là gì hay là ai vậy? Nó là một nhân vật cá biệt hay là một tập thể, một phong trào hay một cá nhân? Văn chương Khải Huyền Tân Ước đã coi nó như là một gương mặt đối đầu với Chúa Kitô. Nó là một thực tại linh động được nhân cách hóa và biểu tượng cho các lực lượng đối nghịch với Tin Mừng của Chúa Giêsu, chiến đấu để đem thắng lợi về cho sự dữ. Ở đây tưởng cũng nên nhắc lại rằng trong tư tưởng kinh thánh lịch sử là một bãi chiến trường, nơi các lực lượng sự thiện và lực lượng sự dữ giao đấu ác liệt. Ngày tận thế mới là giây phút định đoạt của cuộc chiến đó. Và trận đánh cuối cùng sẽ vô cùng tàn khốc định đoạt cho cả hai bên. Sẽ không thiếu các nạn nhân phải ngã gục trong trận chiến này, trong đó có rất nhiều tín hữu trung kiên của Chúa Giêsu. Trong dòng lịch sử thế giới hoạt động cứu độ của Chúa Kitô không chỉ gặp các chống đối và khó khăn, mà còn gặp nhiều lực lượng liên minh quyết tâm đánh phá nữa. Sự dữ không chỉ hiện diện chung quanh, mà còn ở ngay trong tâm lòng con người nữa. Mỗi một người là một bãi chiến. Do đó biết sáng suốt lựa chọn phải kiên trung chiến đấu bên nào là điều vô cùng quan trọng, vì nó liên hệ tới vận mệnh tối hậu của từng người là được cứu rỗi hay phải hư mất đời đời. Tuy nhiên viễn tượng Khải Huyền trong văn bản chương hai thư thứ II gửi tín hữu Thêxalônica không kết thúc với sự xuất hiện và hoạt động tàn phá của Tên Phản Kitô, mà kết thúc với chiến thắng của Chúa Giêsu Kitô phục sinh. "Kẻ Gian Tà" sẽ bị lột mặt nạ, và Chúa Kitô sẽ tiêu diệt hẳn với hơi thở từ nơi miệng Ngài. Màn cuối cùng của trận chiến thâm đố là chiến thắng toàn vẹn của Chúa Kitô trên các lực lượng sự dữ và cái chết. Do đó tác giả khuyến khích tín hữu cứ vững tin và đừng lo sợ, bởi vì phần thắng cuối cùng sẽ về tay những người kiên trung sống theo Tin Mừng yêu thương và sự thật của Chúa Giêsu Kitô.

## ĐỀ TÀI 42

### LAO ĐỘNG NHƯ MỘT PHẦN CỦA ƠN GỌI LÀM NGƯỜI

Ngoài đề tài ngày tận thế, thư thứ II gửi tín hữu Thêxalônica còn đề cập tới một vấn đề quan trọng khác có tính cách nội bộ: đó là vấn đề lao động. Trong chương 3, 6-15 tác giả khuyến khích tín hữu trong cộng đoàn biết chăm lo làm việc để có phương tiện sinh sống, chứ đừng "ăn không ngồi rồi", bởi vì thái độ sống đó đẩy đưa họ rơi vào cảnh "nhàn cư vi bất thiện". Nó không chỉ biến họ trở thành những người "ngồi lê mách lẻo", gây hoang mang rối loạn trong cộng đoàn, mà còn khiến cho họ trở thành gánh nặng cho các anh chị em khác, vì họ như loài ký sinh trùng, ăn bám người khác, sống trên mồ hôi và công việc lao nhọc của kẻ khác.

Chúng ta không thể giải thích được lý do khiến cho lá thư thứ II sắp kết thúc với các lời chào ở đầu chương ba, lại bắt sang đề tài "nhàn cư vi bất thiện" của một số tín hữu trong cộng đoàn. Có điều chắc chắn đó là văn bản này là văn bản duy nhất trong toàn Tân Ước trình bày về vấn đề lao động chân tay. Lời khuyên nhủ Kitô hữu hãy biết làm việc để mưu sinh mang một ý nghĩa vô cùng quan trọng. Đặc biệt bởi vì trong bối cảnh xã hội hy lạp-roma thời đó, các công dân tự do khinh rẻ việc lao động nặng nhọc. Người ta quan niệm rằng công việc tay chân là công việc của hàng nô lệ và lớp con ăn đầy tớ. Khi khuyến khích Kitô hữu làm việc tay chân, là tác giả cách mạng một tâm thức và quan niệm sai lầm của xã hội thời bấy giờ. Giáo huấn này đi ngược dòng đời và vạch ra một hướng đi nhân chủng mới mẻ. Tâm thức chung của xã hội hy lạp bấy giờ chỉ coi một người là đã hiện thực được cuộc sống của mình, khi họ bước vào khung cảnh của chiều kích tinh thần. Do đó công việc tay chân, những sinh hoạt liên hệ tới vật chất đâu có giá trị gì đáng kể, đáng cho con người để tâm. Nhưng đây không phải là quan niệm mà Kitô giáo thừa hưởng được từ Do thái giáo.

Trong truyền thống do thái, con người là một sinh vật nhập thể và nhập thể. Trình thuật tạo dựng như ghi trong hai chương đầu sách Sáng Thế cho thấy Thiên Chúa trao cho con người nhiệm vụ giữ vườn Eden và canh tác đất đai. Như thế lao động, làm việc, canh tác cũng là một phần của ơn gọi làm người. Con người lao động không phải là một con người thấp kém. Trái lại, lao động giúp con người hiện thực trọn vẹn ơn gọi làm người của mình, vì cho phép con người tham dự vào sinh hoạt tạo dựng, sắp đặt và biến đổi thế giới. Lao động giúp con người trở thành giống Thiên Chúa là Đấng luôn luôn làm việc, như Chúa Giêsu khẳng định trong Phúc Âm thánh Gioan. Điều quan trọng, như vậy, là phải giữ gìn làm sao để các tương quan giữa con người và vũ trụ cũng như với các thụ tạo khác không bị tha hóa đi. Vì thế có thấp kém và lệch lạc chẳng là kiểu cách làm việc và tổ chức hay dùng công việc làm của con người trong tương quan với tha nhân và trong tương quan giới vũ trụ thiên nhiên. Lao động là vinh quang, vì nó giúp con người hiện thực ơn gọi làm người của mình. Nhưng nó sẽ không còn là vinh quang nữa, khi con người dùng lao động như phương thế để khai thác bóc lột, hành khổ và trừng phạt nhau. Lao động sẽ không là vinh quang nữa, khi nó tha hóa con người, khi nó biến con người trở thành loài trâu ngựa, phục dịch các kẻ cầm quyền gian ác. Nó cũng không là vinh quang nữa, khi nó biến con người trở thành nô lệ cho chính mình và các ham muốn vơ vét chiếm đoạt của cải của mình. Nó không là vinh quang nữa, khi con người coi nó là tất cả mục đích đời mình và chỉ còn cắm đầu cắm cổ hùng hục làm việc như cái máy vô hồn, đến quên mọi nhu cầu tâm linh, đến quên tình quên nghĩa, quên vợ quên con, quên bạn bè thân thuộc. Lao động sẽ không là vinh quang nữa, nếu vì lòng tham vô đáy, con người khai thác các tài nguyên thiên nhiên một cách vô chừng mực, bừa bãi, thiếu trách nhiệm, khiến cho môi sinh hư hoại và để lại cho các thế hệ tới sau một môi trường bị ô nhiễm và hủy hoại.

Trên bình diện hình thái văn chương văn bản dùng thể sai khiến: "Hỡi anh chị em, chúng tôi viết cho anh chị em nhân danh Chúa Giêsu Kitô là Chúa chúng ta", "Thật thế, đây là lệnh chúng tôi truyền cho anh chị em", "Chúng tôi truyền cho các người "ăn không ngồi rồi" ấy và chúng tôi tha thiết van nài họ nhân danh Chúa Giêsu Kitô". Các kiểu nói này đều diễn tả một lời nói đầy quyền bính, của một người ý thức được rằng mình đang nói lên ý muốn đòi hỏi của Chúa Kitô hiện diện trong Giáo Hội như là Đấng nắm giữ quyền bính tối thượng. Tác giả nói "nhân danh Chúa Giêsu Kitô" và "trong Chúa Giêsu Kitô". Tín hữu trong cộng đoàn, đặc biệt những người sống ơn lười, là những người được khuyến khích.

Tình trạng sống bê bối của các tín hữu này được miêu tả trong câu 11. Có một số kitô hữu sống mà không làm gì cả, trái lại còn xía mũi vào mọi chuyện của người khác. Đã lười biếng không làm việc để tự nuôi thân, họ lại còn hăng hái một cách trống rỗng, vô lối và không đâu, suốt ngày chỉ "ngồi lê mách lẻo", chuyện gì cũng xía vào, cái gì cũng cho là mình thông biết, chuyện gì cũng đòi can thiệp, làm như mình là cái "ông trời con". Và thái độ sống bôn chôn như con lòng tong ấy của họ gây xáo trộn, hoang mang và ảnh hưởng xấu trên các tín hữu cộng đoàn. Do đó tác giả yêu cầu họ hãy sống an bình và để cho người khác được an bình. Dĩ nhiên, ở đây phải ghi nhận rằng chính quan niệm và xác tín ngày Chúa Kitô sắp quang lâm và thời tận thế gần kề đã khiến cho các tín hữu nói trên có thái độ sống bôn chôn, đến xáo trộn này, chứ đây không phải chỉ là hiện tượng của một cuộc sống lười biếng thuần túy hay thái độ ký sinh trùng ăn bám cộng đoàn mà thôi. Chính vì xác tín rằng ngày tận thế sắp đến, nên các tín hữu này mới bỏ bê mọi công ăn việc làm, suốt ngày lê la hết nơi này sang nơi khác để bàn tán xôn xao, đưa ra phỏng đoán này, ý nghĩ nọ, khiến cho các tín hữu khác cũng bôn chôn và bầu khí cộng đoàn trở nên sôi động.

Biện pháp đầu tiên được tác giả đề nghị với cộng đoàn ở đây là không được thụ động chứng kiến hiện tượng bệnh hoạn này, trái lại phải nắm vai chủ động, bằng cách cô lập hóa các tín hữu kể trên, xa lánh họ, không cho họ có dịp phổ biến các ý kiến sai lầm của họ, không để cho họ gây ảnh hưởng xấu trên cộng đoàn và phổ biến kiểu sống gây gương mù gương xấu ấy. Thứ hai, tác giả nhắc cho tín hữu nhớ

rằng các anh chị em gây rối loạn trong cộng đoàn như thế sống ngược lại các giáo huấn mà thánh Phaolô đã để lại cho các tín hữu. Và thứ ba, tác giả nêu bật gương sống của thánh Phaolô và khuyến khích tín hữu noi theo kiểu sống đó của thánh nhân và các cộng sự viên truyền giáo của ngài. Trong chương 9 thư thứ I gửi tín hữu Côrintô, thánh Phaolô nói rõ cho tín hữu biết rằng cho dù có quyền đòi hỏi họ phải chu cấp cho các nhu cầu vật chất của mình và các thừa sai, vì đó là thói quen mà dân chúng hồi đó thường làm đối với các vị thầy giảng dạy giáo thuyết cho họ, thánh nhân và các thừa sai cộng sự viên đã không làm như thế. Trái lại các vị đã cố gắng tự lực mưu sinh qua nghề đan lều. Nghĩa là ngoài thời giờ dùng để giảng dạy, khuyên nhủ tín hữu và tổ chức giáo đoàn, các vị đã phải thức khuya dậy sớm, nai lưng làm việc phụ trội, để có tiền trang trải các chi phí thường ngày, kể cả tiền thuê các nơi hội họp để rao giảng Tin Mừng. Và nhất là để không trở thành gánh nặng tài chánh cho các tín hữu, và không phải nhờ vả ai. Vì rất thường khi sự lệ thuộc tài chánh cũng điều kiện hóa và cản trở các thừa sai không được hoàn toàn tự do loan báo Tin Mừng của Chúa. Kiểu sống đó của thánh Phaolô đã trở thành mẫu gương và là một giáo huấn rất uy tín đối với kitô hữu hồi cuối thế kỷ thứ I. Sự kiện tham chiếu gương sống trong quá khứ của thánh Phaolô minh chứng cho thấy thể hệ của tác giả thư thứ II gửi tín hữu Thêxalônica xem ra đã là thể hệ hậu sinh.

Không kể các lý do nhân chủng, tâm lý và thần học trên đây, nguyên tắc mà tác giả đưa ra ở đây có giá trị ở khắp mọi nơi và trong mọi lúc: "Ai không làm việc thì cũng đừng ăn". Tiếp đến tác giả trực tiếp kêu gọi những tín hữu lười biếng: "Chúng tôi truyền cho các anh chị em này và tha thiết nài van họ nhân danh Chúa Giêsu Kitô, hãy ăn cơm bánh mà họ kiếm ra qua việc làm trong an bình". Nghĩa là mỗi người hãy làm việc để mưu sinh, chứ đừng ngồi lê mách lẻo, gây rối loạn trong cộng đoàn và ăn bám kẻ khác.

Trong phần cuối tác giả khuyến khích tín hữu không ngừng làm việc thiện. Ở đây trong bối cảnh của cộng đoàn Thêxalônica có nghĩa là làm việc lành cho tha nhân. Rồi hình như sợ rằng các biện pháp đề nghị trên đây không có kết quả, ông nói tới một số biện pháp kỷ luật mạnh, cần phải triệt để áp dụng trong nội bộ cộng đoàn, mà không được ngần ngại lùi bước. Dĩ nhiên ở đây không thể nói rằng tác giả áp dụng luật ra vạ tuyệt thông cho các tín hữu không thực tâm hoán cải. Nhưng cho dù có cô lập hóa họ, hay có phải đưa ra biện pháp mạnh mẽ quyết liệt thế nào đi nữa, cộng đoàn cũng không được quên rằng họ vẫn là các anh chị em cần được cảnh cáo và sửa bảo với tình yêu thương.

## LỜI CẢM TẠ

Kể từ TRANG LIÊN LẠC số 100 (gửi ngày 10.01..2005), chúng tôi đã được Linh Mục Giuse Linh-Tiến-Khải ưu ái gửi đều đặn những bài TÌM HIỂU KINH THÁNH mà Ngài đã công phu nghiên cứu, suy gẫm và sắp xếp thành những mục theo một trình tự giúp cho người đọc tiếp cận dễ dàng với Kinh Thánh qua các thư của Thánh Phaolô Tông Đồ. Khi thực hiện BẢN TIN GIÁO HỘI, từ số 12 gửi ngày 23.02.2007 tới nay, Ngài vẫn hỗ trợ đều đặn việc phổ biến KINH THÁNH, nhất là khi Hội Thánh Công Giáo chuẩn bị công bố NĂM THÁNH PHAOLÔ kéo dài từ 29.06.2008 đến 29.06.2009.

Để Năm Thánh Phaolô đạt được nhiều kết quả, BẢN TIN GIÁO HỘI nghĩ rằng không có gì hay hơn là tìm hiểu CON NGƯỜI - SỨ VỤ - THẦN HỌC của Thánh Tông Đồ qua các thư của Ngài. Vì thế, với sự cho phép của tác giả, BTGH gom các đề tài lại thành nhiều tập, mà khởi đầu là Tập I (Con Người & Sứ Vụ) và phần đầu Tập II (Thư I & II gửi tín hữu Thêxalônica).

Vì cần cho nghiên cứu, suy gẫm, cho nên BTGH dùng hình thức photo, hình thức bởi thế không được như ý, mong khi hoàn tất (khoảng 300 đề tài), sách sẽ được in sáng sửa hơn kính gửi tới người đọc. Tập photo này là MỘT MÓN QUÀ do BTGH kính tặng Quý Cha, Quý Tu Sĩ và Quý Vị có nhu cầu và đã báo cho biết danh tính và cũng là QUÀ TẶNG của tác giả gửi các anh em CVK.

Xin Tình Yêu Chúa Kitô, nhờ lời cầu thay nguyện giúp của Thánh Phaolô Tông Đồ, cho chúng ta LÒNG SAY MÊ HỌC HỎI – SUY GẪM và THỰC THI LỜI CHÚA.

Trong Chúa Kitô và để sáng Danh Thiên Chúa.  
Bản Tin Giáo Hội Lễ Kính Thánh Cả Giuse 2008